

HIỆP HỘI CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG VIỆT NAM  
TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC



**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ NGOÀI  
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO  
NGÀNH GIÁO DỤC THỂ CHẤT  
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**

**(Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng  
chương trình đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo)**






**(Tài liệu lưu hành nội bộ)**

**Hà Nội, tháng 12 năm 2021**

*Báo cáo đánh giá ngoài Chương trình đào tạo ngành Giáo dục Thể chất trình độ đại học, Trường Đại học Vinh – Bộ Giáo dục và Đào tạo được các chuyên gia Đoàn đánh giá ngoài của Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Hiệp hội Các trường đại học, cao đẳng Việt Nam biên soạn và cùng thống nhất về các nội dung trong báo cáo. Đây là kết quả đánh giá ngoài Chương trình đào tạo của Nhà Trường do Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài độc lập thực hiện với nguyên tắc "công bằng, công tâm và chuyên nghiệp"; các nhận định trong báo cáo đều dựa trên các minh chứng do Nhà trường cung cấp và các thông tin thu thập qua quan sát, tham quan và phỏng vấn các đối tượng liên quan.*

©Bản quyền và sở hữu thuộc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Hiệp hội Các trường đại học, cao đẳng Việt Nam. Mọi thông tin trong Báo cáo đánh giá ngoài được bảo vệ theo quy định của pháp luật. Nghiêm cấm mọi hình thức sao chép, công bố bất cứ nội dung nào của Báo cáo này trái với các quy định liên quan trong pháp luật hiện hành.

**DANH SÁCH  
CÁC THÀNH VIÊN ĐOÀN ĐÁNH GIÁ NGOÀI**

TT	Họ và tên	Chức vụ/ Cơ quan công tác	Nhiệm vụ được giao	Chữ ký
1	GS.TSKH. Bành Tiến Long	Ủy viên HĐCSKH&CNQG; Ủy viên HĐ GSNN	Trưởng đoàn	
2	TS. Nguyễn Thị Tuyết	Kiểm định viên, Trung tâm KĐCLGD-Hiệp hội CTĐH, CĐVN	Thành viên Thường trực	
3	PGS.TS. Nguyễn Văn Uyên	TP CNCL Trung tâm KĐCLGD-Hiệp hội CTĐH, CĐVN	Thư ký	
4	PGS.TS. Phạm Văn Quyết	Giảng viên Cao cấp Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - ĐHQGHN	Thành viên	
5	TS. Tô Thị Thu Hương	Nguyên Trưởng phòng KĐCLGD, Viện ĐBCLGD - ĐHQGHN	Thành viên	

*Danh sách gồm 05 người./.*

**MỤC LỤC**

<b>DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT.....</b>	<b>5</b>
<b>Phần I. TỔNG QUAN.....</b>	<b>8</b>
1. Giới thiệu chung.....	8
II. Tóm tắt quá trình đánh giá ngoài.....	9
III. Tóm tắt kết quả đánh giá ngoài.....	11
1. Tóm tắt những điểm mạnh cơ bản của chương trình đào tạo.....	11
2. Tóm tắt những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng của chương trình đào tạo.....	29
3. Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá và đánh giá ngoài.....	47
<b>Phần II. ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ.....</b>	<b>49</b>
TIÊU CHUẨN 1: MỤC TIÊU VÀ CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	49
TIÊU CHUẨN 2: BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	60
TIÊU CHUẨN 3: CẤU TRÚC VÀ NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC.....	69
TIÊU CHUẨN 4: PHƯƠNG PHÁP TIẾP CẬN TRONG DẠY VÀ HỌC.....	82
TIÊU CHUẨN 5: ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP CỦA NGƯỜI HỌC.....	93
TIÊU CHUẨN 6: ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN, NGHIÊN CỨU VIÊN.....	107
TIÊU CHUẨN 7: ĐỘI NGŨ NHÂN VIÊN.....	125
TIÊU CHUẨN 8: NGƯỜI HỌC VÀ HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ NGƯỜI HỌC.....	137
TIÊU CHUẨN 9: CƠ SỞ VẬT CHẤT VÀ TRANG THIẾT BỊ.....	158
TIÊU CHUẨN 10: NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG.....	180
TIÊU CHUẨN 11: KẾT QUẢ ĐẦU RA.....	198
<b>Phần III. PHỤ LỤC.....</b>	<b>213</b>
<b>Phụ lục 1.....</b>	<b>213</b>
<b>Phụ lục 2.....</b>	<b>215</b>
<b>Phụ lục 3.....</b>	<b>218</b>
<b>Phụ lục 4.....</b>	<b>222</b>
<b>Phụ lục 5.....</b>	<b>229</b>
<b>Phụ lục 6.....</b>	<b>231</b>

**DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT**

<b>STT</b>	<b>Từ viết tắt</b>	<b>Cụm từ đầy đủ</b>
1.	CB	Cán bộ
2.	CBQL	Cán bộ quản lý
3.	CCVC	Công chức viên chức
4.	CGCN	Chuyên gia công nghệ
5.	CBGV	Cán bộ giảng viên
6.	CĐR	Chuẩn đầu ra
7.	CNTT	Công nghệ thông tin
8.	CTDH	Chương trình dạy học
9.	CTĐT	Chương trình đào tạo
10.	CSDL	Cơ sở dữ liệu
11.	CSVC	Cơ sở vật chất
12.	CVHT	Cố vấn học tập
13.	ĐCCTHP	Đề cương chi tiết học phần
14.	ĐH	Đại học
15.	ĐBCLGD	Đảm bảo chất lượng giáo dục
16.	ĐGN	Đánh giá ngoài
17.	GD&ĐT	Giáo dục và Đào tạo

18.	GDTC	Giáo dục thể chất
19.	GDDH	Giáo dục đại học
20.	GS	Giáo sư
21.	GV	Giảng viên
22.	HĐT	Hội đồng Trường
23.	HTQT	Hợp tác quốc tế
24.	HP	Học phần
25.	ISI	Institute for Scientific Information
26.	KĐCLGD	Kiểm định chất lượng giáo dục
27.	KHCN	Khoa học và công nghệ
28.	KH&ĐT	Khoa học & Đào tạo
29.	NCKH	Nghiên cứu khoa học
30.	NCV	Nghiên cứu viên
31.	NH	Người học
32.	NV	Nhân viên
33.	PCCC	Phòng cháy chữa cháy
34.	PGS	Phó Giáo sư
35.	PVCD	Phục vụ cộng đồng

36.	QĐ	Quyết định
37.	QLĐT	Quản lý đào tạo
38.	SPLS	Su phạm Lịch sử
39.	SPTA	Su phạm Tiếng Anh
40.	SV	Sinh viên
41.	SVTN	Sinh viên tốt nghiệp
42.	TC	Tín chỉ
43.	TCVN	Tiêu chuẩn Việt Nam
44.	TCNH	Tài chính-Ngân hàng
45.	TDTT	Thể dục thể thao
46.	TĐG	Tự đánh giá
47.	THPT	Trung học phổ thông
48.	TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
49.	VLVH	Vừa làm vừa học
50.	UBND	Ủy ban nhân dân

## **Phần I. TỔNG QUAN**

### **1. Giới thiệu chung**

Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài (sau đây gọi là Đoàn) CTĐT Ngành Giáo dục Thể chất trình độ đại học - Trường Đại học Vinh (sau đây gọi là Nhà trường) được thành lập theo Quyết định số 262/QĐ-KĐCLGD ngày 04 tháng 12 năm 2021 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Hiệp hội Các trường đại học và cao đẳng Việt Nam (sau đây gọi là Trung tâm). Đoàn có 5 chuyên gia đánh giá ngoài (ĐGN), cùng đi có 02 cán bộ làm giám sát.

Bản Báo cáo ĐGN này trình bày quá trình triển khai đánh giá ngoài, công cụ và phương pháp đánh giá, các kết quả đạt được và những khuyến nghị đối với Nhà trường và Khoa. Kèm theo Báo cáo ĐGN là các Phụ lục bao gồm: Phụ lục 1 là phần giới thiệu tóm tắt về Nhà trường, đơn vị thực hiện CTĐT và CTĐT được đánh giá; Phụ lục 2 là phần tóm tắt kết quả tự đánh giá CTĐT của Nhà trường; Phụ lục 3 là Quyết định thành lập Đoàn ĐGN và danh sách các thành viên; Phụ lục 4 là lịch trình đánh giá ngoài; Phụ lục 5 là công văn phản hồi của Nhà trường về Báo cáo đánh giá ngoài CTĐT; Phụ lục 6 là văn bản của Đoàn gửi Nhà trường về việc tiếp thu hoặc bảo lưu ý kiến của Đoàn ĐGN căn cứ vào phản hồi của Nhà trường.

Các nhận định, kết luận và đánh giá trong Báo cáo này căn cứ trên các thông tin, minh chứng và dữ liệu do Nhà trường cung cấp tính đến thời điểm ngày 30 tháng 11 năm 2021. Báo cáo ĐGN ghi nhận kết quả đánh giá của Đoàn ĐGN thông qua các hoạt động của Nhà trường trong giai đoạn năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020-2021.

### **II. Tóm tắt quá trình đánh giá ngoài**

Công cụ đánh giá mà Đoàn ĐGN của Trung tâm sử dụng là Các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục đại học (sau đây viết tắt là ĐGCLCTĐT) được Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) quy định tại



Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016. Mức đánh giá cho mỗi tiêu chí theo thang 7 mức.

Các phương pháp đánh giá Đoàn ĐGN sử dụng bao gồm:

(i) Nghiên cứu sâu Hồ sơ tự đánh giá (TĐG) do Nhà trường cung cấp, đối chiếu với các yêu cầu trong từng tiêu chí của các tiêu chuẩn ĐGCLCTĐT để xác định những vấn đề cần kiểm tra và làm rõ trong đợt khảo sát sơ bộ và khảo sát chính thức; (ii) Nghiên cứu, kiểm tra hồ sơ, minh chứng lưu trữ tại Nhà trường để đánh giá độ tin cậy và tính xác thực của các thông tin và minh chứng được cung cấp trong Hồ sơ TĐG của Nhà trường; (iii) Phỏng vấn cá nhân và phỏng vấn nhóm với các đối tượng liên quan; quan sát và tham quan các cơ sở vật chất và khuôn viên của Nhà trường, trang thiết bị học tập, thể dục thể thao và các hoạt động trong Nhà trường để đánh giá thực trạng chất lượng giáo dục của Nhà trường và đưa ra các khuyến nghị phù hợp nhằm cải tiến chất lượng giáo dục CTĐT của Nhà trường.

Đoàn đã triển khai các bước đánh giá ngoài như sau:

(i) Nghiên cứu hồ sơ TĐG: từ ngày 04/12/2021 đến ngày 10/12/2021 Đoàn ĐGN và Trung tâm thống nhất nguyên tắc ĐGN, phương pháp đánh giá, lập kế hoạch ĐGN và phân công trách nhiệm cho từng thành viên của Đoàn ĐGN. Các thành viên của Đoàn ĐGN nghiên cứu hồ sơ TĐG và tổng hợp báo cáo kết quả nghiên cứu Hồ sơ TĐG của Nhà trường. Ngày 11/12/2021, Đoàn ĐGN và Trung tâm họp để thảo luận và thống nhất chung về những vấn đề đã rõ ràng, những vấn đề còn chưa rõ khi nghiên cứu Hồ sơ TĐG đề nghị Nhà trường bổ sung, các cơ sở vật chất Đoàn sẽ tham quan, những đối tượng và thành phần Đoàn sẽ phỏng vấn, công tác hậu cần Nhà trường, Trung tâm và Đoàn ĐGN cần chuẩn bị, nội dung làm việc trong đợt khảo sát sơ bộ và lịch trình khảo sát chính thức;

(ii) Khảo sát sơ bộ: Ngày 13/12/2021 Đoàn ĐGN (bao gồm Trưởng đoàn, Thư ký Đoàn) và Giám đốc Trung tâm KĐCLGD và cán bộ Trung tâm đã tiến

hành khảo sát sơ bộ tại khuôn viên của Nhà trường, Đoàn khảo sát sơ bộ đã làm việc với Chủ tịch Hội đồng TĐG, Lãnh đạo Nhà Trường, các thành viên trong Hội đồng TĐG, đại diện cán bộ lãnh đạo, quản lý các đơn vị trong Trường. Các nội dung làm việc giữa đại diện Đoàn ĐGN, đại diện Trung tâm KĐCLGD và đại diện lãnh đạo Nhà trường trong buổi khảo sát sơ bộ bao gồm: Đoàn thông báo kết quả nghiên cứu của Đoàn đối với Hồ sơ TĐG của Nhà trường; thống nhất về các minh chứng cần bổ sung, số lượng và thành phần của các đối tượng sẽ phỏng vấn, các địa điểm Đoàn sẽ tham quan, công tác hậu cần và lịch trình khảo sát chính thức. Giám đốc Trung tâm, Trưởng Đoàn và Lãnh đạo Nhà trường đã ký biên bản khảo sát sơ bộ.

(iii) Khảo sát chính thức: Từ ngày 18 tháng 12 đến ngày 24 tháng 12 năm 2021, Đoàn ĐGN đã tiến hành khảo sát chính thức tại Nhà trường, với các hoạt động sau đây: Nghe Hiệu trưởng Nhà trường và Hội đồng TĐG giới thiệu tóm tắt về Nhà trường, Khoa và quá trình TĐG; kiểm tra các hồ sơ minh chứng lưu trữ tại Nhà trường; gặp gỡ và phỏng vấn online 57 người, phỏng vấn trực tiếp 32 người, lấy ý kiến khảo sát 18 người gồm các đối tượng liên quan như: Ban Giám hiệu; Lãnh đạo Công đoàn, Đoàn thanh niên, lãnh đạo các phòng chức năng, trung tâm, thư viện; lãnh đạo các khoa trực thuộc Nhà trường, giảng viên, đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ, nhà tuyển dụng, cựu người học, người học; tham quan cơ sở vật chất phục vụ CTĐT của Nhà trường gồm văn phòng khoa/phòng chức năng, một số phòng học, phòng thực hành, thư viện, trạm y tế, sân bãi TĐTT... Đoàn ĐGN đã lấy ngẫu nhiên đề cương chi tiết của 12 học phần trong CTĐT. Đoàn ĐGN đề nghị Thư viện tìm số giáo trình, tài liệu ghi trong các đề cương chi tiết các học phần này. Kết quả thư viện tìm được 40/54 giáo trình và tài liệu tham khảo đã ghi trong 12 đề cương chi tiết các học phần này.. Đoàn ĐGN đã khảo sát trực tiếp bằng điện thoại tình hình việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp từ năm 2018 đến năm 2020 với số lượng 73 người, trong đó có 15 sinh viên tốt nghiệp trả lời. Trong số 15 người trả lời, có 15 người có việc làm với mức lương trung bình 6,2

triệu đồng/tháng. Hàng ngày vào cuối buổi chiều, Đoàn ĐGN làm việc riêng để thảo luận về các thông tin thu thập được, thống nhất chung các nhận định. Đoàn đồng thời dành thời gian để tiếp cán bộ và người học có nhu cầu gặp gỡ trao đổi riêng với Đoàn ĐGN.

(iv) Dự thảo Báo cáo ĐGN: Từ 25/12/2021 đến 28/12/2021 Đoàn ĐGN thảo luận và thống nhất chung về dự thảo Báo cáo ĐGN. Dự thảo Báo cáo ĐGN được toàn bộ thành viên Đoàn ĐGN thông qua. Ngày 28/12/2021 Trung tâm đã gửi công văn số 279/CV-KĐCLGD kèm theo Dự thảo Báo cáo ĐGN đến Nhà trường để lấy ý kiến phản hồi về Dự thảo Báo cáo ĐGN.

(v) Hoàn thiện Báo cáo ĐGN: Trung tâm đã nhận được Công văn số 1538b/ĐHV-ĐBCL đề ngày 29/12/2021 về việc phản hồi dự thảo Báo cáo ĐGN của Nhà trường. Sau khi nhận được ý kiến phản hồi về Dự thảo Báo cáo ĐGN, Đoàn ĐGN đã hoàn thiện Báo cáo ĐGN và nộp cho Trung tâm. Trung tâm đã gửi Công văn số 295/CV-KĐCLGD kèm theo Báo cáo ĐGN đến Nhà trường vào ngày 31/12/2021.

### **III. Tóm tắt kết quả đánh giá ngoài**

#### **1. Tóm tắt những điểm mạnh cơ bản của chương trình đào tạo**

##### **Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

##### **Điểm mạnh cơ bản của Tiêu chuẩn 1:**

Chương trình đào tạo (CTĐT) ngành Giáo dục thể chất (GDTC) được đào tạo tại Trường Đại học (ĐH) Vinh từ năm 1994 theo Quyết định số 3090/QĐ-BGDĐT ngày 27/10/1994 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT). Trong chu kỳ Kiểm định chất lượng giáo dục (KĐCLGD) giai đoạn 2016-2021, CTĐT ngành GDTC có 4 phiên bản: phiên bản năm 2016, phiên bản năm 2017, phiên bản năm 2019 và phiên bản năm 2021. Các phiên bản CTĐT đều có mục tiêu đào tạo.

Mục tiêu đào tạo của CTĐT cử nhân ngành GDTC phiên bản năm 2021 là “Sinh viên tốt nghiệp chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Giáo dục Thể

chất có phẩm chất chính trị, có đạo đức và phong cách nhà giáo; có kiến thức cơ sở khối ngành sư phạm, kiến thức khoa học giáo dục cốt lõi và kiến thức nâng cao; có kỹ năng làm việc nhóm, giao tiếp đa phương thức và giao tiếp bằng ngoại ngữ; có năng lực hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai, vận hành/phát triển/cải tiến các hoạt động dạy học, giáo dục và nghiên cứu khoa học trong bối cảnh hiện đại hoá đất nước và hội nhập quốc tế”.

Mục tiêu chung được cụ thể hóa thành 4 mục tiêu cụ thể: 1) Có kiến thức cơ sở khối ngành sư phạm; kiến thức về khoa học giáo dục cốt lõi; kiến thức nâng cao chuyên ngành; 2) Có năng lực tư duy phân tích, giải quyết vấn đề trong hoạt động Giáo dục thể chất và thực hành khoa học cơ bản; có kỹ năng sử dụng công nghệ; có kỹ năng dạy học và thực hành khoa học cơ bản; có kỹ năng tự học và rèn luyện suốt đời; thể hiện đạo đức, phong cách nhà giáo; 3) Có năng lực hợp tác, làm việc nhóm, có kỹ năng giao tiếp bằng các hình thức khác nhau và giao tiếp bằng ngoại ngữ; 4) Có năng lực hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai, vận hành/phát triển/cải tiến các hoạt động dạy học, giáo dục và nghiên cứu khoa học.

Trường ĐH Vinh xác định Sứ mạng của mình là "Cơ sở giáo dục đại học đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao; là trung tâm đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, nghiên cứu khoa học giáo dục, khoa học cơ bản, ứng dụng và chuyển giao công nghệ hàng đầu của khu vực Bắc Trung bộ và cả nước, luôn hướng tới sự thành đạt của người học"; với Tầm nhìn: "trở thành Đại học Vinh trọng điểm quốc gia, thành viên của Mạng lưới các trường đại học ASEAN". Mục tiêu đào tạo của CTĐT ngành GDTC phù hợp với Sứ mạng và Tầm nhìn của Nhà trường.

Mục tiêu đào tạo của CTĐT ngành GDTC phù hợp với mục tiêu chung của giáo dục đại học quy định tại Luật Giáo dục ĐH (Số 42/VBHN-VPQH ngày 10/12/2018) Mục b Khoản 1 Điều 5: “Đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức; có kiến thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp, năng lực nghiên cứu và phát triển ứng dụng khoa học và công nghệ tương xứng với trình độ đào tạo; có sức khỏe; có khả năng sáng tạo và trách nhiệm nghề nghiệp, thích nghi với môi

trường làm việc; có ý thức phục vụ nhân dân”.

Trong chu kỳ KĐCLGD, Nhà trường đã ban hành chuẩn đầu ra (CĐR) các ngành đào tạo trình độ đại học, trong đó có ngành GDTC. CĐR của CTĐT ban hành năm 2017 được xác định theo 4 nội dung: 1) CĐR về kiến thức và lập luận ngành; 2) CĐR về kỹ năng cá nhân, nghề nghiệp và phẩm chất; 3) CĐR về kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp; 4) CĐR về năng lực hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai và vận hành trong bối cảnh doanh nghiệp và xã hội với 16 CĐR cấp 2. Từ 4 nội dung và 16 CĐR cấp độ 2 này CĐR được chi tiết thành 81 CĐR cấp độ 3. Khi đạt được CĐR này, SV tốt nghiệp có thể đảm nhận các vị trí khác nhau trong lĩnh vực giáo dục như: giảng dạy tại các trường phổ thông, các cơ sở giáo dục và đào tạo; cán bộ nghiên cứu ở các cơ sở nghiên cứu về thể dục thể thao; cán bộ quản lý, huấn luyện và phát triển phong trào thể dục thể thao ở các đơn vị thể dục, thể thao các cấp; hoặc có thể tiếp tục học ở bậc học cao hơn. CĐR ban hành năm 2021 vẫn được xác định với 4 nội dung nhưng số lượng CĐR cấp 2 và cấp 3 có sự thay đổi. Cụ thể là có 9 CĐR cấp 2 và 31 CĐR cấp 3 (13 chuẩn về Kiến thức và lập luận ngành; 8 chuẩn về Kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp; 4 chuẩn về Kỹ năng giao tiếp và hợp tác và 6 chuẩn về Hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai... và nghiên cứu khoa học).

Nhà trường có qui định CĐR về trình độ ngoại ngữ là bậc 3 của khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (tương đương cấp độ B1 khung tham chiếu Châu Âu) (QĐ số 411/QĐ-ĐHV ngày 28/1/2015).

Trong chu kỳ KĐCLGD, Nhà trường đã ban hành 4 Bản mô tả CTĐT, trong đó CĐR ở phiên bản ban hành năm 2019 không thay đổi so với phiên bản năm 2017. CĐR của CTĐT ngành GDTC của Nhà trường được xây dựng và tiếp cận theo CDIO với CĐR có 3 cấp độ từ năm 2017.

Khi rà soát, đổi mới CĐR, Khoa GDTC đã tiến hành khảo sát ý kiến các bên liên quan: CBQL, GV, SV, cựu SV, nhà tuyển dụng lao động về các kết quả mong đợi sau đào tạo dựa trên danh mục hệ thống CĐR và cấu trúc CTĐT. Việc lấy ý

kiến của các bên liên quan được Nhà trường/Khoa triển khai bằng nhiều hình thức như: khảo sát bằng phiếu hỏi, khảo sát online, tọa đàm trao đổi... Ý kiến của các bên liên quan được Khoa GDTC tham khảo để điều chỉnh CDR trong các CTĐT nhằm đáp ứng yêu cầu của các bên liên quan.

Sau khi được thẩm định và ra quyết định ban hành, CDR của CTĐT ngành GDTC được công bố công khai, rộng rãi đến CB, GV, SV, nhà sử dụng lao động bằng các hình thức và phương tiện khác nhau: công khai trên cổng thông tin điện tử của Trường và của Khoa GDTC; công bố trong tài liệu tư vấn tuyển sinh, tờ rơi quảng bá tuyển sinh, cảm nang SV, được phổ biến đến SV trong tuần sinh hoạt công dân đầu khóa học ...

## **Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả chương trình đào tạo**

### **Điểm mạnh cơ bản của Tiêu chuẩn 2:**

Nhà trường đã ban hành bản mô tả CTĐT ngành GDTC vào các năm 2016, năm 2017, năm 2019 và năm 2021. Bản mô tả CTĐT ngành GDTC có đủ các thông tin theo quy định: tên cơ sở giáo dục (CSGD), tên gọi của văn bằng, tên CTĐT, thời gian đào tạo, mục tiêu, CDR của CTĐT, ma trận CDR (thể hiện sự đóng góp của các học phần vào việc đạt CDR), tiêu chí tuyển sinh, cấu trúc CTDH, mô tả học phần, thời điểm điều chỉnh bản mô tả CTĐT...

Bản mô tả CTĐT ban hành năm 2017 có sự điều chỉnh so với bản mô tả CTĐT năm 2016, cụ thể: số tín chỉ của CTĐT giảm từ 132 tín chỉ xuống còn 125 tín chỉ, số học phần (HP) giảm từ 45 xuống còn 36. Bản mô tả CTĐT năm 2021 đã có sự điều chỉnh so với Bản mô tả CTĐT năm 2017: số tín chỉ tăng từ 125 tín chỉ lên 126 tín chỉ; tăng số HP từ 36 lên 38.

CTĐT ngành GDTC ban hành năm 2017 có 36 học phần, trong đó có 35 học phần bắt buộc, 1 HP tự chọn (có 4 tín chỉ) được chọn trong số 6 HP. 100% HP đều có đề cương chi tiết. Mỗi ĐCCTHP đều có đủ các thông tin cần thiết: (1) Thông tin tổng quát; (2) Mô tả học phần; (3) Mục tiêu học phần; (4) CDR và mức độ giảng

dạy đáp ứng; (5) Đánh giá học phần; (6) Nội dung và kế hoạch giảng dạy; (7) nguồn học liệu; (8) Quy định của môn học; (9) Phụ trách môn học. Phương pháp đánh giá học phần được thể hiện trong đề cương bao gồm điểm đánh giá quá trình và điểm thi kết thúc học phần; trọng số của mỗi điểm thành phần. Hình thức đánh giá (chuyên cần, bài kiểm tra thường xuyên; bài tập lớn/thuyết trình; bài thi cuối kỳ) được quy định rõ ràng.

Nhà trường có Thông báo về Kế hoạch rà soát, bổ sung, điều chỉnh CTĐT đại học hệ chính quy, văn bản Hướng dẫn thiết kế đề cương môn học và đánh giá năng lực của SV dựa trên CDR theo phương pháp tiếp cận CDIO và Hướng dẫn rà soát, điều chỉnh, hoàn thiện mục tiêu, CDR CTĐT hệ chính quy theo tiếp cận CDIO năm học 2020-2021. Căn cứ vào các văn bản hướng dẫn của Nhà trường, Khoa GDTC đã triển khai rà soát các ĐCCTHP của CTĐT ngành GDTC. So sánh ĐCCTHP ban hành năm 2017, 2019 với ĐCCTHP trong CTĐT ban hành năm 2016 cho thấy đề cương chi tiết năm 2017 và 2019 có nhiều thay đổi, chẳng hạn như: Mục tiêu HP có ma trận liên kết nội dung học phần với CDR, chi tiết và mã hóa CDR học phần, đánh giá học phần đều có điểm đánh giá quá trình; yêu cầu về năng lực đối với từng CDR, yêu cầu tự học cũng cụ thể hơn; thay đổi phương pháp dạy học, phương pháp kiểm tra đánh giá.

Bản mô tả CTĐT và ĐCCTHP của CTĐT ngành GDTC được công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau: trên cổng thông tin điện tử của Trường ĐH Vinh, trên trang thông tin của Khoa GDTC, lưu bằng bản cứng tại Văn phòng Khoa, và được phổ biến cho SV trong tuần sinh hoạt công dân đầu khóa học.

Từ năm 2019, Nhà trường đưa vào sử dụng hệ thống quản lý học tập LMS (Learning Management System), tất cả các ĐCCTHP được công khai trên hệ thống LMS cho phép người dạy, người học, người quản lý và các bộ phận hỗ trợ đào tạo có thể tiếp cận các đề cương chi tiết qua hệ thống này. Đồng thời các GV đều giới thiệu cho SV về đề cương chi tiết tại buổi đầu lên lớp của mỗi HP. Toàn bộ các đề cương các HP qua các lần điều chỉnh được lưu giữ trong hồ sơ đào tạo của

Nhà trường, được quản lý tại Văn phòng Khoa GDTC.

Các bên liên quan và những người có quan tâm có thể xem bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết trên cổng thông tin điện tử của Nhà trường/Khoa GDTC. Ngoài ra, một số nội dung của bản mô tả CTĐT được giới thiệu qua các buổi tư vấn tuyển sinh, hướng nghiệp, giải đáp câu hỏi từ SV khóa trên do các câu lạc bộ, Đoàn, Hội tổ chức; được giới thiệu trong tuần sinh hoạt công dân đầu khóa.

### **Tiêu chuẩn 3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học**

#### **Điểm mạnh cơ bản của Tiêu chuẩn 3:**

CĐR năm 2017 của ngành GDTC bao gồm 4 nội dung và 81 CĐR cấp 3: 19 chuẩn về Kiến thức và lập luận ngành; 24 chuẩn về Kỹ năng cá nhân, nghề nghiệp và phẩm chất; 15 chuẩn về Kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp và 23 chuẩn về Năng lực hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai và vận hành trong bối cảnh doanh nghiệp và xã hội. Căn cứ vào mục tiêu và CĐR của ngành GDTC, Nhà trường/Khoa đã thiết kế, xây dựng chương trình dạy học (CTDH) gồm: xác định cấu trúc, khối lượng kiến thức cần thiết của CTĐT; xây dựng CTDH đảm bảo mục tiêu đào tạo và CĐR của người học sau khi tốt nghiệp. Tổng số tín chỉ của CTDH là 125 (121 tín chỉ bắt buộc và 4 tín chỉ tự chọn) với 36 HP (35 HP bắt buộc). Nhà trường/Khoa đã xây dựng ma trận kỹ năng liên kết giữa các học phần và CĐR của CTĐT.

100% các HP của CTĐT đều có đề cương chi tiết, trong đó có mục tiêu, CĐR của HP; ma trận kỹ năng liên kết giữa nội dung của học phần với CĐR HP.

Mỗi HP đều xây dựng tổ hợp các phương pháp giảng dạy, học tập và phương pháp đánh giá phù hợp với HP. Tổ hợp các phương pháp giảng dạy được áp dụng gồm có: thuyết trình, thảo luận nhóm, làm mẫu, thực hành, dạy học theo dự án, dạy học hợp tác nhóm, thị phạm, phân tích kỹ thuật động tác trong thực hành... Trong các phương pháp trên có phương pháp áp dụng cho tất cả các HP, có phương pháp chỉ áp dụng cho một nhóm HP. Các HP thuộc nhóm khối kiến thức



giáo dục đại cương sử dụng phần lớn phương pháp thuyết trình; HP thuộc khối kiến thức cơ sở ngành và khối ngành thì kết hợp giữa phương pháp thuyết trình, thảo luận nhóm, dạy học hợp tác nhóm; khối HP kiến thức chuyên ngành chú trọng hơn tới các phương pháp làm mẫu, thị phạm và phân tích kỹ thuật động tác; các HP ngoại ngữ và kỹ năng tập trung vào các phương pháp thuyết trình, thảo luận nhóm, thực hành...

Nhà trường có Quy định về công tác đánh giá và quản lý kết quả học tập trong đào tạo tiếp cận CDIO theo hệ thống tín chỉ, trong đó Điều 3 quy định điểm đánh giá HP gồm (a) Điểm đánh giá quá trình là 50%, bao gồm điểm đánh giá ý thức học tập là 10%, điểm đánh giá hồ sơ HP là 20%, điểm đánh giá giữa kỳ là 20%; (b) Điểm đánh giá cuối kỳ là 50%. Đồng thời, Nhà trường có hướng dẫn tạm thời về việc thực hiện đánh giá quá trình trong đào tạo tiếp cận theo CDIO, trong đó đã có hướng dẫn chi tiết cách đánh giá các thành phần điểm quá trình, điểm hồ sơ quá trình v.v. để bảo đảm thực hiện thống nhất trong toàn Trường. Đề cương quy định chi tiết cách thức kiểm tra đánh giá, các đầu điểm và trọng số. Các phương pháp đánh giá kết quả học tập của SV được thiết kế đa dạng, phù hợp nhằm đảm bảo khả năng đo lường mức độ đạt được CĐR, bao gồm bài tập cá nhân, bài tập nhóm, thực hành, tự luận, trắc nghiệm, đồ án học tập, v.v... tùy theo đặc thù từng HP. Tổ hợp các phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra đánh giá nhằm đạt được CĐR của HP, CĐR của CTĐT.

100% các HP của CTĐT đều có đề cương chi tiết. 100% các HP đều có mục tiêu đào tạo, CĐR của HP. CĐR của HP bao gồm: CĐR về kiến thức và lập luận ngành; CĐR về kỹ năng cá nhân, nghề nghiệp và phẩm chất; CĐR về kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp và CĐR về năng lực hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai và vận hành trong bối cảnh doanh nghiệp và xã hội. Các HP được thiết kế dựa trên CĐR thông qua các khung năng lực cần đạt (ma trận môn học - trình độ năng lực và ma trận môn học - mức độ giảng dạy I (giới thiệu); T (giảng dạy) và U (ứng dụng).

Đề cương chi tiết học phần (ĐCCTHP) trong CTĐT ngành GDTC được xây dựng, thiết kế theo mẫu quy định của Nhà trường. Mỗi ĐCCTHP đều xác định và mô tả sự đóng góp của HP giúp người học đạt được CĐR của CTĐT thông qua một ma trận tương quan giữa HP và từng CĐR của CTĐT. Các HP trong CTĐT đều được xác định rõ mục tiêu cụ thể của HP. Mỗi mục tiêu của HP lại được cụ thể hóa thành các CĐR về kiến thức, kỹ năng, năng lực hình thành ý tưởng của HP. Các CĐR của HP đều liên kết với CĐR của CTĐT và thể hiện sự đóng góp của HP vào việc giúp người học đạt được CĐR của CTĐT.

100% ĐCCTHP trong CTDH đã xác định các phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra/đánh giá nhằm đánh giá và hỗ trợ SV đạt được CĐR. Theo đó, GV sử dụng phương pháp, hình thức tổ chức dạy học nào, ở nội dung gì, nhằm mục đích gì và giúp người học đạt được CĐR nào của HP về kiến thức, rèn luyện các kỹ năng, năng lực hình thành ý tưởng được quy định trong từng ĐCCTHP. Hệ thống phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của SV gồm hình thức đánh giá, thang điểm đánh giá, trọng số điểm và sự đóng góp cụ thể đối với CĐR của HP được trình bày khá cụ thể trong các đề cương chi tiết từng HP. Các phương thức kiểm tra đánh giá và các tiêu chí đánh giá được trình bày trong từng ĐCCTHP khá đầy đủ và rõ ràng. Tổ hợp các phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra đánh giá nhằm đạt được CĐR của HP.

CTDH ngành GDTC năm 2017 có 125 tín chỉ (4 tín chỉ tự chọn), trong đó 30 tín chỉ thuộc khối kiến thức chung (chiếm 24%), 21 tín chỉ thuộc kiến thức cơ sở ngành (chiếm 16,8%), 65 tín chỉ (4 tín chỉ tự chọn) thuộc khối kiến thức chuyên ngành (chiếm 52%) và 9 tín chỉ (7,2%) cho rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên và thực tập sư phạm. CTDH được thiết kế giảng dạy trong 4 năm học, 8 học kỳ trong đó có 7 học kỳ thực học và học kỳ 8 dành cho thực tập sư phạm. Việc phân bố các HP thuộc các khối kiến thức trong 4 năm học lý, đảm bảo tính logic, khoa học và tạo điều kiện cho SV có nhiều thời gian tìm hiểu thực tế liên quan đến nghề nghiệp. Các môn học/HP trong CTDH được bố trí hợp lý.

Theo CTDH được Nhà trường thiết kế cho thấy mỗi khối kiến thức đều có HP phù hợp để cung cấp cho SV kiến thức cần đạt được. ĐCCTHP ngoài việc được ghi rõ số tín chỉ, số tiết lý thuyết, tiết thảo luận/bài tập, tiết thực hành thì còn thể hiện sự logic giữa các HP với các HP tiên quyết, học kỳ thực hiện... CTDH ngành GDTC được thiết kế có đủ các nội dung, trình tự thể hiện đảm bảo tính logic về nội dung và trình tự tiếp cận. Sự hợp lý còn được thể hiện trong phân bố các HP thực hành và HP lý thuyết đảm bảo tính logic trong nghiên cứu, đặc biệt là các HP đặc thù ngành GDTC. Nội dung của CTDH đã được tiến hành rà soát, bổ sung và cập nhật theo định kỳ. Khi thực hiện rà soát, điều chỉnh CTĐT, Nhà trường/Khoa đã tham khảo CTĐT của một số trường ĐH trong nước như Trường ĐH Sư phạm – ĐH Thái Nguyên, Trường ĐH Sư phạm Hà Nội 2, Trường ĐH Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh và một số trường ĐH ở nước ngoài như Missouri State University – USA, Dokata State University – USA, Far Eastern University – Philipine, ĐH Quốc gia Pusan, Hàn Quốc.

#### **Tiêu chuẩn 4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học**

##### **Điểm mạnh cơ bản của Tiêu chuẩn 4:**

Nhà trường đã ban hành Sứ mạng, Tầm nhìn, Mục tiêu tổng quát, Giá trị cốt lõi và Triết lý giáo dục (QĐ số 3719/QĐ-ĐHV ngày 30/12/2019), trong đó đã xác định rõ Triết lý giáo dục là “Hợp tác - sáng tạo”.

Triết lý giáo dục, mục tiêu của CTĐT được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới SV và GV thông qua nhiều hình thức, cụ thể: Nhà trường đã công khai Triết lý giáo dục trên cổng thông tin điện tử của Nhà trường tại địa chỉ <http://vinhuni.edu.vn/gioi-thieu/seo/truong-dai-hoc-vinh-tu-gioi-thieu> và trên pano áp phích treo tại các vị trí trang trọng trong khuôn viên Nhà trường để mọi đối tượng quan tâm dễ nhận biết, dễ đọc. Bên cạnh đó mục tiêu đào tạo, Triết lý giáo dục cũng được giới thiệu trên một số ấn phẩm khác như trong các tài liệu giới thiệu về Nhà trường, tờ rơi phục vụ tư vấn tuyển sinh. Qua phỏng vấn, Đoàn

ĐGN nhận thấy hầu hết GV, SV và cựu SV nắm bắt được mục tiêu, Triết lý giáo dục của Nhà trường.

Triết lý giáo dục, mục tiêu giáo dục của Nhà trường được phổ biến cho CB, GV, NV và SV của Nhà trường vào đầu năm học mới. Triết lý giáo dục còn được Lãnh đạo Khoa và lãnh đạo các đoàn thể (Đoàn TN, Hội SV, Công Đoàn) tuyên truyền phổ biến cho CB, GV, NV và SV trong tuần sinh hoạt công dân đầu khóa, trong các sự kiện lớn của các tổ chức đoàn thể.

Các GV tham gia giảng dạy cho ngành GDTC đã xây dựng và triển khai tổ hợp các hoạt động dạy học, phương pháp giảng dạy để đạt được CĐR của CTĐT và CĐR của các HP. Các phương pháp dạy-học phổ biến gồm: thuyết trình, thảo luận nhóm, làm mẫu, thực hành, dạy học theo dự án, dạy học hợp tác nhóm, thị phạm, phân tích kỹ thuật động tác trong thực hành... Các hình thức thi kết thúc HP thường là thực hành, thi tự luận, trắc nghiệm khách quan. Các hình thức kiểm tra đánh giá được hiển thị trong các ĐCCTHP/môn học. Những giờ tự học, tự tập luyện ngoại khóa và thảo luận được thiết kế xen kẽ với các buổi giảng lý thuyết, phù hợp với mục tiêu môn học.

Nhà trường/Khoa hướng dẫn SV sử dụng các hoạt động học tập nhằm giúp người học đạt được CĐR. Cụ thể: Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được CĐR, người học được tiếp cận chương trình học tập linh hoạt để có thể chủ động lựa chọn thời gian, lộ trình học tập theo nhu cầu và khả năng của bản thân. SV có thể đăng ký học ngành 2 theo nhu cầu của cá nhân. Bên cạnh tính linh hoạt trong lựa chọn chương trình và lộ trình học tập, SV còn được tham gia các hình thức học tập đa dạng, giúp SV đạt được CĐR về kỹ năng và thái độ như chủ trì, tham gia Câu lạc bộ thể thao, Câu lạc bộ trọng tài, các hoạt động ngoại khóa hỗ trợ học tập, các giải thể thao phong trào... Hoạt động rèn luyện nghiệp vụ sư phạm được thực hiện thường xuyên; kiến tập, thực tập sư phạm là một phần bắt buộc của CTĐT, gồm 9 tín chỉ. Hằng năm SV được rèn luyện các kỹ năng nghiệp vụ liên quan đến đặc thù của ngành GDTC thông qua làm người chỉ huy/dẫn dắt qua các buổi học

thực hành. Đến năm thứ 3 SV được đi kiến tập sư phạm và kỳ 1 năm thứ 4 SV được thực hành sư phạm (tập giảng) trước khi đi thực tập sư phạm.

Nhà trường ban hành “Quy định tạm thời công tác lấy ý kiến phản hồi từ người học về cán bộ, viên chức và các hoạt động của Trường Đại học Vinh”. Sau khi kết thúc HP, Nhà trường tổ chức lấy ý kiến người học về hoạt động giảng dạy của GV sau khi kết thúc HP. Chẳng hạn như, học kỳ I năm 2020-2021 đã khảo sát 14 lượt SV về hoạt động giảng dạy của GV. Kết quả khảo sát cho thấy có 85,71% ý kiến đánh giá “Tốt” và 7,14% đánh giá “Khá” về câu hỏi “Người dạy giới thiệu đầy đủ đề cương chi tiết học phần, giáo trình, tài liệu học tập, các phương tiện hỗ trợ dạy học và hướng dẫn phương pháp học tập”. 85,71% ý kiến đánh giá “Tốt” và 7,14 % đánh giá “Khá” với câu hỏi “Người dạy có phương pháp truyền đạt rõ ràng, dễ hiểu; sử dụng hiệu quả các phương tiện, thiết bị dạy học”. Kết quả phỏng vấn sâu SV và cựu SV cho thấy SV hài lòng về phương pháp giảng dạy đã được GV sử dụng trong CTĐT ngành GDTC.

100% ĐCCTHP đều mô tả rõ việc sử dụng tổng hợp các phương pháp dạy và học nhằm thúc đẩy rèn luyện các kỹ năng thiết yếu và kỹ năng mềm cho người học. Các phương pháp giảng dạy của các học phần thuộc CTĐT GDTC bao gồm: thuyết trình, thảo luận nhóm, làm mẫu, thực hành, dạy học theo dự án, dạy học hợp tác nhóm, thi phạm, phân tích kỹ thuật động tác trong thực hành... Phương pháp học: nghe giảng, thảo luận, nghiên cứu tình huống, học theo dự án, kiến tập, thực tập, thực tế và thực hành; bài tập cá nhân, các hoạt động nhóm và các môn kỹ năng để nâng cao tinh thần chủ động của sinh viên sự hướng dẫn của GV. Khoa đã hướng dẫn cho SV các kỹ năng mềm như tham gia các câu lạc bộ thể thao, thực hành phương pháp trọng tài và tổ chức các giải thi đấu, học làm chỉ huy.

Trong ĐCCTHP theo hướng CDIO đã nhấn mạnh đến hoạt động tự học, tự nghiên cứu, đọc trước bài học ở nhà của SV qua hệ thống quản lý học tập LMS (Learning Management System). 100% ĐCCTHP ngành GDTC đều mô tả đến hoạt động tự học/nghiên cứu nhằm hướng đến việc nâng cao khả năng học tập suốt

đòi cho người học. Các phương pháp: thảo luận nhóm, thuyết trình; nghiên cứu tình huống; NCKH và học tập thông qua trải nghiệm thực tế là các phương pháp rèn luyện khả năng nghiên cứu, tự đào tạo cho SV. 100% đề cương chi tiết, ở từng bài học đều yêu cầu SV đọc tài liệu, các nội dung đọc thêm, chuẩn bị thảo luận/bài tập nhóm; các chủ đề thảo luận. Các chủ đề thảo luận/các bài học đều yêu cầu ở mức năng lực nhất định.

Các hoạt động giảng dạy, các phương pháp giảng dạy, phương pháp kiểm tra đánh giá hướng tới đạt CDR của học phần, rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời cho SV. Việc sử dụng tổng hợp các phương pháp giảng dạy, với cách thức đánh giá tương ứng rèn luyện phương pháp học tập, cách tư duy, cách tìm kiếm thông tin, trình bày và thảo luận/tranh luận trên lớp cho SV....).

### **Tiêu chuẩn 5. Đánh giá kết quả học tập của người học**

#### **Điểm mạnh cơ bản của Tiêu chuẩn 5:**

Nhà trường đã ban hành “Quy định tạm thời đào tạo đại học hệ chính quy tiếp cận CDIO theo hệ thống tín chỉ tại Trường Đại học Vinh”, trong đó Điều 15 quy định việc đánh giá kết quả học tập; Điều 16 quy định việc tổ chức thi đánh giá cuối kỳ và Điều 17 quy định hình thức đánh giá giữa kỳ, đánh giá cuối kỳ và đề thi. Điều 5 của “Quy định tạm thời về công tác đánh giá và quản lý kết quả học tập trong đào tạo tiếp cận CDIO theo học chế tín chỉ tại Trường Đại học Vinh” đã quy định cụ thể về tổ chức thi cuối kỳ và với yêu cầu về câu hỏi đề thi cuối kỳ tối thiểu đạt đến mức độ 3 tùy thuộc vào thang đánh giá trình độ năng lực của HP.

Nhà trường có Quy định về việc xây dựng, quản lý và sử dụng ngân hàng đề thi kết thúc HP, trong đó tại Điều 5 đã quy định mỗi đề thi tự luận gồm 3 câu (1 câu 5 điểm, 1 câu 3 điểm; 1 câu 2 điểm) hoặc có thể gồm 2 câu, mỗi câu 5 điểm; người ra đề thi phải trực tiếp làm đáp án và thang điểm chi tiết cho từng câu hỏi; đối với đề thi trắc nghiệm khách quan, số lượng câu hỏi thi cho mỗi đề thi tương ứng với thời gian làm bài.

Nhà trường thực hiện đánh giá học phần theo quá trình, có bốn thành phần điểm cho một học phần: điểm đánh giá ý thức, đánh giá hồ sơ HP, đánh giá giữa kỳ và điểm đánh giá cuối kỳ. Đánh giá giữa kỳ có thể là điểm bài thực hành, bài tập, trắc nghiệm khách quan, bài thu hoạch. Đánh giá cuối kỳ là bài thi thực hành, trắc nghiệm khách quan, hoặc tự luận. Trọng số các điểm thành phần được ghi trong ĐCCTHP, cụ thể: đánh giá ý thức là 10%; đánh giá hồ sơ HP là 20%, đánh giá giữa kỳ là 20%; điểm đánh giá cuối kỳ là 50%.

Hệ thống văn bản của Nhà trường về đánh giá kết quả học tập của người học được thông báo công khai đến người học thông qua nhiều phương thức: Nhà trường phổ biến thông qua đợt sinh hoạt chính trị đầu khóa cho SV, hội nghị gặp mặt SV đầu khóa của Khoa GDTC và trên website của Nhà trường (<http://vinhuni.edu.vn>), của Khoa (<http://khoagdgc.vinhuni.edu.vn>) cũng như tài khoản quản lý học tập trực tuyến của sinh viên tại địa chỉ <http://student.vinhuni.edu.vn> và <http://my.vinhuni.edu.vn>; Khoa phổ biến trực tiếp cho SV thông qua hệ thống trợ lý đào tạo, CVHT. SV được cung cấp “Cẩm nang sinh viên” ngay từ đầu khoá học trong đó có các tài liệu liên quan đến đánh giá kết quả học tập của người học.

Ở mỗi HP, SV được GV phổ biến đề cương chi tiết khi bắt đầu giảng dạy HP, trong đó phương pháp kiểm tra đánh giá, số thành phần điểm và trọng số từng thành phần được phổ biến chi tiết. Cách thức GV đánh giá điểm thường xuyên như thế nào, điểm giữa kỳ gồm điểm của mấy bài kiểm tra/thuyết trình; bài thi cuối cùng thi theo hình thức nào đều được phổ biến.

Khoa GDTC đã lựa chọn tổ hợp các phương pháp kiểm tra, đánh giá nhằm đánh giá được năng lực của SV. Thành phần điểm ý thức và đánh giá hồ sơ HP do GV trực tiếp giảng dạy đánh giá thông qua các tiêu chí cụ thể như điểm chuyên cần và thái độ học tập, mức độ chủ động trong các hoạt động trên lớp, chuẩn bị tài liệu, làm bài tập. Đối với bài kiểm tra giữa kỳ được thực hiện theo hình thức thi trực tuyến đối với các môn học lý thuyết (online test). Bài thi cuối kỳ có thể là bài thi tự luận/trắc nghiệm/thực hành. Trong số 36 học phần thuộc CTĐT ngành

GDTC có 13,8% HP thi theo hình thức tự luận, 30,5% thi trắc nghiệm khách quan và 55,5% thi thực hành.

Các đề cương chi tiết quy định phương pháp đánh giá HP chi tiết, đầy đủ cho các HP. Bài kiểm tra giữa kỳ, đề cương chi tiết đòi hỏi xử lý được vấn đề yêu cầu một cách chính xác, trình bày mạch lạc, rõ ràng, logic. Bài thi cuối kỳ yêu cầu trả lời câu hỏi tự luận, trả lời câu hỏi trắc nghiệm hoặc làm thực hành.

Nhà trường có quy định về coi thi HP (chương III), chấm thi HP (Chương IV) của Quy định tạm thời về công tác tổ chức đánh giá và quản lý kết quả học tập trong đào tạo tiếp cận CDIO theo hệ thống tín chỉ tại Trường Đại học Vinh, trong đó đã quy định cụ thể việc tổ chức thi, cán bộ coi thi, đôn túi, đánh phách, tổ chức chấm thi v.v. nhằm đảm bảo sự công bằng, khách quan.

Kết quả phỏng vấn của Đoàn ĐGN đối với SV và cựu SV của Khoa GDTC cho thấy GV của Khoa đã công bố điểm đúng thời hạn quy định và với các môn thực hành SV được biết điểm ngay sau khi hoàn thành bài thi kết thúc HP.

Nhà trường đã ban hành Quy chế thực hiện cơ chế một cửa tại Trường Đại học Vinh”, theo đó tại Điều 27 quy định về việc xem xét sai sót về điểm chuyên cần, điểm giữa kỳ, điểm thực hành và Điều 28 quy định về việc SV, học sinh chưa có điểm thi hoặc đề nghị xem lại kết quả chấm thi HP; Nhà trường có các biểu mẫu để cho người khiếu nại sử dụng. SV được phổ biến đầy đủ các quy định, quy trình về khiếu nại kết quả học tập trong Tuần sinh hoạt công dân đầu khóa. SV có thể dễ dàng truy cập quy định và thông tin về phúc tra bài thi trên website của Nhà trường. Vào buổi học đầu tiên của HP, GV đã phổ biến về việc đánh giá HP trong đó có thông tin về khiếu nại và phúc tra bài thi. SV phải nộp đơn xin phúc tra bài thi trong vòng 10 ngày kể từ ngày công bố kết quả thi và kết quả khiếu nại sẽ được trả lời trong vòng 20 ngày làm việc kể từ ngày SV nộp đơn. Việc tiếp nhận hồ sơ về khiếu nại và phúc tra bài thi được thực hiện thông qua bộ phận “Một cửa” của Nhà trường.



**Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên****Điểm mạnh cơ bản của Tiêu chuẩn 6:**

Công tác quy hoạch, phát triển đội ngũ GV của Khoa GDTC, ngành Giáo dục thể chất được triển khai hằng năm. Tỷ lệ SV/GV đảm bảo theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT). Khối lượng công việc của GV được đo lường và giám sát tiêu bằng các chỉ rõ ràng, minh bạch. Năng lực của đội ngũ cán bộ giảng dạy được xác định xác định nhất quán, công bằng. Nhu cầu đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên được xây dựng theo kế hoạch và có rà soát, điều chỉnh hằng năm và có cơ chế hỗ trợ, khuyến khích GV tham gia. Việc quản trị theo kết quả công việc của GV được triển khai chặt chẽ theo quy định.. Hơn 90% GV ngành GDTC được xếp loại lao động tiên tiến trở lên. Hoạt động nghiên cứu khoa học (NCKH) của GV được giám sát với kết quả NCKH được ghi nhận để làm căn cứ phục vụ cho việc đánh giá và cải tiến chất lượng.

**Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên****Điểm mạnh cơ bản của Tiêu chuẩn 7:**

Trường ĐH Vinh về cơ bản đã quy hoạch đội ngũ nhân viên đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCD, phù hợp với điều kiện phát triển của Nhà trường; có quy hoạch đội ngũ nhân viên làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác cho GV và SV của CTĐT ngành Giáo dục thể chất.

Nhà trường đã ban hành hệ thống văn bản và công khai về quy trình, tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, đánh giá, phân loại chuyên viên, kỹ thuật viên (KTV) và nhân viên. Đội ngũ nhân viên của Trường được tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển theo đúng quy định về công tác cán bộ của Trường. Năng lực đội ngũ KTV, nhân viên đáp ứng nhu cầu công việc, phù hợp với vị trí việc làm và được định kỳ đánh giá.

Nhà trường đã khảo sát và phân tích được nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của đội ngũ KTV, chuyên viên và nhân viên; đã xây dựng kế hoạch và triển khai các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên. Chức năng, trách nhiệm, quyền hạn của từng vị trí công tác của đội ngũ này được phân định trong Đề án vị trí việc làm. Kết quả bình xét, xếp loại lao động đã thể hiện rõ việc quản trị theo kết quả công việc của Nhà trường.

### **Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học**

#### **Điểm mạnh cơ bản của Tiêu chuẩn 8:**

Nhà trường xây dựng đề án tuyển sinh với nội dung cập nhật các thông tin về chính sách, quy định tuyển sinh, trong đó có các thông tin tuyển sinh của ngành Giáo dục Thể chất.

Phương thức và tiêu chí tuyển chọn người học của Nhà trường/ngành Giáo dục Thể chất được quy định rõ ràng trong đề án tuyển sinh hằng năm của Trường và được rà soát, đánh giá hằng năm để đảm bảo thực hiện đúng quy chế tuyển sinh, phù hợp với đặc thù các ngành, với xu thế phát triển chung của Khoa và Trường.

Nhà trường có hệ thống giám sát sự tiến bộ trong học tập, rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập, cảnh báo học vụ bao gồm Phòng Đào tạo, Phòng Thanh tra Giáo dục, Phòng Công tác chính trị - Học sinh, Sinh viên (CTCT-HSSV), các khoa và các cố vấn học tập (CVHT) và được thực hiện, quản lý bằng phần mềm quản lý người học CMC.

Hằng năm, Phòng Đào tạo phối hợp cùng các khoa, viện xây dựng chương trình học chuyển đổi linh hoạt, tổ chức học tập các học phần thay thế cho các sinh viên quá hạn đào tạo được tiếp tục học tập.

Hằng tháng, các lớp tổ chức sinh hoạt, có đại diện Ban Chủ nhiệm Khoa, CVHT, GV chủ nhiệm tham dự để giải đáp các mối quan tâm của SV và kịp thời hỗ trợ những khó khăn trong học tập, rèn luyện của SV.

Trung tâm Dịch vụ, Hỗ trợ sinh viên và Quan hệ doanh nghiệp đã triển khai nhiều hoạt động hỗ trợ việc làm cho người học.

### **Tiêu chuẩn 9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị**

#### **Điểm mạnh cơ bản của Tiêu chuẩn 9:**

Các cơ sở để phục vụ hoạt động đào tạo của Nhà trường có tổng diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo, NCKH là 87.876 m<sup>2</sup>.

Các phòng làm việc của cán bộ, giảng viên, nhân viên được trang bị máy tính, máy in được kết nối internet, có tủ đựng tài liệu và được trang bị các phương tiện đáp ứng yêu cầu công việc

Các phòng học, hội trường đều được trang thiết bị phù hợp với công năng sử dụng. Thư viện điện tử của Nhà trường được kết nối với thư viện điện tử của các cơ sở giáo dục khác.

Thư viện trường có 124 máy tính được nối mạng internet đáp ứng yêu cầu tra cứu, truy cập và sử dụng tra cứu tài liệu online cho người học, được kết nối với khá nhiều thư viện trong nước.

Nhà trường có hệ thống phòng thực hành - thí nghiệm được quy hoạch quản lý sử dụng tập trung bởi Trung tâm Thực hành - Thí nghiệm. Giai đoạn từ năm 2016 đến năm 2020, Nhà trường đã chi 5.474,16 triệu đồng để duy tu, bảo dưỡng và cập nhật/nâng cấp trang thiết bị trong phòng thí nghiệm, phòng thực hành.

Hệ thống mạng internet và wifi được sử dụng miễn phí trong toàn Trường phục vụ hoạt động đào tạo và NCKH của giảng viên và người học.

Các dữ liệu về quản lý Nhà trường và quản lý đào tạo được lưu trữ trên hệ thống máy chủ, được cập nhật thường xuyên thông qua các phần mềm CMC, Trí Nam, e-Office, LMS đã hỗ trợ hiệu quả các hoạt động của Trường. Giai đoạn 2016 - 2020, Nhà trường đã đầu tư 74.328 triệu đồng mua sắm, sửa chữa, bảo dưỡng, nâng cấp trang thiết bị CNTT.

**Nhà trường thành lập Ban Chỉ đạo công tác an ninh, trật tự trường học Trường Đại học Vinh; kiện toàn Ban Chỉ huy phòng chống bão lụt – Phòng chống**

cháy nổ; thành lập Đội Phòng chống bão lụt – phòng chống cháy nổ. Nhà trường đã xây dựng các Phương án PCCC; Phương án cứu nạn, cứu hộ được Phòng Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy và Cứu nạn, cứu hộ tỉnh Nghệ An phê duyệt và tổ chức luyện tập.

### **Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng**

#### **Điểm mạnh cơ bản của Tiêu chuẩn 10:**

Với mỗi lần điều chỉnh, cập nhật CTĐT, Khoa đã thực hiện quy định của Nhà trường, đã sử dụng các thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan làm cơ sở cho phát triển CTĐT.

Nhà trường đã có hệ thống các văn bản quy định và đã định kỳ triển khai việc rà soát, đánh giá quá trình dạy - học và kết quả học tập của người học để đảm bảo sự gắn kết giữa CDR của các học phần với CDR của CTĐT.

Khoa đã triển khai thực hiện một số đề tài khoa học trọng điểm cấp cơ sở cho việc cải tiến và nâng cao chất lượng nội dung, phương pháp giảng dạy của các học phần trong CTĐT theo tiếp cận CDIO.

Nhà trường đã có quy định và định kỳ tổ chức việc đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích thông qua các phương thức khác nhau, làm cơ sở cho đề xuất cải tiến các dịch vụ này.

### **Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra**

#### **Điểm mạnh cơ bản của Tiêu chuẩn 11:**

Tỷ lệ thôi học và tỷ lệ tốt nghiệp, số năm tốt nghiệp trung bình của người học thuộc CTĐT đã được Nhà trường và Khoa xác lập, giám sát và đối sánh để từ đó đề xuất hướng cải tiến phù hợp giúp giảm tỷ lệ thôi học, rút ngắn thời gian tốt nghiệp trung bình.

Nhà trường và Khoa đã thu thập, đối sánh thông tin về tình hình việc làm của người học tốt nghiệp: tỷ lệ SV tốt nghiệp có việc làm, nhất là có việc làm phù

hợp với ngành đào tạo đều ở mức tương đương với SV tốt nghiệp cùng CTĐT của các trường ĐH một số địa phương khác.

Việc tổ chức triển khai, giám sát việc thu thập ý kiến về mức độ hài lòng của các bên liên quan về các hoạt động của Trường (NCKH, dịch vụ hỗ trợ, CSVC...) đã được xác lập và giám sát.

## **2. Tóm tắt những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng của chương trình đào tạo**

### **2.1. Những tồn tại cơ bản của chương trình đào tạo**

#### **Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

##### **Điểm tồn tại cơ bản của Tiêu chuẩn 1:**

Mục tiêu đào tạo của CTĐT ngành GDTC chưa thể hiện rõ nét đặc thù khá riêng biệt của ngành GDTC.

CĐR của CTĐT ngành GDTC ban hành năm 2017 theo QĐ số 747/QĐ-ĐHV ngày 27/4/2017 và ban hành năm 2021 theo QĐ số 2033/QĐ-ĐHV ngày 10/09/2021 chưa thể hiện rõ “Mức tự chủ và trách nhiệm” đối với người học tốt nghiệp theo quy định được nêu trong Quyết định Phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam (QĐ số 1982/QĐ-TTg, ngày 18/10/2016) và trong Thông tư số 07/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015. Nội dung CĐR năm 2017 được chi tiết thành quá nhiều chuẩn (81 CĐR).

Mẫu khảo sát các bên liên quan về CĐR của CTĐT chưa đủ lớn để mang tính đại diện cao về các góp ý nhằm điều chỉnh và hoàn thiện CĐR của CTĐT theo yêu cầu của thị trường lao động.

#### **Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả chương trình đào tạo**

##### **Điểm tồn tại cơ bản của Tiêu chuẩn 2:**

Tài liệu học tập ở một số HP thuộc CTĐT năm 2019 chưa có sự cập nhật, chẳng hạn: Sách dùng cho sinh viên Thể dục thể thao của Nhà xuất bản Thể dục thể thao xuất bản năm 1978; Bài luyện tập môn Bóng chuyền của Nhà xuất bản

tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh xuất bản năm 2000; Giáo trình Tâm lý học lứa tuổi của tác giả Lê Văn Hồng xuất bản năm 2001; Bài tập chuyên môn trong Điền kinh của tác giả Quang Hưng xuất bản năm 2004 ...

ĐCCTHP “Công tác quốc phòng an ninh” và HP “Giáo dục quốc phòng 3” trong phiên bản năm 2019 chưa hoàn toàn tuân thủ theo biểu mẫu chung do Nhà trường quy định trong văn bản số 1447/ĐHV-ĐT như ĐCCTHP.

Khoa chưa khảo sát đánh giá một cách bài bản về mức độ dễ dàng tiếp cận của các bên liên quan với CTĐT và các ĐCCTHP.

### **Tiêu chuẩn 3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học**

#### **Điểm tồn tại cơ bản của Tiêu chuẩn 3:**

Nhà trường/Khoa chưa tổng kết đánh giá hoặc có hội nghị khoa học về các phương pháp giảng dạy, phương pháp kiểm tra đánh giá đã được sử dụng của CTĐT ngành GDTC nhằm đúc rút kinh nghiệm và cải tiến các phương pháp hiện đang áp dụng.

Nhà trường chưa quy định cụ thể việc đánh giá sự phù hợp của các phương pháp giảng dạy, phương pháp học, phương pháp kiểm tra - đánh giá của các HP để đảm bảo việc đo lường mức độ đóng góp vào việc đạt CĐR của CTĐT.

Nhà trường/Khoa chưa định kỳ lấy ý kiến các bên liên quan bao gồm: GV, cựu SV và các nhà tuyển dụng lao động về nội dung các môn học/HP trong CTDH để làm rõ các môn học/HP có thể hiện được việc đạt được CĐR không.

Một số HP chưa thể hiện được rõ ràng mức đóng góp đạt được CĐR của CTĐT, chẳng hạn như HP Bóng chuyền, Võ thuật, Thể hình – Khiêu vũ thể thao. Mức độ năng lực tối thiểu cần đạt được chưa khớp giữa Bản mô tả CTĐT với Bản Ma trận phân nhiệm CĐR CTĐT và các HP (phiên bản năm 2021), ví dụ ở HP Nhập môn ngành sư phạm mức độ năng lực cần đạt trong Bản Mô tả CTĐT là K4 cho CĐR 1.2.2 và 1.2.3 nhưng trong Bản Ma trận phân nhiệm CĐR CTĐT lại là ở mức K2. Tương tự sự không đồng bộ này cũng thể hiện ở CĐR 2.1.1; 2.1.2; 2.2.2;

3.1.2, 3.2.1 và các CDR từ 4.1.1 đến 4.2.4.

Số tín chỉ cho HP tự chọn còn chiếm một tỷ lệ khá khiêm tốn, chỉ có 4/125 tín chỉ (2017) và 3/126 tín chỉ (2021).

Khi rà soát và điều chỉnh CTDH, Khoa có tham khảo CTĐT cùng ngành của một số trường đại học trong và ngoài nước, tuy nhiên các văn bản của Trường chưa thấy sự phân tích sâu những HP nào của CTĐT ngành GDTC của các CTĐT nước ngoài được đưa vào giảng dạy của ngành GDTC.

#### **Tiêu chuẩn 4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học**

##### **Điểm tồn tại cơ bản của Tiêu chuẩn 4:**

Phương thức truyền thông về Triết lý giáo dục và Mục tiêu giáo dục của Nhà trường chưa đa dạng để phù hợp với từng nhóm đối tượng bên ngoài Trường, nên vẫn có một số nhà tuyển dụng chưa biết hoặc chưa hiểu sâu về Triết lý giáo dục của Nhà trường.

Theo nhận định của Khoa, các hoạt động dạy và học ở một vài HP thực hành còn gặp khó khăn vì số lượng SV nhỏ không đủ để chia đội thi đấu thử.

Khi phỏng vấn SV và cựu SV, Đoàn ĐGN nhận thấy SV mong muốn Nhà trường/Khoa tổ chức thêm nhiều hơn nữa các môn học kỹ năng mềm (kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng tổ chức các sự kiện/các hoạt động tập thể, kỹ năng cứu đuối) trong CTĐT để khi tốt nghiệp SV có thể nhanh chóng thích nghi với môi trường làm việc trong thị trường lao động biến đổi nhanh chóng hiện nay.

#### **Tiêu chuẩn 5. Đánh giá kết quả học tập của người học**

##### **Điểm tồn tại cơ bản của Tiêu chuẩn 5:**

Mặc dù các Quy định về việc kiểm tra đánh giá kết quả học tập đã được Nhà trường/Khoa phổ biến đến SV bằng nhiều hình thức khác nhau, tuy nhiên Đoàn ĐGN nhận thấy vẫn còn có SV khi được phỏng vấn chưa nắm chắc nội

dung về việc đánh giá kết quả của HP (chưa nắm được thành phần, trọng số các điểm thành phần).

Quy định đào tạo trình độ đại học được ban hành tháng 9 năm 2021 của Nhà trường chưa đề cập đến một số nội dung liên quan đến kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học như: ra đề thi, coi thi, chấm thi, thông báo kết quả thi, khiếu nại kết quả bài thi...

Khoa chưa phân tích để đánh giá chất lượng, độ tin cậy và độ giá trị của các câu hỏi thi/đề thi một cách bài bản, vì thế Khoa chưa có cơ sở khoa học chắc chắn để khẳng định về độ tin cậy của các đề thi hết học phần và chưa có các dữ liệu cần thiết phục vụ cho việc điều chỉnh hoặc cải tiến các phương thức thi hiện hành hoặc thay đổi cách xây dựng câu hỏi thi/đề thi đánh giá kết quả học tập của SV ngành GDTC.

Đoàn ĐGN đã kiểm tra ngẫu nhiên ba túi bài thi của ba HP, nhận thấy: Cả ba túi bài thi đều không thể hiện rõ bút tích chấm của cán bộ chấm thi thứ hai; có một túi bài thi khi chấm GV không cho điểm thành phần mà chỉ đánh dấu; trong 1 túi bài thi có tờ thứ hai của 1 bài thi chưa đủ chữ ký của cả hai cán bộ chấm thi; ở một túi bài thi khác có 1 bài thi có điểm tổng ít hơn số điểm thành phần chấm trong bài thi.

Nhà trường quy định GV cần thông báo điểm đánh giá quá trình đến SV ngay sau khi kết thúc giảng dạy HP, nên SV không có nhiều thời gian để trao đổi trực tiếp với GV về kết quả này.

Nhà trường có quy trình khiếu nại về kết quả học tập của người học, nhưng chưa phân định rõ trách nhiệm của người chấm thi khi có chênh lệch điểm trước và sau khi khiếu nại.

### **Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên**

#### **Điểm tồn tại cơ bản của Tiêu chuẩn 6:**



Nhà trường và Khoa SPNN cần có cơ chế và chính sách hỗ trợ đặc biệt để động viên khuyến khích các GV của Khoa có lộ trình học nâng cao học vị để nâng tỷ lệ GV có học vị tiến sỹ trong thời gian tới.

Các hoạt động PVCĐ của giảng viên chưa được lượng hóa nên nhiệm vụ giám sát và đánh giá hoạt động PVCĐ của GV chưa được thuận lợi.

Dữ liệu điện tử trên E-Office chưa thuận lợi cho việc tìm kiếm thông tin liên quan. Số lượng ứng viên nộp hồ sơ tuyển dụng chưa nhiều, không có nhân sự có học vị tiến sỹ nộp đơn xin đăng ký tuyển dụng.

Năng lực NCKH của các GV trong Khoa chưa đồng đều.

Một số GV đang làm nghiên cứu sinh không đảm bảo đúng thời hạn do những nguyên nhân chủ quan hoặc khách quan (đề tài không khả thi, hoặc bản thân GV chưa quyết tâm cao). Kinh phí hỗ trợ cho giảng viên tham gia các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ ở trong và ngoài nước còn hạn chế.

Nhà trường chưa có cơ chế khuyến khích đặc biệt phù hợp đối với những giảng viên thực hiện vượt định mức NCKH. Phân bổ mức chi trực tiếp cho GV làm đề tài NCKH cấp Trường hiện đang ở mức thấp.

### **Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên**

#### **Điểm tồn tại cơ bản của Tiêu chuẩn 7:**

Việc quy hoạch đội ngũ KTV, chuyên viên và nhân viên làm việc tại thư viện, các phòng thí nghiệm, trong hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác phục vụ CTĐT chưa được dài hạn. Kế hoạch phát triển đội ngũ KTV, chuyên viên và nhân viên chưa được chi tiết đến từng lĩnh vực cụ thể; đặc biệt là cho những đơn vị có tính chất đặc thù.

Một số nội dung trong tiêu chí điều động, luân chuyển của Nhà trường chưa thể hiện được đặc thù theo chuyên ngành của nhân viên. Chính sách đãi ngộ đối với đội ngũ cán bộ hỗ trợ chưa nhiều.

Nhà trường có bộ tiêu chuẩn đánh giá năng lực chuyên môn, nghiệp vụ chung của đội ngũ nhân viên, chưa có những tiêu chí riêng theo đặc thù của từng lĩnh vực mà đội ngũ nhân viên đảm nhận, ví dụ: nhóm nhân viên là việc tại Thư viện; nhóm nhân viên CNTT; nhóm nhân viên/kỹ thuật viên làm tại phòng thí nghiệm; nhóm nhân viên hành chính ...

Tiêu chí đánh giá, phân loại đối với nhân viên ở mức hoàn thành tốt và hoàn thành nhiệm vụ khá định tính, chưa được định lượng rõ ràng.

Việc khảo sát ý kiến đội ngũ nhân viên về mức độ hài lòng đối với việc quản trị theo kết quả công việc được triển khai chưa đồng bộ ở các đơn vị.

### **Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học**

#### **Điểm tồn tại cơ bản của Tiêu chuẩn 8:**

Các đối tượng được Nhà trường/Khoa khảo sát ý kiến về chính sách tuyển sinh của Trường chưa đa dạng.

Nhà trường chưa sử dụng phương thức đánh giá năng lực để tuyển sinh.

Tỷ lệ người học ngành GDTC có kết quả học tập ở mức trung bình/yếu có xu hướng tăng ở các khóa cuối chu kỳ KĐCLGD: K57A: 14,29% (1/7); K58A: 0% (0/4); K59A: 30% (3/10); K60A: 85,71% (trong đó có 23,81% học lực yếu); tỷ lệ người học tốt nghiệp có xu hướng giảm: Năm học 2015-2016: 75,68%; năm học 2016-2017: 79,59%; năm học 2017-2018: 94,87%; năm học 2018-2019: 75%; năm học 2019-2020: 71,40%.

Qua khảo sát thực tế của Đoàn ĐGN cho thấy: “Hệ thống giám sát trên phần mềm chưa tự động đưa ra những cảnh báo về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của người học”.

Nội dung các câu hỏi trong các phiếu khảo sát được thiết kế chưa khoa học nên chưa thu được nhiều thông tin hữu ích giúp cho việc cải tiến chất lượng tư vấn và hỗ trợ người học.

Kết quả khảo sát của Đoàn ĐGN về tình trạng việc làm của người học tốt

nghiệp giai đoạn 2018-2020 cho thấy: Tỷ lệ người người học ngành GDTC có việc làm đúng ngành đạt tỷ lệ không cao: 46,6%.

Việc khảo sát cán bộ, giảng viên, nhân viên về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan trong Trường thực hiện chưa bài bản (Thu thập thông tin phản hồi thông qua hội nghị viên chức hằng năm).

### **Tiêu chuẩn 9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị**

#### **Điểm tồn tại cơ bản của Tiêu chuẩn 9:**

Khoa/bộ môn chưa được bố trí phòng làm việc, sinh hoạt chuyên môn riêng; không gian làm việc của cán bộ giảng viên khá chật hẹp.

Thư viện chưa đáp ứng đầy đủ giáo trình tài liệu học tập theo danh mục tài liệu được quy định tại các đề cương chi tiết học phần của CTĐT. Tại thời điểm khảo sát chính thức, Đoàn ĐGN đã yêu cầu Thư viện tìm 54 đầu giáo trình, tài liệu tham khảo được quy định trong 12 đề cương chi tiết các học phần được Đoàn ĐGN lựa chọn ngẫu nhiên của CTĐT ngành Giáo dục Thể chất. Kết quả, Thư viện đã đưa ra được 40 đầu giáo trình, tài liệu Đoàn ĐGN yêu cầu.

Theo số liệu kiểm kê tháng 01 năm 2021, phần lớn các trang thiết bị điện tử (máy tính, camera, ..) của Thư viện đã hết thời hạn khấu hao sử dụng.

Hợp đồng CSDL Proquest Central số 01/LHTV-ITGVN-VINHUNI/2019 đã hết hiệu lực.

Một số biên bản kiểm kê các trang thiết bị dạy học thực hiện chưa ghi đầy đủ thông tin theo mẫu biểu quy định (Thành phần tổ kiểm kê, ngày kiểm kê, vị trí...). Một số cán bộ quản lý các phòng thực hành chưa ghi đầy đủ các thông tin trong sổ nhật ký sửa chữa, thay thế thiết bị tại phòng thực hành.

Việc khảo sát CB, GV, NV về mức độ đáp ứng của hệ thống CNTT đối với hoạt động đào tạo và NCKH của Trường chưa bài bản (Thu thập thông tin phản hồi thông qua hội nghị viên chức hằng năm).

Kết quả phỏng vấn các đối tượng liên quan cho thấy có một số thời điểm

mạng wifi còn chậm.

Kết quả trao đổi với các nhóm đối tượng cho thấy: “Các phần mềm quản lý dạy học vẫn còn một số trục trặc kỹ thuật. Trang LMS hỗ trợ hoạt động dạy học còn ít chức năng, chưa tải được các học liệu dạng video, chưa sử dụng được dạng bài tập trắc nghiệm”.

Việc khảo sát cán bộ, giảng viên về môi trường, sức khỏe và an toàn trong khuôn viên của Trường chưa bài bản (Thu thập thông tin phản hồi thông qua hội nghị viên chức hằng năm).

### **Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng**

#### **Điểm tồn tại cơ bản của Tiêu chuẩn 10:**

Tính hệ thống trong thu thập ý kiến phản hồi các bên liên quan của Trường thể hiện khá mờ nhạt, do nhiều đầu mối chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện (ít nhất có 5 đầu mối). Do vậy tại thời điểm KSCT, quy định lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan nằm ở nhiều văn bản khác nhau tùy thuộc vào các đơn vị, chưa mang tính thống nhất và hướng dẫn chung về các chi tiết/bước thực hiện, ví dụ: cách thức tổ chức thực hiện, thời điểm khảo sát, phương pháp khảo sát, kích thước mẫu tối thiểu và cách chọn mẫu với từng đối tượng khảo sát ... và đặc biệt là thiếu hướng dẫn về việc phân tích, xử lý dữ liệu và tổng hợp chung các kết quả khảo sát, đề xuất/khuyến nghị các giải pháp cải tiến trong các báo cáo về kết quả khảo sát và việc sử dụng kết quả khảo sát tại các đơn vị liên quan...

### **Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra**

#### **Điểm tồn tại cơ bản của Tiêu chuẩn 11:**

Sau 1 năm tốt nghiệp vẫn còn tỷ lệ đáng kể SV tốt nghiệp thuộc CTĐT chưa kiếm được việc làm; con số này được duy trì ở mức độ nhất định trong suốt mấy năm qua. Điều đó cho thấy, tuy đã cố gắng đưa ra nhiều giải pháp giúp SVTN sớm kiếm được việc làm, song hiệu quả của các giải pháp đó chưa thật cao.

Sản phẩm NCKH của SV của Khoa còn nghèo nàn, số lượng SV tham gia NCKH chưa nhiều.

Kinh phí cho NCKH của SV trong 5 năm qua của Nhà trường chỉ chiếm 1,02% nguồn thu học phí của Nhà trường, thấp hơn nhiều so với quy định hiện hành của Chính phủ.

## **2.2. Kiến nghị để cải tiến chất lượng CTĐT**

### **Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

#### **Kiến nghị đối với Tiêu chuẩn 1:**

Trong kỳ rà soát CTĐT sắp tới, Nhà Trường/Khoa cần bổ sung/hoàn thiện hơn mục tiêu đào tạo của CTĐT ngành GDTC để thể hiện được rõ nét hơn về đặc thù riêng biệt của ngành GDTC.

Khi xây dựng CDR, Nhà trường cần tuân thủ quy định về các nội dung của CDR được yêu cầu trong Quyết định số 1982/QĐ-TTg, ngày 18/10/2016 và Thông tư số 07/TT-BGDĐT, ngày 16/4/2015 trong đó có nội dung “Mức tự chủ và trách nhiệm”.

Nhà trường/Khoa cần có các giải pháp để thu hút được đông đảo các nhà tuyển dụng tham gia đóng góp ý kiến để hoàn thiện CDR của CTĐT để đảm bảo các ý kiến mang tính đại diện cao. Ví dụ: Nhà trường/Khoa có thể huy động các cựu SV của Trường tham gia vào việc vận động các nhà tuyển dụng đóng góp ý kiến.

### **Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả chương trình đào tạo**

#### **Kiến nghị đối với Tiêu chuẩn 2:**

Khoa cần kịp thời rà soát lại các tài liệu học tập trong từng ĐCCTHP để cập nhật các tài liệu chuyên ngành được xuất bản hoặc tái bản trong những năm gần đây nhất để đảm bảo các nội dung/kiến thức và kỹ năng cung cấp trong các tài liệu này bắt kịp được những thay đổi thay thế những tài liệu đã được xuất bản từ nhiều

năm trước đây và cập nhật các tài liệu mới nhất trong lĩnh vực liên quan để đảm bảo chất lượng dạy và học của CTĐT ngành GDTC.

Khi xây dựng ĐCCTHP ở lần điều chỉnh CTĐT năm 2021, Nhà trường/Khoa cần kiểm tra/giám sát để tất cả các ĐCCTHP khi biên soạn tuân thủ theo mẫu chung đã được quy định trước khi nghiệm thu.

Nhà trường/Khoa cần định kỳ có những khảo sát đánh giá mức độ thuận lợi và dễ dàng tiếp cận của các bên liên quan với CTĐT cũng như các đề cương chi tiết của các HP để từ đó có những thay đổi/điều chỉnh về các phương thức quảng bá, truyền thông về CTĐT, bản mô tả CTĐT và các đề cương học phần để các đối tác tiềm năng đều biết đến CTĐT GDTC của Nhà trường.

### **Tiêu chuẩn 3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học**

#### **Kiến nghị đối với Tiêu chuẩn 3:**

Nhà trường/Khoa cần tổ chức tổng kết đánh giá một cách bài bản hoặc tổ chức hội thảo/hội nghị khoa học để đánh giá về các phương pháp giảng dạy, phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập đã được sử dụng của CTĐT ngành GDTC và đồng thời đối sánh với các CTĐT khác để phát hiện ra những tồn tại và đưa ra các giải pháp phù hợp để cải tiến các phương pháp giảng dạy và phương pháp kiểm tra đánh giá.

Nhà trường/Khoa cần định kỳ lấy ý kiến các bên liên quan bao gồm: GV, cựu SV và các nhà tuyển dụng lao động về nội dung các môn học/HP trong CTDH để làm rõ các môn học/HP có thể hiện được việc đạt được CDR không từ đó làm căn cứ cho việc điều chỉnh nội hàm của mỗi môn học/HP góp phần đạt được CDR.

Nhà trường/Khoa cần rà soát lại để thống nhất mức năng lực tối thiểu cần đạt được giữa bản Mô tả CTĐT với bản Ma trận phân nhiệm CDR CTĐT và các HP (phiên bản năm 2021).

Nhà trường nên nghiên cứu để bổ sung thêm số tín chỉ tự chọn nhằm giúp người học có thể có nhiều lựa chọn hơn khi đăng ký học các HP tự chọn.

Khi tham khảo một số CTĐT ngành GDTC của một số trường đại học ngoài nước, Khoa cần phân tích chỉ rõ vì sao cần bổ sung thêm HP nào của CTĐT thuộc trường nào vào CTĐT ngành GDTC của Nhà trường để Hội đồng Khoa và Hội đồng Khoa học và Đào tạo của Trường có cơ sở khoa học để đưa ra quyết định cuối cùng.

#### **Tiêu chuẩn 4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học**

##### **Kiến nghị đối với Tiêu chuẩn 4:**

Nhà trường cần nghiên cứu để có thể kết nối với nhà tuyển dụng bằng nhiều phương thức khác nhau để từ đó lựa chọn được các phương thức truyền thông sâu rộng phù hợp hơn với từng nhóm đối tượng bên ngoài Trường (các nhà tuyển dụng, các đối tác tiềm năng) về Triết lý giáo dục và Mục tiêu giáo dục của Nhà trường.

Nhà trường nên trao đổi với các SV và cựu SV để xác định thêm các nguồn tuyển sinh và mở rộng hơn phạm vi tuyển sinh để có thể thu hút được nhiều thí sinh thi tuyển vào CTĐT để thuận lợi trong việc giảng dạy và cùng đạt hiệu quả kinh tế cao hơn.

Nhà trường/Khoa nên nghiên cứu đề xuất của SV cũng như cựu SV để có thể tổ chức thêm các lớp học kỹ năng mềm cho SV ngành GDTC nói riêng và SV của toàn Trường nói chung.

SV và cựu SV cũng mong muốn Nhà trường nâng cấp/tăng cường đầu tư CSVC hơn nữa để phục vụ cho các hoạt động dạy và học của ngành GDTC như Bể bơi, sân bãi tập chạy và Điền kinh.

#### **Tiêu chuẩn 5. Đánh giá kết quả học tập của người học**

##### **Kiến nghị đối với Tiêu chuẩn 5:**

Nhà trường/Khoa cần thông qua CVHT, giáo viên chủ nhiệm và các buổi sinh hoạt Đoàn Thanh niên để truyền thông sâu hơn nữa đến SV về vai trò và tầm

quan trọng của các quy định kiểm tra đánh giá kết quả học tập để người học chủ động nắm vững các quy định về kiểm tra đánh giá góp phần nâng cao kết quả học tập.

Nhà trường cần cập nhật thêm vào văn bản hiện hành các nội dung liên quan đến kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học như: ra đề thi, coi thi, chấm thi, thông báo kết quả thi, khiếu nại kết quả bài thi... để CB, GV và SV đều được có thể thuận lợi tra cứu và nắm bắt được những vấn đề cập nhật nhất về các yêu cầu liên quan đến việc biên soạn đề thi, trông thi, chấm thi, thông báo kết quả thi, phúc tra ...

Nhà trường/Khoa cần sử dụng các phần mềm chuyên dụng để định lượng đánh giá một cách khoa học về độ tin cậy và độ giá trị của các câu hỏi thi/đề thi để có căn cứ cho việc điều chỉnh hoặc cải tiến các phương thức thi hiện hành hoặc thay đổi cách ra câu hỏi thi/đề thi đánh giá kết quả học tập của SV ngành GDTC.

Nhà trường nên quy định cho GV thông báo điểm đánh giá quá trình đến SV trước khi kết thúc HP 1 tuần để SV có đủ thời gian trao đổi với GV về kết quả này nếu có thắc mắc.

Nhà trường cần phân định rõ trách nhiệm của người chấm thi khi có sự chênh lệch điểm trước và sau khi khiếu nại để đảm bảo quyền lợi cho người học.

### **Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên**

#### **Kiến nghị đối với Tiêu chuẩn 6:**

Nhà trường và Khoa GDTC cần có cơ chế và chính sách hỗ trợ đặc biệt để động viên khuyến khích các GV của Khoa có lộ trình học nâng cao học vị để nâng tỷ lệ GV có học vị tiến sỹ trong thời gian tới.

Nhà trường cần đưa ra các tiêu chí lượng hóa được các hoạt động PVCD của giảng viên để thuận lợi hơn trong việc giám sát và đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ PVCD của GV hằng năm.



Nhà trường nên nghiên cứu để có thể nâng cấp phần mềm E-Office của Trường đvới các trường thông tin thuận lợi hơn để người dùng có thể dễ dàng tìm kiếm được các thông tin liên quan phục vụ cho công tác quản lý và điều hành.

Để có thể thu hút được đông đảo nhân sự đăng ký tham gia tuyển dụng vào làm GV của Trường/Khoa GDTC, Nhà trường cần có chính sách ưu tiên, ưu đãi đặc biệt đối với những nhân sự có học vị tiến sỹ.

Nhà trường/Khoa cần định kỳ hằng năm có các xe-mi-na hoặc các lớp bồi dưỡng để hướng dẫn, bồi dưỡng cho các GV trẻ về các phương pháp NCKH; đồng thời Khoa nên có các tổ NCKH trong đó có các GV có kinh nghiệm NCKH trực tiếp bồi dưỡng/hướng dẫn cho các GV trẻ cùng làm chung đề tài NCKH các cấp để nâng cao năng lực NCKH cho các GV trong Khoa.

Nhà trường cần tham khảo Quyết định số 89/QĐ-TTg ngày 18/1/2019 của Chính phủ phê duyệt Đề án Nâng cao năng lực đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý các cơ sở giáo dục đại học đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo giai đoạn 2019 - 2030 để xây dựng lộ trình phát triển năng lực của đội ngũ GV của Khoa GDTC và của Trường.

Nhà trường và Khoa GDTC cần có cơ chế buộc các GV đang làm nghiên cứu sinh phải đầu tư nhiều thời gian hơn để đảm bảo tiến độ học tập và hoàn thành luận án tiến sỹ đúng kỳ hạn quy định.

Nhà trường cần nghiên cứu để đưa ra cơ chế khuyến khích phù hợp cho những GV thực hiện vượt định mức NCKH; đồng thời cần tăng mức chi trực tiếp cho các giảng viên thực hiện các đề tài NCKH cấp Trường.

### **Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên**

#### **Kiến nghị đối với Tiêu chuẩn 7:**

Nhà trường nên nghiên cứu để đưa ra chiến lược dài hạn hơn nhằm quy hoạch phát triển đội ngũ KTV, chuyên viên và nhân viên làm việc cho từng lĩnh vực cụ thể tại thư viện, các phòng thí nghiệm, đặc biệt là đội ngũ làm việc trong hệ

thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác phục vụ cho các hoạt động của Nhà trường; trong Chiến lược phát triển cần có kế hoạch chi tiết hơn để phát triển đội ngũ này cho từng lĩnh vực chuyên môn theo những đặc thù của từng ngành đào tạo của Nhà trường; đặc biệt kế hoạch phát triển cần đưa ra được lộ trình để các KTV, chuyên viên và nhân viên phải chủ động đăng ký đi học để đạt chuẩn năng lực theo quy định.

Nhà trường nên nghiên cứu để đưa ra được tiêu chí thể hiện được tính đặc thù của một số vị trí của nhân viên khi điều động, luân chuyển các nhân sự là nhân viên của Nhà trường. Đồng thời, Nhà trường nên nghiên cứu để mở rộng hơn các chính sách đãi ngộ và khuyến khích đối với đội ngũ nhân viên hỗ trợ nhiệm vụ đào tạo, NCKH và PVCD của Trường.

Song hành với bộ tiêu chuẩn đánh giá năng lực chung, Nhà trường cần xây dựng thêm một số tiêu chuẩn/tiêu chí riêng phù hợp với đặc thù về các năng lực chuyên biệt cho từng lĩnh vực cụ thể của từng chuyên môn mà các nhóm nhân viên đang đảm nhận, chẳng hạn: tiêu chuẩn/tiêu chí riêng cho nhóm nhân viên là việc tại Thư viện; tiêu chuẩn/tiêu chí riêng cho nhóm nhân viên CNTT; nhóm nhân viên/kỹ thuật viên làm tại phòng thí nghiệm; nhóm nhân viên hành chính ...

Các tiêu chuẩn/tiêu chí đánh giá năng lực nhân viên cần được lượng hóa cụ thể để đảm bảo việc đánh giá năng lực được công bằng.

Kế hoạch phát triển của Nhà trường cần đưa ra được lộ trình để các KTV, chuyên viên và nhân viên phải chủ động đăng ký đi học để đạt chuẩn năng lực theo quy định. Nhà trường cần tăng ngân sách phân bổ cho đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ hỗ trợ.

Nhà trường cần quy định cụ thể về việc khảo sát ý kiến cán bộ nhân viên về mức độ hài lòng đối với việc quản trị theo kết quả công việc (thời gian khảo sát, phương pháp khảo sát ...) để việc khảo sát này được thực hiện đồng bộ trong tất cả các đơn vị trong Trường.

**Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học****Kiến nghị đối với Tiêu chuẩn 8:**

Nhà trường cần lấy ý kiến của nhiều đối tượng liên quan về chính sách tuyển sinh của Trường đối với ngành Giáo dục Thể chất để thu được nhiều ý kiến đa chiều giúp cho việc điều chỉnh chính sách tuyển sinh hằng năm của Nhà trường/CTĐT.

Nhà trường nên nghiên cứu tổ chức kỳ thi đánh giá năng lực hằng năm để chủ động có thêm phương thức tuyển sinh/tuyển chọn những thí sinh đủ năng lực vào học tại Trường.

Khoa GDTC cần phân tích tìm hiểu nguyên nhân vì sao tỷ lệ người học có kết quả học tập ở mức trung bình/yếu có xu hướng tăng ở các khóa cuối chu kỳ KĐCLGD để có biện pháp hỗ trợ người học hiệu quả.

Nhà trường cần phối hợp với đối tác hoàn thiện các chức năng của phần mềm quản lý đào tạo “Trí Nam” để hỗ trợ hiệu quả hoạt động giám sát sự tiến bộ của người học.

Nhà trường cần nghiên cứu để thiết kế các phiếu khảo sát phù hợp với từng đối tượng, mục tiêu khảo sát; các câu hỏi trong thang đo trong phiếu khảo sát cần được thiết kế một cách khoa học để có thể thu thập được những thông tin hữu ích phục vụ cho việc cải tiến chất lượng các hoạt động liên quan của Nhà trường.

Nhà trường/Khoa GDTC nên tổ chức hội nghị/hội thảo với sự tham gia của đại diện các bên liên quan (Nhà tuyển dụng, cựu sinh viên, đại diện các tổ chức xã hội nghề nghiệp, các nhà khoa học, cán bộ, giảng viên của Nhà trường ...) để phân tích, đánh giá, làm rõ các nguyên nhân khách quan, chủ quan của việc sinh viên gặp khó khăn trong việc tìm kiếm việc làm đúng ngành để có các giải pháp đồng bộ từ việc xây dựng chính sách tuyển sinh đến việc phối hợp hoạt động hỗ trợ của Trung tâm Dịch vụ, HTSV&QHDN, Khoa, Đoàn Thanh niên, Hội SV đối với sinh viên tốt nghiệp của ngành GDTC.

Nhà trường cần thực hiện việc khảo sát cán bộ, giảng viên, nhân viên về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan trong khuôn viên Trường bằng các phiếu khảo sát để thu thập được nhiều thông tin phục vụ cho việc đưa ra được các giải pháp phù hợp để phát huy các điểm mạnh và khắc phục những tồn tại.

### **Tiêu chuẩn 9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị**

#### **Kiến nghị đối với Tiêu chuẩn 9:**

Nhà trường nên xem xét và bố trí phòng làm việc, phòng sinh hoạt chuyên môn riêng cho các khoa/bộ môn và bố trí thêm diện tích không gian làm việc cho đội ngũ giảng viên.

Thư viện của Nhà trường cần hằng năm thu thập nhu cầu sách/tài liệu học tập của từng khoa để đảm bảo thống kê đủ các đầu sách ghi trong các đề cương chi tiết học phần của các CTĐT để mua bổ sung cho Thư viện Trường nhằm bảo đảm Thư viện của Trường cung cấp kịp thời và đầy đủ giáo trình, tài liệu học tập, tham khảo được quy định trong các đề cương chi tiết học phần của các CTĐT hiện đang được triển khai đào tạo tại Trường. Nhà trường cần đảm bảo hằng năm cấp đủ kinh phí để Thư viện cập nhật đầy đủ sách, giáo trình, tài liệu tham khảo đáp ứng yêu cầu của các khoa.

Thư viện cần phối hợp với các đơn vị chức năng rà soát lại mức độ đáp ứng yêu cầu của các trang thiết bị, đề xuất Nhà trường thanh lý các trang thiết bị không còn đáp ứng yêu cầu và có kế hoạch mua bổ sung các trang thiết bị thay thế.

Nhà trường cần rà soát, đánh giá nhu cầu và hiệu quả khai thác sử dụng CSDL Proquest Central để có kế hoạch ký tiếp hợp đồng để bảo đảm Thư viện cung cấp đủ tài liệu phục vụ hoạt động đào tạo và NCKH

Nhà trường cần quy định cụ thể về các bước phải thực hiện khi kiểm kê để hướng dẫn đội ngũ cán bộ, nhân viên kiểm kê thực hiện đúng quy định.

Trung tâm Thực hành – Thí nghiệm cần định kỳ kiểm tra và nhắc nhở các

nhân viên quản lý các phòng thực hành - thí nghiệm ghi đầy đủ các thông tin trong sổ nhật ký sửa chữa, thay thế thiết bị tại phòng thực hành theo quy định của mẫu biểu.

Trung tâm CNTT cần phối hợp chặt chẽ cùng các khoa rà soát, đánh giá tính năng của phần mềm quản lý dạy học, đề xuất với Nhà trường các giải pháp đầu tư, nâng cấp các phần mềm để hỗ trợ hiệu quả hoạt động dạy và học trực tuyến.

Nhà trường cần khảo sát cán bộ, giảng viên, nhân viên về mức độ đáp ứng của hệ thống CNTT đối với nhu cầu đào tạo và NCKH của Trường bằng các phiếu khảo sát để thu thập được nhiều thông tin hữu ích phục vụ cho việc xây dựng các giải pháp nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống CNTT.

Nhà trường nên tiếp tục đầu tư kinh phí để cải tạo hệ thống mạng internet, nhất là mạng wifi để phục vụ tốt hơn công tác đào tạo, NCKH của CBQL, GV và SV.

Nhà trường cần khảo sát cán bộ, giảng viên, nhân viên về môi trường, sức khỏe và an toàn trong khuôn viên của Trường bằng các phiếu khảo sát để có thể thu thập được nhiều thông tin một cách chính thống phục vụ cho việc xây dựng các giải pháp phù hợp để phát huy điểm mạnh và khắc phục những tồn tại.

### **Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng**

#### **Kiến nghị đối với Tiêu chuẩn 10:**

Để đảm bảo tính hệ thống chặt chẽ, Nhà trường cần thống nhất nhiệm vụ khảo sát ý kiến các bên liên quan vào 1 đầu mối (phòng/đơn vị chức năng) để điều hành và tổ chức chung, từ đó xây dựng Quy chế/quy định lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan một cách thống nhất, rõ ràng, chi tiết với hướng dẫn cụ thể, chặt chẽ, đảm bảo tính hệ thống cho thu thập và sử dụng ý kiến phản hồi của các bên liên quan, bao gồm: từ khâu thiết kế công cụ/phiếu khảo sát, phương pháp tổ chức thực hiện khảo sát, việc xác định mẫu khảo sát tối thiểu, việc phân tích, xử lý dữ liệu, mẫu báo cáo tổng kết các kết quả khảo sát và đề xuất các giải pháp cải tiến

trong các cáo về kết quả khảo sát, chuyển giao và sử dụng các kết quả khảo sát...để đảm bảo các kết quả khảo sát các nhóm đối tượng khác nhau được khai thác sử dụng một cách hữu ích phục vụ cho việc nâng cao chất lượng các hoạt động của từng Khoa và Trường.

### **Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra**

#### **Kiến nghị đối với Tiêu chuẩn 11:**

Nhà trường tiếp tục nghiên cứu sâu, kỹ hơn về các mối quan hệ, sự kết nối với các cơ quan, doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh Nghệ An để chủ động đưa ra các giải pháp cụ thể, thiết thực tăng cường khả năng việc làm cho SV tốt nghiệp.

Nhà trường cần thực hiện đúng các quy định của Nhà nước về tỷ lệ chi 3% nguồn thu học phí của Trường cho hoạt động NCKH của SV. Khoa và Bộ môn nên quan tâm nhiều hơn đến việc hỗ trợ và khuyến khích SV thực hiện các công bố khoa học và tham gia các đề tài NCKH, gắn với các lĩnh vực chuyên môn được đào tạo.

## 3. Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá và đánh giá ngoài

Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Đánh giá tiêu chí		Tổng hợp theo tiêu chuẩn					
	TĐG	ĐGN	Tự đánh giá			Đánh giá ngoài		
			Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỉ lệ số tiêu chí đạt	Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỉ lệ số tiêu chí đạt
<b>Tiêu chuẩn 1</b>			<b>5.00</b>	<b>3</b>	<b>100.00%</b>	<b>3.67</b>	<b>2</b>	<b>66.67%</b>
Tiêu chí 1.1	5	4						
Tiêu chí 1.2	5	3						
Tiêu chí 1.3	5	4						
<b>Tiêu chuẩn 2</b>			<b>4.67</b>	<b>3</b>	<b>100.00%</b>	<b>4.00</b>	<b>3</b>	<b>100.00%</b>
Tiêu chí 2.1	5	4						
Tiêu chí 2.2	5	4						
Tiêu chí 2.3	4	4						
<b>Tiêu chuẩn 3</b>			<b>4.33</b>	<b>3</b>	<b>100.00%</b>	<b>3.67</b>	<b>2</b>	<b>66.67%</b>
Tiêu chí 3.1	5	4						
Tiêu chí 3.2	4	3						
Tiêu chí 3.3	4	4						
<b>Tiêu chuẩn 4</b>			<b>5.00</b>	<b>3</b>	<b>100.00%</b>	<b>4.33</b>	<b>3</b>	<b>100.00%</b>
Tiêu chí 4.1	5	4						
Tiêu chí 4.2	5	5						
Tiêu chí 4.3	5	4						
<b>Tiêu chuẩn 5</b>			<b>4.60</b>	<b>5</b>	<b>100.00%</b>	<b>3.80</b>	<b>4</b>	<b>80.00%</b>
Tiêu chí 5.1	5	4						
Tiêu chí 5.2	5	4						
Tiêu chí 5.3	5	3						
Tiêu chí 5.4	4	4						
Tiêu chí 5.5	4	4						
<b>Tiêu chuẩn 6</b>			<b>4.86</b>	<b>7</b>	<b>100.00%</b>	<b>4.29</b>	<b>7</b>	<b>100.00%</b>
Tiêu chí 6.1	5	4						
Tiêu chí 6.2	5	4						
Tiêu chí 6.3	5	4						
Tiêu chí 6.4	5	5						
Tiêu chí 6.5	5	4						
Tiêu chí 6.6	5	5						
Tiêu chí 6.7	4	4						
<b>Tiêu chuẩn 7</b>			<b>4.20</b>	<b>5</b>	<b>100.00%</b>	<b>4.00</b>	<b>5</b>	<b>100.00%</b>
Tiêu chí 7.1	4	4						
Tiêu chí 7.2	4	4						
Tiêu chí 7.3	5	4						

**Báo cáo Đánh giá ngoài CTĐT ngành Giáo dục Thể chất – Trường ĐH Vinh**

Tiêu chí 7.4	4	4						
Tiêu chí 7.5	4	4						
<b>Tiêu chuẩn 8</b>			<b>4.40</b>	<b>5</b>	<b>100.00%</b>	<b>4.00</b>	<b>5</b>	<b>100.00%</b>
Tiêu chí 8.1	4	4						
Tiêu chí 8.2	5	4						
Tiêu chí 8.3	5	4						
Tiêu chí 8.4	4	4						
Tiêu chí 8.5	4	4						
<b>Tiêu chuẩn 9</b>			<b>5.00</b>	<b>5</b>	<b>100.00%</b>	<b>3.80</b>	<b>4</b>	<b>80.00%</b>
Tiêu chí 9.1	5	4						
Tiêu chí 9.2	5	3						
Tiêu chí 9.3	5	4						
Tiêu chí 9.4	5	4						
Tiêu chí 9.5	5	4						
<b>Tiêu chuẩn 10</b>			<b>4.50</b>	<b>6</b>	<b>100.00%</b>	<b>3.83</b>	<b>5</b>	<b>83.33%</b>
Tiêu chí 10.1	4	4						
Tiêu chí 10.2	4	4						
Tiêu chí 10.3	5	4						
Tiêu chí 10.4	4	4						
Tiêu chí 10.5	5	4						
Tiêu chí 10.6	5	3						
<b>Tiêu chuẩn 11</b>			<b>4.40</b>	<b>5</b>	<b>100.00%</b>	<b>3.80</b>	<b>4</b>	<b>80.00%</b>
Tiêu chí 11.1	5	4						
Tiêu chí 11.2	4	4						
Tiêu chí 11.3	5	4						
Tiêu chí 11.4	4	3						
Tiêu chí 11.5	4	4						
<b>Đánh giá chung chương trình theo 50 tiêu chí</b>			<b>4.62</b>	<b>50</b>	<b>100.00%</b>	<b>3.94</b>	<b>44</b>	<b>88.00%</b>
<b>Đánh giá chung chương trình theo 11 tiêu chuẩn</b>			<b>4.63</b>			<b>3.93</b>		



## Phần II. ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ

Căn cứ kết quả TĐG của Nhà trường, căn cứ các minh chứng và thông tin đủ tính hợp pháp và xác thực thu thập được trong quá trình nghiên cứu hồ sơ TĐG, quá trình khảo sát sơ bộ và khảo sát chính thức tại Nhà trường, Đoàn chuyên gia ĐGN đã đánh giá chất lượng CTĐT theo từng tiêu chí, thông qua việc đưa ra các điểm mạnh, tồn tại và các khuyến nghị khắc phục theo từng tiêu chí, đồng thời đánh giá mức đạt của tiêu chí.

### TIÊU CHUẨN 1: MỤC TIÊU VÀ CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*Tiêu chí 1.1. Mục tiêu của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của cơ sở giáo dục đại học, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học.*

#### 1. Điểm mạnh của Tiêu chí 1.1

Chương trình đào tạo (CTĐT) ngành Giáo dục Thể chất (GDTC) được đào tạo tại Trường Đại học (ĐH) Vinh từ năm 1994 theo Quyết định số 3090/QĐ-BGDĐT ngày 27/10/1994 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT). Trong chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục (KĐCLGD) giai đoạn 2016-2021, CTĐT ngành GDTC có 4 phiên bản: phiên bản năm 2016 (QĐ số 1002/QĐ-ĐHV ngày 30/8/2016), phiên bản năm 2017 (QĐ số 747 ngày 27/4/2017), phiên bản năm 2019 (QĐ số 2486/QĐ-ĐHV, ngày 17/09/2019) và phiên bản năm 2021 (QĐ số 2033/QĐ-ĐHV, ngày 10/09/2021). Các phiên bản CTĐT đều có mục tiêu đào tạo.

Mục tiêu đào tạo của CTĐT cử nhân ngành GDTC phiên bản năm 2021 là “Sinh viên tốt nghiệp chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Giáo dục Thể chất có phẩm chất chính trị, có đạo đức và phong cách nhà giáo; có kiến thức cơ sở

khối ngành sư phạm, kiến thức khoa học giáo dục cốt lõi và kiến thức nâng cao; có kỹ năng làm việc nhóm, giao tiếp đa phương thức và giao tiếp bằng ngoại ngữ; có năng lực hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai, vận hành/phát triển/cải tiến các hoạt động dạy học, giáo dục và nghiên cứu khoa học trong bối cảnh hiện đại hoá đất nước và hội nhập quốc tế”.

Mục tiêu chung được cụ thể hóa thành 4 mục tiêu cụ thể: 1) Có kiến thức cơ sở khối ngành sư phạm; kiến thức về khoa học giáo dục cốt lõi; kiến thức nâng cao chuyên ngành; 2) Có năng lực tư duy phân tích, giải quyết vấn đề trong hoạt động Giáo dục thể chất và thực hành khoa học cơ bản; có kỹ năng sử dụng công nghệ; có kỹ năng dạy học và thực hành khoa học cơ bản; có kỹ năng tự học và rèn luyện suốt đời; thể hiện đạo đức, phong cách nhà giáo; 3) Có năng lực hợp tác, làm việc nhóm, có kỹ năng giao tiếp bằng các hình thức khác nhau và giao tiếp bằng ngoại ngữ; 4) Có năng lực hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai, vận hành/phát triển/cải tiến các hoạt động dạy học, giáo dục và nghiên cứu khoa học.

Trường ĐH Vinh xác định Sứ mạng của mình là "Cơ sở giáo dục đại học đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao; là trung tâm đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, nghiên cứu khoa học giáo dục, khoa học cơ bản, ứng dụng và chuyển giao công nghệ hàng đầu của khu vực Bắc Trung bộ và cả nước, luôn hướng tới sự thành đạt của người học"; với Tầm nhìn: "trở thành Đại học Vinh trọng điểm quốc gia, thành viên của Mạng lưới các trường đại học ASEAN". Mục tiêu đào tạo của CTĐT ngành GDTC phù hợp với Sứ mạng và Tầm nhìn của Nhà trường.

Mục tiêu đào tạo của CTĐT ngành GDTC phù hợp với mục tiêu chung của giáo dục đại học quy định tại Luật Giáo dục ĐH (Số 42/VBHN-VPQH ngày 10/12/2018) Mục b Khoản 1 Điều 5: “Đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức; có kiến thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp, năng lực nghiên cứu và phát triển ứng dụng khoa học và công nghệ tương xứng với trình độ đào tạo; có sức khỏe; có khả năng sáng tạo và trách nhiệm nghề nghiệp, thích nghi với môi trường làm việc; có ý thức phục vụ nhân dân”.

## **2. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng của Tiêu chí 1.1**

### **2.1. Điểm tồn tại của Tiêu chí 1.1**

Mục tiêu đào tạo của CTĐT ngành GDTC chưa thể hiện rõ nét đặc thù khá riêng biệt của ngành GDTC.

### **2.2. Kiến nghị đối với Tiêu chí 1.1**

Trong kỳ rà soát CTĐT sắp tới, Nhà Trường/Khoa cần bổ sung/hoàn thiện hơn mục tiêu đào tạo của CTĐT ngành GDTC để thể hiện được rõ nét hơn về đặc thù riêng biệt của ngành GDTC.

## **3. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có**

## **4. Đánh giá mức đạt được của Tiêu chí 1.1: 4**

*Tiêu chí 1.2. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo.*

### **1. Điểm mạnh của Tiêu chí 1.2**

Trong chu kỳ KĐCLGD, Nhà trường đã ban hành CĐR các ngành đào tạo trình độ đại học, trong đó có ngành GDTC (QĐ số 1002/QĐ-ĐHV, ngày 30/08/2016; QĐ số 747/QĐ-ĐHV ngày 10/10/2017; QĐ số 2486/QĐ-ĐHV, ngày 17/09/2019 và QĐ 2033/QĐ-ĐHV ngày 10/9/2021).

CĐR của CTĐT ban hành năm 2017 được xác định theo 4 nội dung: 1) CĐR về kiến thức và lập luận ngành; 2) CĐR về kỹ năng cá nhân, nghề nghiệp và phẩm chất; 3) CĐR về kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp; 4) CĐR về năng lực hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai và vận hành trong bối cảnh doanh nghiệp và xã

hội với 16 CĐR cấp 2. Từ 4 nội dung và 16 CĐR cấp độ 2 này CĐR được chi tiết thành 81 CĐR cấp độ 3, cụ thể: Kiến thức được chi tiết thành 19 CĐR: khối kiến thức giáo dục đại cương (4 CĐR), khối kiến thức cơ sở ngành (6 CĐR), khối kiến thức chuyên ngành (9 CĐR); Kỹ năng được chi tiết thành 24 CĐR: kỹ năng lập luận phân tích và giải quyết vấn đề (5 CĐR), kỹ năng thử nghiệm, nghiên cứu và khám phá (4 CĐR), kỹ năng tư duy hệ thống (4 CĐR), Thái độ, tư tưởng và học tập (7 CĐR), Đạo đức, công bằng và các trách nhiệm khác (4 CĐR); Kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp được chi tiết thành 15 CĐR: Kỹ năng làm việc nhóm (5 CĐR), Kỹ năng giao tiếp (8 CĐR), kỹ năng giao tiếp bằng ngoại ngữ (2 CĐR); Năng lực hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai và vận hành trong bối cảnh doanh nghiệp và xã hội được chi tiết thành 23 CĐR: Bối cảnh xã hội và môi trường (7 CĐR), Bối cảnh Nhà trường (3 CĐR), Hình thành ý tưởng về hoạt động thể dục thể thao (4 CĐR), Thiết kế hoạt động giáo dục thể chất và thể thao (3 CĐR), Thực hiện hoạt động giáo dục thể chất và thể thao (4 CĐR), Đánh giá hoạt động giáo dục thể chất và thể thao (2 CĐR). Khi đạt được CĐR này, SV tốt nghiệp có thể đảm nhận các vị trí khác nhau trong lĩnh vực giáo dục như: giảng dạy tại các trường phổ thông, các cơ sở giáo dục và đào tạo; cán bộ nghiên cứu ở các cơ sở nghiên cứu về thể dục thể thao; cán bộ quản lý, huấn luyện và phát triển phong trào thể dục thể thao ở các đơn vị thể dục, thể thao các cấp; hoặc có thể tiếp tục học ở bậc học cao hơn.

CĐR ban hành năm 2021 vẫn được xác định với 4 nội dung nhưng số lượng CĐR cấp 2 và cấp 3 có sự thay đổi. Cụ thể là có 9 CĐR cấp 2 và 31 CĐR cấp 3 (13 chuẩn về Kiến thức và lập luận ngành; 8 chuẩn về Kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp; 4 chuẩn về Kỹ năng giao tiếp và hợp tác và 6 chuẩn về Hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai... và nghiên cứu khoa học).

Nhà trường có qui định CĐR về trình độ ngoại ngữ là bậc 3 của khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (tương đương cấp độ B1 khung tham chiếu Châu Âu) (QĐ số 411/QĐ-ĐHV ngày 28/1/2015).

## **2. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng của Tiêu chí 1.2**

### **2.1. Điểm tồn tại của Tiêu chí 1.2**

CĐR của CTĐT ngành GDTC ban hành năm 2017 theo QĐ số 747/QĐ-ĐHV ngày 27/4/2017 và ban hành năm 2021 theo QĐ số 2033/QĐ-ĐHV ngày 10/09/2021 chưa thể hiện rõ “Mức tự chủ và trách nhiệm” đối với người học tốt nghiệp theo quy định được nêu trong Quyết định Phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam (QĐ số 1982/QĐ-TTg, ngày 18/10/2016) và trong Thông tư số 07/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015. Nội dung CĐR năm 2017 được chi tiết thành quá nhiều chuẩn (81 CĐR).

### **2.2. Kiến nghị đối với Tiêu chí 1.2**

Khi xây dựng CĐR, Nhà trường cần tuân thủ quy định về các nội dung của CĐR được yêu cầu trong Quyết định số 1982/QĐ-TTg, ngày 18/10/2016 và Thông tư số 07/TT-BGDĐT, ngày 16/4/2015 trong đó có nội dung “Mức tự chủ và trách nhiệm”.

## **3. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có**

## **4. Đánh giá mức đạt được của Tiêu chí 1.2: 3**

*Tiêu chí 1.3. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai.*

### **1. Điểm mạnh của Tiêu chí 1.3**

Trong chu kỳ KĐCLGD, Nhà trường đã ban hành 4 Bản mô tả CTĐT theo các quyết định (QĐ số 1002/QĐ-ĐHV, ngày 30/08/2016; QĐ số 747/QĐ-ĐHV ngày 27/4/2017; QĐ số 2486/QĐ-ĐHV, ngày 17/09/2019; QĐ số 2033/QĐ-ĐHV

ngày 10/9/2021), trong đó CĐR ở phiên bản ban hành năm 2019 không thay đổi so với phiên bản năm 2017. CĐR của CTĐT ngành GDTC của Nhà trường được xây dựng và tiếp cận theo CDIO với CĐR có 3 cấp độ từ năm 2017.

Khi rà soát, đổi mới CĐR, Khoa GDTC đã tiến hành khảo sát ý kiến các bên liên quan: cán bộ quản lý (CBQL), giảng viên (GV), sinh viên (SV), cựu SV, nhà tuyển dụng lao động về các kết quả mong đợi sau đào tạo dựa trên danh mục hệ thống CĐR và cấu trúc CTĐT. Chẳng hạn như năm 2016 Nhà trường đã lấy ý kiến của các bên liên quan về CĐR, khung chương trình và khung năng lực. Số lượng các bên liên quan tham gia khảo sát như sau: 6 Nhà khoa học, 6 CBQL, 32 nhà tuyển dụng lao động, 8 cựu SV, 8 SV năm cuối. Năm 2021 đã khảo sát 52 CBQL; 29 GV; 25 nhà khoa học, chuyên viên sở giáo dục, tổ trưởng chuyên môn, 21 cựu SV, 26 SV và 20 GV cốt cán. Việc lấy ý kiến của các bên liên quan được Nhà trường/Khoa triển khai bằng nhiều hình thức như: khảo sát bằng phiếu hỏi, khảo sát online, tọa đàm trao đổi... Ý kiến của các bên liên quan được Khoa GDTC tham khảo để điều chỉnh CĐR trong các CTĐT nhằm đáp ứng yêu cầu của các bên liên quan.

Sau khi được thẩm định và ra quyết định ban hành, CĐR của CTĐT ngành GDTC được công bố công khai, rộng rãi đến CB, GV, SV, nhà sử dụng lao động bằng các hình thức và phương tiện khác nhau: công khai trên cổng thông tin điện tử của Trường và của Khoa GDTC; công bố trong tài liệu tư vấn tuyển sinh, tờ rơi quảng bá tuyển sinh, cảm nang SV, được phổ biến đến SV trong tuần sinh hoạt công dân đầu khóa học ...

## **2. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng của Tiêu chí 1.3**

### **2.1. Điểm tồn tại của Tiêu chí 1.3**

Mẫu khảo sát các bên liên quan về CĐR của CTĐT chưa đủ lớn để mang tính đại diện cao về các góp ý nhằm điều chỉnh và hoàn thiện CĐR của CTĐT theo yêu cầu của thị trường lao động.

## **2.2. Kiến nghị đối với Tiêu chí 1.3**

Nhà trường/Khoa cần có các giải pháp để thu hút được đông đảo các nhà tuyển dụng tham gia đóng góp ý kiến để hoàn thiện CDR của CTĐT để đảm bảo các ý kiến mang tính đại diện cao. Ví dụ: Nhà trường/Khoa có thể huy động các cựu SV của Trường tham gia vào việc vận động các nhà tuyển dụng đóng góp ý kiến.

## **3. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có**

## **4. Đánh giá mức đạt được của Tiêu chí 1.3: 4**

### ***ĐÁNH GIÁ CHUNG TIÊU CHUẨN 1***

#### **1. Điểm mạnh cơ bản của Tiêu chuẩn 1**

CTĐT ngành GDTC được đào tạo tại Trường ĐH Vinh từ năm 1994 theo Quyết định số 3090/QĐ-BGDĐT ngày 27/10/1994 của Bộ GD&ĐT. Trong chu kỳ KĐCLGD giai đoạn 2016-2021, CTĐT ngành GDTC có 4 phiên bản: phiên bản năm 2016, phiên bản năm 2017, phiên bản năm 2019 và phiên bản năm 2021. Các phiên bản CTĐT đều có mục tiêu đào tạo.

Mục tiêu đào tạo của CTĐT cử nhân ngành GDTC phiên bản năm 2021 là “Sinh viên tốt nghiệp chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Giáo dục Thể chất có phẩm chất chính trị, có đạo đức và phong cách nhà giáo; có kiến thức cơ sở khối ngành sư phạm, kiến thức khoa học giáo dục cốt lõi và kiến thức nâng cao; có kỹ năng làm việc nhóm, giao tiếp đa phương thức và giao tiếp bằng ngoại ngữ; có năng lực hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai, vận hành/phát triển/cải tiến các hoạt động dạy học, giáo dục và nghiên cứu khoa học trong bối cảnh hiện đại hoá đất nước và hội nhập quốc tế”.

Mục tiêu chung được cụ thể hóa thành 4 mục tiêu cụ thể: 1) Có kiến thức cơ sở khối ngành sư phạm; kiến thức về khoa học giáo dục cốt lõi; kiến thức nâng cao chuyên ngành; 2) Có năng lực tư duy phân tích, giải quyết vấn đề trong hoạt động Giáo dục thể chất và thực hành khoa học cơ bản; có kỹ năng sử dụng công nghệ; có kỹ năng dạy học và thực hành khoa học cơ bản; có kỹ năng tự học và rèn luyện suốt đời; thể hiện đạo đức, phong cách nhà giáo; 3) Có năng lực hợp tác, làm việc nhóm, có kỹ năng giao tiếp bằng các hình thức khác nhau và giao tiếp bằng ngoại ngữ; 4) Có năng lực hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai, vận hành/phát triển/cải tiến các hoạt động dạy học, giáo dục và nghiên cứu khoa học.

Trường ĐH Vinh xác định Sứ mạng của mình là "Cơ sở giáo dục đại học đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao; là trung tâm đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, nghiên cứu khoa học giáo dục, khoa học cơ bản, ứng dụng và chuyển giao công nghệ hàng đầu của khu vực Bắc Trung bộ và cả nước, luôn hướng tới sự thành đạt của người học"; với Tầm nhìn: "trở thành Đại học Vinh trọng điểm quốc gia, thành viên của Mạng lưới các trường đại học ASEAN". Mục tiêu đào tạo của CTĐT ngành GDTC phù hợp với Sứ mạng và Tầm nhìn của Nhà trường.

Mục tiêu đào tạo của CTĐT ngành GDTC phù hợp với mục tiêu chung của giáo dục đại học quy định tại Luật Giáo dục ĐH (Số 42/VBHN-VPQH ngày 10/12/2018) Mục b Khoản 1 Điều 5: “Đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức; có kiến thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp, năng lực nghiên cứu và phát triển ứng dụng khoa học và công nghệ tương xứng với trình độ đào tạo; có sức khỏe; có khả năng sáng tạo và trách nhiệm nghề nghiệp, thích nghi với môi trường làm việc; có ý thức phục vụ nhân dân”.

Trong chu kỳ KĐCLGD, Nhà trường đã ban hành CĐR các ngành đào tạo trình độ đại học, trong đó có ngành GDTC. CĐR của CTĐT ban hành năm 2017 được xác định theo 4 nội dung: 1) CĐR về kiến thức và lập luận ngành; 2) CĐR về kỹ năng cá nhân, nghề nghiệp và phẩm chất; 3) CĐR về kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp; 4) CĐR về năng lực hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai và vận hành



trong bối cảnh doanh nghiệp và xã hội với 16 CĐR cấp 2. Từ 4 nội dung và 16 CĐR cấp độ 2 này CĐR được chi tiết thành 81 CĐR cấp độ 3. Khi đạt được CĐR này, SV tốt nghiệp có thể đảm nhận các vị trí khác nhau trong lĩnh vực giáo dục như: giảng dạy tại các trường phổ thông, các cơ sở giáo dục và đào tạo; cán bộ nghiên cứu ở các cơ sở nghiên cứu về thể dục thể thao; cán bộ quản lý, huấn luyện và phát triển phong trào thể dục thể thao ở các đơn vị thể dục, thể thao các cấp; hoặc có thể tiếp tục học ở bậc học cao hơn. CĐR ban hành năm 2021 vẫn được xác định với 4 nội dung nhưng số lượng CĐR cấp 2 và cấp 3 có sự thay đổi. Cụ thể là có 9 CĐR cấp 2 và 31 CĐR cấp 3 (13 chuẩn về Kiến thức và lập luận ngành; 8 chuẩn về Kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp; 4 chuẩn về Kỹ năng giao tiếp và hợp tác và 6 chuẩn về Hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai... và nghiên cứu khoa học).

Nhà trường có qui định CĐR về trình độ ngoại ngữ là bậc 3 của khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (tương đương cấp độ B1 khung tham chiếu Châu Âu) (QĐ số 411/QĐ-ĐHV ngày 28/1/2015).

Trong chu kỳ KĐCLGD, Nhà trường đã ban hành 4 Bản mô tả CTĐT, trong đó CĐR ở phiên bản ban hành năm 2019 không thay đổi so với phiên bản năm 2017. CĐR của CTĐT ngành GDTC của Nhà trường được xây dựng và tiếp cận theo CDIO với CĐR có 3 cấp độ từ năm 2017.

Khi rà soát, đổi mới CĐR, Khoa GDTC đã tiến hành khảo sát ý kiến các bên liên quan: CBQL, GV, SV, cựu SV, nhà tuyển dụng lao động về các kết quả mong đợi sau đào tạo dựa trên danh mục hệ thống CĐR và cấu trúc CTĐT. Việc lấy ý kiến của các bên liên quan được Nhà trường/Khoa triển khai bằng nhiều hình thức như: khảo sát bằng phiếu hỏi, khảo sát online, tọa đàm trao đổi... Ý kiến của các bên liên quan được Khoa GDTC tham khảo để điều chỉnh CĐR trong các CTĐT nhằm đáp ứng yêu cầu của các bên liên quan.

Sau khi được thẩm định và ra quyết định ban hành, CĐR của CTĐT ngành GDTC được công bố công khai, rộng rãi đến CB, GV, SV, nhà sử dụng lao động

bằng các hình thức và phương tiện khác nhau: công khai trên cổng thông tin điện tử của Trường và của Khoa GDTC; công bố trong tài liệu tư vấn tuyển sinh, tờ rơi quảng bá tuyển sinh, cảm nang SV, được phổ biến đến SV trong tuần sinh hoạt công dân đầu khóa học ...

## **2. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng của Tiêu chuẩn 1:**

### **2.1. Điểm tồn tại cơ bản của Tiêu chuẩn 1:**

Mục tiêu đào tạo của CTĐT ngành GDTC chưa thể hiện rõ nét đặc thù khá riêng biệt của ngành GDTC.

CĐR của CTĐT ngành GDTC ban hành năm 2017 theo QĐ số 747/QĐ-ĐHV ngày 27/4/2017 và ban hành năm 2021 theo QĐ số 2033/QĐ-ĐHV ngày 10/09/2021 chưa thể hiện rõ “Mức tự chủ và trách nhiệm” đối với người học tốt nghiệp theo quy định được nêu trong Quyết định Phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam (QĐ số 1982/QĐ-TTg, ngày 18/10/2016) và trong Thông tư số 07/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015. Nội dung CĐR năm 2017 được chi tiết thành quá nhiều chuẩn (81 CĐR).

Mẫu khảo sát các bên liên quan về CĐR của CTĐT chưa đủ lớn để mang tính đại diện cao về các góp ý nhằm điều chỉnh và hoàn thiện CĐR của CTĐT theo yêu cầu của thị trường lao động.

### **2.2. Kiến nghị đối với Tiêu chuẩn 1:**

Trong kỳ rà soát CTĐT sắp tới, Nhà Trường/Khoa cần bổ sung/hoàn thiện hơn mục tiêu đào tạo của CTĐT ngành GDTC để thể hiện được rõ nét hơn về đặc thù riêng biệt của ngành GDTC.

Khi xây dựng CĐR, Nhà trường cần tuân thủ quy định về các nội dung của CĐR được yêu cầu trong Quyết định số 1982/QĐ-TTg, ngày 18/10/2016 và Thông tư số 07/TT-BGDĐT, ngày 16/4/2015 trong đó có nội dung “Mức tự chủ và trách nhiệm”.

Nhà trường/Khoa cần có các giải pháp để thu hút được đông đảo các nhà tuyển dụng tham gia đóng góp ý kiến để hoàn thiện CDR của CTĐT để đảm bảo các ý kiến mang tính đại diện cao. Ví dụ: Nhà trường/Khoa có thể huy động các cựu SV của Trường tham gia vào việc vận động các nhà tuyển dụng đóng góp ý kiến.

### **3. Đánh giá mức đạt được của Tiêu chuẩn 1:**

<b>Tiêu chuẩn/ Tiêu chí</b>	<b>Mức đánh giá</b>
<b>Tiêu chuẩn 1</b>	<b>3,67</b>
<i>Tiêu chí 1.1</i>	<b>4</b>
<i>Tiêu chí 1.2</i>	<b>3</b>
<i>Tiêu chí 1.3</i>	<b>4</b>

**TIÊU CHUẨN 2: BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

*Tiêu chí 2.1. Bản mô tả chương trình đào tạo đầy đủ thông tin và cập nhật.*

**1. Điểm mạnh của Tiêu chí 2.1**

Nhà trường đã ban hành bản mô tả CTĐT ngành GDTC vào các năm 2016 (QĐ số 1002/QĐ-ĐHV, ngày 30/08/2016); năm 2017 (QĐ747/QĐ-ĐHV ngày 27/04/2017); năm 2019 (QĐ số 2486/QĐ-ĐHV ngày 17/09/2019 và năm 2021 (QĐ số 2033/QĐ-ĐHV ngày 10/09/2021).

Bản mô tả CTĐT ngành GDTC có đủ các thông tin theo quy định: tên cơ sở giáo dục (CSGD), tên gọi của văn bằng, tên CTĐT, thời gian đào tạo, mục tiêu, CĐR của CTĐT, ma trận CĐR (thể hiện sự đóng góp của các học phần vào việc đạt CĐR), tiêu chí tuyển sinh, cấu trúc CTDH, mô tả học phần, thời điểm điều chỉnh bản mô tả CTĐT.

Bản mô tả CTĐT ban hành năm 2017 có sự điều chỉnh so với bản mô tả CTĐT năm 2016, cụ thể: số tín chỉ của CTĐT giảm từ 132 tín chỉ xuống còn 125 tín chỉ, số học phần (HP) giảm từ 45 xuống còn 36; loại bỏ 11 học phần (HP) (phương pháp dạy học môn Điện kinh, phương pháp dạy học môn Thể dục, phương pháp dạy học môn Bóng, Vật lý đại cương B, Sinh học đại cương B, Hoá đại cương, Toán B, Phân tích chương trình sách giáo khoa Trung học phổ thông môn Thể dục; Thể dục 3, Điện kinh 3 và môn Quản lý Hành chính Nhà nước); tách HP Cờ vua - Đá cầu thành HP Cờ vua và HP Đá cầu, tách HP Quần vợt - Võ thành HP Quần vợt và HP Võ, tách HP Bóng bàn - Cầu lông thành HP Bóng bàn và HP Cầu lông; nhập HP Giải phẫu người với HP Sinh lý người thành HP Giải phẫu và Sinh lý người; thêm 2 HP mới (Thể hình & Khiêu vũ thể thao, GDTC Trường học). Nhập HP Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác Lênin 1 và HP Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác Lênin 2 thành HP Triết học Mác Lênin.

Bản mô tả CTĐT năm 2021 đã có sự điều chỉnh so với Bản mô tả CTĐT năm 2017: số tín chỉ tăng từ 125 tín chỉ lên 126 tín chỉ; tăng số HP từ 36 lên 38; điều chỉnh khối kiến thức Khoa học Mác Lê nin; HP Kiến tập sư phạm được tích hợp vào HP Giáo dục học và HP Nghiên cứu khoa học (NCKH) được tích hợp vào trong các HP triển khai theo Dự án; bổ sung thêm HP “Trò chơi vận động” với 2 tín chỉ; tăng số tín chỉ của một số học phần (Tin học, Thực hành phương pháp dạy học GDTC, Thực tập và đồ án tốt nghiệp, Nhập môn ngành Sư phạm, Cờ vua); giảm số tín chỉ của một số học phần (Đá cầu, Cầu lông, tự chọn); HP Thực tập sư phạm được chuyển thành HP Thực tập và Đồ án tốt nghiệp; thay đổi cách triển khai giảng dạy một số HP theo hình thức Dự án (Nhập môn ngành Sư phạm, Điền kinh 2, Ứng dụng ICT trong giáo dục, Bóng chuyền, Bóng đá, Thực hành phương pháp GDTC).

## **2. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng của Tiêu chí 2.1**

### **2.1. Điểm tồn tại của Tiêu chí 2.1**

Tài liệu học tập ở một số HP thuộc CTĐT năm 2019 chưa có sự cập nhật, chẳng hạn: Sách dùng cho sinh viên Thể dục thể thao của Nhà xuất bản Thể dục thể thao xuất bản năm 1978; Bài luyện tập môn Bóng chuyền của Nhà xuất bản tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh xuất bản năm 2000; Giáo trình Tâm lý học lứa tuổi của tác giả Lê Văn Hồng xuất bản năm 2001; Bài tập chuyên môn trong Điền kinh của tác giả Quang Hưng xuất bản năm 2004 ...

### **2.2. Kiến nghị đối với Tiêu chí 2.1**

Khoa cần kịp thời rà soát lại các tài liệu học tập trong từng ĐCCTHP để cập nhật các tài liệu chuyên ngành được xuất bản hoặc tái bản trong những năm gần đây nhất để đảm bảo các nội dung/kiến thức và kỹ năng cung cấp trong các tài liệu này bắt kịp được những thay đổi thay thế những tài liệu đã được xuất bản từ nhiều

năm trước đây và cập nhật các tài liệu mới nhất trong lĩnh vực liên quan để đảm bảo chất lượng dạy và học của CTĐT ngành GDTC.

**3. Những điểm chưa rõ (nếu có):** Không có

**4. Đánh giá mức đạt được của Tiêu chí 2.1: 4**

*Tiêu chí 2.2. Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật.*

**1. Điểm mạnh của Tiêu chí 2.2**

CTĐT ngành GDTC ban hành năm 2017 có 36 học phần, trong đó có 35 học phần bắt buộc, 1 HP tự chọn (có 4 tín chỉ) được chọn trong số 6 HP. 100% HP đều có đề cương chi tiết. Mỗi ĐCCTHP đều có đủ các thông tin cần thiết: (1) Thông tin tổng quát; (2) Mô tả học phần; (3) Mục tiêu học phần; (4) CDR và mức độ giảng dạy đáp ứng; (5) Đánh giá học phần; (6) Nội dung và kế hoạch giảng dạy; (7) nguồn học liệu; (8) Quy định của môn học; (9) Phụ trách môn học. Phương pháp đánh giá học phần được thể hiện trong đề cương bao gồm điểm đánh giá quá trình và điểm thi kết thúc học phần; trọng số của mỗi điểm thành phần. Hình thức đánh giá (chuyên cần, bài kiểm tra thường xuyên; bài tập lớn/thuyết trình; bài thi cuối kỳ) được quy định rõ ràng.

Nhà trường có Thông báo về Kế hoạch rà soát, bổ sung, điều chỉnh CTĐT đại học hệ chính quy (số 2733/TB ngày 10/8/2015), văn bản Hướng dẫn thiết kế đề cương môn học và đánh giá năng lực của SV dựa trên CDR theo phương pháp tiếp cận CDIO (số 1447/ĐHV-ĐT ngày 9/12/2016) và Hướng dẫn rà soát, điều chỉnh, hoàn thiện mục tiêu, CDR CTĐT hệ chính quy theo tiếp cận CDIO năm học 2020-2021 (số 09/HD-ĐHV, ngày 23/12/2020). Căn cứ vào các văn bản hướng dẫn của Nhà trường, Khoa GDTC đã triển khai rà soát các ĐCCTHP của CTĐT ngành GDTC. So sánh ĐCCTHP ban hành năm 2017, 2019 với ĐCCTHP trong CTĐT

ban hành năm 2016 cho thấy đề cương chi tiết năm 2017 và 2019 có nhiều thay đổi, chẳng hạn như: Mục tiêu HP có ma trận liên kết nội dung học phần với CDR, chi tiết và mã hóa CDR học phần, đánh giá học phần đều có điểm đánh giá quá trình; yêu cầu về năng lực đối với từng CDR, yêu cầu tự học cũng cụ thể hơn; thay đổi phương pháp dạy học, phương pháp kiểm tra đánh giá.

## **2. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng của Tiêu chí 2.2**

### **2.1. Điểm tồn tại của Tiêu chí 2.2**

ĐCCTHP “Công tác quốc phòng an ninh” và HP “Giáo dục quốc phòng 3” trong phiên bản năm 2019 chưa hoàn toàn tuân thủ theo biểu mẫu chung do Nhà trường quy định trong văn bản số 1447/ĐHV-ĐT như ĐCCTHP.

### **2.2. Kiến nghị đối với Tiêu chí 2.2**

Khi xây dựng ĐCCTHP ở lần điều chỉnh CTĐT năm 2021, Nhà trường/Khoa cần kiểm tra/giám sát để tất cả các ĐCCTHP khi biên soạn tuân thủ theo mẫu chung đã được quy định trước khi nghiệm thu.

## **3. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có**

## **4. Đánh giá mức đạt được của Tiêu chí 2.2: 4**

*Tiêu chí 2.3. Bản mô tả chương trình đào tạo và đề cương các học phần được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.*

### **1. Điểm mạnh của Tiêu chí 2.3**

Bản mô tả CTĐT và ĐCCTHP của CTĐT ngành GDTC được công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau: trên cổng thông tin điện tử của Trường ĐH

Vinh, trên trang thông tin của Khoa GDTC, lưu bằng bản cứng tại Văn phòng Khoa, và được phổ biến cho SV trong tuần sinh hoạt công dân đầu khóa học.

Từ năm 2019, Nhà trường đưa vào sử dụng hệ thống quản lý học tập LMS (Learning Management System), tất cả các ĐCCTHP được công khai trên hệ thống LMS cho phép người dạy, người học, người quản lý và các bộ phận hỗ trợ đào tạo có thể tiếp cận các đề cương chi tiết qua hệ thống này. Đồng thời các GV đều giới thiệu cho SV về đề cương chi tiết tại buổi đầu lên lớp của mỗi HP. Toàn bộ các đề cương các HP qua các lần điều chỉnh được lưu giữ trong hồ sơ đào tạo của Nhà trường, được quản lý tại Văn phòng Khoa GDTC.

Các bên liên quan và những người có quan tâm có thể xem bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết trên cổng thông tin điện tử của Nhà trường/Khoa GDTC. Ngoài ra, một số nội dung của bản mô tả CTĐT được giới thiệu qua các buổi tư vấn tuyển sinh, hướng nghiệp, giải đáp câu hỏi từ SV khóa trên do các câu lạc bộ, Đoàn, Hội tổ chức; được giới thiệu trong tuần sinh hoạt công dân đầu khóa.

## **2. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng của Tiêu chí 2.3**

### **2.1. Điểm tồn tại của Tiêu chí 2.3**

Khoa chưa khảo sát đánh giá một cách bài bản về mức độ dễ dàng tiếp cận của các bên liên quan với CTĐT và các ĐCCTHP.

### **2.2. Kiến nghị đối với Tiêu chí 2.3**

Nhà trường/Khoa cần định kỳ có những khảo sát đánh giá mức độ thuận lợi và dễ dàng tiếp cận của các bên liên quan với CTĐT cũng như các đề cương chi tiết của các HP để từ đó có những thay đổi/điều chỉnh về các phương thức quảng bá, truyền thông về CTĐT, bản mô tả CTĐT và các đề cương học phần để các đối tác tiềm năng đều biết đến CTĐT GDTC của Nhà trường.

## **3. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có**



#### **4. Đánh giá mức đạt được của Tiêu chí 2.3: 4**

### ***ĐÁNH GIÁ CHUNG TIÊU CHUẨN 2***

#### **1. Điểm mạnh cơ bản của Tiêu chuẩn 2:**

Nhà trường đã ban hành bản mô tả CTĐT ngành GDTC vào các năm 2016, năm 2017, năm 2019 và năm 2021. Bản mô tả CTĐT ngành GDTC có đủ các thông tin theo quy định: tên cơ sở giáo dục (CSGD), tên gọi của văn bằng, tên CTĐT, thời gian đào tạo, mục tiêu, CĐR của CTĐT, ma trận CĐR (thể hiện sự đóng góp của các học phần vào việc đạt CĐR), tiêu chí tuyển sinh, cấu trúc CTDH, mô tả học phần, thời điểm điều chỉnh bản mô tả CTĐT...

Bản mô tả CTĐT ban hành năm 2017 có sự điều chỉnh so với bản mô tả CTĐT năm 2016, cụ thể: số tín chỉ của CTĐT giảm từ 132 tín chỉ xuống còn 125 tín chỉ, số học phần (HP) giảm từ 45 xuống còn 36. Bản mô tả CTĐT năm 2021 đã có sự điều chỉnh so với Bản mô tả CTĐT năm 2017: số tín chỉ tăng từ 125 tín chỉ lên 126 tín chỉ; tăng số HP từ 36 lên 38.

CTĐT ngành GDTC ban hành năm 2017 có 36 học phần, trong đó có 35 học phần bắt buộc, 1 HP tự chọn (có 4 tín chỉ) được chọn trong số 6 HP. 100% HP đều có đề cương chi tiết. Mỗi ĐCCTHP đều có đủ các thông tin cần thiết: (1) Thông tin tổng quát; (2) Mô tả học phần; (3) Mục tiêu học phần; (4) CĐR và mức độ giảng dạy đáp ứng; (5) Đánh giá học phần; (6) Nội dung và kế hoạch giảng dạy; (7) nguồn học liệu; (8) Quy định của môn học; (9) Phụ trách môn học. Phương pháp đánh giá học phần được thể hiện trong đề cương bao gồm điểm đánh giá quá trình và điểm thi kết thúc học phần; trọng số của mỗi điểm thành phần. Hình thức đánh giá (chuyên cần, bài kiểm tra thường xuyên; bài tập lớn/thuyết trình; bài thi cuối kỳ) được quy định rõ ràng.

Nhà trường có Thông báo về Kế hoạch rà soát, bổ sung, điều chỉnh CTĐT đại học hệ chính quy, văn bản Hướng dẫn thiết kế đề cương môn học và đánh giá năng lực của SV dựa trên CDR theo phương pháp tiếp cận CDIO và Hướng dẫn rà soát, điều chỉnh, hoàn thiện mục tiêu, CDR CTĐT hệ chính quy theo tiếp cận CDIO năm học 2020-2021. Căn cứ vào các văn bản hướng dẫn của Nhà trường, Khoa GDTC đã triển khai rà soát các ĐCCTHP của CTĐT ngành GDTC. So sánh ĐCCTHP ban hành năm 2017, 2019 với ĐCCTHP trong CTĐT ban hành năm 2016 cho thấy đề cương chi tiết năm 2017 và 2019 có nhiều thay đổi, chẳng hạn như: Mục tiêu HP có ma trận liên kết nội dung học phần với CDR, chi tiết và mã hóa CDR học phần, đánh giá học phần đều có điểm đánh giá quá trình; yêu cầu về năng lực đối với từng CDR, yêu cầu tự học cũng cụ thể hơn; thay đổi phương pháp dạy học, phương pháp kiểm tra đánh giá.

Bản mô tả CTĐT và ĐCCTHP của CTĐT ngành GDTC được công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau: trên cổng thông tin điện tử của Trường ĐH Vinh, trên trang thông tin của Khoa GDTC, lưu bằng bản cứng tại Văn phòng Khoa, và được phổ biến cho SV trong tuần sinh hoạt công dân đầu khóa học.

Từ năm 2019, Nhà trường đưa vào sử dụng hệ thống quản lý học tập LMS (Learning Management System), tất cả các ĐCCTHP được công khai trên hệ thống LMS cho phép người dạy, người học, người quản lý và các bộ phận hỗ trợ đào tạo có thể tiếp cận các đề cương chi tiết qua hệ thống này. Đồng thời các GV đều giới thiệu cho SV về đề cương chi tiết tại buổi đầu lên lớp của mỗi HP. Toàn bộ các đề cương các HP qua các lần điều chỉnh được lưu giữ trong hồ sơ đào tạo của Nhà trường, được quản lý tại Văn phòng Khoa GDTC.

Các bên liên quan và những người có quan tâm có thể xem bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết trên cổng thông tin điện tử của Nhà trường/Khoa GDTC. Ngoài ra, một số nội dung của bản mô tả CTĐT được giới thiệu qua các buổi tư vấn tuyển sinh, hướng nghiệp, giải đáp câu hỏi từ SV khóa trên do các câu lạc bộ, Đoàn, Hội tổ chức; được giới thiệu trong tuần sinh hoạt công dân đầu khóa.

## **2. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng của Tiêu chuẩn 2:**

### **2.1. Điểm tồn tại cơ bản của Tiêu chuẩn 2:**

Tài liệu học tập ở một số HP thuộc CTĐT năm 2019 chưa có sự cập nhật, chẳng hạn: Sách dùng cho sinh viên Thể dục thể thao của Nhà xuất bản Thể dục thể thao xuất bản năm 1978; Bài luyện tập môn Bóng chuyền của Nhà xuất bản tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh xuất bản năm 2000; Giáo trình Tâm lý học lứa tuổi của tác giả Lê Văn Hồng xuất bản năm 2001; Bài tập chuyên môn trong Điền kinh của tác giả Quang Hưng xuất bản năm 2004 ...

ĐCCTHP “Công tác quốc phòng an ninh” và HP “Giáo dục quốc phòng 3” trong phiên bản năm 2019 chưa hoàn toàn tuân thủ theo biểu mẫu chung do Nhà trường quy định trong văn bản số 1447/ĐHV-ĐT như ĐCCTHP.

Khoa chưa khảo sát đánh giá một cách bài bản về mức độ dễ dàng tiếp cận của các bên liên quan với CTĐT và các ĐCCTHP.

### **2.2. Kiến nghị đối với Tiêu chuẩn 2:**

Khoa cần kịp thời rà soát lại các tài liệu học tập trong từng ĐCCTHP để cập nhật các tài liệu chuyên ngành được xuất bản hoặc tái bản trong những năm gần đây nhất để đảm bảo các nội dung/kiến thức và kỹ năng cung cấp trong các tài liệu này bắt kịp được những thay đổi thay thế những tài liệu đã được xuất bản từ nhiều năm trước đây và cập nhật các tài liệu mới nhất trong lĩnh vực liên quan để đảm bảo chất lượng dạy và học của CTĐT ngành GDTC.

Khi xây dựng ĐCCTHP ở lần điều chỉnh CTĐT năm 2021, Nhà trường/Khoa cần kiểm tra/giám sát để tất cả các ĐCCTHP khi biên soạn tuân thủ theo mẫu chung đã được quy định trước khi nghiệm thu.

Nhà trường/Khoa cần định kỳ có những khảo sát đánh giá mức độ thuận lợi và dễ dàng tiếp cận của các bên liên quan với CTĐT cũng như các đề cương chi tiết của các HP để từ đó có những thay đổi/điều chỉnh về các phương thức quảng

bá, truyền thông về CTĐT, bản mô tả CTĐT và các đề cương học phần để các đối tác tiềm năng đều biết đến CTĐT GDTC của Nhà trường.

### **3. Đánh giá mức đạt được của Tiêu chuẩn 2:**

<b>Tiêu chuẩn/ Tiêu chí</b>	<b>Mức đánh giá</b>
<b>Tiêu chuẩn 2</b>	<b>4,00</b>
<i>Tiêu chí 2.1</i>	4
<i>Tiêu chí 2.2</i>	4
<i>Tiêu chí 2.3</i>	4

### **TIÊU CHUẨN 3: CẤU TRÚC VÀ NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC**

*Tiêu chí 3.1. Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra.*

#### **1. Điểm mạnh của Tiêu chí 3.1**

CDR năm 2017 của ngành GDTC bao gồm 4 nội dung và 81 CDR cấp 3: 19 chuẩn về Kiến thức và lập luận ngành; 24 chuẩn về Kỹ năng cá nhân, nghề nghiệp và phẩm chất; 15 chuẩn về Kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp và 23 chuẩn về Năng lực hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai và vận hành trong bối cảnh doanh nghiệp và xã hội. Căn cứ vào mục tiêu và CDR của ngành GDTC, Nhà trường/Khoa đã thiết kế, xây dựng CTDH gồm: xác định cấu trúc, khối lượng kiến thức cần thiết của CTĐT; xây dựng CTDH đảm bảo mục tiêu đào tạo và CDR của người học sau khi tốt nghiệp. Tổng số tín chỉ của CTDH là 125 (121 tín chỉ bắt buộc và 4 tín chỉ tự chọn) với 36 HP (35 HP bắt buộc). Nhà trường/Khoa đã xây dựng ma trận kỹ năng liên kết giữa các học phần và CDR của CTĐT.

100% các HP của CTĐT đều có đề cương chi tiết, trong đó có mục tiêu, CDR của HP; ma trận kỹ năng liên kết giữa nội dung của học phần với CDR HP.

Mỗi HP đều xây dựng tổ hợp các phương pháp giảng dạy, học tập và phương pháp đánh giá phù hợp với HP. Tổ hợp các phương pháp giảng dạy được áp dụng gồm có: thuyết trình, thảo luận nhóm, làm mẫu, thực hành, dạy học theo dự án, dạy học hợp tác nhóm, thị phạm, phân tích kỹ thuật động tác trong thực hành... Trong các phương pháp trên có phương pháp áp dụng cho tất cả các HP, có phương pháp chỉ áp dụng cho một nhóm HP. Các HP thuộc nhóm khối kiến thức giáo dục đại cương sử dụng phần lớn phương pháp thuyết trình; HP thuộc khối kiến thức cơ sở ngành và khối ngành thì kết hợp giữa phương pháp thuyết trình, thảo luận nhóm, dạy học hợp tác nhóm; khối HP kiến thức chuyên ngành chú trọng hơn tới các phương pháp làm mẫu, thị phạm và phân tích kỹ thuật động tác;

các HP ngoại ngữ và kỹ năng tập trung vào các phương pháp thuyết trình, thảo luận nhóm, thực hành...

Nhà trường có Quy định về công tác đánh giá và quản lý kết quả học tập trong đào tạo tiếp cận CDIO theo hệ thống tín chỉ (số 1262/QĐ-ĐHV ngày 13/11/2017), trong đó Điều 3 quy định điểm đánh giá HP gồm (a) Điểm đánh giá quá trình là 50%, bao gồm điểm đánh giá ý thức học tập là 10%, điểm đánh giá hồ sơ HP là 20%, điểm đánh giá giữa kỳ là 20%; (b) Điểm đánh giá cuối kỳ là 50%. Đồng thời, Nhà trường có hướng dẫn tạm thời về việc thực hiện đánh giá quá trình trong đào tạo tiếp cận theo CDIO (số 04/HD-ĐHV ngày 30/3/2018), trong đó đã có hướng dẫn chi tiết cách đánh giá các thành phần điểm quá trình, điểm hồ sơ quá trình v.v. để bảo đảm thực hiện thống nhất trong toàn Trường. Đề cương quy định chi tiết cách thức kiểm tra đánh giá, các đầu điểm và trọng số. Các phương pháp đánh giá kết quả học tập của SV được thiết kế đa dạng, phù hợp nhằm đảm bảo khả năng đo lường mức độ đạt được CDR, bao gồm bài tập cá nhân, bài tập nhóm, thực hành, tự luận, trắc nghiệm, đồ án học tập, v.v... tùy theo đặc thù từng HP.

Tổ hợp các phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra đánh giá nhằm đạt được CDR của HP, CDR của CTĐT.

## **2. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng của Tiêu chí 3.1**

### **2.1. Điểm tồn tại của Tiêu chí 3.1**

Nhà trường/Khoa chưa tổng kết đánh giá hoặc có hội nghị khoa học về các phương pháp giảng dạy, phương pháp kiểm tra đánh giá đã được sử dụng của CTĐT ngành GDTC nhằm đúc rút kinh nghiệm và cải tiến các phương pháp hiện đang áp dụng.

Nhà trường chưa quy định cụ thể việc đánh giá sự phù hợp của các phương pháp giảng dạy, phương pháp học, phương pháp kiểm tra - đánh giá của các HP để đảm bảo việc đo lường mức độ đóng góp vào việc đạt CDR của CTĐT.

## **2.2. Kiến nghị đối với Tiêu chí 3.1**

Nhà trường/Khoa cần tổ chức tổng kết đánh giá một cách bài bản hoặc tổ chức hội thảo/hội nghị khoa học để đánh giá về các phương pháp giảng dạy, phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập đã được sử dụng của CTĐT ngành GDTC và đồng thời đối sánh với các CTĐT khác để phát hiện ra những tồn tại và đưa ra các giải pháp phù hợp để cải tiến các phương pháp giảng dạy và phương pháp kiểm tra đánh giá.

## **3. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có**

## **4. Đánh giá mức đạt được của Tiêu chí 3.1: 4**

*Tiêu chí 3.2. Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được chuẩn đầu ra là rõ ràng.*

### **1. Điểm mạnh của Tiêu chí 3.2**

100% các HP của CTĐT đều có đề cương chi tiết. 100% các HP đều có mục tiêu đào tạo, CĐR của HP. CĐR của HP bao gồm: CĐR về kiến thức và lập luận ngành; CĐR về kỹ năng cá nhân, nghề nghiệp và phẩm chất; CĐR về kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp và CĐR về năng lực hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai và vận hành trong bối cảnh doanh nghiệp và xã hội. Các HP được thiết kế dựa trên CĐR thông qua các khung năng lực cần đạt (ma trận môn học - trình độ năng lực và ma trận môn học - mức độ giảng dạy I (giới thiệu); T (giảng dạy) và U (ứng dụng).

ĐCCTHP trong CTĐT ngành GDTC được xây dựng, thiết kế theo mẫu quy định của Nhà trường. Mỗi ĐCCTHP đều xác định và mô tả sự đóng góp của HP giúp người học đạt được CĐR của CTĐT thông qua một ma trận tương quan giữa HP và từng CĐR của CTĐT. Các HP trong CTĐT đều được xác định rõ mục tiêu

cụ thể của HP. Mỗi mục tiêu của HP lại được cụ thể hóa thành các CĐR về kiến thức, kỹ năng, năng lực hình thành ý tưởng của HP. Các CĐR của HP đều liên kết với CĐR của CTĐT và thể hiện sự đóng góp của HP vào việc giúp người học đạt được CĐR của CTĐT.

100% ĐCCTHP trong CTDH đã xác định các phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra/đánh giá nhằm đánh giá và hỗ trợ SV đạt được CĐR. Theo đó, GV sử dụng phương pháp, hình thức tổ chức dạy học nào, ở nội dung gì, nhằm mục đích gì và giúp người học đạt được CĐR nào của HP về kiến thức, rèn luyện các kỹ năng, năng lực hình thành ý tưởng được quy định trong từng ĐCCTHP. Hệ thống phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của SV gồm hình thức đánh giá, thang điểm đánh giá, trọng số điểm và sự đóng góp cụ thể đối với CĐR của HP được trình bày khá cụ thể trong các đề cương chi tiết từng HP. Các phương thức kiểm tra đánh giá và các tiêu chí đánh giá được trình bày trong từng ĐCCTHP khá đầy đủ và rõ ràng. Tổ hợp các phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra đánh giá nhằm đạt được CĐR của HP. Ví dụ, HP Sinh lý học Thể dục thể thao có 4 mục tiêu đóng góp vào việc đạt được 9 CĐR của CTĐT; các phương pháp giảng dạy: thuyết trình, đàm thoại, làm mẫu, thảo luận nhóm, bài tập nhóm; cuối mỗi chương có các chủ đề thảo luận. Trọng số các điểm thành phần 10% - cho thành phần điểm đánh giá ý thức học tập, 20% - cho thành phần đánh giá hồ sơ học tập, 20% - cho thành phần điểm đánh giá giữa kỳ và 50% cho bài thi cuối kỳ. Hình thức thi cuối kỳ là Trắc nghiệm khách quan.

## **2. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng của Tiêu chí 3.2**

### **2.1 Điểm tồn tại của Tiêu chí 3.2**

Nhà trường/Khoa chưa định kỳ lấy ý kiến các bên liên quan bao gồm: GV, cựu SV và các nhà tuyển dụng lao động về nội dung các môn học/HP trong CTDH để làm rõ các môn học/HP có thể hiện được việc đạt được CĐR không.

Một số HP chưa thể hiện được rõ ràng mức đóng góp đạt được CĐR của



CTĐT, chẳng hạn như HP Bóng chuyền, Võ thuật, Thể hình – Khiêu vũ thể thao. Mức độ năng lực tối thiểu cần đạt được chưa khớp giữa Bản mô tả CTĐT với Bản Ma trận phân nhiệm CĐR CTĐT và các HP (phiên bản năm 2021), ví dụ ở HP Nhập môn ngành sư phạm mức độ năng lực cần đạt trong Bản Mô tả CTĐT là K4 cho CĐR 1.2.2 và 1.2.3 nhưng trong Bản Ma trận phân nhiệm CĐR CTĐT lại là ở mức K2. Tương tự sự không đồng bộ này cũng thể hiện ở CĐR 2.1.1; 2.1.2; 2.2.2; 3.1.2, 3.2.1 và các CĐR từ 4.1.1 đến 4.2.4.

Số tín chỉ cho HP tự chọn còn chiếm một tỷ lệ khá khiêm tốn, chỉ có 4/125 tín chỉ (2017) và 3/126 tín chỉ (2021).

## **2.2. Kiến nghị đối với Tiêu chí 3.2**

Nhà trường/Khoa cần định kỳ lấy ý kiến các bên liên quan bao gồm: GV, cựu SV và các nhà tuyển dụng lao động về nội dung các môn học/HP trong CTDH để làm rõ các môn học/HP có thể hiện được việc đạt được CĐR không từ đó làm căn cứ cho việc điều chỉnh nội hàm của mỗi môn học/HP góp phần đạt được CĐR.

Nhà trường/Khoa cần rà soát lại để thống nhất mức năng lực tối thiểu cần đạt được giữa bản Mô tả CTĐT với bản Ma trận phân nhiệm CĐR CTĐT và các HP (phiên bản năm 2021).

Nhà trường nên nghiên cứu để bổ sung thêm số tín chỉ tự chọn nhằm giúp người học có thể có nhiều lựa chọn hơn khi đăng ký học các HP tự chọn.

## **3. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có**

## **4. Đánh giá mức đạt được của Tiêu chí 3.2: 3**

*Tiêu chí 3.3. Chương trình dạy học có cấu trúc, trình tự logic; nội dung cập nhật và có tính tích hợp.*

### **1. Điểm mạnh của Tiêu chí 3.3**

CTDH ngành GDTC năm 2017 có 125 tín chỉ (4 tín chỉ tự chọn), trong đó 30 tín chỉ thuộc khối kiến thức chung (chiếm 24%), 21 tín chỉ thuộc kiến thức cơ sở ngành (chiếm 16,8%), 65 tín chỉ (4 tín chỉ tự chọn) thuộc khối kiến thức chuyên ngành (chiếm 52%) và 9 tín chỉ (7,2%) cho rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên và thực tập sư phạm. CTDH được thiết kế giảng dạy trong 4 năm học, 8 học kỳ trong đó có 7 học kỳ thực học và học kỳ 8 dành cho thực tập sư phạm. Việc phân bố các HP thuộc các khối kiến thức trong 4 năm hợp lý, đảm bảo tính logic, khoa học và tạo điều kiện cho SV có nhiều thời gian tìm hiểu thực tế liên quan đến nghề nghiệp. Các môn học/HP trong CTDH được bố trí hợp lý.

Theo CTDH được Nhà trường thiết kế cho thấy mỗi khối kiến thức đều có HP phù hợp để cung cấp cho SV kiến thức cần đạt được. ĐCCTHP ngoài việc được ghi rõ số tín chỉ, số tiết lý thuyết, tiết thảo luận/bài tập, tiết thực hành thì còn thể hiện sự logic giữa các HP với các HP tiên quyết, học kỳ thực hiện... CTDH ngành GDTC được thiết kế có đủ các nội dung, trình tự thể hiện đảm bảo tính logic về nội dung và trình tự tiếp cận. Sự hợp lý còn được thể hiện trong phân bố các HP thực hành và HP lý thuyết đảm bảo tính logic trong nghiên cứu, đặc biệt là các HP đặc thù ngành GDTC. Nội dung của CTDH đã được tiến hành rà soát, bổ sung và cập nhật theo định kỳ. Khi thực hiện rà soát, điều chỉnh CTĐT, Nhà trường/Khoa đã tham khảo CTĐT của một số trường ĐH trong nước như Trường ĐH Sư phạm – ĐH Thái Nguyên, Trường ĐH Sư phạm Hà Nội 2, Trường ĐH Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh và một số trường ĐH ở nước ngoài như Missouri State University – USA, Dokata State University – USA, Far Eastern University – Philipine, ĐH Quốc gia Pusan, Hàn Quốc.

Nhà trường/Khoa đã thực hiện khảo sát mức độ hài lòng của SV trước khi tốt nghiệp về CTĐT. Kết quả khảo sát các SV năm 2020 về nội dung “Chương

trình phân bố tỷ lệ giờ lý thuyết, thực hành hợp lý” cho thấy có 78,57% đánh giá ở mức Tốt và 21,43% đánh giá ở mức Khá. Với nội dung “Chương trình cân đối giữa thời gian học trên lớp và tự học” cho thấy có 71,43% đánh giá ở mức Tốt và 14,29% đánh giá ở mức khá.

## **2. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng của Tiêu chí 3.3**

### **2.1. Điểm tồn tại của Tiêu chí 3.3**

Khi rà soát và điều chỉnh CTDH, Khoa có tham khảo CTĐT cùng ngành của một số trường đại học trong và ngoài nước, tuy nhiên các văn bản của Trường chưa thấy sự phân tích sâu những HP nào của CTĐT ngành GDTC của các CTĐT nước ngoài được đưa vào giảng dạy của ngành GDTC.

### **2.2. Kiến nghị đối với Tiêu chí 3.3**

Khi tham khảo một số CTĐT ngành GDTC của một số trường đại học ngoài nước, Khoa cần phân tích chỉ rõ vì sao cần bổ sung thêm HP nào của CTĐT thuộc trường nào vào CTĐT ngành GDTC của Nhà trường để Hội đồng Khoa và Hội đồng Khoa học và Đào tạo của Trường có cơ sở khoa học để đưa ra quyết định cuối cùng.

## **3. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có**

## **4. Đánh giá mức đạt được của Tiêu chí 3.3: 4**

## ***ĐÁNH GIÁ CHUNG TIÊU CHUẨN 3***

### **1. Điểm mạnh cơ bản của Tiêu chuẩn 3:**

CĐR năm 2017 của ngành GDTC bao gồm 4 nội dung và 81 CĐR cấp 3: 19 chuẩn về Kiến thức và lập luận ngành; 24 chuẩn về Kỹ năng cá nhân, nghề nghiệp và phẩm chất; 15 chuẩn về Kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp và 23 chuẩn về Năng lực hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai và vận hành trong bối cảnh doanh nghiệp và xã hội. Căn cứ vào mục tiêu và CĐR của ngành GDTC, Nhà trường/Khoa đã thiết kế, xây dựng CTDH gồm: xác định cấu trúc, khối lượng kiến thức cần thiết của CTĐT; xây dựng CTDH đảm bảo mục tiêu đào tạo và CĐR của người học sau khi tốt nghiệp. Tổng số tín chỉ của CTDH là 125 (121 tín chỉ bắt buộc và 4 tín chỉ tự chọn) với 36 HP (35 HP bắt buộc). Nhà trường/Khoa đã xây dựng ma trận kỹ năng liên kết giữa các học phần và CĐR của CTĐT.

100% các HP của CTĐT đều có đề cương chi tiết, trong đó có mục tiêu, CĐR của HP; ma trận kỹ năng liên kết giữa nội dung của học phần với CĐR HP.

Mỗi HP đều xây dựng tổ hợp các phương pháp giảng dạy, học tập và phương pháp đánh giá phù hợp với HP. Tổ hợp các phương pháp giảng dạy được áp dụng gồm có: thuyết trình, thảo luận nhóm, làm mẫu, thực hành, dạy học theo dự án, dạy học hợp tác nhóm, thị phạm, phân tích kỹ thuật động tác trong thực hành... Trong các phương pháp trên có phương pháp áp dụng cho tất cả các HP, có phương pháp chỉ áp dụng cho một nhóm HP. Các HP thuộc nhóm khối kiến thức giáo dục đại cương sử dụng phần lớn phương pháp thuyết trình; HP thuộc khối kiến thức cơ sở ngành và khối ngành thì kết hợp giữa phương pháp thuyết trình, thảo luận nhóm, dạy học hợp tác nhóm; khối HP kiến thức chuyên ngành chú trọng hơn tới các phương pháp làm mẫu, thị phạm và phân tích kỹ thuật động tác; các HP ngoại ngữ và kỹ năng tập trung vào các phương pháp thuyết trình, thảo luận nhóm, thực hành...

Nhà trường có Quy định về công tác đánh giá và quản lý kết quả học tập trong đào tạo tiếp cận CDIO theo hệ thống tín chỉ, trong đó Điều 3 quy định điểm đánh giá HP gồm (a) Điểm đánh giá quá trình là 50%, bao gồm điểm đánh giá ý

thức học tập là 10%, điểm đánh giá hồ sơ HP là 20%, điểm đánh giá giữa kỳ là 20%; (b) Điểm đánh giá cuối kỳ là 50%. Đồng thời, Nhà trường có hướng dẫn tạm thời về việc thực hiện đánh giá quá trình trong đào tạo tiếp cận theo CDIO, trong đó đã có hướng dẫn chi tiết cách đánh giá các thành phần điểm quá trình, điểm hồ sơ quá trình v.v. để bảo đảm thực hiện thống nhất trong toàn Trường. Đề cương quy định chi tiết cách thức kiểm tra đánh giá, các đầu điểm và trọng số. Các phương pháp đánh giá kết quả học tập của SV được thiết kế đa dạng, phù hợp nhằm đảm bảo khả năng đo lường mức độ đạt được CDR, bao gồm bài tập cá nhân, bài tập nhóm, thực hành, tự luận, trắc nghiệm, đồ án học tập, v.v... tùy theo đặc thù từng HP. Tổ hợp các phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra đánh giá nhằm đạt được CDR của HP, CDR của CTĐT.

100% các HP của CTĐT đều có đề cương chi tiết. 100% các HP đều có mục tiêu đào tạo, CDR của HP. CDR của HP bao gồm: CDR về kiến thức và lập luận ngành; CDR về kỹ năng cá nhân, nghề nghiệp và phẩm chất; CDR về kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp và CDR về năng lực hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai và vận hành trong bối cảnh doanh nghiệp và xã hội. Các HP được thiết kế dựa trên CDR thông qua các khung năng lực cần đạt (ma trận môn học - trình độ năng lực và ma trận môn học - mức độ giảng dạy I (giới thiệu); T (giảng dạy) và U (ứng dụng).

ĐCCTHP trong CTĐT ngành GDTC được xây dựng, thiết kế theo mẫu quy định của Nhà trường. Mỗi ĐCCTHP đều xác định và mô tả sự đóng góp của HP giúp người học đạt được CDR của CTĐT thông qua một ma trận tương quan giữa HP và từng CDR của CTĐT. Các HP trong CTĐT đều được xác định rõ mục tiêu cụ thể của HP. Mỗi mục tiêu của HP lại được cụ thể hóa thành các CDR về kiến thức, kỹ năng, năng lực hình thành ý tưởng của HP. Các CDR của HP đều liên kết với CDR của CTĐT và thể hiện sự đóng góp của HP vào việc giúp người học đạt được CDR của CTĐT.

100% ĐCCTHP trong CTDH đã xác định các phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra/đánh giá nhằm đánh giá và hỗ trợ SV đạt được CDR. Theo đó, GV sử dụng phương pháp, hình thức tổ chức dạy học nào, ở nội dung gì, nhằm mục đích gì và giúp người học đạt được CDR nào của HP về kiến thức, rèn luyện các kỹ năng, năng lực hình thành ý tưởng được quy định trong từng ĐCCTHP. Hệ thống phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của SV gồm hình thức đánh giá, thang điểm đánh giá, trọng số điểm và sự đóng góp cụ thể đối với CDR của HP được trình bày khá cụ thể trong các đề cương chi tiết từng HP. Các phương thức kiểm tra đánh giá và các tiêu chí đánh giá được trình bày trong từng ĐCCTHP khá đầy đủ và rõ ràng. Tổ hợp các phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra đánh giá nhằm đạt được CDR của HP.

CTDH ngành GDTC năm 2017 có 125 tín chỉ (4 tín chỉ tự chọn), trong đó 30 tín chỉ thuộc khối kiến thức chung (chiếm 24%), 21 tín chỉ thuộc kiến thức cơ sở ngành (chiếm 16,8%), 65 tín chỉ (4 tín chỉ tự chọn) thuộc khối kiến thức chuyên ngành (chiếm 52%) và 9 tín chỉ (7,2%) cho rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên và thực tập sư phạm. CTDH được thiết kế giảng dạy trong 4 năm học, 8 học kỳ trong đó có 7 học kỳ thực học và học kỳ 8 dành cho thực tập sư phạm. Việc phân bố các HP thuộc các khối kiến thức trong 4 năm hợp lý, đảm bảo tính logic, khoa học và tạo điều kiện cho SV có nhiều thời gian tìm hiểu thực tế liên quan đến nghề nghiệp. Các môn học/HP trong CTDH được bố trí hợp lý.

Theo CTDH được Nhà trường thiết kế cho thấy mỗi khối kiến thức đều có HP phù hợp để cung cấp cho SV kiến thức cần đạt được. ĐCCTHP ngoài việc được ghi rõ số tín chỉ, số tiết lý thuyết, tiết thảo luận/bài tập, tiết thực hành thì còn thể hiện sự logic giữa các HP với các HP tiên quyết, học kỳ thực hiện... CTDH ngành GDTC được thiết kế có đủ các nội dung, trình tự thể hiện đảm bảo tính logic về nội dung và trình tự tiếp cận. Sự hợp lý còn được thể hiện trong phân bố các HP thực hành và HP lý thuyết đảm bảo tính logic trong nghiên cứu, đặc biệt là các HP

đặc thù ngành GDTC. Nội dung của CTDH đã được tiến hành rà soát, bổ sung và cập nhật theo định kỳ. Khi thực hiện rà soát, điều chỉnh CTĐT, Nhà trường/Khoa đã tham khảo CTĐT của một số trường ĐH trong nước như Trường ĐH Sư phạm – ĐH Thái Nguyên, Trường ĐH Sư phạm Hà Nội 2, Trường ĐH Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh và một số trường ĐH ở nước ngoài như Missouri State University – USA, Dokata State University – USA, Far Eastern University – Philipine, ĐH Quốc gia Pusan, Hàn Quốc.

## **2. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng của Tiêu chuẩn 3:**

### **2.1. Điểm tồn tại cơ bản của Tiêu chuẩn 3:**

Nhà trường/Khoa chưa tổng kết đánh giá hoặc có hội nghị khoa học về các phương pháp giảng dạy, phương pháp kiểm tra đánh giá đã được sử dụng của CTĐT ngành GDTC nhằm đúc rút kinh nghiệm và cải tiến các phương pháp hiện đang áp dụng.

Nhà trường chưa quy định cụ thể việc đánh giá sự phù hợp của các phương pháp giảng dạy, phương pháp học, phương pháp kiểm tra - đánh giá của các HP để đảm bảo việc đo lường mức độ đóng góp vào việc đạt CDR của CTĐT.

Nhà trường/Khoa chưa định kỳ lấy ý kiến các bên liên quan bao gồm: GV, cựu SV và các nhà tuyển dụng lao động về nội dung các môn học/HP trong CTDH để làm rõ các môn học/HP có thể hiện được việc đạt được CDR không.

Một số HP chưa thể hiện được rõ ràng mức đóng góp đạt được CDR của CTĐT, chẳng hạn như HP Bóng chuyền, Võ thuật, Thể hình – Khiêu vũ thể thao. Mức độ năng lực tối thiểu cần đạt được chưa khớp giữa Bản mô tả CTĐT với Bản Ma trận phân nhiệm CDR CTĐT và các HP (phiên bản năm 2021), ví dụ ở HP Nhập môn ngành sư phạm mức độ năng lực cần đạt trong Bản Mô tả CTĐT là K4 cho CDR 1.2.2 và 1.2.3 nhưng trong Bản Ma trận phân nhiệm CDR CTĐT lại là ở mức K2. Tương tự sự không đồng bộ này cũng thể hiện ở CDR 2.1.1; 2.1.2; 2.2.2;

3.1.2, 3.2.1 và các CDR từ 4.1.1 đến 4.2.4.

Số tín chỉ cho HP tự chọn còn chiếm một tỷ lệ khá khiêm tốn, chỉ có 4/125 tín chỉ (2017) và 3/126 tín chỉ (2021).

Khi rà soát và điều chỉnh CTDH, Khoa có tham khảo CTĐT cùng ngành của một số trường đại học trong và ngoài nước, tuy nhiên các văn bản của Trường chưa thấy sự phân tích sâu những HP nào của CTĐT ngành GDTC của các CTĐT nước ngoài được đưa vào giảng dạy của ngành GDTC.

## **2.2. Kiến nghị đối với Tiêu chuẩn 3:**

Nhà trường/Khoa cần tổ chức tổng kết đánh giá một cách bài bản hoặc tổ chức hội thảo/hội nghị khoa học để đánh giá về các phương pháp giảng dạy, phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập đã được sử dụng của CTĐT ngành GDTC và đồng thời đối sánh với các CTĐT khác để phát hiện ra những tồn tại và đưa ra các giải pháp phù hợp để cải tiến các phương pháp giảng dạy và phương pháp kiểm tra đánh giá.

Nhà trường/Khoa cần định kỳ lấy ý kiến các bên liên quan bao gồm: GV, cựu SV và các nhà tuyển dụng lao động về nội dung các môn học/HP trong CTDH để làm rõ các môn học/HP có thể hiện được việc đạt được CDR không từ đó làm căn cứ cho việc điều chỉnh nội hàm của mỗi môn học/HP góp phần đạt được CDR.

Nhà trường/Khoa cần rà soát lại để thống nhất mức năng lực tối thiểu cần đạt được giữa bản Mô tả CTĐT với bản Ma trận phân nhiệm CDR CTĐT và các HP (phiên bản năm 2021).

Nhà trường nên nghiên cứu để bổ sung thêm số tín chỉ tự chọn nhằm giúp người học có thể có nhiều lựa chọn hơn khi đăng ký học các HP tự chọn.

Khi tham khảo một số CTĐT ngành GDTC của một số trường đại học ngoài nước, Khoa cần phân tích chỉ rõ vì sao cần bổ sung thêm HP nào của CTĐT thuộc trường nào vào CTĐT ngành GDTC của Nhà trường để Hội đồng Khoa và Hội



đồng Khoa học và Đào tạo của Trường có cơ sở khoa học để đưa ra quyết định cuối cùng.

### **3. Đánh giá mức đạt được của Tiêu chuẩn 3:**

<b>Tiêu chuẩn/ Tiêu chí</b>	<b>Mức đánh giá</b>
<b>Tiêu chuẩn 3</b>	<b>3,67</b>
<i>Tiêu chí 3.1</i>	<b>4</b>
<i>Tiêu chí 3.2</i>	<b>3</b>
<i>Tiêu chí 3.3</i>	<b>4</b>

## **TIÊU CHUẨN 4: PHƯƠNG PHÁP TIẾP CẬN TRONG DẠY VÀ HỌC**

*Tiêu chí 4.1. Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan.*

### **1. Điểm mạnh của Tiêu chí 4.1**

Nhà trường đã ban hành Sứ mạng, Tầm nhìn, Mục tiêu tổng quát, Giá trị cốt lõi và Triết lý giáo dục (QĐ số 3719/QĐ-ĐHV ngày 30/12/2019), trong đó đã xác định rõ Triết lý giáo dục là “Hợp tác - sáng tạo”.

Triết lý giáo dục, mục tiêu của CTĐT được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới SV và GV thông qua nhiều hình thức, cụ thể: Nhà trường đã công khai Triết lý giáo dục trên cổng thông tin điện tử của Nhà trường tại địa chỉ <http://vinhuni.edu.vn/gioi-thieu/seo/truong-dai-hoc-vinh-tu-gioi-thieu> và trên pano áp phích treo tại các vị trí trang trọng trong khuôn viên Nhà trường để mọi đối tượng quan tâm dễ nhận biết, dễ đọc. Bên cạnh đó mục tiêu đào tạo, Triết lý giáo dục cũng được giới thiệu trên một số ấn phẩm khác như trong các tài liệu giới thiệu về Nhà trường, tờ rơi phục vụ tư vấn tuyển sinh. Qua phỏng vấn, Đoàn ĐGN nhận thấy hầu hết GV, SV và cựu SV nắm bắt được mục tiêu, Triết lý giáo dục của Nhà trường.

Triết lý giáo dục, mục tiêu giáo dục của Nhà trường được phổ biến cho CB, GV, NV và SV của Nhà trường vào đầu năm học mới. Triết lý giáo dục còn được Lãnh đạo Khoa và lãnh đạo các đoàn thể (Đoàn TN, Hội SV, Công Đoàn) tuyên truyền phổ biến cho CB, GV, NV và SV trong tuần sinh hoạt công dân đầu khóa, trong các sự kiện lớn của các tổ chức đoàn thể.

### **2. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng của Tiêu chí 4.1**

#### **2.1. Điểm tồn tại của Tiêu chí 4.1**

Phương thức truyền thông về Triết lý giáo dục và Mục tiêu giáo dục của

Nhà trường chưa đa dạng để phù hợp với từng nhóm đối tượng bên ngoài Trường, nên vẫn có một số nhà tuyển dụng chưa biết hoặc chưa hiểu sâu về Triết lý giáo dục của Nhà trường.

## **2.2. Kiến nghị đối với Tiêu chí 4.1**

Nhà trường cần nghiên cứu để có thể kết nối với nhà tuyển dụng bằng nhiều phương thức khác nhau để từ đó lựa chọn được các phương thức truyền thông sâu rộng phù hợp hơn với từng nhóm đối tượng bên ngoài Trường (các nhà tuyển dụng, các đối tác tiềm năng) về Triết lý giáo dục và Mục tiêu giáo dục của Nhà trường.

## **3. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có**

## **4. Đánh giá mức đạt được của Tiêu chí 4.1: 4**

*Tiêu chí 4.2. Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra.*

### **1. Điểm mạnh Tiêu chí 4.2**

Các GV tham gia giảng dạy cho ngành GDTC đã xây dựng và triển khai tổ hợp các hoạt động dạy học, phương pháp giảng dạy để đạt được CDR của CTĐT và CDR của các HP. Các phương pháp dạy-học phổ biến gồm: thuyết trình, thảo luận nhóm, làm mẫu, thực hành, dạy học theo dự án, dạy học hợp tác nhóm, thi phạm, phân tích kỹ thuật động tác trong thực hành... Các hình thức thi kết thúc HP thường là thực hành, thi tự luận, trắc nghiệm khách quan. Các hình thức kiểm tra đánh giá được hiển thị trong các ĐCCTHP/môn học. Những giờ tự học, tự tập luyện ngoại khóa và thảo luận được thiết kế xen kẽ với các buổi giảng lý thuyết, phù hợp với mục tiêu môn học.

Nhà trường/Khoa hướng dẫn SV sử dụng các hoạt động học tập nhằm giúp người học đạt được CĐR. Cụ thể: Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được CĐR, người học được tiếp cận chương trình học tập linh hoạt để có thể chủ động lựa chọn thời gian, lộ trình học tập theo nhu cầu và khả năng của bản thân. SV có thể đăng ký học ngành 2 theo nhu cầu của cá nhân. Bên cạnh tính linh hoạt trong lựa chọn chương trình và lộ trình học tập, SV còn được tham gia các hình thức học tập đa dạng, giúp SV đạt được CĐR về kỹ năng và thái độ như chủ trì, tham gia Câu lạc bộ thể thao, Câu lạc bộ trọng tài, các hoạt động ngoại khóa hỗ trợ học tập, các giải thể thao phong trào... Hoạt động rèn luyện nghiệp vụ sư phạm được thực hiện thường xuyên; kiến tập, thực tập sư phạm là một phần bắt buộc của CTĐT, gồm 9 tín chỉ. Hằng năm SV được rèn luyện các kỹ năng nghiệp vụ liên quan đến đặc thù của ngành GDTC thông qua làm người chỉ huy/dẫn dắt qua các buổi học thực hành. Đến năm thứ 3 SV được đi kiến tập sư phạm và kỳ 1 năm thứ 4 SV được thực hành sư phạm (tập giảng) trước khi đi thực tập sư phạm. Việc thực tập, rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên của SV ngành GDTC tuân theo các tiêu chí cụ thể (cả về nội dung, phương pháp, và kỹ năng) được nêu rõ trong ĐCCTHP và được các GV lập kế hoạch, liên hệ và giám sát. Hằng năm, Khoa đều tổ chức Tháng rèn nghề và Hội thi Sinh viên với rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp cho SV ngành GDTC nhằm đáp ứng CĐR của CTĐT, tạo cơ hội cho SV giải quyết các tình huống gắn với công việc trong tương lai.

Nhà trường ban hành “Quy định tạm thời công tác lấy ý kiến phản hồi từ người học về cán bộ, viên chức và các hoạt động của Trường Đại học Vinh” (QĐ số 1307/QĐ-ĐHV ngày 1/11/2016). Sau khi kết thúc HP, Nhà trường tổ chức lấy ý kiến người học về hoạt động giảng dạy của GV sau khi kết thúc HP. Chẳng hạn như, học kỳ I năm 2020-2021 đã khảo sát 14 lượt SV về hoạt động giảng dạy của GV. Kết quả khảo sát cho thấy có 85,71% ý kiến đánh giá “Tốt” và 7,14% đánh giá “Khá” về câu hỏi “Người dạy giới thiệu đầy đủ đề cương chi tiết học phần, giáo trình, tài liệu học tập, các phương tiện hỗ trợ dạy học và hướng dẫn phương

pháp học tập”. 85,71% ý kiến đánh giá “Tốt” và 7,14 % đánh giá “Khá” với câu hỏi “Người dạy có phương pháp truyền đạt rõ ràng, dễ hiểu; sử dụng hiệu quả các phương tiện, thiết bị dạy học”. Kết quả phỏng vấn sâu SV và cựu SV cho thấy SV hài lòng về phương pháp giảng dạy đã được GV sử dụng trong CTĐT ngành GDTC.

## **2. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng của Tiêu chí 4.2**

### **2.1. Điểm tồn tại của Tiêu chí 4.2**

Theo nhận định của Khoa, các hoạt động dạy và học ở một vài HP thực hành còn gặp khó khăn vì số lượng SV nhỏ không đủ để chia đội thi đấu thử.

### **2.2. Kiến nghị đối với Tiêu chí 4.2**

Nhà trường nên trao đổi với các SV và cựu SV để xác định thêm các nguồn tuyển sinh và mở rộng hơn phạm vi tuyển sinh để có thể thu hút được nhiều thí sinh thi tuyển vào CTĐT để thuận lợi trong việc giảng dạy và cùng đạt hiệu quả kinh tế cao hơn.

## **3. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có**

## **4. Đánh giá mức đạt được của Tiêu chí 4.2: 5**

*Tiêu chí 4.3. Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học.*

### **1. Điểm mạnh Tiêu chí 4.3**

100% ĐCCTHP đều mô tả rõ việc sử dụng tổng hợp các phương pháp dạy và học nhằm thúc đẩy rèn luyện các kỹ năng thiết yếu và kỹ năng mềm cho người

học. Các phương pháp giảng dạy của các học phần thuộc CTĐT GDTC bao gồm: thuyết trình, thảo luận nhóm, làm mẫu, thực hành, dạy học theo dự án, dạy học hợp tác nhóm, thi phạm, phân tích kỹ thuật động tác trong thực hành... Phương pháp học: nghe giảng, thảo luận, nghiên cứu tình huống, học theo dự án, kiến tập, thực tập, thực tế và thực hành; bài tập cá nhân, các hoạt động nhóm và các môn kỹ năng để nâng cao tinh thần chủ động của sinh viên sự hướng dẫn của GV. Khoa đã hướng dẫn cho SV các kỹ năng mềm như tham gia các câu lạc bộ thể thao, thực hành phương pháp trọng tài và tổ chức các giải thi đấu, học làm chỉ huy.

Trong ĐCCTHP theo hướng CDIO đã nhấn mạnh đến hoạt động tự học, tự nghiên cứu, đọc trước bài học ở nhà của SV qua hệ thống quản lý học tập LMS (Learning Management System). 100% ĐCCTHP ngành GDTC đều mô tả đến hoạt động tự học/nghiên cứu nhằm hướng đến việc nâng cao khả năng học tập suốt đời cho người học. Các phương pháp: thảo luận nhóm, thuyết trình; nghiên cứu tình huống; NCKH và học tập thông qua trải nghiệm thực tế là các phương pháp rèn luyện khả năng nghiên cứu, tự đào tạo cho SV. 100% đề cương chi tiết, ở từng bài học đều yêu cầu SV đọc tài liệu, các nội dung đọc thêm, chuẩn bị thảo luận/bài tập nhóm; các chủ đề thảo luận. Các chủ đề thảo luận/các bài học đều yêu cầu ở mức năng lực nhất định. Ví dụ, học phần “Giải phẫu Sinh lý người” có 8 chủ đề thảo luận, học phần “Bóng chuyền”, có yêu cầu SV thực hiện 3 bài tập.

Các hoạt động giảng dạy, các phương pháp giảng dạy, phương pháp kiểm tra đánh giá hướng tới đạt CDR của học phần, rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời cho SV. Việc sử dụng tổng hợp các phương pháp giảng dạy, với cách thức đánh giá tương ứng rèn luyện phương pháp học tập, cách tư duy, cách tìm kiếm thông tin, trình bày và thảo luận/tranh luận trên lớp cho SV...). SV ngành GDTC trong giai đoạn KĐCLGD đã thực hiện 3 đề tài NCKH với 5 SV tham gia.

## **2. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng của Tiêu chí 4.3**

### **2.1. Những tồn tại Tiêu chí 4.3**

Khi phỏng vấn SV và cựu SV, Đoàn ĐGN nhận thấy SV mong muốn Nhà trường/Khoa tổ chức thêm nhiều hơn nữa các môn học kỹ năng mềm (kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng tổ chức các sự kiện/các hoạt động tập thể, kỹ năng cứu đuối) trong CTĐT để khi tốt nghiệp SV có thể nhanh chóng thích nghi với môi trường làm việc trong thị trường lao động biến đổi nhanh chóng hiện nay.

### **2.2. Kiến nghị đối với Tiêu chí 4.3**

Nhà trường/Khoa nên nghiên cứu đề xuất của SV cũng như cựu SV để có thể tổ chức thêm các lớp học kỹ năng mềm cho SV ngành GDTC nói riêng và SV của toàn Trường nói chung.

SV và cựu SV cũng mong muốn Nhà trường nâng cấp/tăng cường đầu tư CSVC hơn nữa để phục vụ cho các hoạt động dạy và học của ngành GDTC như Bể bơi, sân bãi tập chạy và Điền kinh.

## **3. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có**

## **4. Đánh giá mức đạt được của Tiêu chí 4.3: 4**

### ***ĐÁNH GIÁ CHUNG TIÊU CHUẨN 4***

#### **1. Điểm mạnh cơ bản của Tiêu chuẩn 4:**

Nhà trường đã ban hành Sứ mạng, Tầm nhìn, Mục tiêu tổng quát, Giá trị cốt lõi và Triết lý giáo dục (QĐ số 3719/QĐ-ĐHV ngày 30/12/2019), trong đó đã xác định rõ Triết lý giáo dục là “Hợp tác - sáng tạo”.

Triết lý giáo dục, mục tiêu của CTĐT được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới SV và GV thông qua nhiều hình thức, cụ thể: Nhà trường đã công khai Triết lý giáo dục trên cổng thông tin điện tử của Nhà trường tại địa chỉ <http://vinhuni.edu.vn/gioi-thieu/seo/truong-dai-hoc-vinh-tu-gioi-thieu> và trên pano áp phích treo tại các vị trí trang trọng trong khuôn viên Nhà trường để mọi đối tượng quan tâm dễ nhận biết, dễ đọc. Bên cạnh đó mục tiêu đào tạo, Triết lý giáo dục cũng được giới thiệu trên một số ấn phẩm khác như trong các tài liệu giới thiệu về Nhà trường, tờ rơi phục vụ tư vấn tuyển sinh. Qua phỏng vấn, Đoàn ĐGN nhận thấy hầu hết GV, SV và cựu SV nắm bắt được mục tiêu, Triết lý giáo dục của Nhà trường.

Triết lý giáo dục, mục tiêu giáo dục của Nhà trường được phổ biến cho CB, GV, NV và SV của Nhà trường vào đầu năm học mới. Triết lý giáo dục còn được Lãnh đạo Khoa và lãnh đạo các đoàn thể (Đoàn TN, Hội SV, Công Đoàn) tuyên truyền phổ biến cho CB, GV, NV và SV trong tuần sinh hoạt công dân đầu khóa, trong các sự kiện lớn của các tổ chức đoàn thể.

Các GV tham gia giảng dạy cho ngành GDTC đã xây dựng và triển khai tổ hợp các hoạt động dạy học, phương pháp giảng dạy để đạt được CDR của CTĐT và CDR của các HP. Các phương pháp dạy-học phổ biến gồm: thuyết trình, thảo luận nhóm, làm mẫu, thực hành, dạy học theo dự án, dạy học hợp tác nhóm, thị phạm, phân tích kỹ thuật động tác trong thực hành... Các hình thức thi kết thúc HP thường là thực hành, thi tự luận, trắc nghiệm khách quan. Các hình thức kiểm tra đánh giá được hiện thị trong các ĐCCTHP/môn học. Những giờ tự học, tự tập luyện ngoại khóa và thảo luận được thiết kế xen kẽ với các buổi giảng lý thuyết, phù hợp với mục tiêu môn học.

Nhà trường/Khoa hướng dẫn SV sử dụng các hoạt động học tập nhằm giúp người học đạt được CDR. Cụ thể: Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được CDR, người học được tiếp cận chương trình học tập linh hoạt để có thể



chủ động lựa chọn thời gian, lộ trình học tập theo nhu cầu và khả năng của bản thân. SV có thể đăng ký học ngành 2 theo nhu cầu của cá nhân. Bên cạnh tính linh hoạt trong lựa chọn chương trình và lộ trình học tập, SV còn được tham gia các hình thức học tập đa dạng, giúp SV đạt được CDR về kỹ năng và thái độ như chủ trì, tham gia Câu lạc bộ thể thao, Câu lạc bộ trọng tài, các hoạt động ngoại khóa hỗ trợ học tập, các giải thể thao phong trào... Hoạt động rèn luyện nghiệp vụ sư phạm được thực hiện thường xuyên; kiến tập, thực tập sư phạm là một phần bắt buộc của CTĐT, gồm 9 tín chỉ. Hằng năm SV được rèn luyện các kỹ năng nghiệp vụ liên quan đến đặc thù của ngành GDTC thông qua làm người chỉ huy/dẫn dắt qua các buổi học thực hành. Đến năm thứ 3 SV được đi kiến tập sư phạm và kỳ 1 năm thứ 4 SV được thực hành sư phạm (tập giảng) trước khi đi thực tập sư phạm.

Nhà trường ban hành “Quy định tạm thời công tác lấy ý kiến phản hồi từ người học về cán bộ, viên chức và các hoạt động của Trường Đại học Vinh”. Sau khi kết thúc HP, Nhà trường tổ chức lấy ý kiến người học về hoạt động giảng dạy của GV sau khi kết thúc HP. Chẳng hạn như, học kỳ I năm 2020-2021 đã khảo sát 14 lượt SV về hoạt động giảng dạy của GV. Kết quả khảo sát cho thấy có 85,71% ý kiến đánh giá “Tốt” và 7,14% đánh giá “Khá” về câu hỏi “Người dạy giới thiệu đầy đủ đề cương chi tiết học phần, giáo trình, tài liệu học tập, các phương tiện hỗ trợ dạy học và hướng dẫn phương pháp học tập”. 85,71% ý kiến đánh giá “Tốt” và 7,14 % đánh giá “Khá” với câu hỏi “Người dạy có phương pháp truyền đạt rõ ràng, dễ hiểu; sử dụng hiệu quả các phương tiện, thiết bị dạy học”. Kết quả phỏng vấn sâu SV và cựu SV cho thấy SV hài lòng về phương pháp giảng dạy đã được GV sử dụng trong CTĐT ngành GDTC.

100% ĐCCTHP đều mô tả rõ việc sử dụng tổng hợp các phương pháp dạy và học nhằm thúc đẩy rèn luyện các kỹ năng thiết yếu và kỹ năng mềm cho người học. Các phương pháp giảng dạy của các học phần thuộc CTĐT GDTC bao gồm: thuyết trình, thảo luận nhóm, làm mẫu, thực hành, dạy học theo dự án, dạy học hợp

tác nhóm, thị phạm, phân tích kỹ thuật động tác trong thực hành... Phương pháp học: nghe giảng, thảo luận, nghiên cứu tình huống, học theo dự án, kiến tập, thực tập, thực tế và thực hành; bài tập cá nhân, các hoạt động nhóm và các môn kỹ năng để nâng cao tinh thần chủ động của sinh viên sự hướng dẫn của GV. Khoa đã hướng dẫn cho SV các kỹ năng mềm như tham gia các câu lạc bộ thể thao, thực hành phương pháp trọng tài và tổ chức các giải thi đấu, học làm chỉ huy.

Trong ĐCCTHP theo hướng CDIO đã nhấn mạnh đến hoạt động tự học, tự nghiên cứu, đọc trước bài học ở nhà của SV qua hệ thống quản lý học tập LMS (Learning Management System). 100% ĐCCTHP ngành GDTC đều mô tả đến hoạt động tự học/nghiên cứu nhằm hướng đến việc nâng cao khả năng học tập suốt đời cho người học. Các phương pháp: thảo luận nhóm, thuyết trình; nghiên cứu tình huống; NCKH và học tập thông qua trải nghiệm thực tế là các phương pháp rèn luyện khả năng nghiên cứu, tự đào tạo cho SV. 100% đề cương chi tiết, ở từng bài học đều yêu cầu SV đọc tài liệu, các nội dung đọc thêm, chuẩn bị thảo luận/bài tập nhóm; các chủ đề thảo luận. Các chủ đề thảo luận/các bài học đều yêu cầu ở mức năng lực nhất định.

Các hoạt động giảng dạy, các phương pháp giảng dạy, phương pháp kiểm tra đánh giá hướng tới đạt CDR của học phần, rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời cho SV. Việc sử dụng tổng hợp các phương pháp giảng dạy, với cách thức đánh giá tương ứng rèn luyện phương pháp học tập, cách tư duy, cách tìm kiếm thông tin, trình bày và thảo luận/tranh luận trên lớp cho SV....).

## **2. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng của Tiêu chuẩn 4:**

### **2.1. Điểm tồn tại cơ bản của Tiêu chuẩn 4:**

Phương thức truyền thông về Triết lý giáo dục và Mục tiêu giáo dục của Nhà trường chưa đa dạng để phù hợp với từng nhóm đối tượng bên ngoài Trường, nên vẫn có một số nhà tuyển dụng chưa biết hoặc chưa hiểu sâu về Triết lý giáo

dục của Nhà trường.

Theo nhận định của Khoa, các hoạt động dạy và học ở một vài HP thực hành còn gặp khó khăn vì số lượng SV nhỏ không đủ để chia đội thi đấu thử.

Khi phỏng vấn SV và cựu SV, Đoàn ĐGN nhận thấy SV mong muốn Nhà trường/Khoa tổ chức thêm nhiều hơn nữa các môn học kỹ năng mềm (kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng tổ chức các sự kiện/các hoạt động tập thể, kỹ năng cứu đuối) trong CTĐT để khi tốt nghiệp SV có thể nhanh chóng thích nghi với môi trường làm việc trong thị trường lao động biến đổi nhanh chóng hiện nay.

## **2.2. Kiến nghị đối với Tiêu chuẩn 4:**

Nhà trường cần nghiên cứu để có thể kết nối với nhà tuyển dụng bằng nhiều phương thức khác nhau để từ đó lựa chọn được các phương thức truyền thông sâu rộng phù hợp hơn với từng nhóm đối tượng bên ngoài Trường (các nhà tuyển dụng, các đối tác tiềm năng) về Triết lý giáo dục và Mục tiêu giáo dục của Nhà trường.

Nhà trường nên trao đổi với các SV và cựu SV để xác định thêm các nguồn tuyển sinh và mở rộng hơn phạm vi tuyển sinh để có thể thu hút được nhiều thí sinh thi tuyển vào CTĐT để thuận lợi trong việc giảng dạy và cùng đạt hiệu quả kinh tế cao hơn.

Nhà trường/Khoa nên nghiên cứu đề xuất của SV cũng như cựu SV để có thể tổ chức thêm các lớp học kỹ năng mềm cho SV ngành GDTC nói riêng và SV của toàn Trường nói chung.

SV và cựu SV cũng mong muốn Nhà trường nâng cấp/tăng cường đầu tư CSVC hơn nữa để phục vụ cho các hoạt động dạy và học của ngành GDTC như Bể bơi, sân bãi tập chạy và Điền kinh.

**3. Đánh giá mức đạt được của Tiêu chuẩn 4:**

<b>Tiêu chuẩn/ Tiêu chí</b>	<b>Mức đánh giá</b>
<b>Tiêu chuẩn 4</b>	<b>4,33</b>
<i>Tiêu chí 4.1</i>	<b>4</b>
<i>Tiêu chí 4.2</i>	<b>5</b>
<i>Tiêu chí 4.3</i>	<b>4</b>

**TIÊU CHUẨN 5: ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP CỦA NGƯỜI HỌC**

*Tiêu chí 5.1. Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được chuẩn đầu ra.*

**1. Điểm mạnh của Tiêu chí 5.1**

Nhà trường đã ban hành “Quy định tạm thời đào tạo đại học hệ chính quy tiếp cận CDIO theo hệ thống tín chỉ tại Trường Đại học Vinh” (QĐ số 2155/QĐ-ĐHV ngày 10/10/2017), trong đó Điều 15 quy định việc đánh giá kết quả học tập; Điều 16 quy định việc tổ chức thi đánh giá cuối kỳ và Điều 17 quy định hình thức đánh giá giữa kỳ, đánh giá cuối kỳ và đề thi.

Nhà trường ban hành “Quy định tạm thời về công tác đánh giá và quản lý kết quả học tập trong đào tạo tiếp cận CDIO theo học chế tín chỉ tại Trường Đại học Vinh” (QĐ số 1262/QĐ-ĐHV ngày 13/11/2017), trong đó, Điều 5 quy định cụ thể về tổ chức thi cuối kỳ và với yêu cầu về câu hỏi đề thi cuối kỳ tối thiểu đạt đến mức độ 3 tùy thuộc vào thang đánh giá trình độ năng lực của HP.

Nhà trường có Quy định về việc xây dựng, quản lý và sử dụng ngân hàng đề thi kết thúc HP (số 132/QĐ-ĐHV ngày 23/2/2017), trong đó tại Điều 5 đã quy định mỗi đề thi tự luận gồm 3 câu (1 câu 5 điểm, 1 câu 3 điểm; 1 câu 2 điểm) hoặc có thể gồm 2 câu, mỗi câu 5 điểm; người ra đề thi phải trực tiếp làm đáp án và thang điểm chi tiết cho từng câu hỏi (chi tiết đến 0,25 điểm đối với các ngành khoa học tự nhiên và chi tiết đến 0,5 điểm đối với các ngành khoa học xã hội), đảm bảo tính chính xác và phù hợp với đề cương HP, nộp đề đưa vào ngân hàng đề thi của Trường; đối với đề thi trắc nghiệm khách quan, số lượng câu hỏi thi cho mỗi đề thi tương ứng với thời gian làm bài, trung bình mỗi câu trọng số bằng 1 điểm thô, thời gian trả lời trung bình là 1,5 phút đối với 1 câu hỏi. Cụ thể đối với HP có 2 tín chỉ thời gian thì từ có 40-50 phút; HP có 3 tín chỉ thời gian thi là 50-60 phút và HP có 4 tín chỉ trở lên thời gian thi là 60-70 phút.

Các văn bản nói trên đồng thời cũng là văn bản hướng dẫn thực hiện công tác kiểm tra đánh giá kết quả học tập. Các câu hỏi thi, đề thi được kiểm soát qua các khâu từ giao nhiệm vụ ra câu hỏi thi/đề thi, thảo luận, thẩm định, đến lựa chọn câu hỏi thi/ đề thi.

Nhà trường thực hiện đánh giá học phần theo quá trình, có bốn thành phần điểm cho một học phần: điểm đánh giá ý thức, đánh giá hồ sơ HP, đánh giá giữa kỳ và điểm đánh giá cuối kỳ. Đánh giá giữa kỳ có thể là điểm bài thực hành, bài tập, trắc nghiệm khách quan, bài thu hoạch. Đánh giá cuối kỳ là bài thi thực hành, trắc nghiệm khách quan, hoặc tự luận. Trọng số các điểm thành phần được ghi trong ĐCCTHP, cụ thể: đánh giá ý thức là 10%; đánh giá hồ sơ HP là 20%, đánh giá giữa kỳ là 20%; điểm đánh giá cuối kỳ là 50%.

## **2. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng của Tiêu chí 5.1**

### **2.1. Điểm tồn tại của Tiêu chí 5.1**

Mặc dù các Quy định về việc kiểm tra đánh giá kết quả học tập đã được Nhà trường/Khoa phổ biến đến SV bằng nhiều hình thức khác nhau, tuy nhiên Đoàn ĐGN nhận thấy vẫn còn có SV khi được phỏng vấn chưa nắm chắc nội dung về việc đánh giá kết quả của HP (chưa nắm được thành phần, trọng số các điểm thành phần).

### **2.2. Kiến nghị đối với Tiêu chí 5.1**

Nhà trường/Khoa cần thông qua CVHT, giáo viên chủ nhiệm và các buổi sinh hoạt Đoàn Thanh niên để truyền thông sâu hơn nữa đến SV về vai trò và tầm quan trọng của các quy định kiểm tra đánh giá kết quả học tập để người học chủ động nắm vững các quy định về kiểm tra đánh giá góp phần nâng cao kết quả học tập.

## **3. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có**

#### **4. Đánh giá mức đạt được của Tiêu chí 5.1: 4**

*Tiêu chí 5.2. Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới người học.*

##### **1. Điểm mạnh Tiêu chí 5.2**

Nhà trường có các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học trong đó đã quy định rõ thời gian, hình thức, tiêu chí, trọng số và cơ chế phản hồi. Cụ thể, trong Quy định tạm thời về đào tạo đại học hệ chính quy tiếp cận CDIO theo hệ thống tín chỉ (số 2155/QĐ-ĐHV ngày 10/10/2017), việc đánh giá kết quả học tập được quy định tại Điều 15 (trong đó quy định trọng số của điểm đánh giá ý thức là 10%; đánh giá hồ sơ HP là 20%, đánh giá giữa kỳ là 20%; điểm đánh giá cuối kỳ là 50%), việc tổ chức thi đánh giá cuối kỳ được quy định tại Điều 16, hình thức đánh giá giữa kỳ, đánh giá giữa kỳ và đề thi được quy định tại Điều 17, việc phúc tra, khiếu nại được quy định tại Điều 18. Việc xây dựng, quản lý và sử dụng ngân hàng đề thi kết thúc HP được quy định tại QĐ số 132/QĐ-ĐHV ngày 23/2/107. Trong Quy định về công tác đánh giá và quản lý kết quả học tập trong đào tạo tiếp cận CDIO theo học chế tín chỉ (số 1262/QĐ-ĐHV ngày 13/11/2017), việc tổ chức chấm thi cuối kỳ được quy định tại Điều 14, việc thông báo kết quả đánh giá HP được quy định tại Điều 16 (quy định kết quả điểm thông báo cho SV chậm nhất 20 ngày kể từ ngày thi cuối kỳ). Quy trình phúc tra, khiếu nại điểm được quy định tại Điều 27, 28 của Quy chế thực hiện một cửa, cơ chế một cửa liên thông ban hành theo Quyết định số 706/QĐ-ĐHV ngày 16/6/2016.

Hệ thống văn bản của Nhà trường về đánh giá kết quả học tập của người học được thông báo công khai đến người học thông qua nhiều phương thức: Nhà trường phổ biến thông qua đợt sinh hoạt chính trị đầu khóa cho SV, hội nghị gặp mặt

SV đầu khóa của Khoa GDTC và trên website của Nhà trường (<http://vinhuni.edu.vn>), của Khoa (<http://khoagdgc.vinhuni.edu.vn>) cũng như tài khoản quản lý học tập trực tuyến của sinh viên tại địa chỉ <http://student.vinhuni.edu.vn> và <http://my.vinhuni.edu.vn>; Khoa phổ biến trực tiếp cho SV thông qua hệ thống trợ lý đào tạo, CVHT. SV được cung cấp “Cẩm nang sinh viên” ngay từ đầu khoá học trong đó có các tài liệu liên quan đến đánh giá kết quả học tập của người học.

Ở mỗi HP, SV được GV phổ biến đề cương chi tiết khi bắt đầu giảng dạy HP, trong đó phương pháp kiểm tra đánh giá, số thành phần điểm và trọng số từng thành phần được phổ biến chi tiết. Cách thức GV đánh giá điểm thường xuyên như thế nào, điểm giữa kỳ gồm điểm của mấy bài kiểm tra/thuyết trình; bài thi cuối cùng thi theo hình thức nào đều được phổ biến.

Nhà trường đã ban hành Quy định đào tạo trình độ đại học (QĐ số 2018/QĐ-ĐHV, ngày 09/9/2021), trong đó Chương III đã đề cập đến nội dung Đánh giá kết quả học tập và cấp bằng tốt nghiệp.

## **2. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng của Tiêu chí 5.2**

### **2.1 Điểm tồn tại của Tiêu chí 5.2**

Quy định đào tạo trình độ đại học được ban hành tháng 9 năm 2021 của Nhà trường chưa đề cập đến một số nội dung liên quan đến kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học như: ra đề thi, coi thi, chấm thi, thông báo kết quả thi, khiếu nại kết quả bài thi...

### **2.2. Kiến nghị đối với Tiêu chí 5.2**

Nhà trường cần cập nhật thêm vào văn bản hiện hành các nội dung liên quan đến kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học như: ra đề thi, coi thi, chấm thi, thông báo kết quả thi, khiếu nại kết quả bài thi... để CB, GV và SV đều được có thể thuận lợi tra cứu và nắm bắt được những vấn đề cập nhật nhất về các yêu cầu liên quan đến việc biên soạn đề thi, trông thi, chấm thi, thông báo kết quả thi,



phúc tra ...

### **3. Những điểm chưa rõ (nếu có):** Không có

### **3. Đánh giá mức đạt được của Tiêu chí 5.2: 4**

*Tiêu chí 5.3. Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng.*

#### **1. Điểm mạnh của Tiêu chí 5.3**

Nhà trường quy định về đánh giá kết quả học tập của người học theo quá trình (QĐ số 2155/QĐ-ĐHV ngày 10/10/2017), trong đó trọng số điểm đánh giá ý thức là 10%; đánh giá hồ sơ HP là 20%, đánh giá giữa kỳ là 20%; điểm đánh giá cuối kỳ là 50%). Khoa GDTC đã lựa chọn tổ hợp các phương pháp kiểm tra, đánh giá nhằm đánh giá được năng lực của SV. Thành phần điểm ý thức và đánh giá hồ sơ HP do GV trực tiếp giảng dạy đánh giá thông qua các tiêu chí cụ thể như điểm chuyên cần và thái độ học tập, mức độ chủ động trong các hoạt động trên lớp, chuẩn bị tài liệu, làm bài tập. Đối với bài kiểm tra giữa kỳ được thực hiện theo hình thức thi trực tuyến đối với các môn học lý thuyết (online test). Bài thi cuối kỳ có thể là bài thi tự luận/trắc nghiệm/thực hành. Trong số 36 học phần thuộc CTĐT ngành GDTC có 13,8% HP thi theo hình thức tự luận, 30,5% thi trắc nghiệm khách quan và 55,5% thi thực hành.

Các đề cương chi tiết quy định phương pháp đánh giá HP chi tiết, đầy đủ cho các HP. Bài kiểm tra giữa kỳ, đề cương chi tiết đòi hỏi xử lý được vấn đề yêu cầu một cách chính xác, trình bày mạch lạc, rõ ràng, logic. Bài thi cuối kỳ yêu cầu trả lời câu hỏi tự luận, trả lời câu hỏi trắc nghiệm hoặc làm thực hành.

Nhà trường có quy định về coi thi HP (chương III), chấm thi HP (Chương IV) của Quy định tạm thời về công tác tổ chức đánh giá và quản lý kết quả học tập

trong đào tạo tiếp cận CDIO theo hệ thống tín chỉ tại Trường Đại học Vinh (QĐ số 1262 ngày 13/11/2017), trong đó đã quy định cụ thể việc tổ chức thi, cán bộ coi thi, dồn túi, đánh phách, tổ chức chấm thi v.v. nhằm đảm bảo sự công bằng, khách quan. Nhà trường có ngân hàng đề thi của các HP tự luận và trắc nghiệm. Việc xây dựng ngân hàng đề thi được triển khai theo các nhóm chuyên môn dưới sự phân công của nhóm trưởng, sau khi hoàn thành sẽ báo cáo Trưởng Bộ môn để nghiệm thu và đưa vào sử dụng nhằm đảm bảo đo lường được các yêu cầu của CĐR.

## **2. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng của Tiêu chí 5.3**

### **2.1. Điểm tồn tại của Tiêu chí 5.3**

Khoa chưa phân tích để đánh giá chất lượng, độ tin cậy và độ giá trị của các câu hỏi thi/đề thi một cách bài bản, vì thế Khoa chưa có cơ sở khoa học chắc chắn để khẳng định về độ tin cậy của các đề thi hết học phần và chưa có các dữ liệu cần thiết phục vụ cho việc điều chỉnh hoặc cải tiến các phương thức thi hiện hành hoặc thay đổi cách xây dựng câu hỏi thi/đề thi đánh giá kết quả học tập của SV ngành GDTC.

Đoàn ĐGN đã kiểm tra ngẫu nhiên ba túi bài thi của ba HP, nhận thấy: Cả ba túi bài thi đều không thể hiện rõ bút tích chấm của cán bộ chấm thi thứ hai; có một túi bài thi khi chấm GV không cho điểm thành phần mà chỉ đánh dấu; trong 1 túi bài thi có tờ thứ hai của 1 bài thi chưa đủ chữ ký của cả hai cán bộ chấm thi; ở một túi bài thi khác có 1 bài thi có điểm tổng ít hơn số điểm thành phần chấm trong bài thi.

### **2.2. Kiến nghị đối với Tiêu chí 5.3**

Nhà trường/Khoa cần sử dụng các phần mềm chuyên dụng để định lượng đánh giá một cách khoa học về độ tin cậy và độ giá trị của các câu hỏi thi/đề thi để có căn cứ cho việc điều chỉnh hoặc cải tiến các phương thức thi hiện hành hoặc thay đổi cách ra câu hỏi thi/đề thi đánh giá kết quả học tập của SV ngành GDTC.

**3. Những điểm chưa rõ (nếu có):** Không có**4. Đánh giá mức đạt được của Tiêu chí 5.3: 3**

*Tiêu chí 5.4. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập.*

**1. Điểm mạnh của Tiêu chí 5.4**

Nhà trường có “Quy định về công tác đánh giá và quản lý kết quả học tập trong đào tạo theo tiếp cận CDIO theo hệ thống tín chỉ tại Trường Đại học Vinh chấm thi, công bố kết quả học tập cho sinh viên” (QĐ số 1262 ngày 13/11/2017), trong đó Điều 16 (Thông báo kết quả điểm đánh giá học phần) đã quy định kết quả điểm thông báo cho SV chậm nhất 20 ngày sau ngày thi cuối kỳ, các môn thi vấn đáp và thi thực hành được công bố ngay sau buổi thi. Việc phúc tra, khiếu nại quy định tại Điều 27, 28 Quy chế thực hiện một cửa tại QĐ số 706/QĐ-ĐHV ngày 16/6/2016. Khoa GDTC yêu cầu GV công bố kết quả điểm đánh giá ý thức học tập/hồ sơ học tập và điểm đánh giá giữa kỳ cho SV ngay khi kết thúc giảng dạy HP, kèm theo đánh giá của GV để người học nắm được điểm mạnh, điểm yếu của bản thân và đề ra kế hoạch cải thiện.

Các quy định về kiểm tra đánh giá, phản hồi kết quả học tập của SV được công bố công khai, kịp thời đến GV và người học thông qua nhiều hình thức khác nhau như công bố trên cổng thông tin điện tử của Nhà trường, phổ biến trong tuần sinh hoạt công dân đầu khóa học, qua đội ngũ CVHT v.v.

Kết quả phỏng vấn của Đoàn ĐGN đối với SV và cựu SV của Khoa GDTC cho thấy GV của Khoa đã công bố điểm đúng thời hạn quy định và với các môn thực hành SV được biết điểm ngay sau khi hoàn thành bài thi kết thúc HP.

## **2. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng của Tiêu chí 5.4**

### **2.1. Điểm tồn tại của Tiêu chí 5.4**

Nhà trường quy định GV cần thông báo điểm đánh giá quá trình đến SV ngay sau khi kết thúc giảng dạy HP, nên SV không có nhiều thời gian để trao đổi trực tiếp với GV về kết quả này.

### **2.2. Kiến nghị đối với Tiêu chí 5.4**

Nhà trường nên quy định cho GV thông báo điểm đánh giá quá trình đến SV trước khi kết thúc HP 1 tuần để SV có đủ thời gian trao đổi với GV về kết quả này nếu có thắc mắc.

## **3. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có**

## **4. Đánh giá mức đạt được của Tiêu chí 5.4: 4**

*Tiêu chí 5.5. Người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập.*

### **1. Điểm mạnh của Tiêu chí 5.5**

Nhà trường đã ban hành Quy chế thực hiện cơ chế một cửa tại Trường Đại học Vinh” (QĐ số 706/QĐ-ĐHV ngày 16/6/2016), theo đó tại Điều 27 quy định về việc xem xét sai sót về điểm chuyên cần, điểm giữa kỳ, điểm thực hành và Điều 28 quy định về việc SV, học sinh chưa có điểm thi hoặc đề nghị xem lại kết quả chấm thi HP; Nhà trường có các biểu mẫu để cho người khiếu nại sử dụng. SV được phổ biến đầy đủ các quy định, quy trình về khiếu nại kết quả học tập trong Tuần sinh hoạt công dân đầu khóa. SV có thể dễ dàng truy cập quy định và thông tin về phúc tra bài thi trên website của Nhà trường. Vào buổi học đầu tiên của HP, GV đã phổ biến về việc đánh giá HP trong đó có thông tin về khiếu nại và phúc tra bài thi. SV

phải nộp đơn xin phúc tra bài thi trong vòng 10 ngày kể từ ngày công bố kết quả thi và kết quả khiếu nại sẽ được trả lời trong vòng 20 ngày làm việc kể từ ngày SV nộp đơn. Việc tiếp nhận hồ sơ về khiếu nại và phúc tra bài thi được thực hiện thông qua bộ phận “Một cửa” của Nhà trường.

Theo thống kê, trong giai đoạn KĐCLGD, chỉ có 1 SV của Khoa GDTC nộp đơn xin phúc khảo điểm thi kết thúc HP do chưa có điểm.

## **2. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng của Tiêu chí 5.5**

### **2.1. Điểm tồn tại của Tiêu chí 5.5**

Nhà trường có quy trình khiếu nại về kết quả học tập của người học, nhưng chưa phân định rõ trách nhiệm của người chấm thi khi có chênh lệch điểm trước và sau khi khiếu nại.

### **2.2. Kiến nghị đối với Tiêu chí 5.5**

Nhà trường cần phân định rõ trách nhiệm của người chấm thi khi có sự chênh lệch điểm trước và sau khi khiếu nại để đảm bảo quyền lợi cho người học.

## **3. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có**

## **4. Đánh giá mức đạt được của Tiêu chí 5.5: 4**

### ***ĐÁNH GIÁ CHUNG TIÊU CHUẨN 5***

#### **1. Điểm mạnh cơ bản của Tiêu chuẩn 5:**

Nhà trường đã ban hành “Quy định tạm thời đào tạo đại học hệ chính quy tiếp cận CDIO theo hệ thống tín chỉ tại Trường Đại học Vinh”, trong đó Điều 15 quy định việc đánh giá kết quả học tập; Điều 16 quy định việc tổ chức thi đánh giá cuối kỳ và Điều 17 quy định hình thức đánh giá giữa kỳ, đánh giá cuối kỳ và đề

thi. Điều 5 của “Quy định tạm thời về công tác đánh giá và quản lý kết quả học tập trong đào tạo tiếp cận CDIO theo học chế tín chỉ tại Trường Đại học Vinh” đã quy định cụ thể về tổ chức thi cuối kỳ và với yêu cầu về câu hỏi đề thi cuối kỳ tối thiểu đạt đến mức độ 3 tùy thuộc vào thang đánh giá trình độ năng lực của HP.

Nhà trường có Quy định về việc xây dựng, quản lý và sử dụng ngân hàng đề thi kết thúc HP, trong đó tại Điều 5 đã quy định mỗi đề thi tự luận gồm 3 câu (1 câu 5 điểm, 1 câu 3 điểm; 1 câu 2 điểm) hoặc có thể gồm 2 câu, mỗi câu 5 điểm; người ra đề thi phải trực tiếp làm đáp án và thang điểm chi tiết cho từng câu hỏi; đối với đề thi trắc nghiệm khách quan, số lượng câu hỏi thi cho mỗi đề thi tương ứng với thời gian làm bài.

Nhà trường thực hiện đánh giá học phần theo quá trình, có bốn thành phần điểm cho một học phần: điểm đánh giá ý thức, đánh giá hồ sơ HP, đánh giá giữa kỳ và điểm đánh giá cuối kỳ. Đánh giá giữa kỳ có thể là điểm bài thực hành, bài tập, trắc nghiệm khách quan, bài thu hoạch. Đánh giá cuối kỳ là bài thi thực hành, trắc nghiệm khách quan, hoặc tự luận. Trọng số các điểm thành phần được ghi trong ĐCCTHP, cụ thể: đánh giá ý thức là 10%; đánh giá hồ sơ HP là 20%, đánh giá giữa kỳ là 20%; điểm đánh giá cuối kỳ là 50%.

Hệ thống văn bản của Nhà trường về đánh giá kết quả học tập của người học được thông báo công khai đến người học thông qua nhiều phương thức: Nhà trường phổ biến thông qua đợt sinh hoạt chính trị đầu khóa cho SV, hội nghị gặp mặt SV đầu khóa của Khoa GDTC và trên website của Nhà trường (<http://vinhuni.edu.vn>), của Khoa (<http://khoagdte.vinhuni.edu.vn>) cũng như tài khoản quản lý học tập trực tuyến của sinh viên tại địa chỉ <http://student.vinhuni.edu.vn> và <http://my.vinhuni.edu.vn>; Khoa phổ biến trực tiếp cho SV thông qua hệ thống trợ lý đào tạo, CVHT. SV được cung cấp “Cẩm nang sinh viên” ngay từ đầu khoá học trong đó có các tài liệu liên quan đến đánh giá kết quả học tập của người học.

Ở mỗi HP, SV được GV phổ biến đề cương chi tiết khi bắt đầu giảng dạy HP, trong đó phương pháp kiểm tra đánh giá, số thành phần điểm và trọng số từng

thành phần được phổ biến chi tiết. Cách thức GV đánh giá điểm thường xuyên như thế nào, điểm giữa kỳ gồm điểm của mấy bài kiểm tra/thuyết trình; bài thi cuối cùng thi theo hình thức nào đều được phổ biến.

Khoa GDTC đã lựa chọn tổ hợp các phương pháp kiểm tra, đánh giá nhằm đánh giá được năng lực của SV. Thành phần điểm ý thức và đánh giá hồ sơ HP do GV trực tiếp giảng dạy đánh giá thông qua các tiêu chí cụ thể như điểm chuyên cần và thái độ học tập, mức độ chủ động trong các hoạt động trên lớp, chuẩn bị tài liệu, làm bài tập. Đối với bài kiểm tra giữa kỳ được thực hiện theo hình thức thi trực tuyến đối với các môn học lý thuyết (online test). Bài thi cuối kỳ có thể là bài thi tự luận/trắc nghiệm/thực hành. Trong số 36 học phần thuộc CTĐT ngành GDTC có 13,8% HP thi theo hình thức tự luận, 30,5% thi trắc nghiệm khách quan và 55,5% thi thực hành.

Các đề cương chi tiết quy định phương pháp đánh giá HP chi tiết, đầy đủ cho các HP. Bài kiểm tra giữa kỳ, đề cương chi tiết đòi hỏi xử lý được vấn đề yêu cầu một cách chính xác, trình bày mạch lạc, rõ ràng, logic. Bài thi cuối kỳ yêu cầu trả lời câu hỏi tự luận, trả lời câu hỏi trắc nghiệm hoặc làm thực hành.

Nhà trường có quy định về coi thi HP (chương III), chấm thi HP (Chương IV) của Quy định tạm thời về công tác tổ chức đánh giá và quản lý kết quả học tập trong đào tạo tiếp cận CDIO theo hệ thống tín chỉ tại Trường Đại học Vinh, trong đó đã quy định cụ thể việc tổ chức thi, cán bộ coi thi, đôn túi, đánh phách, tổ chức chấm thi v.v. nhằm đảm bảo sự công bằng, khách quan.

Kết quả phỏng vấn của Đoàn ĐGN đối với SV và cựu SV của Khoa GDTC cho thấy GV của Khoa đã công bố điểm đúng thời hạn quy định và với các môn thực hành SV được biết điểm ngay sau khi hoàn thành bài thi kết thúc HP.

Nhà trường đã ban hành Quy chế thực hiện cơ chế một cửa tại Trường Đại học Vinh”, theo đó tại Điều 27 quy định về việc xem xét sai sót về điểm chuyên cần, điểm giữa kỳ, điểm thực hành và Điều 28 quy định về việc SV, học sinh chưa có điểm thi hoặc đề nghị xem lại kết quả chấm thi HP; Nhà trường có các biểu mẫu

để cho người khiếu nại sử dụng. SV được phổ biến đầy đủ các quy định, quy trình về khiếu nại kết quả học tập trong Tuần sinh hoạt công dân đầu khóa. SV có thể dễ dàng truy cập quy định và thông tin về phúc tra bài thi trên website của Nhà trường. Vào buổi học đầu tiên của HP, GV đã phổ biến về việc đánh giá HP trong đó có thông tin về khiếu nại và phúc tra bài thi. SV phải nộp đơn xin phúc tra bài thi trong vòng 10 ngày kể từ ngày công bố kết quả thi và kết quả khiếu nại sẽ được trả lời trong vòng 20 ngày làm việc kể từ ngày SV nộp đơn. Việc tiếp nhận hồ sơ về khiếu nại và phúc tra bài thi được thực hiện thông qua bộ phận “Một cửa” của Nhà trường.

## **2. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng của Tiêu chuẩn 5:**

### **2.1. Điểm tồn tại cơ bản của Tiêu chuẩn 5:**

Mặc dù các Quy định về việc kiểm tra đánh giá kết quả học tập đã được Nhà trường/Khoa phổ biến đến SV bằng nhiều hình thức khác nhau, tuy nhiên Đoàn ĐGN nhận thấy vẫn còn có SV khi được phỏng vấn chưa nắm chắc nội dung về việc đánh giá kết quả của HP (chưa nắm được thành phần, trọng số các điểm thành phần).

Quy định đào tạo trình độ đại học được ban hành tháng 9 năm 2021 của Nhà trường chưa đề cập đến một số nội dung liên quan đến kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học như: ra đề thi, coi thi, chấm thi, thông báo kết quả thi, khiếu nại kết quả bài thi...

Khoa chưa phân tích để đánh giá chất lượng, độ tin cậy và độ giá trị của các câu hỏi thi/đề thi một cách bài bản, vì thế Khoa chưa có cơ sở khoa học chắc chắn để khẳng định về độ tin cậy của các đề thi hết học phần và chưa có các dữ liệu cần thiết phục vụ cho việc điều chỉnh hoặc cải tiến các phương thức thi hiện hành hoặc thay đổi cách xây dựng câu hỏi thi/đề thi đánh giá kết quả học tập của SV ngành GDTC.



Đoàn ĐGN đã kiểm tra ngẫu nhiên ba túi bài thi của ba HP, nhận thấy: Cả ba túi bài thi đều không thể hiện rõ bút tích chấm của cán bộ chấm thi thứ hai; có một túi bài thi khi chấm GV không cho điểm thành phần mà chỉ đánh dấu; trong 1 túi bài thi có tờ thứ hai của 1 bài thi chưa đủ chữ ký của cả hai cán bộ chấm thi; ở một túi bài thi khác có 1 bài thi có điểm tổng ít hơn số điểm thành phần chấm trong bài thi.

Nhà trường quy định GV cần thông báo điểm đánh giá quá trình đến SV ngay sau khi kết thúc giảng dạy HP, nên SV không có nhiều thời gian để trao đổi trực tiếp với GV về kết quả này.

Nhà trường có quy trình khiếu nại về kết quả học tập của người học, nhưng chưa phân định rõ trách nhiệm của người chấm thi khi có chênh lệch điểm trước và sau khi khiếu nại.

## **2.2. Kiến nghị đối với Tiêu chuẩn 5:**

Nhà trường/Khoa cần thông qua CVHT, giáo viên chủ nhiệm và các buổi sinh hoạt Đoàn Thanh niên để truyền thông sâu hơn nữa đến SV về vai trò và tầm quan trọng của các quy định kiểm tra đánh giá kết quả học tập để người học chủ động nắm vững các quy định về kiểm tra đánh giá góp phần nâng cao kết quả học tập.

Nhà trường cần cập nhật thêm vào văn bản hiện hành các nội dung liên quan đến kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học như: ra đề thi, coi thi, chấm thi, thông báo kết quả thi, khiếu nại kết quả bài thi... để CB, GV và SV đều được có thể thuận lợi tra cứu và nắm bắt được những vấn đề cập nhật nhất về các yêu cầu liên quan đến việc biên soạn đề thi, trông thi, chấm thi, thông báo kết quả thi, phúc tra ...

Nhà trường/Khoa cần sử dụng các phần mềm chuyên dụng để định lượng đánh giá một cách khoa học về độ tin cậy và độ giá trị của các câu hỏi thi/đề thi để

có căn cứ cho việc điều chỉnh hoặc cải tiến các phương thức thi hiện hành hoặc thay đổi cách ra câu hỏi thi/đề thi đánh giá kết quả học tập của SV ngành GDTC.

Nhà trường nên quy định cho GV thông báo điểm đánh giá quá trình đến SV trước khi kết thúc HP 1 tuần để SV có đủ thời gian trao đổi với GV về kết quả này nếu có thắc mắc.

Nhà trường cần phân định rõ trách nhiệm của người chấm thi khi có sự chênh lệch điểm trước và sau khi khiếu nại để đảm bảo quyền lợi cho người học.

### **3. Đánh giá mức đạt được của Tiêu chuẩn 5:**

<b>Tiêu chuẩn/ Tiêu chí</b>	<b>Mức đánh giá</b>
<b>Tiêu chuẩn 5</b>	<b>3,80</b>
<i>Tiêu chí 5.1</i>	<b>4</b>
<i>Tiêu chí 5.2</i>	<b>4</b>
<i>Tiêu chí 5.3</i>	<b>3</b>
<i>Tiêu chí 5.4</i>	<b>4</b>
<i>Tiêu chí 5.5</i>	<b>4</b>

**TIÊU CHUẨN 6: ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN, NGHIÊN CỨU VIÊN**

*Tiêu chí 6.1. Việc quy hoạch đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.*

**1. Điểm mạnh của Tiêu chí 6.1**

Trường Đại học Vinh có 563 GV, trong đó có 3 Giáo sư, 48 phó giáo sư (chiếm 9,06%), 237 tiến sĩ (chiếm 42,10%), 253 thạc sĩ (chiếm 44,94%), 22 cử nhân và kỹ sư (3,9%).

Khoa Giáo dục Thể chất tính đến 30/11/2021, có 19 GV và 1 với cơ chuyên viên cấu cụ thể: về giới tính: 12 nam GV và 39 nữ GV; Độ tuổi bình quân của CB của Khoa là 44,1 tuổi; số CB giảng dạy đạt trình độ Tiến sĩ là 6 (chiếm 31,18%); số CB đang làm nghiên cứu sinh là 02 (10%); số lượng GVC là 8 (chiếm tỷ lệ 40%).

Trường Đại học Vinh đã xây dựng các kế hoạch về chiến lược phát triển qua từng giai đoạn, trong đó có kế hoạch/quy hoạch phát triển đội ngũ GV thông qua công tác xây dựng bộ máy tổ chức và nhân sự (QĐ số 1828/QĐ-ĐHV ngày 25/7/2011; QĐ số 1278/QĐ-ĐHV ngày 28/12/2018). Trong 5 năm Nhà trường cũng đã ban hành 15 văn bản chỉ đạo như các Quy chế về công tác cán bộ như: Đề án vị trí việc làm, Quy chế về tổ chức hoạt động Trường Đại học Vinh, Quy chế về công tác cán bộ của Trường Đại học Vinh, Quy định tuyển dụng, sử dụng đội ngũ GV, Quy định bổ nhiệm miễn nhiệm GS, PGS, GV cao cấp, GV chính. Kế hoạch phát triển đội ngũ bao gồm: tuyển dụng, bố trí, đào tạo, bồi dưỡng của các đơn vị hằng năm được cụ thể hóa, được phê duyệt (QĐ số 1386/QĐ-ĐHV ngày 22/4/2015; QĐ số 1016/QĐ-ĐHV ngày 22/10/2018; QĐ số 1128/QĐ-ĐHV ngày 26/9/2016; QĐ số 1217/QĐ-ĐHV ngày 14/12/2108). Nhà trường đã ban hành

các quy trình, quy định về tiêu chí tuyển dụng và đào tạo, bồi dưỡng GV phù hợp với các quy định của Luật Giáo dục Đại học, Luật Viên Chức và quy định của Nhà trường. Nhà trường cũng đã ban hành các quy định về bổ nhiệm, từ chức, miễn nhiệm viên chức lãnh đạo, bổ nhiệm miễn nhiệm GS, PGS, GV cao cấp, GV chính, Quy định về việc chấm dứt hợp đồng, cho nghỉ hưu, kéo dài thời gian lao động...

Đầu mỗi năm học, Khoa Giáo dục Thể chất đều tổ chức thống kê số liệu quy hoạch đội ngũ GV, NCV trong từng năm. Hiện tất cả các GV của Khoa Giáo dục Thể chất và ngành Giáo dục Thể chất đều có trình độ chuyên môn đạt yêu cầu quy định, được đào tạo đúng với chuyên ngành giảng dạy, thành thạo máy tính và có khả năng sử dụng ngoại ngữ tiếng Anh trong công việc.

Những GV người trúng tuyển trong các đợt tuyển dụng của Trường được Phòng Tổ chức Cán bộ niêm yết công khai trên trang thông tin điện tử của Nhà trường và thông báo bằng văn bản tới từng cá nhân để đến Trường hoàn thiện thủ tục tuyển dụng và ký hợp đồng làm việc trong thời hạn quy định. Trường ĐH Vinh và Khoa GDTC đã thực hiện chính sách thu hút, đãi ngộ và trọng dụng nhân tài để tuyển dụng đội ngũ GV có trình độ chuyên môn đúng quy định và tuyển được những SV tốt nghiệp loại giỏi, xuất sắc tốt nghiệp ở các trường ĐH khác nhau.

Hàng năm Nhà trường và Khoa Giáo dục Thể chất đã triển khai thực hiện các kế hoạch cho các GV đi học nâng cao trình độ cả về chuyên môn và lý luận chính trị. Việc luân chuyển đội ngũ CB-GV-NV cũng được Nhà trường thực hiện để phù hợp với tình hình thực tế và năng lực của từng vị trí. Việc quy hoạch, bổ nhiệm chức danh lãnh đạo của Khoa dựa trên năng lực công tác và thành tích NCKH của GV.

Việc chấm dứt hợp đồng, nghỉ chế độ và nghỉ hưu hay kéo dài thời gian công tác của GV cũng được thực hiện rõ ràng tại Quy chế công tác cán bộ của Trường Đại học Vinh.

## 2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng Tiêu chí 6.1

### 2.1. Điểm tồn tại của Tiêu chí 6.1

Cơ cấu đội ngũ giảng viên của Khoa chưa phù hợp với yêu cầu phát triển chung của Nhà trường (số lượng GV có tỷ lệ TS còn thấp).

### 2.2. Kiến nghị đối với Tiêu chí 6.1

Nhà trường và Khoa SPNN cần có cơ chế và chính sách hỗ trợ đặc biệt để động viên khuyến khích các GV của Khoa có lộ trình học nâng cao học vị để nâng tỷ lệ GV có học vị tiến sĩ trong thời gian tới.

## 3. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có

## 4. Đánh giá mức đạt được của Tiêu chí 6.1: 4

*Tiêu chí 6.2. Tỷ lệ giảng viên/người học và khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.*

### 1. Điểm mạnh của Tiêu chí 6.2

Tính đến 30/11/2021, Khoa Giáo dục Thể chất có 19 GV, trong đó có 6 TS (31,58%); 13 thạc sĩ (69,42%); có 4 Tiến sĩ tham gia cán bộ quản lý, 2 Thạc sĩ tham gia cán bộ quản lý. Tất cả các GV đều đáp ứng được tiêu chuẩn tuyển dụng của Trường, có trình độ chuyên môn phù hợp với chuyên ngành đào tạo. Tỷ lệ GV/SV của ngành GDTC đáp ứng yêu cầu quy định về xác định chỉ tiêu đào tạo trình độ đại học hiện thành theo thông tư 06/2018/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 02 năm 2018 của Bộ GD&ĐT quy định. Tỷ lệ sinh viên/giảng viên ngành GDTC trong 5 năm qua có những dao động nhất định, với tỷ lệ SV/GV của giai đoạn 2016 – 2021 từ 1,8- 4,5.

Quy định về chế độ làm việc đối với GV và NCV được Nhà trường ban hành, hướng dẫn chi tiết và triển khai thực hiện trong các văn bản liên quan của Nhà trường: Quy chế chi tiêu nội bộ (QĐ số 1585/QĐ-ĐHV ngày 30/12/2016); Quy định về quản lý các hoạt động NCKH và khoa học công nghệ (QĐ số 480/QĐ-ĐHV ngày 9/05/2016). Các văn bản này đã có quy định về việc quy đổi giờ chuẩn, ví dụ: số giờ chuẩn/năm học tối thiểu là 270 giờ giảng dạy và 165 giờ NCKH, tối đa là 315 giờ NCKH và các hoạt động chuyên môn khác với định mức giờ chuẩn là từ 70 giờ - 120 giờ/năm tương ứng với hệ số lương.

Ngoài ra, GV của CTĐT còn tham gia các hoạt động PVCĐ như hỗ trợ các hoạt động tư vấn hướng nghiệp, hỗ trợ giảng dạy các lớp bồi dưỡng, đóng góp ủng hộ tiền, vật dụng cá nhân cho các đối tượng có hoàn cảnh khó khăn, các hoạt động phục vụ cộng đồng khác như Thứ bảy tình nguyện, Ngày Chủ nhật xanh, Hiến máu nhân đạo.

Khối lượng công việc của đội ngũ GV được Phòng Tổ chức cán bộ, Khoa và bộ môn giám sát và đánh giá định kỳ hằng năm để cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ. Việc đánh giá hằng năm được thực hiện qua bản tự đánh giá của GV về công tác giảng dạy, NCKH, chuyên môn nghiệp vụ và được thông qua ở Bộ môn, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp Khoa và cuối cùng Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp Trường. Việc đo lường, giám sát khối lượng công việc của GV thực hiện hằng năm thông qua việc quy đổi giờ chuẩn được hỗ trợ bởi Công thông tin cán bộ là phần mềm nằm trong hệ thống thông tin tổng thể của Trường Đại học Vinh (*canbo.vinhuni.edu.vn*).

Bên cạnh đó, Nhà trường đã khảo sát ý kiến của SV đối với hoạt động giảng dạy của GV nhằm thu thập thông tin phản hồi của SV tới GV và các cán bộ quản lý của Khoa/Trường. Trên cơ sở các kết quả khảo sát, Nhà trường và Khoa có định hướng chiến lược thích hợp đi kèm các giải pháp để cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ.

Trong 5 năm của chu kỳ KĐCLGD, hầu hết các GV ngành GDTC đều được đánh giá ở mức lao động tiên tiến trở lên và đều đều với kết quả đánh giá chung.

## **2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng Tiêu chí 6.2**

### **2.1. Điểm tồn tại của Tiêu chí 6.2**

Khoa GDĐT chưa đạt kế hoạch tuyển dụng như mong muốn để đáp ứng yêu cầu công việc trong những năm tới.

Các hoạt động PVCĐ của giảng viên chưa được lượng hóa nên nhiệm vụ giám sát và đánh giá hoạt động PVCĐ của GV chưa được thuận lợi.

### **2.2. Kiến nghị đối với Tiêu chí 6.2**

Nhà trường và Khoa GDTC cần đạt kế hoạch tuyển dụng như mong muốn để đáp ứng yêu cầu công việc trong những năm tới.

Nhà trường cần đưa ra các tiêu chí lượng hóa được các hoạt động PVCĐ của giảng viên để thuận lợi hơn trong việc giám sát và đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ PVCĐ của GV hằng năm.

## **3. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có**

## **4. Đánh giá mức đạt được của Tiêu chí 6.2: 4**

*Tiêu chí 6.3. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.*

### **1. Điểm mạnh của Tiêu chí 6.3**

Trường Đại học Vinh đã ban hành các văn bản về kế hoạch tuyển dụng, kế hoạch đào tạo bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ GV, NCV (1. Kế

hoạch/chiến lược của Khoa GDTC về tuyển đội ngũ GV, NCV từ năm học 2015-2016 đến 2019-2020; Kế hoạch năm học của Khoa GDTC từ năm 2015-2016 đến 2019-2020; Tờ trình đề nghị tuyển dụng cán bộ về làm việc tại các Bộ môn ở Khoa GDTC từ năm 2015-2016 đến 2019-2020; Kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên giai đoạn 2016 - 2020, Số 1586/QĐ-ĐHV ngày 30/12/2016). Nhà trường đã ban hành các quy trình, quy định về các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển, trong đó có tiêu chuẩn tư cách đạo đức, thành tích giảng dạy, nghiên cứu, trình độ chuyên môn, khả năng sử dụng ngoại ngữ. Có 5 tiêu chí tuyển dụng GV. Các tiêu chí tuyển dụng có thể được điều chỉnh theo từng thời điểm, phù hợp với yêu cầu nâng cao chất lượng đội ngũ GV. Quy trình tuyển dụng được tổ chức chặt chẽ, gồm các bước: thành lập Hội đồng tuyển dụng Trường và các Tiểu ban chuyên môn chấm thi tại các đơn vị, tổ chức thi giảng và phỏng vấn (đối với cán bộ giảng dạy). Nhà trường thông báo công khai chỉ tiêu và các tiêu chí tuyển dụng, lựa chọn GV trên website của Nhà trường và các phương tiện truyền thông đại chúng. Kết quả thi tuyển được thông báo trên trang thông tin của Nhà trường. Trong 5 năm qua,

Việc bổ nhiệm lại, điều động, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm viên chức quản lý trong Khoa được thực hiện nghiêm túc, đúng quy định. Các nội dung quy định về tiêu chí đánh giá năng lực GV được Nhà trường triển khai đến toàn thể CB-GV-NV và lấy ý kiến thông qua các buổi sinh hoạt bộ môn, Khoa, qua khảo sát ý kiến CB-GV-NV ở tổng kết năm học. Trong 5 năm qua khoa không tuyển dụng Giảng viên.

## **2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng Tiêu chí 6.3**

### **2.1. Điểm tồn tại của Tiêu chí 6.3**

Dữ liệu điện tử trên E-Office chưa thuận lợi cho việc tìm kiếm thông tin liên quan. Số lượng ứng viên nộp hồ sơ tuyển dụng chưa nhiều, không có nhân sự có học vị tiến sỹ nộp đơn xin đăng ký tuyển dụng.



## 2.2. Kiến nghị đối với Tiêu chí 6.3

Nhà trường nên nghiên cứu để có thể nâng cấp phần mềm E-Office của Trường đối với các trường thông tin thuận lợi hơn để người dùng có thể dễ dàng tìm kiếm được các thông tin liên quan phục vụ cho công tác quản lý và điều hành.

Để có thể thu hút được đông đảo nhân sự đăng ký tham gia tuyển dụng vào làm GV của Trường/Khoa GDTC, Nhà trường cần có chính sách ưu tiên, ưu đãi đặc biệt đối với những nhân sự có học vị tiến sỹ.

## 3. Những điểm chưa rõ (nếu có): không có

## 4. Đánh giá mức đạt được của Tiêu chí 6.3: 4

*Tiêu chí 6.4. Năng lực của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và được đánh giá.*

### 1. Điểm mạnh của Tiêu chí 6.4

Nhà trường đã ban hành Bộ tiêu chí đánh giá năng lực GV thông qua Bộ Tiêu chí thi đua đánh giá GV khá chi tiết; Ban hành "Tiêu chí thi đua cá nhân" đánh giá công chức, viên chức Trường ĐH Vinh, số 3807/QĐ-ĐHV ngày 12/10/2015; Quyết định 929/QĐ-ĐHV ngày 24/8/2017 về đánh giá, xếp loại CB viên chức ĐH Vinh...Nhà trường và Khoa GDTC có quy định rõ ràng đối với năng lực của GV dựa trên cơ sở quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp của viên chức giảng dạy (số 36/2014/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 28/11/2014; số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014). Ngay từ khâu tuyển dụng, năng lực của đội ngũ GV, NCV được xác định và đáp ứng các quy định hiện hành, Trường Đại học Vinh đã phát hành Sổ tay GV bao gồm thông tin về: năng lực NCKH; năng lực xây dựng, thiết kế và thực hiện CTDH; năng lực

lựa chọn và áp dụng các phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá phù hợp đáp ứng yêu cầu CDR; năng lực ứng dụng sử dụng công nghệ thông tin trong dạy học; năng lực tổ chức cho SV NCKH; năng lực ngoại ngữ. Ngoài ra tiêu chuẩn năng lực của đội ngũ GV được mô tả chi tiết trong bản mô tả vị trí công việc (Thông tư số 36/2014/TTLT –BGDDT ngày 28/11/2014). Tất cả các GV của ngành GDTC đều có khả năng tự thiết kế và thực hiện CTDH. Nhà trường cũng đã ban hành các văn bản quy định về tiêu chí tuyển dụng và phát triển đội ngũ GV, NCV, trong đó có Hồ sơ năng lực GV ngành GDTC gồm Lý lịch khoa học và Bộ tiêu chí đánh giá năng lực của Nhà trường.

Nhà trường cũng đã ban hành các văn bản quy định cụ thể phương thức, quy trình đánh giá năng lực của GV để đánh giá kết quả thực hiện, mức độ hoàn thành nhiệm vụ, thành tích lao động của CB-GV-NV. Văn bản này đã được lấy ý kiến thảo luận và góp ý công khai ở cấp đơn vị, được công bố rộng rãi trên website của Trường. Công tác đánh giá nhân sự được Nhà trường và Khoa Giáo dục Thể chất thực hiện nghiêm túc, khoa học. Các chính sách về đánh giá và khen thưởng được cụ thể hóa trong quy chế thi đua khen thưởng, quy chế lương, triển khai thực hiện đúng các quy định.

Hàng năm, Trường Đại học Vinh thực hiện đánh giá năng lực của đội ngũ GV trên cơ sở bộ tiêu chí đánh giá, xếp loại cán bộ, viên chức do Nhà trường ban hành. Cuối mỗi năm học, các GV đều tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học theo chức danh được giao; Bộ môn và lãnh đạo Khoa đánh giá; cuối cùng Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp Trường đánh giá; bình xét xếp loại thi đua theo các mức: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; Hoàn thành tốt nhiệm vụ; Hoàn thành nhiệm vụ và Không hoàn thành nhiệm vụ. Căn cứ vào kết luận của Hội đồng đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ, Hiệu trưởng Nhà trường ban hành văn bản quyết định công nhận danh hiệu thi đua theo từng năm học. Tất cả các GV của Khoa Giáo dục Thể chất đều đạt mức hoàn thành nhiệm vụ trở lên.

Năng lực của đội ngũ GV còn được đánh giá thông qua kết quả khảo sát SV

về chất lượng giảng dạy của GV sau mỗi học kỳ. Sau khi tổng hợp phân tích kết quả khảo sát ý kiến của SV về hoạt động giảng dạy của GV, Nhà trường gửi kết quả cho Khoa Giáo dục Thể chất để giúp GV tổng kết lại hoạt động giảng dạy của mình.

Thông qua kết quả của Hội đồng đánh giá về mức độ hoàn thành nhiệm vụ công tác của CB-GV-NV cho thấy các GV thuộc Khoa Giáo dục Thể chất đều có đủ năng lực để thực hiện tốt công tác đào tạo, NCKH và đóng góp cho cộng đồng. Trên cơ sở đó GV không ngừng điều chỉnh về năng lực giảng dạy, nghiên cứu và xây dựng kế hoạch công tác được thể hiện vào kế hoạch năm học mới của đơn vị.

## **2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng Tiêu chí 6.4**

### **2.1. Điểm tồn tại của Tiêu chí 6.4**

Năng lực NCKH của các GV trong Khoa chưa đồng đều.

### **2.2. Kiến nghị đối với Tiêu chí 6.4**

Nhà trường/Khoa cần định kỳ hằng năm có các xe-mi-na hoặc các lớp bồi dưỡng để hướng dẫn, bồi dưỡng cho các GV trẻ về các phương pháp NCKH; đồng thời Khoa nên có các tổ NCKH trong đó có các GV có kinh nghiệm NCKH trực tiếp bồi dưỡng/hướng dẫn cho các GV trẻ cùng làm chung đề tài NCKH các cấp để nâng cao năng lực NCKH cho các GV trong Khoa.

Nhà trường cần tham khảo Quyết định số 89/QĐ-TTg ngày 18/1/2019 của Chính phủ phê duyệt Đề án Nâng cao năng lực đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý các cơ sở giáo dục đại học đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo giai đoạn 2019 - 2030 để xây dựng lộ trình phát triển năng lực của đội ngũ GV của Khoa GDTC và của Trường.

## **3. Những điểm chưa rõ (nếu có): không có**

#### **4. Đánh giá mức đạt được của Tiêu chí 6.4: 5**

*Tiêu chí 6.5. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.*

##### **1. Điểm mạnh của Tiêu chí 6.5**

Trường ĐH Vinh đã xác định nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực là bước quan trọng trong xây dựng chiến lược đào tạo và phát triển nguồn nhân lực của Nhà trường. Nhà trường và Khoa Giáo dục Thể chất đã thực hiện khảo sát và tìm hiểu nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ GV của từng Bộ môn.

Khoa Giáo dục Thể chất đã xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ dài hạn, trung hạn và kế hoạch đào tạo hằng năm kể cả kế hoạch bổ nhiệm các chức danh GS, PGS, kế hoạch thi thăng hạng viên chức. Kế hoạch về đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ GV của ngành GDTC được xây dựng dựa trên yêu cầu của CTĐT. Nhà trường đặc biệt khuyến khích cán bộ đi học tập, nâng cao trình độ ở nước ngoài với các chương trình học bổng, các khóa bồi dưỡng ngắn hạn được thông báo công khai và tạo điều kiện thuận lợi để cán bộ GV trẻ tham gia. Số lượng CB cụ thể được cử đi học tiến sĩ trong giai đoạn 2015-2020 khoa GDTC là 4 GV trong đó 1 người được cử đi học nước ngoài. Hiện nay đã có 2 người bảo vệ thành công luận án TS. Theo kế hoạch trong năm 2021, khoa có thêm 2 NCS bảo vệ luận án tiến sĩ. Bồi dưỡng ngắn hạn các loại là 59 lượt người.

Trường cũng đã tổ chức các khóa bồi dưỡng về nghiệp vụ sư phạm, các lớp ngoại ngữ, tin học, các khóa bồi dưỡng về quản lí hành chính, lí luận chính trị, an ninh-quốc phòng cho đội ngũ GV; cử cán bộ đi học tập, bồi dưỡng tại các cơ sở đào tạo khác. Những GV đi học tiến sĩ được Nhà trường miễn/giảm giờ dạy, hỗ

trợ học phí và có chế độ hỗ trợ khác, trong đó có quy định rõ về sự hỗ trợ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng, thanh toán tiền mua tài liệu; thanh toán tiền tàu xe; hỗ trợ sinh hoạt phí cho GV tham gia các đợt tập huấn, bồi dưỡng.

Kết quả thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của GV được giám sát hằng năm với nhiều hình thức khác nhau, bao gồm: đánh giá, phân loại viên chức cuối năm; việc học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của GV được giám sát và ghi nhận. Các GV tham gia các khóa đào tạo dài hạn trong và ngoài nước phải báo cáo tiến độ học tập về Khoa và Nhà trường. Khi hoàn thành khóa học, GV nộp báo cáo để làm cơ sở cho Nhà trường tiếp nhận và bố trí công tác. Kinh phí chi cho đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ GV của Trường (dài hạn và ngắn hạn) trong 5 năm thuộc chu kỳ KĐCLGD là 11,157 tỷ đồng (chiếm 0,46% nguồn thu hợp pháp của Trường). Số lượng giảng viên của Khoa GDTC được cử đi đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn là 59 lượt người.

## **2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng Tiêu chí 6.5**

### **2.1. Điểm tồn tại của Tiêu chí 6.5**

Có 2 GV đang làm nghiên cứu sinh không đảm bảo đúng thời hạn do những nguyên nhân chủ quan hoặc khách quan (đề tài không khả thi, hoặc bản thân GV chưa quyết tâm cao). Kinh phí hỗ trợ cho giảng viên tham gia các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ ở trong và ngoài nước còn hạn chế.

### **2.2. Kiến nghị đối với Tiêu chí 6.5**

Nhà trường và **Khoa GDTC** cần có cơ chế buộc các GV đang làm nghiên cứu sinh phải đầu tư nhiều thời gian hơn để đảm bảo tiến độ học tập và hoàn thành luận án tiến sỹ đúng kỳ hạn quy định.

Nhà trường cần hằng năm phân bổ tăng thêm kinh phí nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ và năng lực chuyên môn cho GV.

**3. Những điểm chưa rõ (nếu có):** Không có**4. Đánh giá mức đạt được của Tiêu chí 6.5: 4**

*Tiêu chí 6.6. Việc quản trị theo kết quả công việc của giảng viên, nghiên cứu viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.*

**1. Điểm mạnh của Tiêu chí 6.6**

Trường Đại học Vinh đã quản trị theo kết quả công việc của đội ngũ GV, NCV, đã xây dựng và ban hành các quy định, quy chế với các tiêu chí rõ ràng để đánh giá hiệu quả công việc của GV, NCV trong công tác giảng dạy, NCKH và PVCĐ đáp ứng theo đúng quy định hiện hành. Các tiêu chí đánh giá được quy định đối với GV bao gồm: đánh giá dựa trên khối lượng, chất lượng giảng dạy; khối lượng, chất lượng NCKH; khối lượng, chất lượng các hoạt động chuyên môn khác. Bên cạnh những quy định cụ thể về khối lượng công việc, Nhà trường cũng có các quy chế về khen thưởng, kỷ luật để làm cơ sở bình xét các hình thức khen thưởng khác nhau. Quá trình xây dựng các quy chế, quy định đánh giá hiệu quả công việc được công khai xin ý kiến của các GV trong Trường thông qua các buổi họp của Khoa và các đợt lấy ý kiến chung của toàn Trường.

Nhà trường và Khoa Giáo dục thể chất có kế hoạch công tác cụ thể hằng năm đối với GV. Bộ môn dựa trên khối lượng giảng dạy, phân công cho từng GV theo quy định. Mỗi GV lập kế hoạch năm học cụ thể. Hệ thống các quy chế, quy định được xây dựng và ban hành rộng rãi, đầy đủ và được cập nhật theo từng năm học. Định mức giờ chuẩn giảng dạy, NCKH và hoạt động chuyên môn của GV được quy định tại quy chế chi tiêu nội bộ và các văn bản liên quan khác của Trường. Kết quả NCKH và việc đánh giá, khen thưởng được quy định trong Quy định quản lý hoạt động KHCN.

Việc đánh giá kết quả công việc của CB - GV - NV luôn được công khai, minh bạch thông qua hệ thống quản lý online trên phần mềm, có minh chứng kèm theo các sản phẩm NCKH như bài báo, sách xuất bản, seminar khoa học. Cuối năm học, GV thực hiện tự đánh giá mức độ hoàn thành công việc của bản thân theo các mức: *Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; Hoàn thành tốt nhiệm vụ; Hoàn thành nhiệm vụ; Không hoàn thành nhiệm vụ; Không xếp loại*. Hội đồng thi đua Khoa và Trường họp xét, bỏ phiếu tín nhiệm và đề nghị Hiệu trưởng quyết định công nhận các danh hiệu thi đua và khen thưởng như: *Lao động tiên tiến, Chiến sĩ thi đua các cấp, Giấy khen của Hiệu trưởng*. Kết quả đánh giá GV Khoa **Giáo dục thể chất** (từ năm học 2015 - 2016 đến năm học 2019 - 2020) Khoa có 3 CB, GV đạt danh hiệu “chiến sĩ thi đua”, chiếm 15 % trên tổng số CB cơ hữu. Số CB, GV còn lại đạt danh hiệu “lao động tiên tiến”, còn những GV đi học nước ngoài đạt danh hiệu “hoàn thành nhiệm vụ”.

Tất cả các CB-GV-NV của Trường đều hài lòng về kết quả đánh giá hằng năm, đặc biệt là việc thi đua khen thưởng và công nhận của Nhà trường và của các cấp có thẩm quyền (Bộ GD&ĐT, Tỉnh/Thành phố).

Trong các năm học giai đoạn 2016-2020, GV của ngành GDTC luôn hoàn thành vượt mức các nhiệm vụ được giao về giảng dạy theo kế hoạch năm học. Gần 100% ngành GDTC hoàn thành hoặc vượt mức thực hiện giờ chuẩn NCKH và hoạt động chuyên môn nghiệp vụ. Kết quả đánh giá viên chức hằng năm giai đoạn 2016-2020 cho thấy hơn 100% GV ngành GDTC được xếp loại lao động tiên tiến trở lên. Tất cả các CB, GV đều hài lòng với cách quản trị theo kết quả công việc của CB, GV và kết quả đánh giá viên chức hằng năm của Nhà trường.

## **2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng Tiêu chí 6.6**

### **2.1. Điểm tồn tại của Tiêu chí 6.6**

Tiêu chí này không có tồn tại.

## 2.2. Kiến nghị đối với Tiêu chí 6.6

Tiêu chí này không có khuyến nghị.

## 3. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có

## 4. Đánh giá mức đạt được của Tiêu chí 6.6: 5

*Tiêu chí 6.7. Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của giảng viên, nghiên cứu viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.*

### 1. Điểm mạnh của Tiêu chí 6.7

Trường ĐH Vinh đã ban hành các văn bản quy định cụ thể về các loại hình và số lượng sản phẩm NCKH mà GV, NCV phải thực hiện, cũng như các văn bản hướng dẫn xây dựng kế hoạch hoạt động KH&CN bao gồm: seminar khoa học cấp Khoa, cấp Bộ môn; tổ chức hội thảo, hội nghị quốc tế, quốc gia; tổ chức hội thảo, hội nghị cấp Trường. Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của GV được xác lập rõ ràng, trong đó có quy định số giờ NCKH cho các GV theo hệ số lương, ví dụ hệ số lương 6,2 thì định mức 315 giờ NCKH; hệ số lương thấp nhất 2,34 giờ thì định mức 165 giờ NCKH.

Hằng năm, Khoa có các đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường, giáo trình hoặc sách tham khảo được nghiệm thu, các báo cáo khoa học của GV ngành GDTC được đăng trên các tạp chí khoa học chuyên ngành. Cụ thể: trong chu kỳ KĐCLGD, Khoa GDTC từ năm 2015-2020 khoa đã đăng tải 10 bài báo quốc tế; 9 đề tài cấp Trường trọng điểm; 4 Giáo trình.

Các công trình nghiên cứu của đội ngũ GV, NCV được giám sát chất lượng bởi các phòng chức năng liên quan, Hội đồng Khoa và Hội đồng KH&ĐT của Trường. Kết thúc năm học, Bộ môn, Khoa và Nhà trường luôn có hoạt động đánh giá số lượng và chất lượng các hoạt động nghiên cứu của GV, NCV; quy đổi sang



giờ NCKH theo Quy định. Hầu hết GV chủ trì hoặc tham gia các đề tài NCKH các cấp, 100% đề tài hoàn thành đúng thời hạn và đạt chất lượng khá trở lên. Nhà trường cũng có hình thức khen thưởng đối với các GV có công trình nghiên cứu đăng tải trên các tạp chí, các nhà xuất bản có uy tín.

## **2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng Tiêu chí 6.7**

### **2.1. Điểm tồn tại của Tiêu chí 6.7**

Nhà trường chưa có cơ chế khuyến khích đặc biệt phù hợp đối với những giảng viên thực hiện vượt định mức NCKH. Phân bổ mức chi trực tiếp cho GV làm đề tài NCKH cấp Trường hiện đang ở mức thấp.

### **2.2. Kiến nghị đối với Tiêu chí 6.7**

Nhà trường cần nghiên cứu để đưa ra cơ chế khuyến khích phù hợp cho những GV thực hiện vượt định mức NCKH; đồng thời cần tăng mức chi trực tiếp cho các giảng viên thực hiện các đề tài NCKH cấp Trường.

## **3. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có**

## **4. Đánh giá mức đạt được của Tiêu chí 6.7: 4**

## **ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ TIÊU CHUẨN 6**

### **1. Điểm mạnh cơ bản của Tiêu chuẩn 6:**

Công tác quy hoạch, phát triển đội ngũ GV của Khoa GDTC, ngành Giáo dục thể chất được triển khai hằng năm. Tỷ lệ SV/GV đảm bảo theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT). Khối lượng công việc của GV được đo lường và giám sát tiêu bằng các chỉ rõ ràng, minh bạch. Năng lực của đội ngũ cán bộ giảng dạy được xác định xác định nhất quán, công bằng. Nhu cầu đào tạo

và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên được xây dựng theo kế hoạch và có rà soát, điều chỉnh hằng năm và có cơ chế hỗ trợ, khuyến khích GV tham gia. Việc quản trị theo kết quả công việc của GV được triển khai chặt chẽ theo quy định.. Hơn 90% GV ngành GDTC được xếp loại lao động tiên tiến trở lên. Hoạt động nghiên cứu khoa học (NCKH) của GV được giám sát với kết quả NCKH được ghi nhận để làm căn cứ phục vụ cho việc đánh giá và cải tiến chất lượng.

## **2. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng của Tiêu chuẩn 6:**

### **2.1. Điểm tồn tại cơ bản của Tiêu chuẩn 6:**

Nhà trường và Khoa SPNN cần có cơ chế và chính sách hỗ trợ đặc biệt để động viên khuyến khích các GV của Khoa có lộ trình học nâng cao học vị để nâng tỷ lệ GV có học vị tiến sỹ trong thời gian tới.

Các hoạt động PVCD của giảng viên chưa được lượng hóa nên nhiệm vụ giám sát và đánh giá hoạt động PVCD của GV chưa được thuận lợi.

Dữ liệu điện tử trên E-Office chưa thuận lợi cho việc tìm kiếm thông tin liên quan. Số lượng ứng viên nộp hồ sơ tuyển dụng chưa nhiều, không có nhân sự có học vị tiến sỹ nộp đơn xin đăng ký tuyển dụng.

Năng lực NCKH của các GV trong Khoa chưa đồng đều.

Một số GV đang làm nghiên cứu sinh không đảm bảo đúng thời hạn do những nguyên nhân chủ quan hoặc khách quan (đề tài không khả thi, hoặc bản thân GV chưa quyết tâm cao). Kinh phí hỗ trợ cho giảng viên tham gia các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ ở trong và ngoài nước còn hạn chế.

Nhà trường chưa có cơ chế khuyến khích đặc biệt phù hợp đối với những giảng viên thực hiện vượt định mức NCKH. Phân bổ mức chi trực tiếp cho GV làm đề tài NCKH cấp Trường hiện đang ở mức thấp.

### **2.2. Kiến nghị đối với Tiêu chuẩn 6:**

Nhà trường và Khoa SPNN cần có cơ chế và chính sách hỗ trợ đặc biệt để động viên khuyến khích các GV của Khoa có lộ trình học nâng cao học vị để nâng tỷ lệ GV có học vị tiến sỹ trong thời gian tới.

Nhà trường cần đưa ra các tiêu chí lượng hóa được các hoạt động PVCD của giảng viên để thuận lợi hơn trong việc giám sát và đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ PVCD của GV hằng năm.

Nhà trường nên nghiên cứu để có thể nâng cấp phần mềm E-Office của Trường đvối các trường thông tin thuận lợi hơn để người dùng có thể dễ dàng tìm kiếm được các thông tin liên quan phục vụ cho công tác quản lý và điều hành.

Để có thể thu hút được đông đảo nhân sự đăng ký tham gia tuyển dụng vào làm GV của Trường/Khoa GDTC, Nhà trường cần có chính sách ưu tiên, ưu đãi đặc biệt đối với những nhân sự có học vị tiến sỹ.

Nhà trường/Khoa cần định kỳ hằng năm có các xe-mi-na hoặc các lớp bồi dưỡng để hướng dẫn, bồi dưỡng cho các GV trẻ về các phương pháp NCKH; đồng thời Khoa nên có các tổ NCKH trong đó có các GV có kinh nghiệm NCKH trực tiếp bồi dưỡng/hướng dẫn cho các GV trẻ cùng làm chung đề tài NCKH các cấp để nâng cao năng lực NCKH cho các GV trong Khoa.

Nhà trường cần tham khảo Quyết định số 89/QĐ-TTg ngày 18/1/2019 của Chính phủ phê duyệt Đề án Nâng cao năng lực đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý các cơ sở giáo dục đại học đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo giai đoạn 2019 - 2030 để xây dựng lộ trình phát triển năng lực của đội ngũ GV của **Khoa GDTC** và của Trường.

Nhà trường và **Khoa GDTC** cần có cơ chế buộc các GV đang làm nghiên cứu sinh phải đầu tư nhiều thời gian hơn để đảm bảo tiến độ học tập và hoàn thành luận án tiến sỹ đúng kỳ hạn quy định.

Nhà trường cần nghiên cứu để đưa ra cơ chế khuyến khích phù hợp cho những GV thực hiện vượt định mức NCKH; đồng thời cần tăng mức chi trực tiếp cho các giảng viên thực hiện các đề tài NCKH cấp Trường.

**3. Đánh giá mức đạt được của Tiêu chuẩn 6:**

<b>Tiêu chuẩn/ Tiêu chí</b>	<b>Mức đánh giá</b>
<b>Tiêu chuẩn 6</b>	<b>4,29</b>
<i>Tiêu chí 6.1</i>	<b>4</b>
<i>Tiêu chí 6.2</i>	<b>4</b>
<i>Tiêu chí 6.3</i>	<b>4</b>
<i>Tiêu chí 6.4</i>	<b>5</b>
<i>Tiêu chí 6.5</i>	<b>4</b>
<i>Tiêu chí 6.6</i>	<b>5</b>
<i>Tiêu chí 6.7</i>	<b>4</b>

**TIÊU CHUẨN 7: ĐỘI NGŨ NHÂN VIÊN**

*Tiêu chí 7.1. Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.*

**1. Điểm mạnh của Tiêu chí 7.1**

Tính đến 30/11/2021, đội ngũ nhân viên của Trường ĐH Vinh bao gồm 318 người làm việc ở các trung tâm, phòng, viện, trạm, nhà xuất bản, các khoa/viện phục vụ cho hoạt động đào tạo, NCKH và xây dựng cơ sở vật chất của Trường.

Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên của Trường Đại học Vinh được thực hiện dựa trên các chiến lược phát triển của Nhà trường qua từng giai đoạn nhằm đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCD. Nhà trường đã quy định chuẩn chức danh nghề nghiệp và ban hành đề án vị trí việc làm cho các phòng/trung tâm trực thuộc Trường. Đầu mỗi năm học, các đơn vị đào tạo, phòng/trung tâm phân tích, rà soát nhu cầu về đội ngũ nhân viên, xây dựng kế hoạch năm học trong đó bao gồm công tác đào tạo bồi dưỡng, công tác quy hoạch đội ngũ cán bộ và trình lãnh đạo Trường, phê duyệt quy hoạch cán bộ hỗ trợ cho các đơn vị.

Nhà trường có chính sách thu hút, tuyển dụng, phát triển đội ngũ nhân viên làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT, bộ phận Một cửa, Ban truyền thông và các dịch vụ hỗ trợ khác (Quy chế tổ chức hoạt động, quy định và các đề án tuyển dụng, quy chế đào tạo, bồi dưỡng, quy chế chi tiêu nội bộ ...). Hằng năm, Nhà trường có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng tạo điều kiện cho đội ngũ nhân viên hỗ trợ nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ để đáp ứng yêu cầu công việc.

Công tác đào tạo ngành GDTC được hỗ trợ bởi đội ngũ cán bộ NV làm việc tại các phòng ban chức năng, các trung tâm ... Khoa Giáo dục Thể chất có 01 CB hỗ trợ bao gồm phụ trách công tác văn phòng và quản lý công tác chính trị HSSV. Ngoài ra, Khoa còn xây dựng đội ngũ GV kiêm nhiệm các công việc hỗ trợ gồm: 01 cố vấn học tập, 01 CB trợ lý đào tạo, 01 trợ lý ĐBCL. Các CB hỗ trợ và GV kiêm nhiệm đều được tham gia các khóa đào tạo, tập huấn nhằm nâng cao nghiệp vụ chuyên môn như kỹ năng tin học .... Nhà trường cũng có chính sách luân chuyển cán bộ hỗ trợ. Sau 05 năm làm việc, mỗi cán bộ được luân chuyển đến đơn vị mới (trừ một số vị trí đặc thù).

## **2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng Tiêu chí 7.1**

### **2.1. Điểm tồn tại của Tiêu chí 7.1**

Việc quy hoạch đội ngũ KTV, chuyên viên và nhân viên làm việc tại thư viện, các phòng thí nghiệm, trong hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác phục vụ CTĐT chưa được dài hạn. Kế hoạch phát triển đội ngũ KTV, chuyên viên và nhân viên chưa được chi tiết đến từng lĩnh vực cụ thể; đặc biệt là cho những đơn vị có tính chất đặc thù.

### **2.2. Kiến nghị đối với Tiêu chí 7.1**

Nhà trường nên nghiên cứu để đưa ra chiến lược dài hạn hơn nhằm quy hoạch phát triển đội ngũ KTV, chuyên viên và nhân viên làm việc cho từng lĩnh vực cụ thể tại thư viện, các phòng thí nghiệm, đặc biệt là đội ngũ làm việc trong hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác phục vụ cho các hoạt động của Nhà trường; trong Chiến lược phát triển cần có kế hoạch chi tiết hơn để phát triển đội ngũ này cho từng lĩnh vực chuyên môn theo những đặc thù của từng ngành đào tạo của Nhà trường; đặc biệt kế hoạch phát triển cần đưa ra được lộ trình để các KTV, chuyên viên và nhân viên phải chủ động đăng ký đi học để đạt chuẩn năng lực theo quy định.

### **3. Những điểm chưa rõ (nếu có):** không có

### **4. Đánh giá mức đạt được của Tiêu chí 7.1: 4**

*Tiêu chí 7.2. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.*

#### **1. Điểm mạnh của Tiêu chí 7.2**

Tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm và phát triển được quy định rõ ràng, cụ thể trong các văn bản về Quy chế về công tác cán bộ, quy định tuyển chọn viên chức và lao động hợp đồng vào công tác tại Trường Đại học Vinh. Quy chế này được xây dựng và lấy ý kiến rộng rãi trong toàn Trường, được phổ biến công khai trên website và trong các hội nghị và lấy ý kiến các bên liên quan.

Việc tuyển dụng NV được xuất phát từ nhu cầu của Khoa, các phòng ban và các đơn vị trong Trường. Dựa trên đề án vị trí việc làm, Trường tiến hành rà soát đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, phê duyệt kế hoạch tuyển dụng nhân viên cho các đơn vị. Kế hoạch, các tiêu chí để tuyển dụng, danh sách ứng viên, danh sách những người trúng tuyển được công bố công khai trên E-Office, website của Trường. Quy trình tuyển dụng đội ngũ nhân viên được tổ chức gồm các bước theo quy trình tuyển dụng: thành lập Hội đồng tuyển dụng Trường và các tiểu ban chuyên môn chấm thi tại các đơn vị; tổ chức thi chuyên môn nghiệp vụ; thi phỏng vấn tại Hội đồng tuyển dụng Trường.

Nhiệm vụ của đội ngũ nhân viên ở các phòng ban và các đơn vị trong Trường được phân công rõ ràng và được công bố trên trang thông tin điện tử của từng đơn vị. Việc luân chuyển, vị trí công tác nhân viên hành chính là yêu cầu bắt buộc với tất cả các CB, viên chức của Nhà trường, được thực hiện theo kế hoạch

và qui định về công tác cán bộ. Nhà trường có chính sách luân chuyển đối với những nhân viên có thời gian đảm nhận vị trí công tác ở một đơn vị liên tục từ 60 tháng trở lên.

Số lượng nhân viên và kỹ thuật viên toàn Trường tính đến 30/11/2021 là 591 người. Trong chu kỳ KĐCLGD, Nhà trường đã tuyển dụng được 35 nhân viên, trong đó có 20 trình độ đại học; 15 trình độ Thạc sĩ.

## **2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng Tiêu chí 7.2**

### **2.1. Điểm tồn tại của Tiêu chí 7.2**

Một số nội dung trong tiêu chí điều động, luân chuyển của Nhà trường chưa thể hiện được đặc thù theo chuyên ngành của nhân viên. Chính sách đãi ngộ đối với đội ngũ cán bộ hỗ trợ chưa nhiều.

### **2.2. Kiến nghị đối với Tiêu chí 7.2**

Nhà trường nên nghiên cứu để đưa ra được tiêu chí thể hiện được tính đặc thù của một số vị trí của nhân viên khi điều động, luân chuyển các nhân sự là nhân viên của Nhà trường. Đồng thời, Nhà trường nên nghiên cứu để mở rộng hơn các chính sách đãi ngộ và khuyến khích đối với đội ngũ nhân viên hỗ trợ nhiệm vụ đào tạo, NCKH và PVCD của Trường.

## **3. Những điểm chưa rõ (nếu có): không có**

## **4. Đánh giá mức đạt được của Tiêu chí 7.2: 4**

*Tiêu chí 7.3. Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và được đánh giá.*

### **1. Điểm mạnh của Tiêu chí 7.3**

Trình độ, **năng lực** của đội ngũ cán bộ hỗ trợ khi tuyển dụng được quy định



trong Quy chế về công tác cán bộ của Trường Đại học Vinh, Quy chế hoạt động của Khoa GDTC và được xác định với từng vị trí trong Đề án vị trí việc làm và vị trí công việc tại các đơn vị. Đội ngũ nhân viên hỗ trợ của Khoa gồm có 2 cấp: hỗ trợ cấp Trường và hỗ trợ cấp chương trình đào tạo. Các cán bộ hỗ trợ đều có trình độ từ Thạc sĩ/Cử nhân trở lên đảm bảo đáp ứng yêu cầu về năng lực cho từng vị trí từng công việc. Năng lực của đội ngũ cán bộ hỗ trợ được đánh giá dựa vào các tiêu chí đánh giá xếp loại cán bộ hỗ trợ của Trường.

Hàng tháng các đơn vị tổ chức đánh giá xếp loại nhân viên. Định kỳ cuối năm học, nhân viên được đánh giá xếp loại kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học gồm 4 bước: (i) nhân viên tự đánh giá; (ii) tổ chuyên môn họp đánh giá xếp loại; (iii) ban lãnh đạo đơn vị/Hội đồng Thi đua khen thưởng cấp đơn vị đánh giá xếp loại; (iv) Hội đồng thi đua - khen thưởng của Trường đánh giá và phê duyệt xếp loại.

Ngoài ra, việc đánh giá xếp loại nhân viên hỗ trợ còn được phản ánh qua ý kiến phản hồi của người học. Kết quả khảo sát cho thấy hầu hết SV đều thỏa mãn với chất lượng phục vụ của nhân viên hỗ trợ. Kết quả đánh giá thi đua hàng năm cũng cho thấy năng lực đội ngũ nhân viên hỗ trợ đều đạt mức hoàn thành tốt nhiệm vụ, 100% đội ngũ này đều đáp ứng tiêu chuẩn năng lực yêu cầu về vị trí việc làm.

## **2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng Tiêu chí 7.3**

### **2.1. Điểm tồn tại của Tiêu chí 7.3**

Nhà trường có bộ tiêu chuẩn đánh giá năng lực chuyên môn, nghiệp vụ chung của đội ngũ nhân viên, chưa có những tiêu chí riêng theo đặc thù của từng lĩnh vực mà đội ngũ nhân viên đảm nhận, ví dụ: nhóm nhân viên là việc tại Thư viện; nhóm nhân viên CNTT; nhóm nhân viên/kỹ thuật viên làm tại phòng thí nghiệm; nhóm nhân viên hành chính ...

Tiêu chí đánh giá, phân loại đối với nhân viên ở mức hoàn thành tốt và hoàn thành nhiệm vụ khá định tính, chưa được định lượng rõ ràng.

## 2.2. Kiến nghị đối với Tiêu chí 7.3

Song hành với bộ tiêu chuẩn đánh giá năng lực chung, Nhà trường cần xây dựng thêm một số tiêu chuẩn/tiêu chí riêng phù hợp với đặc thù về các năng lực chuyên biệt cho từng lĩnh vực cụ thể của từng chuyên môn mà các nhóm nhân viên đang đảm nhận, chẳng hạn: tiêu chuẩn/tiêu chí riêng cho nhóm nhân viên là việc tại Thư viện; tiêu chuẩn/tiêu chí riêng cho nhóm nhân viên CNTT; nhóm nhân viên/kỹ thuật viên làm tại phòng thí nghiệm; nhóm nhân viên hành chính ...

Các tiêu chuẩn/tiêu chí đánh giá năng lực nhân viên cần được lượng hóa cụ thể để đảm bảo việc đánh giá năng lực được công bằng.

## 3. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có

## 4. Đánh giá mức đạt được của Tiêu chí 7.3: 4

*Tiêu chí 7.4. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.*

### 1. Điểm mạnh của Tiêu chí 7.4

Dựa trên kế hoạch chiến lược phát triển của Trường, nhu cầu của các đơn vị và đề án vị trí việc làm, Trường và Khoa GDTC đã phân tích, đánh giá nhu cầu đào tạo và phát triển đội ngũ cán bộ hỗ trợ để đáp ứng nhu cầu phục vụ CTĐT toàn Trường nói chung và ngành GDTC nói riêng cũng như triển khai các hoạt động đáp ứng các nhu cầu này (QĐ số 1828/QĐ-ĐHV ngày 25/7/2011). Hằng năm, căn cứ vào nhu cầu đào tạo bồi dưỡng, đội ngũ nhân viên đăng ký theo kế hoạch năm học tại các đơn vị. Phòng Tổ chức Cán bộ ra công văn khảo sát nhu cầu đào tạo bồi dưỡng sau đó xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện (Kế hoạch số 05/KH-ĐHV ngày 19/12/2019; Khảo sát nhu cầu đào tạo bồi dưỡng; Phân tích nhu cầu

đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, viên chức; Kết quả tổng hợp nhu cầu bồi dưỡng hàng năm; Báo cáo công tác đào tạo, bồi dưỡng hàng năm). Nhà trường có chính sách khuyến khích đội ngũ nhân viên tham gia đào tạo bồi dưỡng phát triển chuyên môn nghiệp vụ với sự hỗ trợ về kinh phí và thời gian theo quy định; tạo điều kiện để các cán bộ, nhân viên được học lên bậc ThS, TS, khuyến khích nhân viên thi thăng hạng, tổ chức các khóa tập huấn bồi dưỡng chuyên môn ngắn hạn, hoặc tạo điều kiện tham dự các khóa đào tạo bồi dưỡng chuyên môn, các hội thảo do các cơ sở đào tạo ở bên ngoài Trường tổ chức, mở các lớp bồi dưỡng về ngoại ngữ, quản lí hành chính nhà nước, lí luận chính trị, quốc phòng-an ninh hoặc bồi dưỡng nghiệp vụ. Năm 2018 và năm 2020, 02 nhân viên đã được Nhà trường phê duyệt tham dự thi tuyển sinh vào khoá học thạc sĩ về bồi dưỡng Nghiệp vụ đo lường đánh giá trong giáo dục. Ngân sách phân bổ cho đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ hỗ trợ được quy định cụ thể trong quy chế chi tiêu nội bộ của Trường. Ngân sách này được phê duyệt tăng dần theo từng năm. Số lượng viên chức hành chính của Trường được đào tạo bồi dưỡng trong chu kỳ KĐCLGD là 498 lượt người.

## **2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng Tiêu chí 7.4**

### **2.1. Điểm tồn tại của Tiêu chí 7.4**

Một số nhân viên chưa chủ động đăng ký đi học để đạt chuẩn năng lực theo quy định.

Ngân sách phân bổ cho đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ hỗ trợ có tăng dần theo từng năm nhưng vẫn còn ít so với chi cho các đối tượng khác.

### **2.2. Kiến nghị đối với Tiêu chí 7.4**

Kế hoạch phát triển của Nhà trường cần đưa ra được lộ trình để các KTV, chuyên viên và nhân viên phải chủ động đăng ký đi học để đạt chuẩn năng lực theo

quy định.

Nhà trường cần tăng ngân sách phân bổ cho đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ hỗ trợ.

**3. Những điểm chưa rõ (nếu có):** không có

**4. Đánh giá mức đạt được của Tiêu chí 7.4: 4**

*Tiêu chí 7.5. Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.*

**1. Điểm mạnh của Tiêu chí 7.5**

Nhà trường có hệ thống văn bản để xác định và đánh giá kết quả **khối lượng** công việc của đội ngũ cán bộ hỗ trợ và quy định về việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên, trong đó có cả các quy định về khen thưởng và công nhận. Nhà trường đã ban hành quy định về chức năng nhiệm vụ của các phòng ban, đơn vị, khoa; chức năng nhiệm vụ của các cán bộ hỗ trợ được mô tả rõ ràng, khối lượng công việc của nhân viên được xác định trong đề án vị trí việc làm và được thể hiện trong kế hoạch năm học của cá nhân, tổ chuyên môn và đơn vị. Trường đã ban hành các tiêu chí đánh giá xếp loại cán bộ nhân viên và bình xét thi đua khen thưởng. Lãnh đạo đơn vị chịu trách nhiệm chính trong việc theo dõi, giám sát và đánh giá hoạt động của nhân viên. Hằng tháng, Trường triển khai xếp loại tất cả cán bộ nhân viên dựa trên khối lượng và chất lượng công việc được giao đã hoàn thành. Định kỳ cuối mỗi năm học, cán bộ nhân viên được đánh giá dựa trên việc thực hiện kế hoạch năm học. Việc đánh giá được thực hiện theo quy trình: cá nhân tự đánh giá xếp loại, sau đó lần lượt tổ chuyên môn, ban lãnh đạo đơn vị và Hội đồng Thi đua khen thưởng cấp Trường đánh giá xếp loại.

Kết quả đánh giá và bình xét thi đua được thông báo rộng rãi công khai trong toàn Trường. Cuối năm học, Khoa và Nhà trường triển khai việc đánh giá kết quả thực hiện công việc và xây dựng kế hoạch cho năm học tiếp theo. Những nhân viên có hiệu quả công việc tốt được xét khen thưởng xứng đáng. 100% nhân viên được tham gia xây dựng, góp ý trong quá trình xây dựng quy định đánh giá hiệu quả công việc. Hằng năm, những cá nhân có thành tích xuất sắc được xét tăng lương trước hạn hoặc được khen thưởng. Trong chu kỳ KĐCLGD, có 21 lượt NV đạt danh hiệu Lao động tiên tiến; tất cả đều hoàn thành nhiệm vụ.

## **2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng Tiêu chí 7.5**

### **2.1. Điểm tồn tại của Tiêu chí 7.5**

Việc khảo sát ý kiến đội ngũ nhân viên về mức độ hài lòng đối với việc quản trị theo kết quả công việc được triển khai chưa đồng bộ ở các đơn vị.

### **2.2. Kiến nghị đối với Tiêu chí 7.5**

Nhà trường cần quy định cụ thể về việc khảo sát ý kiến cán bộ nhân viên về mức độ hài lòng đối với việc quản trị theo kết quả công việc (thời gian khảo sát, phương pháp khảo sát ...) để việc khảo sát này được thực hiện đồng bộ trong tất cả các đơn vị trong Trường.

## **3. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có**

## **4. Đánh giá mức đạt được của Tiêu chí 7.5: 4**

## ***ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ TIÊU CHUẨN 7***

### **1. Điểm mạnh cơ bản của Tiêu chuẩn 7:**

Trường ĐH Vinh về cơ bản đã quy hoạch đội ngũ nhân viên đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCD, phù hợp với điều kiện phát triển của Nhà trường; có quy hoạch đội ngũ nhân viên làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác cho GV và SV của CTĐT ngành **Giáo dục thể chất**.

Nhà trường đã ban hành hệ thống văn bản và công khai về quy trình, tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, đánh giá, phân loại chuyên viên, kỹ thuật viên (KTV) và nhân viên. Đội ngũ nhân viên của Trường được tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển theo đúng quy định về công tác cán bộ của Trường. Năng lực đội ngũ KTV, nhân viên đáp ứng nhu cầu công việc, phù hợp với vị trí việc làm và được định kỳ đánh giá.

Nhà trường đã khảo sát và phân tích được nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của đội ngũ KTV, chuyên viên và nhân viên; đã xây dựng kế hoạch và triển khai các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên. Chức năng, trách nhiệm, quyền hạn của từng vị trí công tác của đội ngũ này được phân định trong Đề án vị trí việc làm. Kết quả bình xét, xếp loại lao động đã thể hiện rõ việc quản trị theo kết quả công việc của Nhà trường.

## **2. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng của Tiêu chuẩn 7:**

### **2.1. Điểm tồn tại cơ bản của Tiêu chuẩn 7:**

Việc quy hoạch đội ngũ KTV, chuyên viên và nhân viên làm việc tại thư viện, các phòng thí nghiệm, trong hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác phục vụ CTĐT chưa được dài hạn. Kế hoạch phát triển đội ngũ KTV, chuyên viên và nhân viên chưa được chi tiết đến từng lĩnh vực cụ thể; đặc biệt là cho những đơn vị có tính chất đặc thù.

Một số nội dung trong tiêu chí điều động, luân chuyển của Nhà trường chưa thể hiện được đặc thù theo chuyên ngành của nhân viên. Chính sách đãi ngộ đối với đội ngũ cán bộ hỗ trợ chưa nhiều.

Nhà trường có bộ tiêu chuẩn đánh giá năng lực chuyên môn, nghiệp vụ chung của đội ngũ nhân viên, chưa có những tiêu chí riêng theo đặc thù của từng lĩnh vực mà đội ngũ nhân viên đảm nhận, ví dụ: nhóm nhân viên là việc tại Thư viện; nhóm nhân viên CNTT; nhóm nhân viên/kỹ thuật viên làm tại phòng thí nghiệm; nhóm nhân viên hành chính ...

Tiêu chí đánh giá, phân loại đối với nhân viên ở mức hoàn thành tốt và hoàn thành nhiệm vụ khá định tính, chưa được định lượng rõ ràng.

Việc khảo sát ý kiến đội ngũ nhân viên về mức độ hài lòng đối với việc quản trị theo kết quả công việc được triển khai chưa đồng bộ ở các đơn vị.

## **2.2. Kiến nghị đối với Tiêu chuẩn 7:**

Nhà trường nên nghiên cứu để đưa ra chiến lược dài hạn hơn nhằm quy hoạch phát triển đội ngũ KTV, chuyên viên và nhân viên làm việc cho từng lĩnh vực cụ thể tại thư viện, các phòng thí nghiệm, đặc biệt là đội ngũ làm việc trong hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác phục vụ cho các hoạt động của Nhà trường; trong Chiến lược phát triển cần có kế hoạch chi tiết hơn để phát triển đội ngũ này cho từng lĩnh vực chuyên môn theo những đặc thù của từng ngành đào tạo của Nhà trường; đặc biệt kế hoạch phát triển cần đưa ra được lộ trình để các KTV, chuyên viên và nhân viên phải chủ động đăng ký đi học để đạt chuẩn năng lực theo quy định.

Nhà trường nên nghiên cứu để đưa ra được tiêu chí thể hiện được tính đặc thù của một số vị trí của nhân viên khi điều động, luân chuyển các nhân sự là nhân viên của Nhà trường. Đồng thời, Nhà trường nên nghiên cứu để mở rộng hơn các chính sách đãi ngộ và khuyến khích đối với đội ngũ nhân viên hỗ trợ nhiệm vụ đào tạo, NCKH và PVCD của Trường.

Song hành với bộ tiêu chuẩn đánh giá năng lực chung, Nhà trường cần xây dựng thêm một số tiêu chuẩn/tiêu chí riêng phù hợp với đặc thù về các năng lực chuyên biệt cho từng lĩnh vực cụ thể của từng chuyên môn mà các nhóm nhân viên đang đảm nhận, chẳng hạn: tiêu chuẩn/tiêu chí riêng cho nhóm nhân

viên là việc tại Thư viện; tiêu chuẩn/tiêu chí riêng cho nhóm nhân viên CNTT; nhóm nhân viên/kỹ thuật viên làm tại phòng thí nghiệm; nhóm nhân viên hành chính ...

Các tiêu chuẩn/tiêu chí đánh giá năng lực nhân viên cần được lượng hóa cụ thể để đảm bảo việc đánh giá năng lực được công bằng.

Kế hoạch phát triển của Nhà trường cần đưa ra được lộ trình để các KTV, chuyên viên và nhân viên phải chủ động đăng ký đi học để đạt chuẩn năng lực theo quy định. Nhà trường cần tăng ngân sách phân bổ cho đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ hỗ trợ.

Nhà trường cần quy định cụ thể về việc khảo sát ý kiến cán bộ nhân viên về mức độ hài lòng đối với việc quản trị theo kết quả công việc (thời gian khảo sát, phương pháp khảo sát ...) để việc khảo sát này được thực hiện đồng bộ trong tất cả các đơn vị trong Trường.

### **3. Đánh giá mức đạt được của Tiêu chuẩn 7:**

<b>Tiêu chuẩn/ Tiêu chí</b>	<b>Mức đánh giá</b>
<b>Tiêu chuẩn 7</b>	<b>4,00</b>
<i>Tiêu chí 7.1</i>	<b>4</b>
<i>Tiêu chí 7.2</i>	<b>4</b>
<i>Tiêu chí 7.3</i>	<b>4</b>
<i>Tiêu chí 7.4</i>	<b>4</b>
<i>Tiêu chí 7.5</i>	<b>4</b>



## TIÊU CHUẨN 8: NGƯỜI HỌC VÀ HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ NGƯỜI HỌC

*Tiêu chí 8.1. Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, được công bố công khai và được cập nhật.*

### 1. Điểm mạnh của Tiêu chí 8.1

Hàng năm, căn cứ vào hướng dẫn của Bộ GD&ĐT, Nhà trường xây dựng đề án tuyển sinh (QĐ số 265/ĐA-ĐHV ngày 11/03/2017; số 734/ĐA-ĐHV ngày 04/7/2018; số 206/ĐA-ĐHV ngày 11/3/2019; số 415/ĐA-ĐHV ngày 26/6/2020; số 418/ĐA-ĐHV ngày 14/4/2020) với nội dung cập nhật các thông tin về chính sách, quy định tuyển sinh, trong đó có các thông tin tuyển sinh của ngành Giáo dục Thể chất. Ví dụ, trong Đề án tuyển sinh năm 2018 của Trường đã nêu rõ các thông tin như đối tượng tuyển sinh là các thí sinh tham gia kỳ thi tốt nghiệp THPT quốc gia năm 2018 và đã tốt nghiệp THPT; phạm vi tuyển sinh trong cả nước; Ngành Giáo dục Thể chất được tuyển sinh theo Khối các ngành sư phạm năng khiếu với phương thức xét tuyển kết quả thi THPT Quốc gia theo tổ hợp bài thi các môn Toán, Sinh học kết hợp thi tuyển các năng khiếu (Bật xa tại chỗ - Chạy lòng cọc 30 m (chạy zích zắc) - Chạy 100 m).

Từ năm 2017, bên cạnh các thông tin chi tiết của năm tuyển sinh, thông tin ĐBCL của Trường về đội ngũ giảng viên và cơ sở vật chất, Đề án tuyển sinh còn cung cấp cho người học thông tin tham khảo của 02 năm tuyển sinh trước đó của các CTĐT, trong đó có ngành Giáo dục Thể chất.

**Nhà trường** đã công khai chính sách tuyển sinh, quy định tuyển sinh trên cổng thông tin điện tử của Trường tại địa chỉ (<https://vinhuni.edu.vn/tuyen-sinh>; <https://vinhuni.edu.vn/tuyen-sinh/dai-hoc-chinh-quy/seo/de-an-tuyen-sinh-dai-hoc-chinh-quy-nam-2020-96896>). Ví dụ, Mục III.1 (Tuyển sinh đại học chính quy) của Đề án tuyển sinh năm 2020 công bố trên cổng thông tin điện tử của Nhà trường đã

xác định cụ thể các nội dung: Đối tượng, phạm vi, phương thức, ngưỡng ĐBCL đầu vào, quy trình thi/xét tuyển, đánh giá đầu vào; chính sách ưu tiên, học phí và lộ trình tăng học phí. Riêng đối với ngành Giáo dục Thể chất, thông tin và chính sách tuyển sinh còn được cập nhật thường xuyên đến thí sinh qua các bài viết, tin tức trên cổng thông tin điện tử của Khoa Giáo dục thể chất, Trường Đại học Vinh (<https://khoagdtc.vinhuni.edu.vn/>). Ngoài ra, Nhà trường/Khoa còn truyền thông về việc tuyển sinh thông qua các bài viết trên các báo điện tử: <https://giaoduc247.vn/mien-trung-tay-nguyen/truong-dh-vinh-cong-bo-thong-tin-tuyen-sinh-2021>; <https://thi.tuyensinh247.com/phuong-an-tuyen-sinh-dai-hoc-vinh-nam-2020-c24a50009.html>; <https://vinhuni.edu.vn/dao-tao/seo/de-an-tuyen-sinh-dai-hoc-chinh-quy-nam-2020-96896>; [https://www.thong\\_tintuyensinh.vn/Truong-Dai-hoc-Vinh\\_C93\\_D688.htm](https://www.thong_tintuyensinh.vn/Truong-Dai-hoc-Vinh_C93_D688.htm).

Kiểm tra trực tiếp trên internet tại thời điểm ĐGN, Đoàn ĐGN thấy trên các trang tuyển sinh của Trường có các thông tin về tuyển sinh được cập nhật.

Hàng năm, Khi xây dựng đề án tuyển sinh, Nhà trường đã họp lấy ý kiến các đơn vị trong Trường để xây dựng đề án tuyển sinh. Năm 2017, Nhà trường đã tổ chức Hội nghị chuyên đề “Nâng cao chất lượng công tác tuyển sinh, quản lý và tổ chức đào tạo trong giai đoạn hiện nay” đã đề xuất giải pháp “Xây dựng phương thức tuyển sinh hợp lý, chú ý đảm bảo lợi ích của thí sinh dự tuyển” (Thông báo số 02/TB-HĐT ngày 17/01/2017).

## **2. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng của Tiêu chí 8.1**

### **2.1. Điểm tồn tại của Tiêu chí 8.1**

Các đối tượng được Nhà trường/Khoa khảo sát ý kiến về chính sách tuyển sinh của Trường chưa đa dạng.

### **2.2. Kiến nghị đối với Tiêu chí 8.1**

Nhà trường cần lấy ý kiến của nhiều đối tượng liên quan về chính sách tuyển sinh của Trường đối với ngành Giáo dục Thể chất để thu được nhiều ý kiến đa chiều giúp cho việc điều chỉnh chính sách tuyển sinh hằng năm của Nhà trường /CTĐT.

**3. Những điểm chưa rõ (nếu có):** Không có

**4. Đánh giá mức đạt được của Tiêu chí 8.1: 4**

*Tiêu chí 8.2. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng và được đánh giá.*

**1. Điểm mạnh của Tiêu chí 8.2**

Phương thức và tiêu chí tuyển chọn người học của Nhà trường/ngành Giáo dục Thể chất được quy định rõ ràng trong các đề án tuyển sinh hằng năm. Trước năm 2017, Nhà trường sử dụng 3 phương thức tuyển sinh: Thi tuyển, xét tuyển và kết hợp giữa thi tuyển và xét tuyển. Từ năm 2017 tới nay, Trường sử dụng 2 phương thức tuyển sinh: xét tuyển và kết hợp xét tuyển với thi tuyển. Riêng phương thức xét tuyển được thực hiện theo 3 hình thức: (i) Xét tuyển dựa theo kết quả kỳ thi THPT quốc gia; (ii) Xét tuyển dựa theo kết quả học tập THPT; (iii) Xét tuyển thẳng (Theo quy chế của Bộ GD&ĐT và quy định của Trường). Riêng đối với ngành Giáo dục Thể chất sử dụng phương thức xét tuyển và thi tuyển theo các tổ hợp (được quy định cụ thể cho từng năm) từ kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT quốc gia và kết quả học tập ở cấp THPT và thi môn năng khiếu; điểm môn thi năng khiếu (Bật xa tại chỗ - Chạy luân cọc - Chạy 100 m) được nhân hệ số 2.

Điểm trúng tuyển được xác định căn cứ vào số lượng người đăng ký, kết quả thi thực tế của từng năm và ngưỡng đảm bảo chất lượng của Nhà trường và của Bộ GD&ĐT. Ví dụ, điểm trung bình trúng tuyển của thí sinh trúng tuyển vào CTĐT ngành Giáo dục Thể chất theo phương thức xét tuyển kết quả thi THPT kết hợp thi

môn năng khiếu hằng năm là: 20,0 điểm (năm học 2015-2016); 20,0 điểm (năm học 2016-2017); ); 26,5 điểm (năm học 2017-2018); 26,0 điểm (năm học 2018-2019) 28,0 điểm (năm học 2019 - 2020); 30,0 điểm (năm học 2020 - 2021).

Hằng năm, Nhà trường/Khoa đã rà soát, đánh giá tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học nhằm đảm bảo thực hiện đúng quy chế tuyển sinh, phù hợp với đặc thù các ngành, với xu thế phát triển chung của Khoa và Trường: Năm 2017, Nhà trường thực hiện tuyển sinh ngành Giáo dục Thể chất dựa trên kết quả kỳ thi tốt nghiệp quốc gia các môn Toán và Sinh học và kết quả thi môn năng khiếu nhân hệ số 2 do Trường ĐH Vinh tổ chức; năm 2018, cho phép sử dụng kết quả thi năng khiếu cùng nội dung do các trường đại học khác tổ chức thi; năm 2019, bổ sung thêm các tổ hợp xét tuyển: T00 (Toán - Sinh học – Năng khiếu GDTC), T01 (Toán - Ngữ Văn - Năng khiếu GDTC), T02 (Ngữ văn-Sinh học – Năng khiếu GDTC), T05 (Ngữ văn - Giáo dục công dân - Năng khiếu GDTC) và phương thức xét tuyển kết quả học tập ở bậc THPT và thi môn năng khiếu.

## **2. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng của Tiêu chí 8.2**

### **2.1. Điểm tồn tại của Tiêu chí 8.2**

Nhà trường chưa sử dụng phương thức đánh giá năng lực để tuyển sinh.

### **2.2. Kiến nghị đối với Tiêu chí 8.2**

Nhà trường nên nghiên cứu tổ chức kỳ thi đánh giá năng lực hằng năm để chủ động có thêm phương thức tuyển sinh/tuyển chọn những thí sinh đủ năng lực vào học tại Trường.

## **3. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có**

## **4. Đánh giá mức đạt được của Tiêu chí 8.2: 4**

*Tiêu chí 8.3. Có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học.*

### **1. Điểm mạnh của Tiêu chí 8.3**

Nhà trường có hệ thống giám sát sự tiến bộ trong học tập, rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập, cảnh báo học vụ bao gồm Phòng Đào tạo, Phòng Thanh tra Giáo dục, Phòng CTCT-HSSV, các khoa và các CVHT và được thực hiện, quản lý bằng phần mềm quản lý người học CMC/Trí Nam. Mục II.B.3 Quy định chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trực thuộc Trường Đại học Vinh (QĐ số 428/QĐ-ĐHV ngày 21/4/2016) quy định nhiệm vụ của Phòng Đào tạo: “Phối hợp kiểm tra, theo dõi nền nếp học tập, quản lý kết quả học tập của người học. Chủ trì tổ chức xét học tiếp, thôi học, học ngành 2 ... xét công nhận tốt nghiệp cho sinh viên”; Mục VII.B.6 quy định nhiệm vụ của Phòng Thanh tra giáo dục: “Quản lý, giám sát công tác đánh giá điểm chuyên cần, thái độ học tập của người học”; Mục VIII.B.3 quy định nhiệm vụ của Phòng CTCT-HSSV: “Chủ trì công tác đánh giá người học, đánh giá công tác học sinh, sinh viên các khoa/trường trực thuộc. Tổ chức thực hiện công tác thi đua khen thưởng, kỷ luật người học đúng quy chế; phối hợp với các cơ quan chức năng xử lý các trường hợp vi phạm quy chế đào tạo, quy chế công tác học sinh, sinh viên... Định kỳ gửi thông báo kết quả học tập rèn luyện về cho gia đình sinh viên.”; Mục 3.a quy định chức năng, nhiệm vụ các khoa: “Xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện công tác giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức lối sống cho người học thuộc Khoa”. Điều 3 Quy định chức năng, nhiệm vụ của Cố vấn học tập (QĐ số 3814 /QĐ-ĐHV ngày 10/12/2012) quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ của CVHT trong hoạt động giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học. Mục II.B quy định nhiệm vụ của Trợ lý quản lý sinh viên: “Giúp Trưởng khoa tổ chức và duy trì có hiệu quả phong trào thi đua học tập và rèn luyện trong sinh viên, học viên để

đáp ứng kịp thời cho công tác quản lý, thống kê báo cáo và nhận xét, đánh giá sinh viên và học viên sau mỗi học kỳ, năm học, khoá học. Từng học kỳ báo cáo kết quả học tập và rèn luyện của sinh viên, học viên cho Trường khoa. Lập hồ sơ đề xuất Hội đồng thi đua khen thưởng - kỷ luật của Khoa và Nhà trường biểu dương, khen thưởng đối với những cá nhân, tập thể đạt thành tích cao trong học tập, rèn luyện; đồng thời kiến nghị xử lý kỷ luật đối với các trường hợp sinh viên, học viên vi phạm kỷ luật hoặc vi phạm các quy định của Nhà trường”.

Quy định về việc giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học được quy định tại các điều 9, 10, 12, 14, 15, 19 Quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ tại Trường Đại học Vinh (QĐ số 868 /QĐ – ĐHV ĐHV ngày 02 /4/2013) và các điều 6, 7, 8, 9, 11, 13, 15, 16, 17 Quy định tạm thời về đào tạo đại học hệ chính quy tiếp cận CDIO theo hệ thống tín chỉ tại Trường Đại học Vinh (QĐ số 2155/QĐ-ĐHV ngày 10/10/2017). Việc giám sát sự tiến bộ trong rèn luyện của SV thực hiện theo các điều 3, 11, 12, 13, 14, 15 Quy định đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên hệ chính quy Trường Đại học Vinh (QĐ số 4153/QĐ-ĐHV ngày 01/12/2015), trong đó Điều 11 quy định 4 bước quy trình đánh giá kết quả rèn luyện.

Giáo viên chủ nhiệm lớp giám sát sự tiến bộ trong quá trình học tập của sinh viên trong lớp thông qua hệ thống điểm quá trình và điểm cuối kỳ. Giám sát quá trình rèn luyện được thực hiện và quản lý thông qua Trợ lý quản lý sinh viên, giáo viên chủ nhiệm.

Cơ chế báo cáo và phản hồi về sự tiến bộ của người học được thực hiện định kỳ 1 tháng/1 lần thông qua các buổi họp liên tịch giữa Ban Chủ nhiệm khoa, Trưởng bộ môn, Trợ lý đào tạo, Trợ lý quản lý sinh viên và Liên chi đoàn khoa (Biên bản các cuộc họp). Khoa/Bộ môn thường xuyên giám sát kết quả học tập của người học để đưa ra những cảnh báo hoặc khuyến cáo, tư vấn đối với những sinh viên không hoàn thành kế hoạch học tập đúng hạn. Hàng năm, Phòng CTCT-HSSV gửi kết quả học tập và rèn luyện của sinh viên cho gia đình để đôn đốc sự

tiền bộ của người học trong học tập và rèn luyện (Các thông báo: ngày 02/11/2017... ngày 13/3/2019).

Kết quả học tập, số lượng tín chỉ người học đăng ký trong học kỳ, danh sách người học bị xử lý kết quả học tập, danh sách người học chậm tiến độ, thôi học được lưu trữ trên hệ thống trên phần mềm quản lý điểm (CMC/Trí Nam) và phần mềm quản lý người học (LMS). Kết quả rèn luyện của SV do Chủ nhiệm lớp sinh viên chịu trách nhiệm theo dõi, giám sát và đánh giá điểm rèn luyện của sinh viên theo lớp; Trợ lý công tác sinh viên tổng hợp và gửi kết quả điểm rèn luyện SV của Khoa về Trường. Phòng CTCT-HSSV tổng hợp, trình ký phê duyệt công nhận kết quả đánh giá điểm rèn luyện của sinh viên toàn Trường.

Cuối mỗi năm học, Nhà trường đều có văn bản yêu cầu các khoa, viện rà soát kết quả học tập của SV, lập danh sách những sinh viên thuộc diện bị cảnh báo kết quả học tập, bị buộc thôi học, thông báo đến sinh viên để đối chiếu xác nhận và gửi về Trường (Các thông báo: số 1115/ĐHV-ĐT ngày 20/9/2017; số 1088/ĐHV-ĐT ngày 26/9/2018; số 1079/ĐHV-ĐT ngày 03/10/2019; số 811/ĐHV ngày 11/9/2020).

Phòng Đào tạo theo dõi và xử lý dữ liệu sinh viên có nguy cơ bị buộc thôi học từng học kỳ để phối hợp với Khoa, thông qua đội ngũ chủ nhiệm lớp sinh viên và CVHT, để tư vấn cho sinh viên thuộc diện bị xử lý có kế hoạch học tập phù hợp để đảm bảo tiến độ học tập và tốt nghiệp đúng hạn.

Khảo sát trực tiếp trên phần mềm quản lý đào tạo của Nhà trường trong thời gian ĐGN cho thấy: Nhà trường có các dữ liệu về tiến trình học tập của người học, số người không tích lũy đủ số tín chỉ và các thông tin khác giúp người học chủ động nắm bắt được tiến độ học tập. Phòng Đào tạo đã gửi cảnh báo học vụ đối với SV để đội ngũ CVHT và Chủ nhiệm lớp SV giúp SV có kế hoạch, biện pháp cải thiện kết quả học tập.

## **2. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng của Tiêu chí 8.3**

### **2.1. Điểm tồn tại của Tiêu chí 8.3**

Tỷ lệ người học ngành GDTC có kết quả học tập ở mức trung bình/yếu có xu hướng tăng ở các khóa cuối chu kỳ KĐCLGD: K57A: 14,29% (1/7); K58A: 0% (0/4); K59A: 30% (3/10); K60A: 85,71% (trong đó có 23,81% học lực yếu); tỷ lệ người học tốt nghiệp có xu hướng giảm: Năm học 2015-2016: 75,68%; năm học 2016-2017: 79,59%; năm học 2017-2018: 94,87%; năm học 2018-2019: 75%; năm học 2019-2020: 71,40%.

Qua khảo sát thực tế của Đoàn ĐGN cho thấy: “Hệ thống giám sát trên phần mềm chưa tự động đưa ra những cảnh báo về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của người học”

### **2.2. Kiến nghị đối với Tiêu chí 8.3**

Khoa GDTC cần phân tích tìm hiểu nguyên nhân vì sao tỷ lệ người học có kết quả học tập ở mức trung bình/yếu có xu hướng tăng ở các khóa cuối chu kỳ KĐCLGD để có biện pháp hỗ trợ người học hiệu quả.

Nhà trường cần phối hợp với đối tác hoàn thiện các chức năng của phần mềm quản lý đào tạo “Trí Nam” để hỗ trợ hiệu quả hoạt động giám sát sự tiến bộ của người học.

### **3. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có**

### **4. Đánh giá mức đạt được của Tiêu chí 8.3: 4**

*Tiêu chí 8.4. Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học.*

### **1. Điểm mạnh của Tiêu chí 8.4**



Nhà trường có bộ phận chịu trách nhiệm tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để cải thiện việc học tập của SV. Mục II.B.3 Quy định chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trực thuộc Trường Đại học Vinh quy định Phòng Đào tạo có nhiệm vụ: “Chủ trì tổ chức các hội thi nghiệp vụ sư phạm, hội thi “Sinh viên với việc rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp”; Mục VIII.B.1 quy định chức năng nhiệm vụ của Phòng CTCT-HSSV: “Thường xuyên theo dõi, nắm bắt tình hình tư tưởng của.. người học; ... Chủ trì phối hợp cho người học tham gia các hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể dục, thể thao và các hoạt động khác; Chủ trì việc xây dựng chế độ học phí ... miễn, giảm học phí, học bổng khuyến khích học tập, trợ cấp, hỗ trợ chi phí học tập, tín dụng, đào tạo; chủ trì phân bổ học bổng tài trợ. Phối hợp quản lý Câu lạc bộ “Mái ấm Trường Vinh”, hỗ trợ cho các đối tượng người học: Con mồ côi, tàn tật, diện chính sách và người học có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn. Tổ chức cho người học tham gia các loại hình bảo hiểm thân thể, bảo hiểm y tế ... giải quyết quyền lợi cho người học bị ốm đau, tai nạn rủi ro... Tổ chức thực hiện công tác thi đua khen thưởng, kỷ luật người học theo đúng quy chế”. Mục XXIII.B.6 quy định nhiệm vụ của Văn phòng Đoàn trường: “Chủ trì các phong trào học tập, nghiên cứu khoa học, giáo dục chính trị tư tưởng, văn hoá, văn nghệ, thể dục thể thao, nếp sống văn hoá, tình nguyện, rèn luyện kỹ năng ...”. Điều 3 Quy định chức năng, nhiệm vụ cố vấn học tập đã quy định CVHT có nhiệm vụ: “... tư vấn, giúp đỡ sinh viên trong quá trình học tập và rèn luyện” giúp sinh viên “... trang bị kiến thức và kỹ năng mềm, phát triển kỹ năng và định hướng nghề nghiệp cho sinh viên trong quá trình học tập tại Trường” và “... thường xuyên theo dõi kết quả và tiến độ học tập của sinh viên để có biện pháp điều chỉnh kế hoạch và phương pháp học tập thích hợp” (QĐ số 3814/QĐ-ĐHV, ngày 10/12/2012).

Hàng năm, Nhà trường có quyết định cử CVHT và trợ lý đào tạo các khoa (Các QĐ: số 1131/QĐ-ĐHV, ngày 10/10/2017; số 297/QĐ-ĐHV, ngày 5/4/2017;

số 991/QĐ-ĐHV, ngày 12/9/2017; số 994/QĐ-ĐHV, ngày 08/10/2018; số 990/QĐ-ĐHV, ngày 12/9/2017; số 945/QĐ-ĐHV, ngày 08/10/2018; số 2400/QĐ-ĐHV, ngày 9/9/2019).

Mục XIII.B.2 Quy định chức năng, nhiệm vụ các đơn vị trực thuộc Trường Đại học Vinh đã quy định nhiệm vụ của Trung tâm Dịch vụ, HTSV&QHĐN (Trung tâm đào tạo liên tục và chuyển giao khoa học công nghệ, dịch vụ giáo dục): “Chủ trì tìm kiếm và tổ chức các chương trình tư vấn, định hướng nghề nghiệp, giới thiệu việc làm cho người học; phối hợp tổ chức “Ngày hội việc làm”, kết nối sinh viên với các nhà tuyển dụng; xây dựng mạng lưới và phối hợp bố trí địa điểm thực tập nghề, thực hành, thực tế chuyên môn cho ngành ngoài sư phạm; xây dựng dữ liệu sinh viên tốt nghiệp hằng năm cung cấp cho các nhà tuyển dụng; chủ trì công tác khảo sát việc làm sau tốt nghiệp của sinh viên”.

Trong “Tuần giáo dục công dân”, các phòng chức năng phổ biến nội quy, quy chế học tập, rèn luyện, các chủ trương chính sách liên quan đến người học (Các kế hoạch: số 3460/ĐHV-CTSV 18/9/2015; số 29/KH-ĐHV ngày 01/9/2016; số 26/KH-ĐHV ngày 07/8/2017; số 28/KH-ĐHV ngày 03/8/2019; số 39/KH-ĐHV, ngày 1/8/2019; số 46/KH-ĐHV ngày 04/9/2020; số 84/KH-ĐHV ngày 13/9/2021) và cung cấp cho người học “Sổ tay sinh viên”, đảm bảo sinh viên được tiếp cận thông tin về các hoạt động hỗ trợ người học của Trường.

Hằng năm, Nhà trường/Khoa tổ chức Tháng rèn luyện nghiệp vụ sư phạm và tổ chức hội thi nghiệp vụ sư phạm (Các kế hoạch: số 4082/KH-ĐHV ngày 29/10/2015; số 43/KH-ĐHV ngày 08/11/2016; số 40/KH-ĐHV ngày 30/10/2017; số 41/KH-ĐHV ngày 11/10/2018, số 60/KH-ĐHV ngày 29/10/2019; số 69/KH-ĐHV ngày 04/11/2020; số 104/KH-ĐHV ngày 29/10/2021). Căn cứ kế hoạch của Nhà trường, Khoa GDTC đã xây dựng và triển khai kế hoạch cụ thể của Khoa (Các kế hoạch: ngày 15/11/2016; ngày 10/11/2017; ngày 11/11/2018; ngày

10/11/2020) và sau mỗi đợt đều có báo cáo tổng kết (Các báo cáo: ngày 29/12/2016; ngày 26/12/2017; ngày 27/12/2018; ngày 25/12/2019).

Hàng năm, Phòng Đào tạo phối hợp cùng các khoa, viện xây dựng chương trình học chuyển đổi linh hoạt, tổ chức học tập các học phần thay thế cho các sinh viên quá hạn đào tạo được tiếp tục học tập (Các Kết luận số 180/TB-ĐHV ngày 09/11/2017; số 200/TB-ĐHV ngày 02/11/2018; số 184/TB-ĐHV ngày 08/11/2019).

Nhà trường/Khoa có các hoạt động và chính sách hỗ trợ SV ngành Giáo dục Thể chất: SV nghèo vượt khó, SV có hoàn cảnh khó khăn, SV dân tộc thiểu số. Các chính sách cấp học bổng cho SV ngành Giáo dục Thể chất luôn được phổ biến kịp thời cho SV trong từng năm học. Nhà trường/Khoa có kế hoạch phân công cán bộ quản lý các địa bàn có học sinh, sinh viên và học viên Trường Đại học Vinh tạm trú (Các kế hoạch: số 32/KH-ĐHV ngày 29/8/2018; số 48/KH-ĐHV ngày 24/9/2019; số 58/KH-ĐHV ngày 24/9/2020; số 100/KH-ĐHV ngày 26/10/2021).

Hàng tháng, các lớp tổ chức sinh hoạt, có đại diện Ban Chủ nhiệm Khoa, CVHT, GV chủ nhiệm tham dự để giải đáp các mối quan tâm của SV và kịp thời hỗ trợ những khó khăn trong học tập, rèn luyện của SV (Các biên bản họp lớp các năm). Hàng năm, Khoa tổ chức hội nghị dân chủ SV, giải đáp các thắc mắc của SV về các hoạt động liên quan đến đào tạo và hỗ trợ người học.

Phòng CTCT-HSSV đã phối hợp với Khoa xét cấp học bổng và trợ cấp miễn giảm học phí cho sinh viên, hỗ trợ chi phí học tập cho sinh viên dân tộc là người thiểu số; trợ cấp xã hội; cấp học bổng tài trợ cho học sinh, sinh viên (Các QĐ: số 1844/QĐ-ĐHV ngày 31/8/2017; số 2581/QĐ-ĐHV ngày 23/11/2017; số 2652/QĐ-ĐHV ngày 28/11/2017; số 2453/QĐ-ĐHV ngày 16/11/2017; QĐ số 2541/QĐ-ĐHV ngày 16/11/2017; số 1775/QĐ-ĐHV ngày 25/8/2017; số 2024/QĐ-ĐHV ngày 26/9/2017). Ví dụ, theo Quyết định số 2652/QĐ-ĐHV

ngày 28/11/2017, Nhà trường đã hỗ trợ 1.599 triệu đồng hỗ trợ chi phí học tập cho 410 sinh viên hệ chính quy học kỳ I năm học 2017-2018, trong đó ngành GDTC có 3 sinh viên được hỗ trợ 2,340 triệu đồng.

Hàng năm, Đoàn Thanh niên/Hội SV Nhà trường tổ chức các hoạt động ngoại khóa: “Chương trình ngày chủ nhật xanh”, “Giải bóng chuyền sinh viên”, “Tuổi trẻ học tập và làm theo đạo đức, phong các Hồ Chí Minh”, Hội thi “sinh viên thanh lịch” (Các kế hoạch: số 45-KH/ ĐTN ngày 18/4/2019; số 15-KH/ ĐTN ngày 26/2/2018; số 28-KH/ ĐTN ngày 13/3/2018; số 13-KH/ĐTN ngày 31/3/2019; số 11/KH/ĐTN ngày 12/02/2020; số 90-KH/ĐTN ngày 18/5/2020; số 95-KH/ĐTN ngày 28/5/2020).

Khoa Giáo dục Thể chất đã thành lập Câu lạc bộ “Thể dục Thể thao”; tổ chức các hoạt động văn nghệ, TDTT. Liên Chi đoàn Khoa GDTC đã tổ chức các chương trình “Chào đón tân sinh viên” (Các kế hoạch: ngày 10/9/2015; ngày 10/8/2016; ngày 08/9/2017; ngày 07/9/2018; ngày 08/9/2019; ngày 25/10/2020); tổ chức Giải Cầu lông - Bóng bàn sinh viên năm học (Các kế hoạch hàng năm).

Trung tâm Dịch vụ, HTSV&QHĐN đã triển khai nhiều hoạt động hỗ trợ việc làm cho người học: Liên hệ, kết nối, phối hợp với các doanh nghiệp, nhà tuyển dụng tổ chức các chương trình giới thiệu việc làm cho sinh viên, tổ chức các chương trình về việc làm bán thời gian cho sinh viên đang học tập tại Trường, tổ chức các chương trình thực tập tiềm năng cho sinh viên năm cuối, giúp sinh viên tăng cơ hội tìm kiếm việc làm khi ra Trường (Các báo cáo: số 919/ĐHV-ĐTLT ngày 09/8/2016; số 1100/ĐHV-HTSVQHĐN ngày 18/9/2017; số 1409/ĐHV-HTSVQHĐN ngày 28/11/2017; số 1558/ĐHV-HTSVQHĐN ngày 28/12/2017; số 1287/ĐHV-HTSVQHĐN ngày 13/11/2019; số 1380/ĐHV ngày 02/12/2019; số 1189/ĐHV-HTSVQHĐN ngày 24/11/2020); tổ chức “Ngày hội việc làm” tạo điều kiện cho sinh viên mới tốt nghiệp và sinh viên năm cuối của Nhà trường được tiếp cận nhà tuyển dụng, tham gia phỏng vấn, ứng tuyển vào

các vị trí việc làm phù hợp với ngành nghề đào tạo (Các kế hoạch: số 266/ĐHV-HTSVQHDN ngày 15/3/2017; số 296/ĐHV-HTSVQHDN ngày 28/3/2019; số 381/ĐHV-HTSVQHDN ngày 17/4/2019). Các hội chợ việc làm do Trung tâm Dịch vụ, Hỗ trợ sinh viên, Quan hệ doanh nghiệp tổ chức hàng năm giai đoạn 2016 - 2021 đã thu hút 197 lượt nhà tuyển dụng tham gia và có 76 lượt người học ngành Giáo dục Thể chất.

Hàng năm, Nhà trường và Khoa đều có lấy ý kiến phản hồi của người học, người học trước khi tốt nghiệp về mức độ hài lòng đối với chất lượng, hiệu quả các hoạt động tư vấn học tập, hỗ trợ việc làm.

Kết quả khảo sát năm 2016 có 90,9% người học hài lòng về: “Cơ vấn học tập, Trợ lý đào tạo có hỗ trợ, tư vấn tốt để đăng ký học, xử lý học vụ”; 90% người học hài lòng về: “Trợ lý sinh viên của Khoa tích cực, nhiệt tình giúp đỡ trong quá trình học”; có 76,5% người học hài lòng về: “Cán bộ Văn phòng Khoa tích cực, nhiệt tình giúp đỡ trong quá trình học tập, rèn luyện”; có 80,3% người học hài lòng đối với hoạt động hỗ trợ việc làm của Trung tâm Dịch vụ, HTSV&QHDN (Báo cáo số 74/BC-ĐHV ngày 22/12/2016).

Kết quả khảo sát năm học 2017-2018, có 77% người học hài lòng về: “Cơ vấn học tập”; 74,7% hài lòng về “Trợ lý quản lý sinh viên các khoa/viện”; có 70,7% hài lòng về việc được cung cấp các thông tin về nghề nghiệp và việc làm của Nhà trường” (Thông báo số 217/TB-ĐHV ngày 11/12/2018).

Mức độ hài lòng của người học ngành GDTC về các dịch vụ hỗ trợ giai đoạn cuối chu kỳ KĐCLGD đạt ở mức khá cao và có xu hướng tăng: trên 82% người học ngành GDTC hài lòng về hoạt động hỗ trợ của CVHT (Năm học 2018-2019: 82,29%; năm học 2019-2020: 85,45%; năm học 2020-2021: 85,14%); trên 83% người học hài lòng về hoạt động hỗ trợ của Trung tâm Dịch vụ, HTSV&QHDN (Năm học 2018-2019: 83,33%; năm học 2019-2020: 83,64%; năm học 2020-2021: 84,46%).

## 2. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng của Tiêu chí 8.4

### 2.1. Điểm tồn tại của Tiêu chí 8.4

Nội dung các câu hỏi trong các phiếu khảo sát được thiết kế chưa khoa học nên chưa thu được nhiều thông tin hữu ích giúp cho việc cải tiến chất lượng tư vấn và hỗ trợ người học.

Kết quả khảo sát của Đoàn ĐGN về tình trạng việc làm của người học tốt nghiệp giai đoạn 2018-2020 cho thấy: Tỷ lệ người học ngành GDTC có việc làm đúng ngành đạt tỷ lệ không cao: 46,6%.

### 2.2. Kiến nghị đối với Tiêu chí 8.4

Nhà trường cần nghiên cứu để thiết kế các phiếu khảo sát phù hợp với từng đối tượng, mục tiêu khảo sát; các câu hỏi trong thang đo trong phiếu khảo sát cần được thiết kế một cách khoa học để có thể thu thập được những thông tin hữu ích phục vụ cho việc cải tiến chất lượng các hoạt động liên quan của Nhà trường.

Nhà trường/Khoa GDTC nên tổ chức hội nghị/hội thảo với sự tham gia của đại diện các bên liên quan (Nhà tuyển dụng, cựu sinh viên, đại diện các tổ chức xã hội nghề nghiệp, các nhà khoa học, cán bộ, giảng viên của Nhà trường ...) để phân tích, đánh giá, làm rõ các nguyên nhân khách quan, chủ quan của việc sinh viên gặp khó khăn trong việc **tìm kiếm việc làm đúng ngành** để có các giải pháp đồng bộ từ việc xây dựng chính sách tuyển sinh đến việc phối hợp hoạt động hỗ trợ của Trung tâm Dịch vụ, HTSV&QHDN, Khoa, Đoàn Thanh niên, Hội SV đối với sinh viên tốt nghiệp của ngành GDTC.

## 3. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có

## 4. Đánh giá mức đạt được của Tiêu chí 8.4: 4

*Tiêu chí 8.5. Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học.*

### **1. Điểm mạnh của Tiêu chí 8.5**

Nhà trường đã có môi trường tâm lý, xã hội, môi trường làm việc thân thiện, tạo không khí thoải mái, để thực hiện hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu. Nhà trường đã ban hành Bộ Quy tắc ứng xử văn hoá của sinh viên, học viên Trường Đại học Vinh (QĐ số 3182/QĐ-ĐHV ngày 26/12/2018).

Sinh viên được tổ chức khám sức khỏe học đường (Thông báo số 306/ĐHV-YT ngày 02/4/2018; số 1391/ĐHV-YT, ngày 05/12/2018); SV nữ được tư vấn về giới tính sức khoẻ, sinh sản (Thông báo số 625/ĐHV-ĐTLT ngày 17/5/2016, số 1006/ĐHV-HTSVQHDN, ngày 18/5/2018; số 461/ĐHV-HTSVQHDN ngày 08/5/2019; số 1064/ĐHV-HTDVQHDN ngày 30/9/2019). Khuôn viên Nhà trường rộng rãi, thoáng mát và được đầu tư vào công tác đảm bảo vệ sinh môi trường, lớp học luôn sạch sẽ, hệ thống thoát nước tốt, có nhiều cây xanh, ghế đá, đài phun nước, khu tập luyện thể thao. Nhà trường/Khoa Giáo dục Thể chất thường xuyên tổ chức các hoạt động thể thao, văn nghệ, các cuộc thi (Cắm hoa nghệ thuật, thi nấu ăn giỏi..). GV, SV được dùng wifi miễn phí phục vụ cho việc học tập, nghiên cứu. Để tạo điều kiện thuận lợi cho SV học tập và thực hiện các thủ tục hành chính, Nhà trường đã thành lập các khu hành chính một cửa (QĐ số 706/QĐ-ĐHV ngày 16/06/2016).

Hằng năm, Đoàn Thanh niên, Hội sinh viên Trường/Khoa đã xây dựng kế hoạch triển khai các hoạt động về văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao thu hút đông đảo người học tham gia.

**Cảnh quan, sân trường, phòng học** của Nhà trường được đầu tư xây dựng và nâng cấp để đáp ứng nhu cầu của người học. Nhà điều hành công nghệ cao, giảng

đường, các văn phòng, ký túc xá được bố trí khoa học, thuận lợi cho công tác giảng dạy, học tập và NCKH của sinh viên. Các phòng học được trang bị hệ thống âm thanh, máy chiếu, đèn, quạt và trang bị máy lạnh nhằm cung cấp không gian học tập thoáng đãng cho học tập, giảng dạy cũng như NCKH. Nhà trường ký hợp đồng với đối tác để duy trì công tác vệ sinh môi trường (Hợp đồng số 06/2018/HĐDV ngày 05/01/2018) và đảm bảo an ninh, trật tự trong khuôn viên Trường (Hợp đồng số 30/HĐKT, ngày 29/3/2018). CB, GV, NV và SV được Nhà trường mua bảo hiểm y tế (Các báo cáo: số 4642/BC-ĐHV ngày 13/12/2015; số 76/BC-ĐHV ngày 30/12/2016; số 64/BC-ĐHV ngày 29/12/2017; số 66/BC-ĐHV ngày 21/12/2018). Cơ sở dịch vụ kinh doanh dịch vụ ăn uống được cơ quan có thẩm quyền kiểm tra và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an toàn thực phẩm (GCN số 73/2020/ATTP-CNĐK ngày 10/12/2020); nhân viên cơ sở dịch vụ được khám sức khỏe định kỳ. Sinh viên Nhà trường/ngành GDTC được học tập trong môi trường an toàn, thân thiện, tạo không khí thoải mái, để thực hiện hoạt động học tập và nghiên cứu.

Tại thời điểm KSCT, Đoàn ĐGN nhận thấy: Nhà trường đã triển khai thực hiện nghiêm Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Y tế về phòng chống dịch Covid19 (CB, GV, SV thực hiện nghiêm chỉ thị 5K..).

**Định kỳ, Nhà trường/Khoa triển** khai thực hiện khảo sát mức độ hài lòng của học viên, sinh viên về các hoạt động của Nhà trường, trong đó có nội dung khảo sát về môi trường môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan của Nhà trường. Kết quả khảo sát sinh viên toàn Trường năm 2016: có 91,7% người học hài lòng về “Công tác vệ sinh môi trường”; 90,6% hài lòng về “Công tác bảo đảm an ninh trật tự trong Nhà trường”; 81,3% người học hài lòng về “Công tác chăm sóc sức khỏe của Nhà trường”. Kết quả khảo sát năm học 2017-2018 cho thấy: có 75,1% người học hài lòng về “công tác vệ sinh môi trường”; có 72,8% Hài lòng về bộ phận một cửa. Kết quả khảo sát người học học kỳ 2 năm học 2018-2019: có 89,6% người học hài



lòng về “Hệ thống vệ sinh công cộng của Nhà trường”; có 94,5% người học hài lòng về “Công tác bảo đảm an ninh, trật tự trong trường học”; có 87,5% hài lòng đối với Trạm Y tế; có 80,4% người học hài lòng đối với Nhà ăn và có 95,8% sinh viên chuẩn bị tốt nghiệp hài lòng về: “môi trường sống, sinh hoạt, rèn luyện và học tập tại Trường” (Báo cáo số 51/BC-ĐHV ngày 31/7/2019)... Kết quả khảo sát các năm học 2019 – 2020 và năm học 2020-2021 cho thấy: trên 87,0% người học ngành GDTC hài lòng đối với “Công tác vệ sinh môi trường” (Năm học 2019-2020: 91,82%; năm học 2020-2021: 87,84% và trên 82,0% người học hài lòng về “Giải quyết các thủ tục hành chính đối với người học” (Năm học 2019-2020: 82,73%; năm học 2020-2021: 87,16%).

Tại hội nghị viên chức do Công đoàn Trường tổ chức hằng năm (Báo cáo ngày 25/9/2017; ngày 20/9/2018; ngày 22/9/2019; ngày 24/10/2020), CBGV, NV cũng đã có những ý kiến phản ánh về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan trong Trường.

## **2. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng của Tiêu chí 8.5**

### **2.1. Điểm tồn tại của Tiêu chí 8.5**

Việc khảo sát cán bộ, giảng viên, nhân viên về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan trong Trường thực hiện chưa bài bản (Thu thập thông tin phản hồi thông qua hội nghị viên chức hằng năm).

### **2.2. Kiến nghị đối với Tiêu chí 8.5**

Nhà trường cần thực hiện việc khảo sát cán bộ, giảng viên, nhân viên về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan trong khuôn viên Trường bằng các phiếu khảo sát để thu thập được nhiều thông tin phục vụ cho việc đưa ra được các giải pháp phù hợp để phát huy các điểm mạnh và khắc phục những tồn tại.

**3. Những điểm chưa rõ (nếu có):** Không có

**4. Đánh giá mức đạt được của Tiêu chí 8.5: 4**

### ***ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ TIÊU CHUẨN 8***

#### **1. Điểm mạnh cơ bản của Tiêu chuẩn 8:**

Nhà trường xây dựng đề án tuyển sinh với nội dung cập nhật các thông tin về chính sách, quy định tuyển sinh, trong đó có các thông tin tuyển sinh của ngành Giáo dục Thể chất.

Phương thức và tiêu chí tuyển chọn người học của Nhà trường/ngành Giáo dục Thể chất được quy định rõ ràng trong đề án tuyển sinh hằng năm của Trường và được rà soát, đánh giá hằng năm để đảm bảo thực hiện đúng quy chế tuyển sinh, phù hợp với đặc thù các ngành, với xu thế phát triển chung của Khoa và Trường.

Nhà trường có hệ thống giám sát sự tiến bộ trong học tập, rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập, cảnh báo học vụ bao gồm Phòng Đào tạo, Phòng Thanh tra Giáo dục, Phòng Công tác chính trị - Học sinh, Sinh viên (CTCT-HSSV), các khoa và các cố vấn học tập (CVHT) và được thực hiện, quản lý bằng phần mềm quản lý người học CMC.

Hằng năm, Phòng Đào tạo phối hợp cùng các khoa, viện xây dựng chương trình học chuyển đổi linh hoạt, tổ chức học tập các học phần thay thế cho các sinh viên quá hạn đào tạo được tiếp tục học tập.

Hằng tháng, các lớp tổ chức sinh hoạt, có đại diện Ban Chủ nhiệm Khoa, CVHT, GV chủ nhiệm tham dự để giải đáp các mối quan tâm của SV và kịp thời hỗ trợ những khó khăn trong học tập, rèn luyện của SV.

Trung tâm Dịch vụ, Hỗ trợ sinh viên và Quan hệ doanh nghiệp đã triển khai nhiều hoạt động hỗ trợ việc làm cho người học.

## **2. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng của Tiêu chuẩn 8:**

### **2.1. Điểm tồn tại cơ bản của Tiêu chuẩn 8:**

Các đối tượng được Nhà trường/Khoa khảo sát ý kiến về chính sách tuyển sinh của Trường chưa đa dạng.

Nhà trường chưa sử dụng phương thức đánh giá năng lực để tuyển sinh.

Tỷ lệ người học ngành GDTC có kết quả học tập ở mức trung bình/yếu có xu hướng tăng ở các khóa cuối chu kỳ KĐCLGD: K57A: 14,29% (1/7); K58A: 0% (0/4); K59A: 30% (3/10); K60A: 85,71% (trong đó có 23,81% học lực yếu); tỷ lệ người học tốt nghiệp có xu hướng giảm: Năm học 2015-2016: 75,68%; năm học 2016-2017: 79,59%; năm học 2017-2018: 94,87%; năm học 2018-2019: 75%; năm học 2019-2020: 71,40%.

Qua khảo sát thực tế của Đoàn ĐGN cho thấy: “Hệ thống giám sát trên phần mềm chưa tự động đưa ra những cảnh báo về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của người học”

Nội dung các câu hỏi trong các phiếu khảo sát được thiết kế chưa khoa học nên chưa thu được nhiều thông tin hữu ích giúp cho việc cải tiến chất lượng tư vấn và hỗ trợ người học.

Kết quả khảo sát của Đoàn ĐGN về tình trạng việc làm của người học tốt nghiệp giai đoạn 2018-2020 cho thấy: Tỷ lệ người học ngành GDTC có việc làm đúng ngành đạt tỷ lệ không cao: **46,6%**.

Việc khảo sát cán bộ, giảng viên, nhân viên về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan trong Trường thực hiện chưa bài bản (Thu thập thông tin phản hồi thông qua hội nghị viên chức hằng năm).

**2.2. Kiến nghị đối với Tiêu chuẩn 8:**

Nhà trường cần lấy ý kiến của nhiều đối tượng liên quan về chính sách tuyển sinh của Trường đối với ngành Giáo dục Thể chất để thu được nhiều ý kiến đa chiều giúp cho việc điều chỉnh chính sách tuyển sinh hằng năm của Nhà trường /CTĐT.

Nhà trường nên nghiên cứu tổ chức kỳ thi đánh giá năng lực hằng năm để chủ động có thêm phương thức tuyển sinh/tuyển chọn những thí sinh đủ năng lực vào học tại Trường.

Khoa GDTC cần phân tích tìm hiểu nguyên nhân vì sao tỷ lệ người học có kết quả học tập ở mức trung bình/yếu có xu hướng tăng ở các khóa cuối chu kỳ KĐCLGD để có biện pháp hỗ trợ người học hiệu quả.

Nhà trường cần phối hợp với đối tác hoàn thiện các chức năng của phần mềm quản lý đào tạo “Trí Nam” để hỗ trợ hiệu quả hoạt động giám sát sự tiến bộ của người học.

Nhà trường cần nghiên cứu để thiết kế các phiếu khảo sát phù hợp với từng đối tượng, mục tiêu khảo sát; các câu hỏi trong thang đo trong phiếu khảo sát cần được thiết kế một cách khoa học để có thể thu thập được những thông tin hữu ích phục vụ cho việc cải tiến chất lượng các hoạt động liên quan của Nhà trường.

Nhà trường/Khoa GDTC nên tổ chức hội nghị/hội thảo với sự tham gia của đại diện các bên liên quan (Nhà tuyển dụng, cựu sinh viên, đại diện các tổ chức xã hội nghề nghiệp, các nhà khoa học, cán bộ, giảng viên của Nhà trường ...) để phân tích, đánh giá, làm rõ các nguyên nhân khách quan, chủ quan của việc sinh viên gặp khó khăn trong việc tìm kiếm việc làm đúng ngành để có các giải pháp đồng bộ từ việc xây dựng chính sách tuyển sinh đến việc phối hợp hoạt động hỗ trợ của Trung tâm Dịch vụ, HTSV&QHDN, Khoa, Đoàn Thanh niên, Hội SV đối với sinh viên tốt nghiệp của ngành GDTC.

Nhà trường cần thực hiện việc khảo sát cán bộ, giảng viên, nhân viên về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan trong khuôn viên Trường bằng các phiếu khảo

sát để thu thập được nhiều thông tin phục vụ cho việc đưa ra được các giải pháp phù hợp để phát huy các điểm mạnh và khắc phục những tồn tại.

### **3. Đánh giá mức đạt được của Tiêu chuẩn 8:**

<b>Tiêu chuẩn/ Tiêu chí</b>	<b>Mức đánh giá</b>
<b>Tiêu chuẩn 8</b>	<b>4,00</b>
<i>Tiêu chí 8.1</i>	<b>4</b>
<i>Tiêu chí 8.2</i>	<b>4</b>
<i>Tiêu chí 8.3</i>	<b>4</b>
<i>Tiêu chí 8.4</i>	<b>4</b>
<i>Tiêu chí 8.5</i>	<b>4</b>

## **TIÊU CHUẨN 9: CƠ SỞ VẬT CHẤT VÀ TRANG THIẾT BỊ**

*Tiêu chí 9.1. Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.*

### **1. Điểm mạnh của Tiêu chí 9.1**

Các cơ sở để phục vụ hoạt động đào tạo của Nhà trường có tổng diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo, NCKH là 87.876 m<sup>2</sup>. Hệ thống phòng học, phòng thực hành, thí nghiệm của Trường gồm có: 282 phòng học (10 phòng học/hội trường trên 200 chỗ; 36 phòng học 100-200 chỗ; 85 phòng học 50-100 chỗ; 155 phòng học dưới 50 chỗ; 16 phòng học đa phương tiện); 86 phòng thí nghiệm có diện tích 10.314 m<sup>2</sup>; 19 xưởng thực tập/ thực hành có diện tích 4.668 m<sup>2</sup>. Thư viện 2 cơ sở có diện tích 9.952 m<sup>2</sup>; nhà tập đa năng có diện tích 2.143 m<sup>2</sup>. Nhà trường có 68 phòng làm việc với tổng diện tích 15.864m<sup>2</sup> m<sup>2</sup>. Ban Giám hiệu Nhà trường được bố trí 6 phòng làm việc ở khu nhà A0 với tổng diện tích 185 m<sup>2</sup>; Trưởng các đơn vị được bố trí phòng làm việc riêng; các Giáo sư, Phó Giáo sư được bố trí không gian làm việc riêng. Khoa Giáo dục Thể chất có 01 phòng làm việc ở tầng 3 Nhà hành chính cơ sở 2.

Các phòng làm việc của cán bộ, giảng viên, nhân viên được trang bị máy tính, máy in được kết nối internet, có tủ đựng tài liệu và được trang bị các phương tiện đáp ứng yêu cầu công việc như: Hệ thống chiếu sáng, điều hòa không khí, máy tính, máy in, điện thoại, bàn, ghế, tủ để tài liệu..

Các phòng học, hội trường được trang thiết bị, phương tiện dạy học phù hợp với hoạt động dạy và học. Hiện nay, Nhà trường có 240 phòng học trang bị hệ thống máy chiếu, 16 phòng học online.

Các phòng học lý thuyết, các phòng chức năng được quản lý theo phương thức dùng chung cơ sở vật chất giữa các đơn vị và được thống nhất quản lý bởi Phòng Quản trị và Đầu tư và được kiểm kê hàng năm. Ngành GDTC được bố trí

các phòng học với trang thiết bị phù hợp với yêu cầu học tập, nghiên cứu của môn học/ngành học.

Tại thời điểm 30/11/2021, với quy mô sinh viên của Nhà trường là 16.476 người học, diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo đạt bình quân là 5,33 m<sup>2</sup>/người học.

## **2. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng của Tiêu chí 9.1**

### **2.1. Điểm tồn tại của Tiêu chí 9.1**

Khoa/bộ môn chưa được bố trí phòng làm việc, sinh hoạt chuyên môn riêng; không gian làm việc của cán bộ giảng viên khá chật hẹp.

### **2.2. Kiến nghị đối với Tiêu chí 9.1**

Nhà trường nên xem xét và bố trí phòng làm việc, phòng sinh hoạt chuyên môn riêng cho các khoa/bộ môn và bố trí thêm diện tích không gian làm việc cho đội ngũ giảng viên.

## **3. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có**

## **4. Đánh giá mức đạt được của Tiêu chí 9.1: 4**

*Tiêu chí 9.2. Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.*

### **1. Điểm mạnh của Tiêu chí 9.2**

Thư viện Cơ sở 1 của Trường được thành lập năm 1959, được bố trí tại tòa nhà 7 tầng có diện tích sàn xây dựng 9.275 m<sup>2</sup> bao gồm: Không gian học tập tại tầng 1 có 05 phòng học, 01 Phòng xử án mô phỏng dành cho Khoa Luật, 06 phòng máy tính, 08 kho sách và 06 phòng đọc. Thư viện cơ sở 2 có diện tích sàn

677 m<sup>2</sup>. Thư viện Trường có 124 máy tính được nối mạng internet đáp ứng yêu cầu tra cứu, truy cập và sử dụng tra cứu tài liệu online cho người học (Cơ sở 1: 100 máy tính; Cơ sở 2: 24 máy tính).

Thư viện Nhà trường sử dụng phần mềm quản lý thư viện Kipos tiên tiến. Thư viện có trang thư viện điện tử tại các địa chỉ (Lib.vinhuni.edu.vn; tvs.vinhuni.edu.vn; thuvien.vinhuni.edu.vn). Thư viện có 26 nhân viên, ), trong đó có 16 nhân viên tốt nghiệp ngành Thư viện (Cơ sở 1: 23 NV; Cơ sở 2: 03 NV).

Nhà trường ban hành Nội quy thư viện (<http://lib.vinhuni.edu.vn/tin-tuc-su-kien/seo/noi-quy-thu-vien-89190>); Quy định sử dụng không gian học tập (<http://lib.vinhuni.edu.vn/thu-vien/seo/noi-quy-su-dung-khong-gian-hoc-tap-89198>); Hướng dẫn sử dụng và Nội quy Thư viện điện tử (<https://lib.vinhuni.edu.vn/thu-vien/seo/huong-dan-su-dung-va-noi-quy-thu-vien-dien-tu-75593>) và các văn bản hướng dẫn khai thác Thư viện (Thông báo, ngày 31/10/2017; ngày 01/08/2018; ngày 15/10/2018; số 15/TTTV ngày 03/12/2019). Các phòng đọc của Thư viện có 1.800 chỗ ngồi, hệ thống mượn - trả tài liệu tự động. CB, GV, người học được cấp tài khoản để sử dụng thư viện số của Trường. Thư viện tổ chức phục vụ bạn đọc thông thạo các ngày trong tuần từ 7h30 đến 21h30 và thứ 7, Chủ nhật. Thư viện được trang bị đầy đủ các trang thiết bị để hoạt động gồm: bàn ghế, tủ sách và hệ thống trang thiết bị máy móc như đầu kỹ thuật số 16 kênh ADR-16EM; máy chiếu Maxell MC –EX 4050; máy in mã vạch zebra ZT410230dpi; máy photocopy, máy tính Dell OptiPlex 3040+ Headphone; máy scan khổ A3; công an ninh thư viện công nghệ Hybrid; Trạm lưu thông công nghệ EM/RFID; Hệ thống mượn trả tự động; thiết bị lưu trữ dữ liệu; máy chủ CSDL HP ProLiant DL 360; , ti vi LCD 32” Samsung, điều hòa nhiệt độ CARRIER...

Kết quả khảo sát trực tiếp cho thấy, Thư viện có 18.350 đầu tài liệu; 16.500 luận văn, luận án; Thư viện số có: 14.350 tên tài liệu số và 59 đầu tạp chí. Thư viện được kết nối với CSDL điện tử trực tuyến online Proques Center phục vụ



công tác đào tạo và NCKH (Hợp đồng số 01/LHTV-ITGVN-VINHUNI/2019 ngày 30/10/2019). Thư viện điện tử của Nhà trường kết nối với khá nhiều thư viện trong nước: Liên hiệp Thư viện Đại học Việt Nam (Biên bản ghi nhớ ngày 09/8/2019); Thư viện của Cục khoa học và công nghệ quốc gia (HĐ số 1207/ĐHV-TTTV ngày 28/10/2019), Thư viện Trường ĐH Cần Thơ (HĐ số 990/ĐHV-TV ngày 23/8/2017), Thư viện Đại học Quốc gia Hà Nội, Thư viện Trường ĐH Nguyễn Tất Thành (Biên bản thoả thuận ngày 08/6/2018); Thư viện Trường ĐH Công nghệ miền Đông (Biên bản hợp tác ngày 09/8/2018)... Nguồn học liệu phục vụ cho ngành Giáo dục Thể chất trong Thư viện hiện có 229 đầu sách với 2920 bản.

Việc biên soạn, phát hành và bổ sung giáo trình, tài liệu học tập được thực hiện theo Quy định về quy trình xuất bản giáo trình, tài liệu và quản lý tài chính trong việc xuất bản giáo trình, tài liệu, sách liên kết của Nhà xuất bản Đại học Vinh (QĐ số 504/QĐ-ĐHV ngày 17/5/2016); Quy định về việc biên soạn, nghiệm thu, xuất bản, phát hành, sử dụng giáo trình, tài liệu học tập và quản lý tài chính trong hoạt động xuất bản giáo trình, tài liệu học tập, sách liên kết của Trường Đại học Vinh (QĐ số 533/QĐ-ĐHV ngày 22/6/2018).

Giai đoạn 2016-2020, Nhà trường đầu tư 7129,48 triệu đồng để bổ sung giáo trình, tài liệu cho Thư viện (Năm 2016: 1545,69 triệu đồng; năm 2017: 502,70 triệu đồng; năm 2018: 1006,3 triệu đồng; năm 2019: 2220,42 triệu đồng; năm 2020: 536,55 triệu đồng), trong đó, ngành Giáo dục Thể chất được bổ sung 125 đầu tài liệu với 1250 bản và 276 tài liệu số.

Thư viện có số liệu theo dõi về hoạt động của bạn đọc. Ví dụ: Năm học 2020-2021, có 57.500 lượt người bạn đọc đến Thư viện đọc sách (trong đó có 1100 lượt người học ngành Giáo dục Thể chất) và có 3940 lượt người bạn đọc đến Thư viện mượn sách (trong đó có 515 lượt người học ngành Giáo dục Thể chất).

## **2. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng của Tiêu chí 9.2**

### **2.1. Điểm tồn tại của Tiêu chí 9.2**

Thư viện chưa đáp ứng đầy đủ giáo trình tài liệu học tập theo danh mục tài liệu được quy định tại các đề cương chi tiết học phần của CTĐT. Tại thời điểm khảo sát chính thức, Đoàn ĐGN đã yêu cầu Thư viện tìm 54 đầu giáo trình, tài liệu tham khảo được quy định trong 12 đề cương chi tiết các học phần được Đoàn ĐGN lựa chọn ngẫu nhiên (Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam; Giải phẫu người; Toán thống kê trong thể dục thể thao; Bóng ném; Điền kinh 2; Y học thể dục, thể thao; Thể dục 2; Lý luận và phương pháp dạy học giáo dục thể chất; Bóng chuyền; Cầu lông; Đá cầu; Tâm lý học thể dục, thể thao) của CTĐT ngành Giáo dục Thể chất. Kết quả, Thư viện đã đưa ra được 40 đầu giáo trình, tài liệu Đoàn ĐGN yêu cầu.

Theo số liệu kiểm kê tháng 01 năm 2021, phần lớn các trang thiết bị điện tử (máy tính, camera, ..) của Thư viện đã hết thời hạn khấu hao sử dụng.

Hợp đồng CSDL Proquest Central số 01/LHTV-ITGVN-VINHUNI/2019 đã hết hiệu lực.

### **2.2. Kiến nghị đối với Tiêu chí 9.2**

Thư viện của Nhà trường cần hằng năm thu thập nhu cầu sách/tài liệu học tập của từng khoa để đảm bảo thống kê đủ các đầu sách ghi trong các đề cương chi tiết học phần của các CTĐT để mua bổ sung cho Thư viện Trường nhằm bảo đảm Thư viện của Trường cung cấp kịp thời và đầy đủ giáo trình, tài liệu học tập, tham khảo được quy định trong các đề cương chi tiết học phần của các CTĐT hiện đang được triển khai đào tạo tại Trường. Nhà trường cần đảm bảo hằng năm cấp đủ kinh phí để Thư viện cập nhật đầy đủ sách, giáo trình, tài liệu tham khảo đáp ứng yêu cầu của các khoa.

Thư viện cần phối hợp với các đơn vị chức năng rà soát lại mức độ đáp ứng yêu cầu của các trang thiết bị, đề xuất Nhà trường thanh lý các trang thiết

bị không còn đáp ứng yêu cầu và có kế hoạch mua bổ sung các trang thiết bị thay thế.

Nhà trường cần rà soát, đánh giá nhu cầu và hiệu quả khai thác sử dụng CSDL Proquest Central để có kế hoạch ký tiếp hợp đồng để bảo đảm Thư viện cung cấp đủ tài liệu phục vụ hoạt động đào tạo và NCKH của GV và người học.

**3. Những điểm chưa rõ (nếu có):** Không có

#### **4. Đánh giá mức đạt được của Tiêu chí 9.2: 3**

*Tiêu chí 9.3. Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.*

##### **1. Điểm mạnh của Tiêu chí 9.3**

Trung tâm Thực hành - Thí nghiệm được thành lập theo Quyết định số 706/QĐ-ĐHV ngày 04/4/2011 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh có chức năng: “Tham mưu giúp Hiệu trưởng về công tác tổ chức triển khai và quản lý các hoạt động thực hành - thí nghiệm tại các phòng thí nghiệm, xưởng thực tập phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học” (QĐ số 428/QĐ-ĐHV ngày 21/4/2016 - Mục XVII). Hệ thống phòng thí nghiệm thực hành được bố trí tại các tòa nhà A0, D1, Nhà kỹ thuật công nghệ được quy hoạch và xây dựng đúng tiêu chuẩn phòng thực hành thí nghiệm của Bộ GD&ĐT. Hiện tại, Nhà trường có 40 phòng máy tính, 86 phòng thí nghiệm, 21 phòng/xưởng thực hành, đáp ứng nhu cầu đào tạo và NCKH cho các ngành đào tạo trong Trường. Các phòng thực hành thí nghiệm được trang bị các thiết bị dạy học phù hợp với các ngành học cụ thể. Để khai thác sử dụng hiệu quả hệ thống phòng học thực hành/thí nghiệm, Nhà trường đã ban hành Quy chế Tổ chức và Hoạt động của Trung tâm Thực hành - Thí nghiệm, Trường Đại học Vinh (QĐ số 182/QĐ-ĐHV ngày 07/3/2021) và Quy chế phối hợp giữa các

đơn vị với Trung tâm Thực hành - Thí nghiệm (QĐ số 1581/QĐ-ĐHV ngày 30/12/2016).

Người học ngành GDTC được sử dụng các khu TDTT tại Cơ sở I: Nhà thi đấu đa năng, nhà thực hành luyện tập thể hình, các sân TDTT ngoài trời tại 2 cơ sở (Sân bóng đá, sân bóng chuyền, sân bóng rổ, sân cầu lông, hệ thống đường chạy tiêu chuẩn). Ngoài ra, người học ngành GDTC còn được sử dụng các phòng thực hành máy tính tại cơ sở 2 để học và thi.

Các thiết bị của các phòng học thực hành và Trung tâm đào tạo thực hành được cập nhật và duy tu, bảo dưỡng hàng năm theo kế hoạch của Nhà trường. Việc mua sắm, đưa vào khai thác sử dụng, bảo quản, bảo dưỡng, sửa chữa và điều chỉnh, thanh lý được thực hiện theo Quy trình quản lý tài sản, máy móc thiết bị tại Trung tâm thực hành thí nghiệm, Trường Đại học Vinh (QĐ số 90/QĐ-ĐHV ngày 13/2/2017); Quy định về quản lý, khai thác sử dụng tài sản tại Trường ĐH Vinh (Quyết định số 209/QĐ-ĐHV, ngày 16/3/2017); Hướng dẫn quy trình đăng ký làm việc tại phòng thực hành thí nghiệm (<https://trungtamthtn.vinhuni.edu.vn/van-ban-moi/seo/huong-dan-quy-trinh-dang-ky-lam-viec-tai-phong-thuc-hanh-thi-nghiem-90118>). Các phòng học thực hành thí nghiệm đều có sổ theo dõi, bàn giao giữa giảng viên tham gia giảng dạy với nhân viên quản lý, có sự xác nhận của đại diện lớp học.

Hằng năm, các đơn vị thực hiện công tác kiểm kê, báo cáo về số lượng và đánh giá chất lượng các trang thiết bị thực hành/thí nghiệm và có kế hoạch bổ sung mua sắm, thay thế các trang thiết bị mới (CV số 144/ĐHV-QTĐT ngày 17/0/2016..). Trang thiết bị các phòng thực hành, thí nghiệm được đầu tư nâng cấp, sửa chữa định kỳ (Biên bản ngày 12/10/2020; ngày 10/01/2020; ngày 18/6/2019; ngày 15/01/2018 ...). Ví dụ, theo Quyết định số 5455/QĐ-ĐHV ngày 12/5/2019, Nhà trường đã đầu tư 845,95 triệu đồng mua máy chiếu cho các phòng học (Hợp đồng số 5460/ĐHV - HĐ2019 ngày 20/5/2019).

Giai đoạn từ năm 2016 đến năm 2020, Nhà trường đã chi 5.474,16 triệu đồng để duy tu, bảo dưỡng và cập nhật/nâng cấp trang thiết bị trong phòng thí nghiệm, phòng thực hành (Năm 2016: 780,77 triệu đồng; năm 2017: 2166,04 triệu đồng; năm 2018: 352,15 triệu đồng; năm 2019: 1087,60 triệu đồng; năm 2020: 1.087,60 triệu đồng). Trang thiết bị của Khoa GDTC được đầu tư mua sắm và bổ sung theo kế hoạch chung của Nhà trường.

Trung tâm **Thực hành – Thí nghiệm** có 4 tổ chuyên môn với 39 cán bộ phụ trách, trong đó có 34 cán bộ làm việc trực tiếp tại các phòng thí nghiệm. Cán bộ phụ trách phòng thực hành được phân công nhiệm vụ thực hiện chức năng quản lý việc sử dụng các trang thiết bị của trung tâm thực hành thí nghiệm. Nhiệm vụ và lịch làm việc cụ thể của từng cán bộ được cập nhật trên Website của đơn vị (<https://trungtamthtn.vinhuni.edu.vn/van-ban-moi/seo/phan-cong-nhiem-vu-can-bo-vien-chuc-81328>; <https://trungtamthtn.vinhuni.edu.vn/van-ban-moi/seo/danh-sach-can-bo-cac-to-chuyen-mon-75884>; <https://trungtamthtn.vinhuni.edu.vn/lich-tuan/seo/lich-cong-tac-tuan-le-37-tth-tn-104019>). Kết quả quan sát trực tiếp của Đoàn ĐGN cho thấy các phòng thực hành đều có phân công cán bộ phụ trách và có sổ nhật ký sửa chữa thay thế thiết bị. Cuối năm học, Phòng Quản trị và Đầu tư đều có tổng kết đánh giá tần suất sử dụng phòng học, trang thiết bị trong các phòng học thực hành/thí nghiệm và các phòng học lý thuyết có lắp các trang thiết bị phục vụ dạy học.

## **2. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng của Tiêu chí 9.3**

### **2.1. Điểm tồn tại của Tiêu chí 9.3**

Một số biên bản kiểm kê các trang thiết bị dạy học thực hiện chưa ghi đầy đủ thông tin theo mẫu biểu quy định (Thành phần tổ kiểm kê, ngày kiểm kê, vị trí...). Một số cán bộ quản lý các phòng thực hành chưa ghi đầy đủ các thông tin trong sổ nhật ký sửa chữa, thay thế thiết bị tại phòng thực hành.

## **2.2. Kiến nghị đối với Tiêu chí 9.3**

Nhà trường cần quy định cụ thể về các bước phải thực hiện khi kiểm kê để hướng dẫn đội ngũ cán bộ, nhân viên kiểm kê thực hiện đúng quy định.

Trung tâm THTN cần định kỳ kiểm tra và nhắc nhở các nhân viên quản lý các phòng thực hành - thí nghiệm ghi đầy đủ các thông tin trong sổ nhật ký sửa chữa, thay thế thiết bị tại phòng thực hành theo quy định của mẫu biểu.

## **3. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có**

## **4. Đánh giá mức đạt được của Tiêu chí 9.3: 4**

*Tiêu chí 9.4. Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.*

### **1. Điểm mạnh của Tiêu chí 9.4**

Nhà trường có hệ thống công nghệ thông tin hoạt động hiệu quả để cung cấp và chia sẻ các dữ liệu, thông tin gồm: 1257 máy tính được bố trí trong 40 phòng học phục vụ hoạt động đào tạo và NCKH (11 phòng/385 máy tính ở nhà A0; 8 phòng/200 máy tính tại Khu nhà kỹ thuật công nghệ; 3 phòng/90 máy tại nhà D1; 4 phòng/120 máy tại Cơ sở II; 5 phòng/126 máy tại tầng 7 Nhà điều hành; 6 phòng/216 máy tính tại tầng 2 Thư viện Nguyễn Thúc Hào; 3 phòng/120 máy cho các phòng rèn luyện nghiệp vụ sư phạm); 572 máy tính xách tay trang bị cho cán bộ, giảng viên và 180 máy tính trang bị cho các cơ quan; 21 máy chủ vật lý; 15 máy chủ ảo; 9 đường truyền internet (Cơ sở 1: 01 đường truyền Leased line, tốc độ 300 Mbps; 02 đường truyền FTTH, tốc độ mỗi đường truyền 350 Mbps; Cơ sở 2: 03 đường truyền FTTH của VNPT, tốc độ mỗi đường truyền là 50 Mbps, 383 điểm phát wifi. Tất cả các phòng máy tính được thiết kế đồng bộ,

được trang bị máy tính và các thiết bị ngoại vi để có thể triển khai dạy học các học phần có sử dụng máy tính từ cơ bản, multimedia, ngoại ngữ.

Hệ thống wifi được phủ sóng toàn bộ khuôn viên Nhà trường. Nhà trường có cổng thông tin điện tử tại địa chỉ: <http://vinhuni.edu.vn/>. Hệ thống mạng internet và wifi được sử dụng miễn phí trong toàn Trường phục vụ hoạt động đào tạo và nghiên cứu của giảng viên và người học.

Hệ thống E-learning của Nhà trường được phát triển với 44 phòng học trực tuyến. GV và người học của Trường đều có tài khoản trên trang học trực tuyến của Nhà trường. Cán bộ giảng viên ngành GDTC được cung cấp địa chỉ email mang tên miền riêng @vinhuni.edu.vn. Người học được cấp tài khoản truy cập hệ thống phần mềm Quản lý đào tạo để xem điểm của cá nhân và đăng ký học phần tự chọn. Khoa Giáo dục Thể chất có cổng thông tin điện tử của tại địa chỉ. <https://khoagdtc.vinhuni.edu.vn/>

Các phần mềm chuyên dụng sử dụng ở các đơn vị đều có bản quyền (Phần mềm Windows 10: 400 máy tính; Phần mềm Windows Server 2012: 11 máy; Phần mềm SQL Server 2014: 01 máy; Phần mềm SQL Server 2016: 03 máy; Phần mềm SQL Server 2017: 02 máy; Phần mềm Quản lý đào tạo của Công ty CMC; Phần mềm Quản lý văn bản điện tử iOffice của VNPT).

Nhà trường đã ban hành quy chế quản lý, khai thác hệ thống thông tin điện tử của Trường Đại học Vinh (QĐ số 1044/QĐ-ĐHV ngày 16/4/2013). Theo đó, “Trung tâm Công nghệ thông tin chịu trách nhiệm bảo đảm an toàn thông tin, dữ liệu trên hệ thống máy chủ của Nhà trường. Việc bảo quản sao lưu dữ liệu được thực hiện trên máy chủ đặt tại Trung tâm Công nghệ thông tin. Trung tâm có trách nhiệm áp dụng các biện pháp bảo đảm an ninh, bảo mật những thông tin trên mạng của Nhà trường ... Người sử dụng chịu trách nhiệm hoàn toàn về các thông tin do mình cung cấp lên mạng..” (Điều 7); “Trung tâm Công nghệ thông tin có trách nhiệm định kỳ quét virus máy tính cho các máy chủ tại Trung tâm và thường xuyên cập nhật các chương trình chống vi rút, các bản sửa lỗi hệ thống mới nhất; ..” (Điều 8).

Trung tâm CNTT chịu trách nhiệm tổ chức vận hành quản lý các hoạt động nghiên cứu, đào tạo, ứng dụng CNTT của Nhà trường; việc xây dựng, triển khai, quản lý cơ sở hạ tầng CNTT và mạng máy tính, quản trị hệ thống máy chủ, đường truyền và các thiết bị mạng; việc bảo đảm an toàn và bảo mật hệ thống thông tin, đảm bảo sự hoạt động liên tục của các trang tin điện tử và phần mềm ứng dụng (QĐ số 428/QĐ-ĐHV ngày 21/04/2016; số 2396/QĐ – ĐHV, ngày 6/9/2019).

Các dữ liệu về quản lý Nhà trường và quản lý đào tạo được lưu trữ trên hệ thống máy chủ. Nhà trường có bộ phận chuyên trách quản trị mạng, sử dụng các phần mềm CMC, e-Office, LMS, Trí nam được cập nhật thường xuyên để hỗ trợ hiệu quả các hoạt động của Trường. Năm học 2019 - 2020, do ảnh hưởng dịch covid-19, Nhà trường còn áp dụng thêm phần mềm dạy học Zoom, Microsoft Team và LMS.

Để giúp người dùng khai thác hiệu quả, an toàn hệ thống CNTT và các phần mềm, Nhà trường/Trung tâm CNTT đã có các văn bản hướng dẫn, hỗ trợ người dùng khai thác, sử dụng hiệu quả; Hướng dẫn dạy và học trực tuyến đối với tất cả các bậc học, loại hình đào tạo (Hướng dẫn số 03/HD-ĐHV ngày 19/2/2020); Hướng dẫn dạy học và đánh giá kết quả học tập trực tuyến (Hướng dẫn số 267/ĐHV-ĐT ngày 27/3/2020); thống nhất sử dụng tài khoản truy cập các hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin (Công văn số 131/ĐHV-TCCB ngày 07/2/2018); triển khai hệ thống xác thực mạng không dây (wifi) (Công văn số 1483/ĐHV-CNTT ngày 14/12/2017); Hướng dẫn sử dụng nhanh hệ thống email Trường ĐH Vinh (<https://trungtamcntt.vinhuni.edu.vn/chia-se-cong-nghe/seo/huong-dan-su-dung-nhanh-he-thong-email-truong-dai-hoc-vinh-96009>); Hướng dẫn cài đặt phần mềm iSpring (<https://trungtamcntt.vinhuni.edu.vn/hoat-dong-chuyen-mon/seo/huong-dan-cai-dat-phan-mem-ispring-104867>); 4 Bước để tham gia một cuộc họp trực tuyến với Microsoft Teams (<https://trungtamcntt.vinhuni.edu.vn/hoat-dong-chuyen-mon/seo/4-buoc-de-tham-gia-mot-cuoc-hop-truc-tuyen-voi-microsoft-teams-97177>); Hướng dẫn



đưa ngân hàng câu hỏi và tạo đề thi trắc nghiệm trên Hệ thống e-Learning (<https://trungtamcntt.vinhuni.edu.vn/dao-tao-qua-mang/seo/huong-dan-dua-ngan-hang-cau-hoi-va-tao-de-thi-trac-nghiem-tren-he-thong-elearning-97016>); Hướng dẫn đăng ký bổ sung cho sinh viên lớp ảo trên Hệ thống VinhUni e-Learning (<https://trungtamcntt.vinhuni.edu.vn/dao-tao-qua-mang/seo/huong-dan-dang-ky-bo-sung-cho-sinh-vien-lop-ao-tren-he-thong-vinhuni-elearning-96129>); Một số kinh nghiệm sử dụng Zoom có hiệu quả (<https://trungtamcntt.vinhuni.edu.vn/dao-tao-qua-mang/seo/mot-so-kinh-nghiem-su-dung-zoom-co-hieu-qua-96836>).

Khảo sát trực tiếp hệ thống CNTT tại thời điểm ĐGN, Đoàn ĐGN thấy hệ thống CNTT của Nhà trường hoạt động ổn định và đã hỗ trợ các hoạt động của Nhà trường.

**Định kỳ, Trường lập kế hoạch** và tổ chức mua sắm để thay thế những thiết bị cấu hình thấp, kém hiệu quả và sửa chữa, bảo dưỡng và nâng cấp thiết bị CNTT đảm bảo cho hệ thống hoạt động được đồng bộ, an toàn, phục vụ hiệu quả hoạt động đào tạo và nghiên cứu (QĐ số 1393/QĐ-ĐGV ngày 25/11/2016 số 219/QĐ-ĐHV ngày 03/4/2018). Giai đoạn 2016 - 2020, Nhà trường đã đầu tư 74.328 triệu đồng mua sắm, sửa chữa, bảo dưỡng, nâng cấp trang thiết bị CNTT (Năm 2016: 16.457 triệu đồng; năm học 2017: 19.641 triệu đồng; năm 2018: 15.127 triệu đồng; năm 2019: 9.851 triệu đồng; năm 2020: 13.252 triệu đồng). Ví dụ, năm 2019, theo QĐ số 3954/QĐ-ĐHV ngày 24/10/2019, Nhà trường đã phê duyệt Đề án nâng cấp, sửa chữa và đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị và hạ tầng công nghệ thông tin của Trường Đại học Vinh; năm 2021, theo QĐ số 2511/QĐ-ĐHV ngày 23/09/2021, Nhà trường đã phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu “Cung cấp, lắp đặt, cài đặt thiết bị công nghệ thông tin và các thiết bị khác”.

Hàng năm, Nhà trường khảo sát người học về chất lượng hoạt động của Trung tâm CNTT và mức độ đáp ứng nhu cầu về đào tạo và nghiên cứu khoa học của hệ thống CNTT. Kết quả khảo sát cho thấy có trên 80% người học hài lòng

với chất lượng hoạt động của Trung tâm CNTT (Năm học 2016 -2017: 81,5% ; năm học 2017-2018: 89,3% ; năm học 2018-2019: 89,3%; năm học 2019 – 2020: 89,2%) (Các báo cáo: số 74/BC-ĐHV ngày 22/12/2016; số 43/BC-ĐHV ngày 14/9/2017; số 19/BC-ĐHV ngày 17/4/2018; số 16/BC-ĐHV ngày 17/4/2019; số 41/BC-ĐHV ngày 29/6/2020). Việc thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan khác (CB, GV, NV) được thực hiện thông qua hội nghị viên chức do Công đoàn Trường tổ chức hằng năm (Các báo cáo ngày 25/9/2017; ngày 20/9/2018; ngày 22/9/2019; ngày 24/10/2020).

Trong các buổi họp đối thoại giữa lãnh đạo Nhà trường với SV, người học cũng đã có những ý kiến phản hồi về mức độ đáp ứng của hệ thống CNTT (Kế hoạch số 02/KH-ĐHV ngày 19/1/2016; số 02/KH-ĐHV ngày 11/1/2017; số 02/KH-ĐHV ngày 04/1/2018; số 01/KH-ĐHV ngày 07/1/2019; số 01/KH-ĐHV ngày 03/1/2020).

## **2. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng của Tiêu chí 9.4**

### **2.1. Điểm tồn tại của Tiêu chí 9.4**

Việc khảo sát CB, GV, NV về mức độ đáp ứng của hệ thống CNTT đối với hoạt động đào tạo và NCKH của Trường chưa bài bản (Thu thập thông tin phản hồi thông qua hội nghị viên chức hằng năm).

Kết quả phỏng vấn các đối tượng liên quan cho thấy có một số thời điểm mạng wifi còn chậm.

Kết quả trao đổi với các nhóm đối tượng cho thấy “Các phần mềm quản lý dạy học vẫn còn một số trục trặc kỹ thuật. Trang LMS hỗ trợ hoạt động dạy học còn ít chức năng, chưa tải được các học liệu dạng video, chưa sử dụng được dạng bài tập trắc nghiệm”.

### **2.2. Kiến nghị đối với Tiêu chí 9.4**

Trung tâm CNTT cần phối hợp chặt chẽ cùng các khoa rà soát, đánh giá tính năng của phần mềm quản lý dạy học, đề xuất với Nhà trường các giải pháp đầu tư, nâng cấp các phần mềm để hỗ trợ hiệu quả hoạt động dạy và học trực tuyến.

Nhà trường cần khảo sát cán bộ, giảng viên, nhân viên về mức độ đáp ứng của hệ thống CNTT đối với nhu cầu đào tạo và NCKH của Trường bằng các phiếu khảo sát để thu thập được nhiều thông tin hữu ích phục vụ cho việc xây dựng các giải pháp nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống CNTT.

Nhà trường nên tiếp tục đầu tư kinh phí để cải tạo hệ thống mạng internet, nhất là mạng wifi để phục vụ tốt hơn công tác đào tạo, NCKH của CBQL, GV và SV.

**3. Những điểm chưa rõ (nếu có):** Không có

**4. Đánh giá mức đạt được của Tiêu chí 9.4: 4**

*Tiêu chí 9.5. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.*

**1. Điểm mạnh của Tiêu chí 9.5**

Trên cơ sở các quy định của pháp luật: Luật an toàn vệ sinh lao động (số 84/2015/QH13 ngày 25/6/2015); Luật PCCC (số 27/2001/QH10; số 40/2013/QH13); Nghị định quy định môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng chống bạo lực học đường (số 80/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017); Nghị định quy định bảo hiểm cháy nổ bắt buộc (Nghị định số 23/2018/NĐ-CP ngày 23/02/2018); Chỉ thị 05/CT-TTg ngày 28/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phòng chống dịch bệnh viêm nhiễm đường hô hấp do chủng vius Corona gây

ra; Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục thể chất, hoạt động thể thao và y tế học đường (Công văn số 3946/BGDĐT-GDTC ngày 31/8/2018); Hướng dẫn khám sức khỏe (Thông tư số 14/TT-BYT ngày 06/5/2013); Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng cháy chữa cháy (Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014) và các quy định của UBND Tỉnh Nghệ An, Nhà trường đã ban hành các quy định liên quan đến môi trường, sức khỏe và an toàn: Quy chế phối hợp đảm bảo an ninh trật tự (QĐ số 3057/KH-ĐH ngày 7/10/2013); Quy định về công tác sinh viên tự quản trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ tại Trường Đại học Vinh (QĐ số 4458/QĐ-ĐHV ngày 26/11/2015); Ban hành các chỉ thị/thông báo về tăng cường bảo đảm an ninh trật tự trường học và an toàn giao thông; phòng chống dịch Covid19 (Các thông báo: số 35/ĐHV-CTCTHSSV ngày 12/01/2016; số 328/ĐHV-CTCT-HSSV ngày 24/3/2016; 513/ĐHV-CTCTHSSV ngày 29/4/2016; số 418/ĐHV-HTSVQHDN ngày 23/4/2018; số 539/ĐHV-CTCTHSSV ngày 18/5/2018; số 409/ĐHV-HTSVQHDN ngày 16/3/2020; số 589/ĐHV-QTĐT ngày 24/5/2021; số 06/CV-BCĐ ngày 14/12/2021); Hướng dẫn phòng chống bệnh viêm đường hô hấp cấp do chủng mới của virus Corona (nCoV) gây ra (Hướng dẫn số 02/HD-ĐHV ngày 04/12/2020); Ký hợp đồng bảo hiểm cháy nổ Trạm Biến áp; Nhà ở sinh viên; Nhà và tài sản Trường mầm non với Công ty Bảo hiểm BSH Nghệ An (Các hợp đồng số 005-03/18/03.KA/HĐ/00013 ngày 22/5/2018; số 005-03/20/03.KA/HĐ/00008 NGÀY 15/02/2020

Nhà trường thành lập Ban Chỉ đạo công tác an ninh, trật tự trường học Trường Đại học Vinh (QĐ số 3441/QĐ-ĐHV ngày 29/10/2013; số 5085/QĐ-ĐHV ngày 31/12/2015; số 158/QĐ-ĐHV ngày 17/01/2019); kiện toàn Ban Chỉ huy phòng chống bão lụt – Phòng chống cháy nổ (QĐ số 750/QĐ-ĐHV ngày 14/7/2017; số 308/QĐ-ĐHV ngày 27/4/2018; số 2349/QĐ-ĐHV ngày 28/8/2019); thành lập Đội Phòng chống bão lụt - phòng chống cháy nổ (QĐ số 320/QĐ-ĐHV ngày 12/3/2017). Nhà trường đã xây dựng các phương án PCCC;

Phương án cứu nạn, cứu hộ được Phòng Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy và Cứu nạn, cứu hộ tỉnh Nghệ An phê duyệt (Phương án chữa cháy khu nhà ở sinh viên; Khoa Nông Lâm; ...). Trạm Y tế được thành lập (QĐ số 871/TCCB ngày 21/4/2008). Để bảo đảm sức khỏe cho cán bộ, nhân viên và người học, Nhà trường đã ký hợp đồng với các bệnh viện để khám sức khỏe cho CB, GV, người học (Hợp đồng số 16/HĐKSK/2016 ngày 01/9/2016; số 09/HĐKSK ngày 11/8/2017; số 23/HĐKSK/2018 ngày 26/8/2018; số 14/HĐKSK/20 ngày 06/9/2020...). Để bảo đảm an ninh, an toàn và vệ sinh môi trường, Nhà trường ký kết Hợp đồng với Công ty cổ phần dịch vụ Bảo vệ INVICO (Hợp đồng số 31/HĐKT.ĐHV-INVICO ngày 28/3/2019 và Hợp đồng cung cấp dịch vụ vệ sinh (HĐ số 06/2019/HĐDV ngày 02/01/2019). Nhà trường đã xây dựng kế hoạch triển khai công tác an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc năm 2016 tại Trường Đại học Vinh (Các kế hoạch: số 07/KH-ĐHV ngày 24/02/2016; số 07/KH-ĐHV ngày 28/02/2019); Kế hoạch tổ chức hội nghị công tác đảm bảo an ninh trật tự trường học, nội trú, ngoại trú và công tác học sinh, sinh viên năm học 2016 - 2017; Kế hoạch tổ chức hội nghị công tác đảm bảo an ninh trật tự trường học, nội trú, ngoại trú và công tác học sinh, sinh viên năm học 2017 - 2018 (Các kế hoạch: số 45/KH-ĐHV ngày 08/11/2016; số 36/KH-ĐHV ngày 12/10/2017; 38/KH-ĐHV ngày 05/10/2018; số 50/KH-ĐHV ngày 04/10/2019; số 75/KH-ĐHV ngày 16/11/2020); Kế hoạch triển khai công tác an ninh trật tự và phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc (Các kế hoạch: số 07/KH-ĐHV ngày 24/02/2016; số 07/KH-ĐHV ngày 28/02/2019; số 14/KH-ĐHV ngày 21/02/2020; số 08/KH-ĐHV ngày 21/01/2021); Kế hoạch phòng, chống dịch cúm A (H7N9) ở người trên địa bàn Trường Đại học Vinh (Kế hoạch số 14/Kh-ĐHV ngày 07/4/2017); Kế hoạch ứng phó với tình huống dịch Covid19 (Kế hoạch số 125/KH-ĐHV ngày 03/12/2021). Định kỳ, Nhà trường phối hợp với Phòng Cảnh sát Phòng cháy, chữa cháy số 1

tỉnh Nghệ An xây dựng và triển khai thực tập phương án chữa cháy (Kế hoạch số 06/KH-CSPCCC-PS1 ngày 11/6/2018; Thông báo số 402/ĐHV-TCCB ngày 14/5/2020) và kiểm tra công tác PCCC (Biên bản ngày 18/4/2018; ngày 05/12/2018..). Hằng năm, Nhà trường đã chi kinh phí để triển khai các hoạt động PCCC. Ví dụ, theo đề nghị của Phòng Quản trị - Đầu tư, năm 2018, Nhà trường đã chi 200 triệu đồng để triển khai các biện pháp PCCC. Trong chu kỳ KĐCLGD, không xảy ra hiện tượng mất an toàn, mất an ninh trật tự trong khuôn viên Trường.

**Hằng năm, Nhà trường** khảo sát người học về môi trường, sức khỏe và an toàn. Kết quả khảo sát cho thấy có trên 80% người học hài lòng với chất lượng hoạt động của Trạm Y tế, Phòng Bảo vệ (kết quả cụ thể như sau: năm học 2016-2017: đạt tỷ lệ 80,7% và 82,6%; năm học 2017-2018: là 88,8% và 90,8%; năm học 2018-2019: là 88,2% và 82,7%; năm học 2019-2020: là 89,0% và 87,4%). Kết quả khảo sát người học các năm học 2019-2020 và 2020 - 2021 cho thấy: có trên 80,0% người học ngành GDTC hài lòng đối với “Công tác bảo đảm an ninh trật tự” (Năm học 2019-2020: 80,0% ; năm học 2020-2021: 89,86%) (Báo cáo số 74/BC-ĐHV ngày 22/12/2016; số 43/BC-ĐHV ngày 14/9/2017; số 19/BC-ĐHV ngày 17/4/2018; số 16/BC-ĐHV ngày 17/4/2019; số 41/BC-ĐHV ngày 29/6/2020; ngày 15/11/2021).

Việc thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan khác (CB, GV, NV) được thực hiện thông qua hội nghị viên chức do Công đoàn Trường tổ chức hằng năm (Báo cáo ngày 25/9/2017; ngày 20/9/2018; ngày 22/9/2019; ngày 24/10/2020).

## **2. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng của Tiêu chí 9.5**

### **2.1. Điểm tồn tại của Tiêu chí 9.5**

Việc khảo sát cán bộ, giảng viên về môi trường, sức khỏe và an toàn trong khuôn viên của Trường chưa bài bản (Thu thập thông tin phản hồi thông qua hội

nghị viên chức hằng năm).

## **2.2. Kiến nghị đối với Tiêu chí 9.5**

Nhà trường cần khảo sát cán bộ, giảng viên, nhân viên về môi trường, sức khỏe và an toàn trong khuôn viên của Trường bằng các phiếu khảo sát để có thể thu thập được nhiều thông tin một cách chính thống phục vụ cho việc xây dựng các giải pháp phù hợp để phát huy điểm mạnh và khắc phục những tồn tại.

## **3. Những điểm chưa rõ (nếu có):**

## **4. Đánh giá mức đạt được của Tiêu chí 9.5: 4**

### ***ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ TIÊU CHUẨN 9***

#### **1. Điểm mạnh cơ bản của Tiêu chuẩn 9:**

Các cơ sở để phục vụ hoạt động đào tạo của Nhà trường có tổng diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo, NCKH là 87.876 m<sup>2</sup>.

**Các phòng làm việc** của cán bộ, giảng viên, nhân viên được trang bị máy tính, máy in được kết nối internet, có tủ đựng tài liệu và được trang bị các phương tiện đáp ứng yêu cầu công việc

Các phòng học, hội trường đều được trang thiết bị phù hợp với công năng sử dụng. Thư viện điện tử của Nhà trường được kết nối với thư viện điện tử của các cơ sở giáo dục khác.

Thư viện trường có 124 máy tính được nối mạng internet đáp ứng yêu cầu tra cứu, truy cập và sử dụng tra cứu tài liệu online cho người học, được kết nối với khá nhiều thư viện trong nước.

Nhà trường có hệ thống phòng thực hành - thí nghiệm được quy hoạch quản lý sử dụng tập trung bởi Trung tâm Thực hành - Thí nghiệm. Giai đoạn từ năm 2016 đến năm 2020, Nhà trường đã chi 5.474,16 triệu đồng để duy tu, bảo dưỡng và cập nhật/nâng cấp trang thiết bị trong phòng thí nghiệm, phòng thực hành.

Hệ thống mạng internet và wifi được sử dụng miễn phí trong toàn Trường phục vụ hoạt động đào tạo và NCKH của giảng viên và người học.

Các dữ liệu về quản lí Nhà trường và quản lí đào tạo được lưu trữ trên hệ thống máy chủ, được cập nhật thường xuyên thông qua các phần mềm CMC, Trí Nam, e-Office, LMS đã hỗ trợ hiệu quả các hoạt động của Trường. Giai đoạn 2016 - 2020, Nhà trường đã đầu tư 74.328 triệu đồng mua sắm, sửa chữa, bảo dưỡng, nâng cấp trang thiết bị CNTT.

**Nhà trường thành lập Ban Chỉ đạo công tác an ninh, trật tự trường học Trường Đại học Vinh; kiện toàn Ban Chỉ huy phòng chống bão lụt – Phòng chống cháy nổ; thành lập Đội Phòng chống bão lụt – phòng chống cháy nổ.** Nhà trường đã xây dựng các Phương án PCCC; Phương án cứu nạn, cứu hộ được Phòng Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy và Cứu nạn, cứu hộ tỉnh Nghệ An phê duyệt và tổ chức luyện tập.

## **2. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng của Tiêu chuẩn 9:**

### **2.1. Điểm tồn tại cơ bản của Tiêu chuẩn 9:**

Khoa/bộ môn chưa được bố trí phòng làm việc, sinh hoạt chuyên môn riêng; không gian làm việc của cán bộ giảng viên khá chật hẹp.

Thư viện chưa đáp ứng đầy đủ giáo trình tài liệu học tập theo danh mục tài liệu được quy định tại các đề cương chi tiết học phần của CTĐT. Tại thời điểm khảo sát chính thức, Đoàn ĐGN đã yêu cầu Thư viện tìm 54 đầu giáo trình, tài liệu tham khảo được quy định trong 12 đề cương chi tiết các học phần được Đoàn



ĐGN lựa chọn ngẫu nhiên của CTĐT ngành Giáo dục Thể chất. Kết quả, Thư viện đã đưa ra được 40 đầu giáo trình, tài liệu Đoàn ĐGN yêu cầu.

Theo số liệu kiểm kê tháng 01 năm 2021, phần lớn các trang thiết bị điện tử (máy tính, camera, ..) của Thư viện đã hết thời hạn khấu hao sử dụng.

Hợp đồng CSDL Proquest Central số 01/LHTV-ITGVN-VINHUNI/2019 đã hết hiệu lực.

Một số biên bản kiểm kê các trang thiết bị dạy học thực hiện chưa ghi đầy đủ thông tin theo mẫu biểu quy định (Thành phần tổ kiểm kê, ngày kiểm kê, vị trí...). Một số cán bộ quản lý các phòng thực hành chưa ghi đầy đủ các thông tin trong sổ nhật ký sửa chữa, thay thế thiết bị tại phòng thực hành.

Việc khảo sát CB, GV, NV về mức độ đáp ứng của hệ thống CNTT đối với hoạt động đào tạo và NCKH của Trường chưa bài bản (Thu thập thông tin phản hồi thông qua hội nghị viên chức hằng năm).

Kết quả phỏng vấn các đối tượng liên quan cho thấy có một số thời điểm mạng wifi còn chậm.

Kết quả trao đổi với các nhóm đối tượng cho thấy “Các phần mềm quản lý dạy học vẫn còn một số trục trặc kỹ thuật. Trang LMS hỗ trợ hoạt động dạy học còn ít chức năng, chưa tải được các học liệu dạng video, chưa sử dụng được dạng bài tập trắc nghiệm”.

Việc khảo sát cán bộ, giảng viên về môi trường, sức khỏe và an toàn trong khuôn viên của Trường chưa bài bản (Thu thập thông tin phản hồi thông qua hội nghị viên chức hằng năm).

## **2.2. Kiến nghị đối với Tiêu chuẩn 9:**

Nhà trường nên xem xét và bố trí phòng làm việc, phòng sinh hoạt chuyên môn riêng cho các khoa/bộ môn và bố trí thêm diện tích không gian làm việc cho đội ngũ giảng viên.

Thư viện của Nhà trường cần hằng năm thu thập nhu cầu sách/tài liệu học tập của từng khoa để đảm bảo thống kê đủ các đầu sách ghi trong các đề cương chi tiết học phần của các CTĐT để mua bổ sung cho Thư viện Trường nhằm bảo đảm Thư viện của Trường cung cấp kịp thời và đầy đủ giáo trình, tài liệu học tập, tham khảo được quy định trong các đề cương chi tiết học phần của các CTĐT hiện đang được triển khai đào tạo tại Trường. Nhà trường cần đảm bảo hằng năm cấp đủ kinh phí để Thư viện cập nhật đầy đủ sách, giáo trình, tài liệu tham khảo đáp ứng yêu cầu của các khoa.

Thư viện cần phối hợp với các đơn vị chức năng rà soát lại mức độ đáp ứng yêu cầu của các trang thiết bị, đề xuất Nhà trường thanh lý các trang thiết bị không còn đáp ứng yêu cầu và có kế hoạch mua bổ sung các trang thiết bị thay thế.

Nhà trường cần rà soát, đánh giá nhu cầu và hiệu quả khai thác sử dụng CSDL Proquest Central để có kế hoạch ký tiếp hợp đồng để bảo đảm Thư viện cung cấp đủ tài liệu phục vụ hoạt động đào tạo và NCKH

Nhà trường cần quy định cụ thể về các bước phải thực hiện khi kiểm kê để hướng dẫn đội ngũ cán bộ, nhân viên kiểm kê thực hiện đúng quy định.

Trung tâm THTN cần định kỳ kiểm tra và nhắc nhở các nhân viên quản lý các phòng thực hành - thí nghiệm ghi đầy đủ các thông tin trong sổ nhật ký sửa chữa, thay thế thiết bị tại phòng thực hành theo quy định của mẫu biểu.

Trung tâm CNTT cần phối hợp chặt chẽ cùng các khoa rà soát, đánh giá tính năng của phần mềm quản lý dạy học, đề xuất với Nhà trường các giải pháp đầu tư, nâng cấp các phần mềm để hỗ trợ hiệu quả hoạt động dạy và học trực tuyến.

Nhà trường cần khảo sát cán bộ, giảng viên, nhân viên về mức độ đáp ứng của hệ thống CNTT đối với nhu cầu đào tạo và NCKH của Trường bằng các phiếu khảo sát để thu thập được nhiều thông tin hữu ích phục vụ cho việc xây dựng các giải pháp nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống CNTT.

Nhà trường nên tiếp tục đầu tư kinh phí để cải tạo hệ thống mạng

internet, nhất là mạng wifi để phục vụ tốt hơn công tác đào tạo, NCKH của CBQL, GV và SV.

Nhà trường cần khảo sát cán bộ, giảng viên, nhân viên về môi trường, sức khỏe và an toàn trong khuôn viên của Trường bằng các phiếu khảo sát để có thể thu thập được nhiều thông tin một cách chính thống phục vụ cho việc xây dựng các giải pháp phù hợp để phát huy điểm mạnh và khắc phục những tồn tại.

#### **4. Đánh giá mức đạt được của Tiêu chuẩn 9:**

<b>Tiêu chuẩn/ Tiêu chí</b>	<b>Mức đánh giá</b>
<b>Tiêu chuẩn 9</b>	<b>3,80</b>
<i>Tiêu chí 9.1</i>	<b>4</b>
<i>Tiêu chí 9.2</i>	<b>3</b>
<i>Tiêu chí 9.3</i>	<b>4</b>
<i>Tiêu chí 9.4</i>	<b>4</b>
<i>Tiêu chí 9.5</i>	<b>4</b>

## TIÊU CHUẨN 10: NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG

*Tiêu chí 10.1. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình dạy học.*

### 1. Điểm mạnh của Tiêu chí 10.1

Nhà trường đã ban hành Quy định chức năng nhiệm vụ của các đơn vị trực thuộc (QĐ số 428/QĐ-ĐHV, ngày 21/4/2016; số 2396/QĐ-ĐHV, ngày 6/9/2019), trong đó quy định Phòng Đào tạo, Trung tâm Đảm bảo chất lượng cùng các đơn vị có trách nhiệm thu thập ý kiến phản hồi của các bên liên quan phục vụ cải tiến chất lượng các hoạt động của Trường, trong đó có xây dựng, cải tiến các CTDH. Đồng thời, Nhà trường cũng đã ban hành Quy định tạm thời công tác lấy ý kiến phản hồi từ người học về cán bộ, viên chức và các hoạt động của Đại học Vinh (QĐ số 1307/QĐ-ĐHV, ngày 1/11/2016); Quyết định thành lập Ban chỉ đạo thực hiện dịch vụ giáo dục công năm học 2017-2021 tại Trường ĐH Vinh (QĐ số 1255/QĐ-ĐHV, ngày 10/11/2017; số 1138/QĐ-ĐHV, ngày 10/11/2017; số 3429/QĐ-ĐHV, ngày 10/11/2017; số 3541/QĐ-ĐHV, ngày 10/11/2017). Trong các văn bản này đã xác định rõ các bước và trách nhiệm các đơn vị trong khảo sát các bên liên quan.

Trong giai đoạn KĐCLGD, mỗi khi tiến hành xây dựng, rà soát, điều chỉnh CTĐT và đề cương chi tiết các học phần, Nhà trường đã ban hành quy định, hướng dẫn thực hiện các hoạt động này như: Hướng dẫn xây dựng CTĐT ĐH theo tiếp cận CDIO (Số 10/HD/ĐHV, ngày 30/6/2016); Quy định xây dựng và phát triển CTĐT trình độ ĐH hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ (QĐ số 2382/QĐ-ĐHV, ngày 04/9/2019...). Các văn bản này đều đã đề cập đến việc khảo sát nhu cầu của các bên liên quan cho xây dựng và phát triển CTDH tại các đơn vị.

Trên cơ sở các văn bản quy định, hướng dẫn và sự phân công của Nhà trường, Khoa Giáo dục Thể chất đã triển khai việc xây dựng, rà soát, cập nhật, thẩm định và phát triển CTĐT ngành Giáo dục Thể chất. Bên cạnh việc tổng hợp

các thông tin từ kết quả khảo sát định kỳ do Nhà trường thực hiện với SV, cựu SV, CBGV và NV, Khoa đã xúc tiến thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan nhà tuyển dụng và các chuyên gia (năm học 2016 - 2017 đã khảo sát 60 người gồm: 6 nhà quản lý, 8 cựu SV, 8 SV cuối khóa, 32 nhà tuyển dụng, 6 chuyên gia tại Nghệ An) để làm căn cứ cho việc thiết kế và phát triển CTDH.

Ý kiến của các bên liên quan, nhất là của nhà quản lý, chuyên gia, GV, SV, người sử dụng lao động, đại diện hội nghề nghiệp... về nhu cầu nguồn nhân lực, về cấu trúc, khối lượng kiến thức tối thiểu của CTDH cùng sự phù hợp của CTĐT... đã được Khoa tập hợp và được thể hiện trong các báo cáo kết quả khảo sát và những đề xuất những thay đổi CĐR, CTĐT (BC số 25/BC-ĐHV, ngày 12/6/2017, số 51/BC-ĐHV, ngày 31/7/2019...). Trên cơ sở các ý kiến này Khoa đã tiến hành xây dựng và phát triển CTDH.

Trong đợt rà soát, cập nhật CTĐT năm 2016 Khoa Giáo dục Thể chất đã sử dụng kết quả khảo sát các bên liên quan để điều chỉnh và cập nhật CTĐT. Cụ thể, theo yêu cầu các bên liên quan Khoa đã điều chỉnh CTĐT theo hướng tích hợp các nội dung kiến thức, tránh sự trùng lặp nội dung giữa các học phần; giảm thời lượng của CTĐT từ 132 tín chỉ (của CTĐT năm 2015) xuống còn 125 tín chỉ (của CTĐT năm 2016) ...

## **2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng Tiêu chí 10.1**

### **2.1. Điểm tồn tại của Tiêu chí 10.1**

Dung lượng mẫu cho khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan, nhất là ý kiến của nhà tuyển dụng, cựu người học cho chỉnh sửa CĐR và CTĐT còn nhỏ, nhất là khảo sát người sử dụng lao động và cựu người học, vì vậy thông tin thu được khó đảm bảo tính đại diện cho các ý kiến đóng góp, làm giảm hiệu quả sử dụng kết quả khảo sát các bên liên quan cho điều chỉnh CĐR và phát triển CTĐT.

## 2.2. Kiến nghị đối với Tiêu chí 10.1

Trong khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan cho phát triển CTĐT, Nhà trường/Khoa cần xác định kích thước mẫu khảo sát đủ lớn, nhất là khảo sát nhu cầu của người sử dụng lao động và cựu sinh viên, đảm bảo tính hiệu quả của việc sử dụng kết quả khảo sát các bên liên quan cho điều chỉnh CDR và phát triển CTĐT.

## 3. Những điểm chưa rõ (nếu có): không có

## 4. Đánh giá mức đạt được của Tiêu chí 10.1: 4

*Tiêu chí 10.2. Việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học được xác lập, được đánh giá và cải tiến.*

### 1. Điểm mạnh của Tiêu chí 10.2

Nhằm triển khai các quy định của Bộ GD&ĐT về xây dựng, đánh giá, điều chỉnh CTĐT, Nhà trường đã ban hành Hướng dẫn xây dựng CTĐT ĐH theo tiếp cận CDIO (Số 10/HD/ĐHV, ngày 30/6/2016); Quy định về quy trình xây dựng và phát triển CTĐT trình độ ĐH hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ (QĐ số 2382/QĐ-ĐHV, ngày 04/9/2019).

Theo Quy định xây dựng và phát triển CTĐT trình độ ĐH số 2382/QĐ-ĐHV, ngày 04/9/2019, Nhà trường yêu cầu các khoa tổ chức rà soát cập nhật CDR theo quy trình 5 bước; xây dựng CTĐT theo 7 bước; thẩm định và ban hành CTĐT theo quy trình 3 bước và rà soát, đánh giá, cập nhật CTĐT định kỳ theo 5 bước sau: i) Lập kế hoạch cập nhật, đánh giá CTĐT; ii) Thu thập thông tin, minh chứng về sự cần thiết phải cập nhật CDR, CTĐT và đề cương học phần; iii) Đánh giá và xây dựng báo cáo đánh giá về tính hiệu quả của CTĐT đang thực hiện; iv) Dự thảo những nội dung cần sửa đổi, cập nhật CTĐT và trình Hội đồng Khoa học và Đào

tạo thông qua; v) Hội đồng Khoa học và Đào tạo xem xét, thông qua nội dung sửa đổi, cập nhật CTĐT và trình Hiệu trưởng phê duyệt và ban hành. Như vậy, các bước triển khai đánh giá và cập nhật CDR, CTĐT và đề cương học phần của Trường đã bao quát khá đầy đủ quy trình phát triển CTĐT theo quy định của Bộ GD&ĐT.

Trong chu kỳ KĐCLGD, Nhà trường đã 2 lần thay đổi quy trình rà soát điều chỉnh CTĐT phù hợp với 2 văn bản hướng dẫn ban hành các năm 2016 và 2019. Điều đó có nghĩa mỗi khi tổ chức xây dựng và phát triển CTĐT, Nhà trường đều tiến hành rà soát, đánh giá và xem xét lại quy trình được xây dựng trong văn bản hướng dẫn trước đó, bổ sung, cải tiến, hoàn thiện quy trình thiết kế và phát triển CTĐT phù hợp với điều kiện thực tế của giai đoạn mới. Để có đủ thông tin – cơ sở cho rà soát, đổi mới quy trình xây dựng, điều chỉnh CTĐT, nhà trường/Khoa đã tiến hành họp Hội đồng Khoa học và Đào tạo (Biên bản họp Hội đồng Khoa học và Đào tạo mở rộng xây dựng CTĐT tiếp cận CDIO, ngày 7/9/2020; ngày 4/3/2019), đã tham khảo ý kiến của CB, GV, NV trong hội nghị Tổng kết năm học.

Năm 2016, trên cơ sở ý kiến đóng góp của Hội đồng Khoa học và Đào tạo về rà soát quy trình xây dựng và cập nhật CTĐT, trong văn bản Hướng dẫn năm 2016, Nhà trường đã đổi mới quy trình xây dựng, phát triển, thẩm định CTĐT theo tiếp cận CDIO nhằm đáp ứng yêu cầu về kiến thức và kỹ năng, năng lực theo nhu cầu xã hội, thông qua việc nhấn mạnh sự cần thiết lấy ý kiến các bên liên quan làm cơ sở khoa học cho việc thiết kế và phát triển CTDH. Năm 2019, trên cơ sở rà soát quy trình xây dựng và phát triển CTĐT được ban hành trong Hướng dẫn năm 2016, Nhà trường đã tách biệt các bước cụ thể cho quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành ngành đào tạo mới và các bước cụ thể cho rà soát, đánh giá, cập nhật CDR, CTĐT, đề cương học phần...

Trong chu kỳ KĐCLGD, CTĐT trình độ ĐH ngành Giáo dục thể chất được rà soát, đánh giá, cập nhật vào các năm: 2017, 2019 và 2020. Tại mỗi lần rà soát, cập nhật CTĐT, Khoa Giáo dục thể chất đã quán triệt nội dung văn bản hướng dẫn

về quy trình xây dựng và phát triển CTĐT của Nhà trường, đề xuất quy trình gắn với các nhiệm vụ được Nhà trường giao cho Khoa. Chẳng hạn, trong quá trình rà soát, cập nhật CTĐT năm 2019, Khoa đã tiến hành họp Hội đồng Khoa, tổ chức lấy ý kiến góp ý của GV, nhà quản lý, các chuyên gia về CTDH; đã thống nhất thực hiện quy trình phát triển CTĐT ngành Giáo dục thể chất theo các bước như trong QĐ số 2382/QĐ-ĐHV, ngày 04/9/2019 của Nhà trường.

## **2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng Tiêu chí 10.2**

### **2.1. Điểm tồn tại của Tiêu chí 10.2**

Thực tế cho thấy vẫn còn một bộ phận CBGV chưa nắm thật vững quy trình thiết kế và phát triển chương trình dạy học, chưa tham gia tích cực vào quá trình xây dựng và phát triển, cập nhật CDR và CTDH.

### **2.2. Kiến nghị đối với Tiêu chí 10.2**

Nhà trường, Khoa nên phổ biến rộng rãi và tập huấn cho tất cả CBGV thuộc CTĐT các văn bản hướng dẫn về quy trình xây dựng và phát triển CTĐT; có giải pháp lôi kéo tất cả GV tham gia vào quá trình xây dựng và cập nhật CDR và CTĐT.

## **3. Những điểm chưa rõ (nếu có): không có**

## **4. Đánh giá mức đạt được của Tiêu chí 10.2: 4**

*Tiêu chí 10.3. Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra.*

### **1. Điểm mạnh của Tiêu chí 10.3**



Nhà trường đã có hệ thống các văn bản quy định việc rà soát, đánh giá quá trình dạy và học và kết quả học tập của người học để đảm bảo sự gắn kết giữa CDR của các học phần với CDR của CTĐT: Quy định đào tạo ĐH hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ (QĐ số 868/QĐ-ĐHV, ngày 2/4/2013); Quy định tạm thời về đào tạo ĐH hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ tiếp cận CDIO (QĐ số 2155/QĐ-ĐHV, ngày 10/10/2017), trong đó đã quy định về đánh giá phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học để đạt CDR; Đề cương chi tiết học phần; Quy định về xây dựng, quản lý và sử dụng ngân hàng đề thi kết thúc học phần (QĐ số 132/QĐ-ĐHV, ngày 23/2/2017); Quy định về công tác đánh giá và quản lý kết quả học tập trong đào tạo tiếp cận CDIO theo hệ thống tín chỉ (QĐ số 1262/QĐ-ĐHV, ngày 13/11/2017); Quy định về công tác tổ chức thi, kiểm tra, đánh giá và quản lý kết quả học tập trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ (QĐ số 991/QĐ-ĐHV, ngày 25/3/2014); Hướng dẫn biên soạn đề thi và công tác tổ chức thi, kiểm tra theo hình thức online theo CTĐT tiếp cận CDIO (HD số 05/HD-ĐHV, ngày 28/2/2017)...

Nhà trường đã giao cho các khoa/bộ môn theo dõi, đánh giá, giám sát, quá trình dạy - học, xây dựng và thực hiện việc kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học, đảm bảo CDR. Theo đó, hằng năm Khoa Giáo dục Thể chất đã tổ chức thực hiện trao đổi, dự giờ, họp Khoa/Hội đồng Khoa nhằm rà soát, đánh giá hoạt động dạy và học của GV và SV. Nghiên cứu nội dung Biên bản dự giờ, Biên bản họp Khoa/Hội đồng Khoa giai đoạn 2016-2021, Báo cáo kết quả công tác thanh tra các học kỳ, Báo cáo công tác rà soát ngân hàng câu hỏi đề thi cho thấy công tác rà soát, đánh giá việc dạy và học và kết quả học tập của SV đã được thực hiện thường xuyên ở từng năm học và những ý kiến đánh giá thực sự hữu ích cho GV khi thực hiện đề cương học phần ở cả mặt nội dung, phương pháp giảng dạy, kỹ năng thực hiện bài giảng để hướng đến đạt CDR của học phần và của ngành học.

Trong các đợt rà soát, điều chỉnh, bổ sung CTĐT và đề cương học phần theo định kỳ (năm 2017, năm 2019 và năm 2020), bên cạnh rà soát về nội dung, cấu

trúc các học phần, Khoa đã tiến hành rà soát, đánh giá các phương pháp giảng dạy và kiểm tra đánh giá được sử dụng; đã cải tiến và bổ sung ma trận kết nối giữa phương pháp giảng dạy, phương pháp kiểm tra đánh giá với CDR của học phần; xây dựng rubric của các hình thức kiểm tra đánh giá kết quả người học. Năm 2017 trong đề cương học phần đã điều chỉnh trọng số điểm đánh giá học phần từ điểm đánh giá quá trình là 30% và thi học phần 70% thành 50% và 50%.

Ngoài ra, Khoa còn tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên môn các GV thực hiện CTĐT ngành Giáo dục Thể chất để hướng đến lựa chọn các tổ hợp phương pháp giảng dạy, phương pháp kiểm tra đánh giá phù hợp nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng CDR của các học phần và CDR của CTĐT.

Việc lấy ý kiến phản hồi của người học về quá trình dạy - học và đánh giá kết quả học tập của người học đã được Nhà trường thực hiện định kỳ với hầu hết các học phần và coi đó là cơ sở cho việc cải tiến công tác dạy-học và kiểm tra đánh giá, đảm bảo sự tương thích với CDR của học phần, CDR của ngành học. Ví dụ, học kỳ 1 năm học 2020-2021, Nhà trường đã khảo sát ý kiến phản hồi của SV THUỘC CTĐT ngành Giáo dục Thể chất về hoạt động giảng dạy đối với các học phần được triển khai trong học kỳ. Kết quả khảo sát: với tiêu chí “Người dạy thực hiện nội dung giảng dạy phù hợp với đề cương chi tiết học phần” có 92,86% ý kiến đánh giá ở mức tốt, 7,14% đánh giá mức khá, không có ý kiến đánh giá ở mức trung bình, chưa đạt; với tiêu chí “Người dạy giao nhiệm vụ tự học và thường xuyên kiểm tra, đánh giá phần tự học của người học” có 92,86% ý kiến đánh giá tốt, 7,14% ý kiến đánh giá khá và 0 ý kiến đánh giá mức trung bình, chưa đạt.... Kết quả khảo sát đã giúp Khoa, GV điều chỉnh quá trình, phương pháp dạy-học và kiểm tra đánh giá ở từng học phần nhằm đảm bảo đạt CDR của ngành học.

## **2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng Tiêu chí 10.3**

### **2.1. Điểm tồn tại của Tiêu chí 10.3**

Nhà trường chưa có hướng dẫn cụ thể, chi tiết về việc sử dụng kết quả các ý kiến phản hồi của các bên liên quan cho việc cải tiến quá trình dạy học và phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả người học đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CDR.

Việc tổ chức thực hiện các hội nghị, hội thảo, các lớp tập huấn về đổi mới phương pháp dạy-học và kiểm tra đánh giá chưa được đều đặn hằng năm cả ở cấp Trường và cấp Khoa.

## **2.2. Kiến nghị đối với Tiêu chí 10.3**

Nhà trường nên có hướng dẫn cụ thể, rõ ràng việc sử dụng kết quả ý kiến phản hồi của các bên liên quan cho việc cải tiến quá trình dạy học và phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả người học đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CDR.

Hằng năm nên tổ chức đều đặn các hội nghị, hội thảo hoặc mở các lớp tập huấn về đổi mới phương pháp dạy-học và kiểm tra đánh giá, để thúc đẩy các bộ môn, GV thường xuyên xem xét lại và cải tiến công tác giảng dạy và kiểm tra đánh giá của bộ môn và của từng cá nhân.

## **3. Những điểm chưa rõ (nếu có): không có**

## **4. Đánh giá mức đạt được của Tiêu chí 10.3: 4**

*Tiêu chí 10.4. Các kết quả nghiên cứu khoa học được sử dụng để cải tiến việc dạy và học.*

### **1. Điểm mạnh của Tiêu chí 10.4**

Trong Quy định quản lý hoạt động KHCN của Trường ĐH Vinh (QĐ số 480/QĐ-ĐHV, ngày 9/5/2016) và Kế hoạch triển khai Chiến lược phát triển KHCN Trường ĐH Vinh giai đoạn 2018-2025 (QĐ số 1069/QĐ-ĐHV, ngày

6/11/2018) đã đặt ra mục tiêu: Nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo của Nhà trường...; phát triển và bồi dưỡng nhân tài, đáp ứng yêu cầu đào tạo nhân lực trình độ cao. Đổi mới phương pháp dạy học, biến quá trình đào tạo thành quá trình tự đào tạo, tạo điều kiện cho người học làm quen, tiếp cận với công tác NCKH... Theo từng năm học, Nhà trường đã xây dựng và triển khai kế hoạch công tác NCKH của Trường (KH số 3254/ĐHV-KHTB&HTQT, ngày 8/9/2015; QĐ số 76/QĐ-ĐHV, ngày 31/8/2018...). Theo đó, GV khoa Giáo dục thể chất đã triển khai nhiệm vụ NCKH của đội ngũ CBGV và SV trong Khoa.

Trong chu kỳ KĐCLGD, đội ngũ CBGV của Khoa đã triển khai thực hiện có kết quả nhiều nhiệm vụ NCKH. Cụ thể, đã thực hiện 9 đề tài cấp cơ sở; công bố 70 bài báo trên các tạp chí khoa học trong, ngoài nước và báo cáo hội thảo khoa học, trong đó có 20 bài công bố trên Tạp chí khoa học quốc tế.... Phần lớn các bài báo công bố của CBGV thuộc CTĐT có liên quan đến nội dung và hoạt động giảng dạy của GV và hoạt động học tập của SV, đã góp phần đáng kể nâng cao trình độ của đội ngũ GV và chất lượng giảng dạy trong Khoa.

Nhiều đề tài khoa học, các công bố của CB, GV có tính ứng dụng cao, được đăng tải trên các tạp chí khoa học có uy tín như: Tạp chí Khoa học thể thao, Tạp chí Dạy và Học ngày nay, Tạp chí Khoa học Đào tạo và Huấn luyện thể thao, International Journal of Science Culture and Sport, Tạp chí Khoa học Trường Đại học Vinh... và đã được chuyển tải thành các nội dung, chuyên đề phục vụ công tác giảng dạy trong các học phần thuộc CTĐT của ngành học. Trong đó, có thể kể ra các công trình nghiên cứu như: đề tài cấp cơ sở “Nâng cao chất lượng giảng dạy học phần Thể dục dụng cụ cho SV khoa Giáo dục thể chất” được sử dụng cho nâng cao chất lượng giảng dạy học phần Thể dục dụng cụ; đề tài NCKH cấp cơ sở “Nâng cao chất lượng giảng dạy môn võ Taekwondo cho SV khoa Giáo dục thể chất ... Hầu hết các đề tài NCKH, báo cáo khoa học, bài báo khoa học đã trở thành tài liệu tham khảo hữu ích cho việc giảng dạy và học tập các học phần của CTĐT.

Các sản phẩm NCKH của Khoa/Bộ môn ngoài việc được sử dụng trực tiếp làm tài liệu phục vụ giảng dạy các học phần trong CTDH, còn được vận dụng để cải tiến CTĐT, hoạt động giảng dạy của GV và hoạt động học tập của SV. Tiêu biểu trong số đó là kết quả nghiên cứu của đề tài: “Nghiên cứu đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá học phần Điền kinh 1 tiếp cận CDIO”; đề tài: “Nghiên cứu đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá học phần Thể dục 1 tiếp cận CDIO”; đề tài: “Nghiên cứu đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá học phần Giáo dục thể chất tiếp cận CDIO”... những đề xuất khuyến nghị trong các nghiên cứu này đã giúp Nhà trường, Khoa có những điều chỉnh cải tiến phù hợp trong các hoạt động giảng dạy của GV và hoạt động học tập của SV ngành Giáo dục thể chất.

## **2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng Tiêu chí 10.4**

### **2.1. Điểm tồn tại của Tiêu chí 10.4**

Số lượng CBGV của Khoa chưa làm chủ trì hoặc tham gia thực hiện các đề tài NCKH phục vụ nhu cầu sản xuất của các doanh nghiệp, đề tài cấp tỉnh, cấp bộ, đề tài Nafosted hoặc cấp Nhà nước còn hạn chế.

### **2.2. Kiến nghị đối với Tiêu chí 10.4**

Nhà trường, Khoa cần có cơ chế, chính sách hỗ trợ và khuyến khích đội ngũ CB, GV tham gia đề xuất, đấu thầu đề tài NCKH các cấp, đặc biệt là các đề tài phục vụ nhu cầu sản xuất của các doanh nghiệp, đề tài cấp Bộ/ngành, cấp tỉnh, làm cơ sở thúc đẩy công bố quốc tế và sự gắn kết giữa NCKH với công tác giáo dục và đào tạo của Nhà trường.

## **3. Những điểm chưa rõ (nếu có): không có**

## **4. Đánh giá mức đạt được của Tiêu chí 10.4: 4**

*Tiêu chí 10.5. Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến.*

### **1. Điểm mạnh của Tiêu chí 10.5**

Nhà trường đã ban hành các văn bản: Quy định tạm thời về công tác lấy ý kiến người học về cán bộ viên chức và các hoạt động của Trường (QĐ số 1307/QĐ-ĐHV, ngày 1/11/2016); Thông báo về việc lấy ý kiến phản hồi từ người học về các hoạt động của các đơn vị hành chính trong Trường (số 291/TB-ĐHV, ngày 4/11/2016)... Trong các văn bản này đã có quy trình đánh giá các hoạt động dịch vụ hỗ trợ và tiện ích. Các hoạt động khảo sát, từng bước trong quy trình khảo sát về các dịch vụ hỗ trợ, tiện ích đều được Nhà trường giao cho các đơn vị cụ thể chịu trách nhiệm và tổ chức thực hiện trong Quyết định về quy định chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị (QĐ số 2396/QĐ-ĐHV, ngày 6/9/2019), như Trung tâm Thông tin - Thư viện có trách nhiệm lấy ý kiến của bạn đọc.. Theo đó, các đơn vị trực thuộc xây dựng và triển khai thực hiện việc đánh giá chất lượng hoạt động của các dịch vụ hỗ trợ, tiện ích thông qua việc lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan và tổ chức báo cáo tổng kết năm học.

Hàng năm, Trung tâm ĐBCL phối hợp với các đơn vị đã xây dựng và triển khai kế hoạch khảo sát lấy ý kiến phản hồi của SV về CB viên chức và các hoạt động của Trường. Nội dung đánh giá về chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích đã được lồng ghép vào trong phiếu hỏi của các khảo sát này. Trong một số trường hợp khảo sát về dịch vụ hỗ trợ đã được tách riêng như khảo sát của Trung tâm Thông tin – Thư viện về sự hài lòng của đọc giả, khảo sát sự hài lòng của người dân với các dịch vụ giáo dục công (QĐ số 1255/QĐ-ĐHV, ngày 10/11/2017)...

Nghiên cứu các báo cáo tổng kết năm học hàng năm của Nhà trường trong giai đoạn 2015-2020, Báo cáo công tác kiểm kê tài sản hàng năm của Trường, các

biên bản họp Khoa lấy ý kiến đóng góp về các dịch vụ hỗ trợ GV, người học và CSVC của Nhà trường từ năm học 2016-2017 đến nay, các báo cáo tổng kết hoạt động hằng năm của các đơn vị thực hiện dịch vụ hỗ trợ như Thư viện, hệ thống CNTT, tư vấn đào tạo, CTCT&HSSV, các tổ chức đoàn thể... đã cho thấy các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích này đã được triển khai hằng năm, được định kỳ đánh giá kết quả đạt được.

Ví dụ, học kỳ 2 năm học 2019 - 2020, kết quả khảo sát gần 9 nghìn lượt SV đối với dịch vụ hỗ trợ tiện ích như về hệ thống cơ sở vật chất, Thư viện và hoạt động dịch vụ của các phòng ban và trung tâm cho thấy: đối với tiêu chí “Cơ sở dữ liệu, nguồn tài liệu đáp ứng nhu cầu của người học” có 80,5% ý kiến đánh giá tốt, 14,4% đánh giá khá, 3,0% đánh giá mức trung bình, 1,1% đánh giá chưa đạt và 1,0% không đánh giá; đối với tiêu chí “Thái độ, tính thần làm việc, ý thức trách nhiệm của cán bộ hành chính trong quá trình đào tạo” có 79,5% ý kiến đánh giá tốt, 14,0% đánh giá khá, 4,0% đánh giá mức trung bình, 1,4% ý kiến đánh giá chưa đạt và 1,3% không đánh giá. ...

Hằng năm, trên cơ sở các kết quả khảo sát, các báo cáo tổng kết của Khoa và Nhà trường, các đơn vị thực hiện các dịch vụ hỗ trợ như: Trung tâm Thông tin - Thư viện, Trung tâm Thực hành - Thí nghiệm, Trung tâm CNTT, Trung tâm Nội trú, Phòng CTCT&HSSV, Phòng Đào tạo, Phòng Hành chính Tổng hợp, Đoàn Thanh niên... Nhà trường đã có nhiều cải tiến chất lượng dịch vụ, như cải tiến chất lượng quản lý hệ thống cơ sở hạ tầng CNTT: năm 2021 đã phối hợp với Microsoft Việt Nam triển khai sử dụng phần mềm Office 365 Education cung cấp các dịch vụ tiện ích dựa trên công nghệ điện toán đám mây trong dạy và học; cải tiến chất lượng phục vụ của Thư viện: từ năm 2016 đến năm 2020 số tài liệu điện tử đã tăng lên nhiều lần; nguồn tài liệu của Thư viện được quản lý bằng phần mềm quản lý thư viện Kipos; Trung tâm Thông tin – Thư viện đã tham gia liên hiệp thư viện, liên kết mua bản quyền truy cập sử dụng CSDL Proquest Central... Trong giai đoạn 2016-2020, Nhà trường đã đầu tư số kinh phí trên 7.129 triệu đồng cho mua

tài liệu, giáo trình; đầu tư kinh phí mua sắm, sửa chữa trang thiết bị và xây dựng cơ bản trên 517.166 triệu đồng, trong đó cho cho phát triển hệ thống CNTT là 74.328 triệu đồng ...

## **2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng Tiêu chí 10.5**

### **2.1. Điểm tồn tại của Tiêu chí 10.5**

Nghiên cứu Hồ sơ, minh chứng của một số kết quả khảo sát và báo cáo phân tích kết quả khảo sát ý kiến của các bên liên quan về chất lượng các dịch vụ và tiện ích cho thấy: Nhà trường và Khoa chưa thật chú ý đến vai trò, ý nghĩa của kênh thông tin khảo sát để phục vụ cho việc cải tiến chất lượng các dịch vụ tiện ích đáp ứng nhu cầu của người học và CBGV, NV của Nhà trường.

### **2.2. Kiến nghị đối với Tiêu chí 10.5**

Nhà trường và Khoa cần đầu tư nhiều hơn về nhân lực và vật lực cho nhiệm vụ khảo sát ý kiến các bên liên quan để thu thập được các thông tin đóng góp trực tiếp hữu ích cho việc phát triển CTĐT và tạo dựng cơ sở để đề xuất các giải pháp khả thi dựa trên các kết quả khảo sát các bên liên quan. Đồng thời cần đào tạo bồi dưỡng nâng cao kỹ năng khảo sát, thống kê phân tích và viết báo cáo khảo sát cho CBGV và nhân viên để các kết quả khảo sát của Nhà trường thật sự hữu ích cho việc cải tiến các hoạt động của Nhà trường.

## **3. Những điểm chưa rõ (nếu có): không có**

## **4. Đánh giá mức đạt được của Tiêu chí 10.5: 4**

*Tiêu chí 10.6. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến.*



## 1. Điểm mạnh của Tiêu chí 10.6

Trên Website của Trung tâm ĐBCL, Trường Đại học Vinh (<https://trungtamdbcl.vinhuni.edu.vn/thong-bao-van-ban/seo/chuc-nang-nhiem-vu-trung-tam-dam-bao-chat-luong-66995>) đã công khai chức năng và nhiệm vụ của Trung tâm: “phối hợp với các đơn vị định kỳ tổ chức thu thập ý kiến phản hồi của các bên liên quan để xử lý, phân tích, đối sánh phát hiện các mặt mạnh và tồn tại của các đơn vị”.

Nhà trường đã ban hành: Quy định tạm thời công tác lấy ý kiến phản hồi từ người học về cán bộ, viên chức và các hoạt động của Trường (QĐ số 1307/QĐ-ĐHV, ngày 1/11/2016); QĐ thành lập Ban chỉ đạo thực hiện kế hoạch khảo sát đo lường sự hài lòng của người dân với các dịch vụ giáo dục công (QĐ số 1255/QĐ-ĐHV, ngày 10/11/2017; QĐ số 1138/QĐ-ĐHV, ngày 27/11/2018; QĐ số 3429/QĐ-ĐHV, ngày 12/12/2019; QĐ số 3541/QĐ-ĐHV, ngày 8/12/2020); Thông báo về việc lấy ý kiến phản hồi từ người học về các hoạt động của các đơn vị hành chính trong Trường (số 291/TB-ĐHV, ngày 4/11/2016); Kế hoạch khảo sát về việc làm với SV tốt nghiệp (KH số 08/KH-ĐHV, ngày 23/2/2017; KH số 51/KH-ĐHV, ngày 26/11/2018...). Theo đó, các cuộc khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về chất lượng hoạt động của Nhà trường được phân công cụ thể cho các đơn vị tổ chức thực hiện. Trung tâm ĐBCL là đơn vị chịu trách nhiệm khảo sát lấy ý kiến phản hồi của SV về hoạt động giảng dạy của GV và một số khảo sát khác với các bên liên quan. Trung tâm phối hợp với các đơn vị tổ chức khảo sát và phân tích, xử lý và sử dụng kết quả khảo sát phục vụ cho công tác cải tiến chất lượng các hoạt động của Nhà trường.

Trong một năm học, theo kế hoạch công tác ĐBCL, các đơn vị của Nhà trường đã tiến hành một số hoạt động khảo sát chính để thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan, cụ thể: i) khảo sát ý kiến phản hồi của SV về hoạt động giảng dạy của GV, hoạt động của viên chức và các hoạt động khác của Trường; ii) khảo sát ý kiến của SV năm cuối về khóa học; iii) khảo sát ý kiến CB, GV, NV và

người học đối với hệ thống thông tin thư viện; iv) khảo sát ý kiến của cựu SV về việc làm, thu nhập và chất lượng đào tạo; v) khảo sát ý kiến của các đơn vị liên kết về công tác đào tạo...

Công cụ của từng khảo sát được thiết kế phù hợp với mục tiêu của loại khảo sát và được điều chỉnh thích ứng với đối tượng được khảo sát do các đơn vị tổ chức thực hiện. Tùy từng trường hợp cụ thể, Nhà trường/Khoa đã sử dụng phương pháp khảo sát phù hợp để đảm bảo sự tiện ích và tính khách quan trong thu thập các thông tin phản hồi. Các phương pháp thu thập ý kiến có thể là tổ chức hội thảo, hội nghị, tọa đàm, trao đổi, thảo luận...; có thể là phát phiếu hỏi trực tiếp hoặc online hoặc qua điện thoại trực tiếp...

Hàng năm sau khi kết thúc đợt khảo sát, các đơn vị có đóng góp ý kiến về các vấn đề liên quan đến nội dung, phương pháp khảo sát... Trung tâm ĐBCL tổng hợp, ghi nhận ý kiến đóng góp, những đề xuất cần cải tiến của các đơn vị để đưa ra những cải tiến cho các khảo sát ở năm sau. Dựa trên việc rà soát, đánh giá từ các ý kiến đề xuất của các đơn vị Nhà trường đã thực hiện một số cải tiến liên quan đến cơ chế phản hồi: định kỳ cập nhật nội dung phiếu khảo sát; nâng cấp phần mềm khảo sát đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của hệ thống khảo sát trực tuyến ...

Căn cứ vào các dữ liệu của kết quả khảo sát, Nhà trường và các đơn vị phân tích, đánh giá và đề xuất những điều chỉnh, cải tiến chất lượng nhất định. Hàng năm, Khoa cũng như các đơn vị khác đều có Báo cáo về việc sử dụng kết quả khảo sát ý kiến các bên liên quan phục vụ cho việc điều chỉnh CTĐT và CDR và những cải tiến chất lượng dịch vụ khác.

## **2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng Tiêu chí 10.6**

### **2.1. Điểm tồn tại của Tiêu chí 10.6**

Tính hệ thống trong thu thập ý kiến phản hồi các bên liên quan hiện nay ở Trường còn mờ nhạt, vẫn do nhiều đầu mối chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện, như: Phòng CTCT & HSSV là đầu mối khảo sát SV, Trung tâm Dịch vụ

hỗ trợ SV và Quan hệ doanh nghiệp đầu mỗi khảo sát cựu SV, Phòng Đào tạo và các khoa là đầu mỗi khảo sát nhà tuyển dụng, Trung tâm ĐBCL là đầu mỗi khảo sát sự hài lòng về dịch vụ công. Do vậy, quy định lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan của Nhà trường còn nằm rải rác ở nhiều văn bản của các đơn vị, chưa có tính thống nhất và hướng dẫn cụ thể, chi tiết về cách thức tổ chức thực hiện phù hợp, như: thời điểm khảo sát, cách thức lấy ý kiến phản hồi, kích thước mẫu tối thiểu và cách chọn mẫu với từng đối tượng cho ý kiến phản hồi... và đặc biệt là thiếu hướng dẫn công tác phân tích, xử lý dữ liệu và đề xuất các cải tiến trong các báo cáo về kết quả khảo sát cũng như việc sử dụng kết quả khảo sát tại các đơn vị...

## **2.2. Kiến nghị đối với Tiêu chí 10.6**

Nhà trường cần thống nhất công tác lấy ý kiến các bên liên quan về các hoạt động của Trường vào 1 đầu mỗi, từ đó xây dựng Quy định lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan một cách thống nhất, rõ ràng, chi tiết với hướng dẫn cụ thể, chặt chẽ, đảm bảo tính hệ thống cho thu thập và sử dụng ý kiến phản hồi của các bên liên quan từ khâu thiết kế công cụ, cách thức tổ chức thực hiện lấy ý kiến phản hồi, xác định mẫu tối thiểu cho đến việc phân tích, xử lý dữ liệu và đề xuất các cải tiến trong các báo cáo về kết quả khảo sát... để tránh tình trạng khảo sát ý kiến phản hồi mang tính hình thức, đối phó.

## **3. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có**

## **4. Đánh giá mức đạt được của Tiêu chí 10.6: 3**

# ***ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ TIÊU CHUẨN 10***

## **1. Điểm mạnh cơ bản của Tiêu chuẩn 10:**

Với mỗi lần điều chỉnh, cập nhật CTĐT, Khoa đã thực hiện quy định của Nhà trường, đã sử dụng các thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan làm cơ sở cho phát triển CTĐT.

Nhà trường đã có hệ thống các văn bản quy định và đã định kỳ triển khai việc rà soát, đánh giá quá trình dạy - học và kết quả học tập của người học để đảm bảo sự gắn kết giữa CDR của các học phần với CDR của CTĐT

Khoa đã triển khai thực hiện một số đề tài khoa học trọng điểm cấp cơ sở cho việc cải tiến và nâng cao chất lượng nội dung, phương pháp giảng dạy của các học phần trong CTĐT theo tiếp cận CDIO.

Nhà trường đã có quy định và định kỳ tổ chức việc đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích thông qua các phương thức khác nhau, làm cơ sở cho đề xuất cải tiến các dịch vụ này.

## **2. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng của Tiêu chuẩn 10:**

### **2.1. Điểm tồn tại cơ bản của Tiêu chuẩn 10:**

Tính hệ thống trong thu thập ý kiến phản hồi các bên liên quan của Trường thể hiện khá mờ nhạt, do nhiều đầu mối chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện (ít nhất có 5 đầu mối). Do vậy tại thời điểm KSCT, quy định lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan nằm ở nhiều văn bản khác nhau tùy thuộc vào các đơn vị, chưa mang tính thống nhất và hướng dẫn chung về các chi tiết/bước thực hiện, ví dụ: cách thức tổ chức thực hiện, thời điểm khảo sát, phương pháp khảo sát, kích thước mẫu tối thiểu và cách chọn mẫu với từng đối tượng khảo sát ... và đặc biệt là thiếu hướng dẫn về việc phân tích, xử lý dữ liệu và tổng hợp chung các kết quả khảo sát, đề xuất/khuyến nghị các giải pháp cải tiến trong các báo cáo về kết quả khảo sát và việc sử dụng kết quả khảo sát tại các đơn vị liên quan...

### **2.2. Kiến nghị đối với Tiêu chuẩn 10:**

Để đảm bảo tính hệ thống chặt chẽ, Nhà trường cần thống nhất nhiệm vụ

khảo sát ý kiến các bên liên quan vào 1 đầu mỗi (phòng/đơn vị chức năng) để điều hành và tổ chức chung, từ đó xây dựng Quy chế/quy định lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan một cách thống nhất, rõ ràng, chi tiết với hướng dẫn cụ thể, chặt chẽ, đảm bảo tính hệ thống cho thu thập và sử dụng ý kiến phản hồi của các bên liên quan, bao gồm: từ khâu thiết kế công cụ/phiếu khảo sát, phương pháp tổ chức thực hiện khảo sát, việc xác định mẫu khảo sát tối thiểu, việc phân tích, xử lý dữ liệu, mẫu báo cáo tổng kết các kết quả khảo sát và đề xuất các giải pháp cải tiến trong các cáo về kết quả khảo sát, chuyển giao và sử dụng các kết quả khảo sát...để đảm bảo các kết quả khảo sát các nhóm đối tượng khác nhau được khai thác sử dụng một cách hữu ích phục vụ cho việc nâng cao chất lượng các hoạt động của từng Khoa và Trường.

### **3. Đánh giá mức đạt được của Tiêu chuẩn 10:**

<b>Tiêu chuẩn/ Tiêu chí</b>	<b>Mức đánh giá</b>
<b>Tiêu chuẩn 10</b>	<b>3,83</b>
<i>Tiêu chí 10.1</i>	<b>4</b>
<i>Tiêu chí 10.2</i>	<b>4</b>
<i>Tiêu chí 10.3</i>	<b>4</b>
<i>Tiêu chí 10.4</i>	<b>4</b>
<i>Tiêu chí 10.5</i>	<b>4</b>
<i>Tiêu chí 10.6</i>	<b>3</b>

## TIÊU CHUẨN 11: KẾT QUẢ ĐẦU RA

*Tiêu chí 11.1. Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.*

### 1. Điểm mạnh của Tiêu chí 11.1

Trong Quy định chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trực thuộc (QĐ số 428/QĐ-ĐHV, ngày 21/4/2016); Quy chế công tác SV (QĐ số 1291/QĐ-ĐHV, ngày 15/8/2016)..., Nhà trường đã giao cho Phòng Đào tạo, Phòng CTCT-HSSV phối hợp với các khoa chịu trách nhiệm chính trong giám sát người học thôi học, bỏ học và người học tốt nghiệp, học lại, thi lại, cảnh báo học vụ.... Ngoài ra, tham gia thực hiện các nhiệm vụ này còn có các Trung tâm ĐBCL, đội ngũ CVHT. Công cụ hỗ trợ cho các hoạt động này của các đơn vị đã được Nhà trường xác định là phần mềm quản lý đào tạo CMC (QĐ số 4123/ĐHV-ĐT, ngày 02/11/2015).

Sau mỗi học kỳ và mỗi năm học, với sự trợ giúp của phần mềm quản lý đào tạo CMC, các phòng chức năng và Khoa dễ dàng có được số liệu thống kê về danh sách SV bảo lưu, thôi học, danh sách SV tốt nghiệp của năm học. Trong chu kỳ KĐCLGD đối với CTĐT trình độ ĐH ngành Giáo dục thể chất, Nhà trường và Khoa đã tiến hành thống kê số lượng và tỷ lệ sinh viên thôi học và tốt nghiệp hàng năm (xem bảng 11.1a và 11.1b).

*Bảng 11.1a. Tỷ lệ thôi học theo năm học giai đoạn 2016-2021*

Năm học	Quy mô SV	Tỷ lệ SV thôi học (%)				Cả năm học (%)
		Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 4	
2016-2017	124	3,25	2,44	0,81	0	6,5
2017-2018	64	4,69	7,81	0	0	12,5
2018-2019	48	0	0	0	0	0,0
2019-2020	56	1,78	0	0	0	1,78
2020-2021	75	1,33	0	0	0	1,33

Bảng 11.1b. Tỷ lệ tốt nghiệp đúng hạn giai đoạn 2016-2021

Khóa SV	Số SV đầu khóa	Tỷ lệ tốt nghiệp (%)			
		TN sớm	Đúng hạn	Sau 1 - 2 năm	Chung
2012-2016	37	0	100,0	0	100,0
2013-2017	49	0	79,5	20,4	100,0
2014-2018	39	0	94,8	5,12	100,0
2015-2019	20	0	75,0	25,0	100,0
2016-2020	14	0	71,4	28,6	100,0

Tỷ lệ thôi học của SV ngành Giáo dục Thể chất tập trung chủ yếu ở năm thứ nhất và năm thứ hai; tỷ lệ SV tốt nghiệp đúng hạn hàng năm đều ở mức khá cao, từ trên 70%. Bên cạnh việc cho biết về tỷ lệ SV thôi học và tỷ lệ SV tốt nghiệp, các dữ liệu ở các bảng 11.1a và 11.1b còn cho thấy việc đối sánh các tỷ lệ này theo các năm học/khóa SV của CTĐT đã được thực hiện. Ngoài ra, Khoa còn tiến hành đối sánh tỷ lệ thôi học và tỷ lệ tốt nghiệp với một số ngành học khác trong Trường. Ví dụ, đối sánh về tỷ lệ SV tốt nghiệp của CTĐT ngành Giáo dục thể chất với CTĐT ngành Sư phạm Lịch sử cho thấy, tỷ lệ tốt nghiệp ở CTĐT ngành Giáo dục thể chất cao hơn so với tỷ lệ tương ứng ở CTĐT ngành đối sánh (năm 2019, 2020 tỷ lệ SV tốt nghiệp của ngành Giáo dục thể chất là 75,0% và 71,4%; còn con số tương ứng của ngành Sư phạm Lịch sử là 49,02% và 63,63%).

Hàng năm, sau khi nắm bắt được tỷ lệ tốt nghiệp và tỷ lệ thôi học, Khoa đã họp, phân tích các dữ liệu thống kê, số liệu đối sánh, tìm hiểu nguyên nhân và đưa ra các giải pháp khắc phục nhằm giảm tỷ lệ thôi học, tăng tỷ lệ tốt nghiệp đúng hạn (Biên bản họp Khoa từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021). Ví dụ, khi phát hiện ra SV thôi học tập trung nhiều ở năm thứ nhất do chưa thích nghi được với phương pháp học tập ở ĐH, chưa yên tâm với ngành nghề; nguyên nhân thôi học, chậm hay không tốt nghiệp là do nợ nhiều học phần, nợ CĐR ngoại ngữ...

Nhà trường/Khoa đã đề xuất giải pháp thúc đẩy hơn nữa vai trò của cố vấn học tập trong tư vấn nghề nghiệp, phương pháp học ĐH cho SV mới hoặc hỗ trợ SV chủ động xây dựng kế hoạch học tập cá nhân. Phòng Đào tạo đã cập nhật số liệu biến động từng học kỳ, phối hợp với Khoa tăng cường công tác cảnh báo học vụ, nhất là cảnh báo trực tiếp trên phần mềm quản lý đào tạo...

## **2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng Tiêu chí 11.1**

### **2.1. Điểm tồn tại của Tiêu chí 11.1**

Tỷ lệ SV tốt nghiệp đúng hạn chưa cao và đang có xu hướng giảm nhẹ trong mấy năm gần đây, tỷ lệ chậm hoặc không tốt nghiệp vẫn chiếm tỷ lệ nhất định. Điều đó cho thấy một số biện pháp do Trường/Khoa đưa ra để tăng tỷ lệ tốt nghiệp đúng hạn của người học chưa thật hiệu quả.

### **2.2. Kiến nghị đối với Tiêu chí 11.1**

Nhà trường/Khoa cần phân tích kỹ nguyên nhân cơ bản của tình trạng không tốt nghiệp hoặc tốt nghiệp chậm để đưa ra các giải pháp căn cơ nhằm tăng dần tỷ lệ tốt nghiệp đúng hạn của người học.

## **3. Những điểm chưa rõ (nếu có): không có**

## **4. Đánh giá mức đạt được của Tiêu chí 11.1: 4**

*Tiêu chí 11.2. Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.*

### **1. Điểm mạnh của Tiêu chí 11.2**

Theo chức năng và nhiệm vụ của Phòng Đào tạo, Phòng CTCT-HSSV và Quy định chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trực thuộc Trường (QĐ số 428/QĐ-



ĐHV, ngày 21/4/2016)..., Phòng Đào tạo, Phòng CTCT-HSSV cùng với các khoa có trách nhiệm trong giám sát người học, theo dõi, thống kê số SV tốt nghiệp đúng, sớm/chậm so với kế hoạch, thời gian tốt nghiệp trung bình của các khóa học thuộc các CTĐT. Với sự trợ giúp của phần mềm quản lý đào tạo CMC, vào cuối mỗi kỳ xét và công nhận tốt nghiệp theo từng năm học, Nhà trường có được số liệu thống kê đầy đủ về thời gian tốt nghiệp trung bình theo từng khóa học của tất cả các hệ/hình thức đào tạo thuộc các CTĐT đang được thực hiện tại Trường.

Dựa trên thời gian đào tạo được xác định đối với CTĐT đại học chính quy ngành Giáo dục Thể chất là 4 năm, hằng năm Khoa Giáo dục Thể chất đã tiến hành thống kê số lượng sinh viên tốt nghiệp (SVTN) sớm, đúng thời gian 4 năm và số lượng SVTN chậm hơn so với thời gian 4 năm theo từng khóa học, trong đó theo quy định thời gian học của SV không được kéo dài quá 6 năm. Theo đó, khóa 2012-2016 có 37 SVTN đúng hạn, 0 SVTN chậm, thời gian tốt nghiệp trung bình là 4,0 năm; tương tự thời gian tốt nghiệp trung bình của khóa 2013-2017 là 4,20 năm; của khóa 2014-2018 là 4,05 năm; của khóa 2015-2019 là 4,25 năm và của khóa 2016-2020 đến thời điểm này là 4,26 năm.

Khoa đã thực hiện đối sánh số năm SV tốt nghiệp trung bình ở CTĐT ngành Giáo dục thể chất của Khoa với các CTĐT của các ngành học khác trong Trường như với CTĐT ngành Sư phạm Lịch sử chẳng hạn. Số liệu đối sánh cho thấy số năm tốt nghiệp trung bình của CTĐT ngành Giáo dục Thể chất tương đương so với số năm tốt nghiệp trung bình của CTĐT ngành đối sánh (số năm tốt nghiệp trung bình các khóa 2013-2017; 2014-2018; 2015-2019 của CTĐT là 4,20; 4,05 và 4,25, còn con số tương ứng của CTĐT ngành Sư phạm Lịch sử là 4,10; 4,22 và 4,11). Kết quả đối sánh đã hướng Nhà trường/Khoa đi tìm nguyên nhân và đề xuất các giải pháp để làm giảm số năm tốt nghiệp trung bình của người học.

Theo kết quả phân tích từ Khoa số SV tốt nghiệp muộn chủ yếu do SV không đạt CĐR về ngoại ngữ, hoàn cảnh khó khăn, không có kế hoạch học tập rõ ràng, không chủ động trong học tập, nợ học phần, nhất là các học phần cơ sở, nên

thời gian tốt nghiệp bị chậm, không đạt CĐR ngoại ngữ... Từ các phân tích trên, Khoa cùng các đơn vị trong Nhà trường đề xuất các giải pháp như: thường xuyên gửi thông báo cảnh báo học vụ cho SV; yêu cầu các cố vấn học tập thường xuyên trao đổi với trợ lý đào tạo trong năm bắt tình hình học tập cũng của SV để có hướng hỗ trợ, tư vấn phù hợp, kịp thời; miễn giảm hoặc hỗ trợ học phí cho SV nghèo, SV thuộc các dân tộc thiểu số... Bên cạnh đó Nhà trường/Khoa thường xuyên tổ chức Hội nghị học tốt để định hướng phương pháp học tập hiệu quả.... bổ trí thêm học kỳ phụ giúp SV có điều kiện học vượt, học lại, thi lại...

Sau mỗi năm học Ban chủ nhiệm Khoa, Khoa tổ chức tổng kết năm học, trong đó có việc phân tích, đánh giá hiệu quả các biện pháp hỗ trợ người học. Trong các báo cáo tổng kết năm học hằng năm của Nhà trường cũng đã đánh giá kết quả các biện pháp hỗ trợ người học để tốt nghiệp sớm, giảm số người học chậm tốt nghiệp, rút ngắn thời gian tốt nghiệp.

## **2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng Tiêu chí 11.2**

### **2.1. Điểm tồn tại của Tiêu chí 11.2**

Từ số năm tốt nghiệp trung bình trong thời gian qua cho thấy, Khoa chưa có SV tốt nghiệp sớm, SV tốt nghiệp chậm vẫn duy trì ở tỷ lệ nhất định.

### **2.2. Kiến nghị đối với Tiêu chí 11.2**

Nhà trường/Khoa cần có giải pháp hiệu quả, tạo điều kiện khuyến khích SV học trước, học vượt để sớm hoàn thành CTĐT, tốt nghiệp trước thời hạn, phù hợp với quy định trong Quy chế đào tạo theo tín chỉ.

## **3. Những điểm chưa rõ (nếu có): không có**

## **4. Đánh giá mức đạt được của Tiêu chí 11.2: 4**

*Tiêu chí 11.3. Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.*

### 1. Điểm mạnh của Tiêu chí 11.3.

Trong Quy định chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trực thuộc Trường (QĐ số 428/QĐ-ĐHV, ngày 21/4/2016) và Chức năng, nhiệm vụ của Trung tâm Dịch vụ và hỗ trợ SV và quan hệ doanh nghiệp (QĐ số 3869/QĐ-ĐHV, ngày 14/10/2015 và QĐ số 1423/QĐ-ĐHV, ngày 29/11/2016), Nhà trường đã giao cho Trung tâm Dịch vụ và hỗ trợ SV và quan hệ doanh nghiệp có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các đơn vị thực hiện khảo sát thu thập, lưu giữ và phân tích thông tin về tình hình việc làm, vị trí làm việc và thu nhập của người học tốt nghiệp và báo cáo Bộ GD&ĐT. Theo đó, hằng năm Trung tâm đã xây dựng kế hoạch và triển khai khảo sát cựu SV về việc làm trong vòng 6 tháng và 12 tháng sau tốt nghiệp. Việc khảo sát được thực hiện theo đúng quy trình, biểu mẫu trong Công văn số 2919/BGDĐT-GDDH ngày 10/7/2017 của Bộ GD&ĐT về khảo sát về tình hình việc làm của SV tốt nghiệp.

Hằng năm, Nhà trường và Khoa Giáo dục Thể chất đã tiến hành khảo sát thu thập thông tin thông qua phỏng vấn, gọi điện thoại và qua Email với khóa SV tốt nghiệp về tình hình việc làm và thu nhập của họ. Tỷ lệ SV tốt nghiệp được khảo sát đạt trên 56% so với số SV tốt nghiệp. Các dữ liệu khảo sát được tập hợp, lưu giữ bằng văn bản cũng như được công khai trên trang Ba công khai tại cổng thông tin điện tử của Trường (xem bảng 11.3).

Bảng 11.3 Tình hình việc làm của SVTN ngành Giáo dục Thể chất sau 1 năm tốt nghiệp.

Năm tốt nghiệp	Số SVTN được khảo sát	Tỷ lệ có việc làm (%)	Khu vực làm việc (%)			
			Nhà nước	Tư nhân	Liên doanh	Tự tạo
2016	37/37	89,2	54,0	16,3	10,8	8,1
2017	27/39	85,2	51,9	7,4	11,1	14,8

**Báo cáo Đánh giá ngoài CTĐT ngành Giáo dục Thể chất – Trường ĐH Vinh**

2018	21/37	85,7	66,7	4,7	4,7	9,6
2019	12/15	75,0	41,6	16,7	16,7	0
2020	10/10	80,0	60,0	20,0	0,0	0

Kết quả khảo sát cho thấy tỷ lệ có việc làm của SV tốt nghiệp thuộc CTĐT ngành Giáo dục Thể chất sau 1 năm tốt nghiệp ở mức khá cao. Trong số có việc làm, tỷ lệ SVTN có việc làm phù hợp bình quân trong 5 năm khảo sát là trên 70%, thu nhập bình quân từ 3,5 đến 4,5 triệu đồng/tháng.

Trong thời gian khảo sát phục vụ ĐGN, Đoàn chuyên gia đã điều tra bằng điện thoại về tình hình việc làm và thu nhập của cựu SV của CTĐT tốt nghiệp các năm 2018, 2019, 2020. Đoàn đã khảo sát 73 người, liên lạc được 15, trong đó 100% đã có việc làm, mức thu nhập trung bình 6,2 triệu đồng.

Khoa đã tiến hành đối sánh tỉ lệ SVTN có việc làm của ngành Giáo dục Thể chất với tỷ lệ SVTN có việc làm với các ngành khác trong Trường để tìm ra xu hướng việc làm của SV thuộc CTĐT. Ngoài ra Khoa cũng đã đối sánh với tình hình việc làm của SVTN cùng ngành của các cơ sở giáo dục ĐH khác trong nước, như với ngành Giáo dục Thể chất của Trường ĐH Sư phạm TĐTT Hà Nội. Cụ thể, tỷ lệ có việc làm khảo sát năm 2016, 2017, 2018 của Trường Đại học Vinh lần lượt là: 89,2%; 85,2% và 85,7%, còn con số tương ứng của Trường ĐH Sư phạm TĐTT Hà Nội là: 80,7%; 81,3% và 80,9%... Kết quả đối sánh cho thấy, tỷ lệ có việc làm của SV tốt nghiệp thuộc CTĐT ngành Giáo dục Thể chất của 2 trường ở mức tương đương nhau.

Kết quả thảo luận về tỷ lệ SV tốt nghiệp có việc làm sau 1 năm tốt nghiệp và kết quả đối sánh giúp Khoa dự đoán nhu cầu xã hội và xu hướng việc làm của SV thuộc CTĐT ngành Giáo dục Thể chất, chỉ ra nguyên nhân một bộ phận SVTN chưa có việc làm; từ đó đề xuất các giải pháp để tăng hơn nữa tỷ lệ người học tốt nghiệp có việc làm của CTĐT.

Trên cơ sở đề xuất của các khoa, Nhà trường có một số giải pháp cụ thể tăng

cường khả năng việc làm cho SVTN, như: mở rộng và đẩy mạnh mạng lưới quan hệ hợp tác với doanh nghiệp; tổ chức Ngày hội việc làm và kết nối doanh nghiệp; thành lập và thúc đẩy hoạt động của Trung tâm Dịch vụ và hỗ trợ SV và Quan hệ doanh nghiệp (QĐ số 1423/QĐ-ĐHV, ngày 29/11/2016).

## **2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng Tiêu chí 11.3**

### **2.1. Điểm tồn tại của Tiêu chí 11.3**

Sau 1 năm tốt nghiệp vẫn còn tỷ lệ đáng kể SV tốt nghiệp thuộc CTĐT chưa kiếm được việc làm; con số này được duy trì ở mức độ nhất định trong suốt mấy năm qua. Điều đó cho thấy, tuy đã cố gắng đưa ra nhiều giải pháp giúp SVTN sớm kiếm được việc làm, song hiệu quả của các giải pháp đó chưa thật cao.

### **2.2. Kiến nghị đối với Tiêu chí 11.3**

Nhà trường tiếp tục nghiên cứu sâu, kỹ hơn về các mối quan hệ, sự kết nối với các cơ quan, doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh Nghệ An để chủ động đưa ra các giải pháp cụ thể, thiết thực tăng cường khả năng việc làm cho SV tốt nghiệp.

## **3. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có**

## **4. Đánh giá mức đạt được của Tiêu chí 11.3: 4**

*Tiêu chí 11.4. Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.*

### **1. Điểm mạnh của Tiêu chí 11.4**

Nhà trường đã ban hành Chiến lược phát triển KH-CN giai đoạn 2018-2025 (QĐ số 766/QĐ-ĐHV, ngày 31/8/2018), Quy định về Quản lý các hoạt động khoa học và công nghệ của Trường Đại học Vinh (QĐ số 480/QĐ-ĐHV, ngày

9/5/2016), trong đó đã xác định hoạt động NCKH của người học bao gồm: i) Thực hiện đề tài NCKH thuộc lĩnh vực đào tạo và các lĩnh vực khác phù hợp với khả năng của người học...; ii) Tham gia các hội thảo, hội nghị khoa học, sinh hoạt học thuật, hội thi sáng tạo KHCN, câu lạc bộ khoa học...; iii) Tham gia triển khai ứng dụng tiến bộ KHCN vào thực tiễn trong lĩnh vực kinh tế-xã hội, giáo dục và đào tạo...; iv) Công bố các kết quả NCKH.

Trên cơ sở Chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2018-2025 và quy định của Nhà trường về hoạt động NCKH của SV, hằng năm Nhà trường đã triển khai công tác NCKH, trong đó có hoạt động NCKH của SV (CV số 351/ĐHV-KH&HTQT, ngày 28/3/2016; KH số 48/KH-ĐHV, ngày 23/11/2017). Trong các kế hoạch KHCN của Trường đều đã đề cập đến các loại hình và số lượng hoạt động NCKH của sinh viên. Các hoạt động NCKH của SV cần gắn với lĩnh vực được đào tạo, với định hướng nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao công nghệ, tương thích với Sứ mạng của Nhà trường.

Nhà trường đã giao cho Phòng KH&HTQT phối hợp với các đơn vị, các khoa/bộ môn và CB, GV có trách nhiệm theo dõi, giám sát các loại hình và số lượng các hoạt động NCKH của SV (QĐ số 428/QĐ-ĐHV, ngày 9/5/2016). Định kỳ hằng năm, dựa trên Quy định về quản lý hoạt động NCKH của SV, Phòng đã phối hợp với Phòng CTCT&HSSV, Phòng Kế hoạch – Tài vụ đề xuất chính sách khen thưởng; lập hồ sơ theo dõi, kiểm tra tiến độ thực hiện đề tài NCKH của SV, đánh giá sản phẩm nghiên cứu, hỗ trợ, công bố.

Trong giai đoạn từ năm 2016 đến năm 2020, SV thuộc CTĐT ngành Giáo dục Thể chất đã thực hiện được 3 đề tài NCKH với 5 SV tham gia; đã có 2 giải thưởng NCKH của SV.

Việc đối sánh hàng loạt chỉ số liên quan đến hoạt động NCKH của SV giữa CTĐT ngành Giáo dục Thể chất với các CTĐT khác trong Trường như CTĐT ngành Tài chính – Ngân hàng, ngành Sư phạm Lịch sử.. đã được Khoa thực hiện. Bên cạnh đó Khoa cũng đã tiến hành đối sánh hoạt động NCKH của SV CTĐT của

Nhà trường với hoạt động NCKH của SV cùng ngành của Trường ĐH Sư phạm TĐTT Hà Nội. Kết quả đối sánh cho thấy trong giai đoạn 2016-2020 hoạt động NCKH của SV ngành Giáo dục Thể chất của Nhà trường kém hơn đáng kể so với các trường đối sánh (ở ĐH Vinh có 3 đề tài, 5 SV tham gia, trong khi các con số của Trường đối sánh lần lượt là: 13 và 29).

Kết quả thống kê và đối sánh về số lượng và loại hình hoạt động NCKH của SV giúp Nhà trường/Khoa dự báo xu hướng SV tham gia NCKH của CTĐT của Khoa, từ đó xây dựng kế hoạch định hướng cải tiến công tác NCKH của SV của Nhà trường trong những năm kế tiếp. Để thúc đẩy hoạt động NCKH của SV, Nhà trường đã có chính sách hỗ trợ kinh phí cho SV thực hiện đề tài NCKH. Trong Quy chế chi tiêu nội bộ đã đưa ra mức khen thưởng hỗ trợ kinh phí cho các đề tài NCKH của SV được giải như sau: giải nhất là 10 triệu đồng, giải nhì là 8 triệu đồng, giải 3 là 5 triệu đồng, giải khuyến khích là 3 triệu đồng.

## **2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng Tiêu chí 11.4**

### **2.1. Điểm tồn tại của Tiêu chí 11.4**

Sản phẩm NCKH của SV thuộc CTĐT còn nghèo nàn và đơn điệu, số lượng SV tham gia NCKH còn ít.

Theo Bảng tổng hợp cơ cấu chi của Nhà trường, kinh phí cho NCKH của SV trong 5 năm (từ năm 2016 đến năm 2020) chiếm 0,05% tổng nguồn chi và chiếm 1,02% nguồn thu học phí của Nhà trường, thấp hơn nhiều so với quy định của Chính phủ.

### **2.2. Kiến nghị đối với Tiêu chí 11.4**

Nhà trường cần thực hiện đúng các quy định của Nhà nước về tỷ lệ chi 3% nguồn thu học phí của Trường cho hoạt động NCKH của SV. Khoa và Bộ môn nên quan tâm nhiều hơn đến hỗ trợ và khuyến khích SV thực hiện và tham gia các đề tài NCKH gắn với các lĩnh vực chuyên môn được đào tạo.

### 3. Những điểm chưa rõ (nếu có): không có

### 4. Đánh giá mức đạt được của Tiêu chí 11.4: 3

*Tiêu chí 11.5. Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.*

#### 1. Điểm mạnh của Tiêu chí 11.5

Theo Theo Quy định chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trực thuộc (QĐ số 428/QĐ-ĐHV, ngày 9/5/2016), Trung tâm ĐBCL có nhiệm vụ phối hợp với các đơn vị định kỳ tổ chức thu thập ý kiến phản hồi của các bên liên quan để xử lý, phân tích, đối sánh phát hiện các mặt mạnh và tồn tại của các đơn vị. Bên cạnh đó Nhà trường đã ban hành: Quy định tạm thời công tác lấy ý kiến phản hồi từ người học về cán bộ, viên chức và các hoạt động của Trường (QĐ số 1307/QĐ-ĐHV, ngày 1/11/2016); QĐ thành lập Ban chỉ đạo thực hiện kế hoạch khảo sát đo lường sự hài lòng của người dân với các dịch vụ giáo dục công (QĐ số 1255/QĐ-ĐHV, ngày 10/11/2017; QĐ số 1138/QĐ-ĐHV, ngày 27/11/2018; QĐ số 3429/QĐ-ĐHV, ngày 12/12/2019...), trong đó đã xác định Trung tâm ĐBCL có trách nhiệm nghiên cứu và xây dựng hệ thống công cụ đánh giá, xây dựng kế hoạch và triển khai đánh giá sự hài lòng của người học về hoạt động giảng dạy của GV; hỗ trợ và phối hợp với các đơn vị trong Trường định kỳ khảo sát về mức độ hài lòng của các bên liên quan về các hoạt động của Trường. Theo đó, quy trình, nội dung, cách thức tổ chức triển khai, giám sát việc thu thập ý kiến về mức độ hài lòng của các bên liên quan (CB, GV, NV, SV, SV tốt nghiệp, người sử dụng lao động...) về hoạt động NCKH, dịch vụ hỗ trợ, CSVC... cũng được xác lập.

Công cụ khảo sát do Trung tâm ĐBCL chủ trì phối hợp với các đơn vị xây dựng thích ứng với từng loại khảo sát, được ấn định thành các biểu mẫu phiếu



khảo sát phù hợp và có thể sử dụng để đối sánh giữa các năm, các CTĐT và đối sánh với các cơ sở giáo dục ĐH khác. Ngoài ra, với việc sử dụng đa dạng các phương pháp thu thập thông tin như khảo sát online, phỏng vấn, phát phiếu hỏi trực tiếp, hội thảo/hội nghị, trao đổi, tọa đàm... cũng đã giúp cho việc kiểm tra chéo thông tin thu được. Kết quả khảo sát về mức độ hài lòng của các bên liên quan hằng năm đều được Trung tâm ĐBCL và các đơn vị liên quan thống kê, phân tích và báo cáo Ban Giám hiệu, gửi về các khoa và các đơn vị liên quan, đồng thời tạo lập thành cơ sở dữ liệu khảo sát của Trường.

Học kỳ 1 năm học 2019-2020 Nhà trường đã khảo sát hơn 11 nghìn lượt SV đánh giá về hệ thống cơ sở vật chất của Trường: tỷ lệ ý kiến đánh giá tiêu chí “các thiết bị thực hành-thí nghiệm đều hoạt động tốt...” có 77,3% đánh giá mức tốt; 12,9% đánh giá mức khá; 3,8% đánh giá mức trung bình; 1,1% đánh giá mức chưa đạt và 4,9% không đánh giá.... Trên cơ sở các dữ liệu khảo sát về mức độ hài lòng của các bên liên quan Nhà trường và Khoa đã phân tích, đối sánh mức độ hài lòng giữa các lĩnh vực hoạt động cụ thể, mức độ hài lòng của các bên liên quan giữa các năm học và mức độ hài lòng giữa các CTĐT trong Trường.

Trong nhiều báo cáo tổng hợp của các loại khảo sát, bên cạnh việc thống kê, đối sánh, phân tích các số liệu thu được về sự hài lòng của các bên liên quan đối với lĩnh vực được khảo sát, Nhà trường/Khoa luôn có đề xuất các kiến nghị hướng đến cải tiến chất lượng các hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng và rút ra những bài học kinh nghiệm hướng tới điều chỉnh, cải tiến chất lượng quy trình, phương pháp khảo sát. Ví dụ, đợt khảo sát năm 2019 về sự hài lòng của CB, GV, NV với CSVC của Nhà trường đã bổ sung thêm phương án về môi trường sức khỏe, an toàn của SV, CB, GV và NV.

Bên cạnh việc sử dụng số liệu thống kê, Khoa còn sử dụng kết quả đối sánh mức độ hài lòng của các bên liên quan làm căn cứ cho lập kế hoạch cải tiến chất lượng. Ví dụ đã sử dụng kết quả đối sánh sự hài lòng của người học ở các học phần khác nhau do cùng một GV giảng dạy, hoặc đối sánh kết quả khảo sát của nhiều

GV cùng giảng dạy một học phần, để có kế hoạch phân công giảng dạy, góp ý cho cải tiến phương pháp giảng dạy ở các học kỳ sau hoặc làm cơ sở cho công tác bồi dưỡng GV, bố trí công tác, đánh giá xếp loại hằng năm.

Năm 2017 và năm 2019 và năm 2020 trong quá trình điều chỉnh CTĐT định kỳ theo quy định, Khoa cũng như các đơn vị khác đều căn cứ vào ý kiến phản hồi về sự hài lòng của các bên liên quan như ý kiến GV, SV, người sử dụng lao động, cựu SV... để điều chỉnh, cải tiến CTĐT, CDR và đề cương học phần, cập nhật tài liệu học tập...

## **2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng Tiêu chí 11.5**

### **2.1. Điểm tồn tại của Tiêu chí 11.5**

Việc khảo sát đánh giá mức độ hài lòng của các bên liên quan cho cải tiến chất lượng các hoạt động đã được Nhà trường và Khoa quan tâm, song chưa được thực hiện định kỳ với tất cả các đối tượng trong suốt chu kỳ KĐCLGD.

### **2.2. Kiến nghị đối với Tiêu chí 11.5**

Nhà trường và Khoa cần định kỳ hằng năm khảo sát tất cả các đối tượng liên quan về sự hài lòng của họ để có thông tin và số liệu phục vụ cho việc cải tiến chất lượng các hoạt động của Nhà trường và có cơ sở khoa học kết hợp với thực tiễn để đề xuất các giải pháp đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan.

## **3. Những điểm chưa rõ (nếu có): không có**

## **4. Đánh giá mức đạt được của Tiêu chí 11.5: 4**

# ***ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ TIÊU CHUẨN 11***

## **1. Điểm mạnh cơ bản của Tiêu chuẩn 11:**

Tỷ lệ thôi học và tỷ lệ tốt nghiệp, số năm tốt nghiệp trung bình của người học thuộc CTĐT đã được Nhà trường và Khoa xác lập, giám sát và đối sánh để từ đó đề xuất hướng cải tiến phù hợp giúp giảm tỷ lệ thôi học, rút ngắn thời gian tốt nghiệp trung bình.

Nhà trường và Khoa đã thu thập, đối sánh thông tin về tình hình việc làm của người học tốt nghiệp: tỷ lệ SV tốt nghiệp có việc làm, nhất là có việc làm phù hợp với ngành đào tạo đều ở mức tương đương với SV tốt nghiệp cùng CTĐT của các trường ĐH một số địa phương khác.

Việc tổ chức triển khai, giám sát việc thu thập ý kiến về mức độ hài lòng của các bên liên quan về các hoạt động của Trường (NCKH, dịch vụ hỗ trợ, CSVC...) đã được xác lập và giám sát.

## **2. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng của Tiêu chuẩn 11:**

### **2.1. Điểm tồn tại cơ bản của Tiêu chuẩn 11:**

Sau 1 năm tốt nghiệp vẫn còn tỷ lệ đáng kể SV tốt nghiệp thuộc CTĐT chưa kiếm được việc làm; con số này được duy trì ở mức độ nhất định trong suốt mấy năm qua. Điều đó cho thấy, tuy đã cố gắng đưa ra nhiều giải pháp giúp SVTN sớm kiếm được việc làm, song hiệu quả của các giải pháp đó chưa thật cao.

Sản phẩm NCKH của SV của Khoa còn nghèo nàn, số lượng SV tham gia NCKH chưa nhiều.

Kinh phí cho NCKH của SV trong 5 năm qua của Nhà trường chỉ chiếm 1,02% nguồn thu học phí của Nhà trường, thấp hơn nhiều so với quy định hiện hành của Chính phủ.

### **2.2. Kiến nghị đối với Tiêu chuẩn 11:**

Nhà trường tiếp tục nghiên cứu sâu, kỹ hơn về các mối quan hệ, sự kết nối với các cơ quan, doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh Nghệ An để chủ động đưa ra các giải pháp cụ thể, thiết thực tăng cường khả năng việc làm cho SV tốt nghiệp.

Nhà trường cần thực hiện đúng các quy định của Nhà nước về tỷ lệ chi 3% nguồn thu học phí của Trường cho hoạt động NCKH của SV. Khoa và Bộ môn nên quan tâm nhiều hơn đến việc hỗ trợ và khuyến khích SV thực hiện các công bố khoa học và tham gia các đề tài NCKH, gắn với các lĩnh vực chuyên môn được đào tạo.

### 3. Đánh giá mức đạt được của Tiêu chuẩn 11:

<b>Tiêu chuẩn/ Tiêu chí</b>	<b>Mức đánh giá</b>
<b>Tiêu chuẩn 11</b>	<b>3,80</b>
<i>Tiêu chí 11.1</i>	<b>4</b>
<i>Tiêu chí 11.2</i>	<b>4</b>
<i>Tiêu chí 11.3</i>	<b>4</b>
<i>Tiêu chí 11.4</i>	<b>3</b>
<i>Tiêu chí 11.5</i>	<b>4</b>

## **Phần III. PHỤ LỤC**

### **Phụ lục 1**

**Giới thiệu tóm tắt về cơ sở giáo dục thực hiện**

**Chương trình đào tạo được đánh giá**

**và Chương trình đào tạo được đánh giá**

**(Trường Đại học Vinh)**

**Giới thiệu tóm tắt về Nhà trường và đơn vị thực hiện CTĐT<sup>1</sup>**

Trường Đại học Vinh mà tiền thân là Phân hiệu Đại học Sư phạm Vinh được thành lập theo Quyết định Ngày 16/7/1959, Bộ trưởng Bộ Giáo dục ký Nghị định số 375/NQ. Sau đó ba năm, Phân hiệu Đại học Sư phạm Vinh được Bộ trưởng Bộ Giáo dục ký Quyết định số 637/QĐ ngày 29/2/1962, chuyển thành Trường Đại học Sư phạm Vinh. Quyết định số 62/2001/QĐ-TTg ngày 25/4/2001 của Thủ tướng Chính phủ đã quy định nhiệm vụ của Trường Đại học Vinh là đào tạo giáo viên có trình độ đại học và từng bước mở thêm các ngành đào tạo khác phù hợp với khả năng của Trường và nhu cầu nhân lực của xã hội, nghiên cứu khoa học phục vụ phát triển kinh tế, xã hội.

Năm 1994, Khoa GDTC được thành lập theo Quyết định số 3090/GD-ĐT, ngày 27/10/1994 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trải qua 27 năm xây dựng và trưởng thành, Khoa GDTC đã đào tạo hàng nghìn Cử nhân và Thạc sĩ GDTC, khẳng định được vị thế của mình đối với sự phát triển của Nhà trường và xã hội. Hiện nay, Khoa có 20 cán bộ, trong đó có 19 giảng viên với 06 TS, 13 ThS (có 02 cán bộ đang làm nghiên cứu sinh). Từ năm 1994 đến nay, Khoa GDTC đã có 26 khoá học chính quy với trên 2.500 sinh viên chính quy tốt nghiệp ra trường. Khoa GDTC hiện nay đang đào tạo 66 sinh viên và 22 học viên cao học Ngoài ra, Khoa còn đào tạo cho hàng chục nghìn sinh viên tại chức đã tốt nghiệp, hiện tại Khoa đang đào tạo hơn 300 học viên hệ VLVH.

Cùng với hoạt động đào tạo, hoạt động nghiên cứu khoa học phục vụ đào tạo và phát triển kinh tế - xã hội của Khoa cũng được chú ý phát triển. Khoa đã xuất bản được hàng chục giáo trình, bài giảng, tài liệu tham khảo; công bố hàng chục bài báo trên các tạp chí khoa học trong và ngoài nước. Các cán bộ của Khoa GDTC đã chủ trì và tham gia thực hiện nhiều đề tài khoa học cấp trường và cấp trường trọng điểm góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của ngành nói riêng và Nhà trường nói chung.

<sup>1</sup> Trích Báo cáo Tự đánh giá của CTĐT ngành Giáo dục Thể chất trình độ đại học – Trường ĐH Vinh

## **Phụ lục 2**

### **Tóm tắt kết quả tự đánh giá Chương trình đào tạo Ngành Giáo dục Thể chất trình độ đại học của Trường Đại học Vinh**

**Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá Chương trình đào tạo ngành Giáo dục Thể chất theo thông tư 04/2016/TT-BGDĐT.**

Tên cơ sở giáo dục: Trường Đại học Vinh

Mã: TDV

Tên CTĐT: Giáo dục Thể chất

Mã CTĐT: 7.14.02.06

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỉ lệ số tiêu chí đạt (%)
	1	2	3	4	5	6	7			
<b>Tiêu chuẩn 1</b>										
Tiêu chí 1.1					5			5,00	3	100
Tiêu chí 1.2					5					
Tiêu chí 1.3					5					
<b>Tiêu chuẩn 2</b>										
Tiêu chí 2.1					5			4.70	3	100
Tiêu chí 2.2					5					
Tiêu chí 2.3					4					
<b>Tiêu chuẩn 3</b>										
Tiêu chí 3.1					5			4,30	3	100
Tiêu chí 3.2				4						
Tiêu chí 3.3				4						
<b>Tiêu chuẩn 4</b>										
Tiêu chí 4.1					5			5,00	3	100
Tiêu chí 4.2					5					
Tiêu chí 4.3					5					
<b>Tiêu chuẩn 5</b>										
Tiêu chí 5.1					5			4,60	5	100
Tiêu chí 5.2					5					
Tiêu chí 5.3					5					
Tiêu chí 5.4				4						
Tiêu chí 5.5				4						
<b>Tiêu chuẩn 6</b>										
Tiêu chí 6.1					5			4,90	7	100
Tiêu chí 6.2					5					
Tiêu chí 6.3					5					
Tiêu chí 6.4					5					
Tiêu chí 6.5					5					
Tiêu chí 6.6					5					
Tiêu chí 6.7				4						
<b>Tiêu chuẩn 7</b>										
Tiêu chí 7.1				4				4,20	5	100
Tiêu chí 7.2				4						
Tiêu chí 7.3					5					
Tiêu chí 7.4				4						
Tiêu chí 7.5				4						



**Báo cáo Đánh giá ngoài CTĐT ngành Giáo dục Thể chất – Trường ĐH Vinh**

<b>Tiêu chuẩn 8</b>										
Tiêu chí 8.1				4				4,40	5	100
Tiêu chí 8.2					5					
Tiêu chí 8.3					5					
Tiêu chí 8.4				4						
Tiêu chí 8.5				4						
<b>Tiêu chuẩn 9</b>										
Tiêu chí 9.1					5			5,0	5	100
Tiêu chí 9.2					5					
Tiêu chí 9.3					5					
Tiêu chí 9.4					5					
Tiêu chí 9.5					5					
<b>Tiêu chuẩn 10</b>										
Tiêu chí 10.1				4				4,50	6	100
Tiêu chí 10.2				4						
Tiêu chí 10.3					5					
Tiêu chí 10.4				4						
Tiêu chí 10.5					5					
Tiêu chí 10.6					5					
<b>Tiêu chuẩn 11</b>										
Tiêu chí 11.1					5			4,40	5	100
Tiêu chí 11.2				4						
Tiêu chí 11.3					5					
Tiêu chí 11.4				4						
Tiêu chí 11.5				4						
<b>Đánh giá chung CTĐT</b>								<b>4,64</b>	<b>50</b>	<b>100</b>

Nghệ An, ngày 30 tháng 11 năm 2021

**HIỆU TRƯỞNG**



GS.TS. Nguyễn Huy Bằng

### **Phụ lục 3**

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Thành lập đoàn đánh giá ngoài Chương trình  
đào tạo Ngành Giáo dục Thể chất  
trình độ đại học tại Trường Đại học Vinh**

HIỆP HỘI CÁC TRƯỜNG  
ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG VIỆT NAM  
**TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH  
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 262/QĐ-KĐCLGD

Hà Nội, ngày 04 tháng 12 năm 2021

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc thành lập đoàn đánh giá ngoài 02 chương trình đào tạo  
của Trường Đại học Vinh:**

- Ngành Giáo dục Thể chất trình độ đại học
- Ngành Sư phạm tiếng Anh trình độ đại học

### **GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC**

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài chương trình đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 4358/QĐ-BGDĐT ngày 14 tháng 10 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép thành lập Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục trực thuộc Hiệp hội Các trường đại học, cao đẳng Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 428/QĐ-BGDĐT ngày 21/01/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc gia hạn giấy phép hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục (lần 1) đối với Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục trực thuộc Hiệp hội Các trường đại học, cao đẳng Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 06/QĐ-KĐCLGD ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục về việc ban hành Quy định đối với kiểm định viên thực hiện đánh giá ngoài cơ sở giáo dục hoặc chương trình đào tạo;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đánh giá chất lượng giáo dục.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Thành lập đoàn đánh giá ngoài 02 chương trình đào tạo của Trường Đại học Vinh gồm:



- Ngành Giáo dục Thể chất trình độ đại học
- Ngành Sư phạm tiếng Anh trình độ đại học

và cử các thành viên theo danh sách đính kèm.

**Điều 2.** Đoàn đánh giá ngoài nêu tại Điều 1 có nhiệm vụ tổ chức, thực hiện việc đánh giá ngoài 02 chương trình đào tạo của Trường Đại học Vinh nêu tại Điều 1. Thời gian Khảo sát sơ bộ và thời gian Khảo sát chính thức theo phụ lục đính kèm.

Đoàn đánh giá ngoài hoạt động theo Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo về quy trình, chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo và hướng dẫn đánh giá ngoài chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp. Đoàn đánh giá ngoài sẽ tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các ông/bà Chánh Văn phòng, Trưởng các Phòng có liên quan thuộc Trung tâm, Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh và các thành viên có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Lưu VT, HS

**GIÁM ĐỐC**



**PGS.TS. Nguyễn Phương Nga**





## Phụ lục I

**DANH SÁCH ĐOÀN ĐÁNH GIÁ NGOÀI  
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH GIÁO DỤC THỂ CHẤT  
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**

*(Kèm theo Quyết định số 262/QĐ-KĐCLGD ngày 04 tháng 12 năm 2021  
của Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục)*

\*Thời gian Khảo sát sơ bộ: Ngày 13/12/2021

\* Thời gian Khảo sát chính thức: Từ ngày 18/12/2021 đến ngày 24/12/2021

## 1/ Danh sách Đoàn đánh giá ngoài

TT	Họ và tên	Chức vụ / Nơi công tác	Số thẻ KĐV	Nhiệm vụ
1	GS.TSKH. Bành Tiến Long	Ủy viên Hội đồng CSKH & CNQG; Ủy viên Hội đồng GSNV	2014.0.004	Trưởng Đoàn
2	PGS.TS. Nguyễn Văn Uyên	TP CNCL Trung tâm KĐCLGD - Hiệp hội CTĐHCĐVN	2015.01.135	Thư ký Đoàn
3	TS. Nguyễn Thị Tuyết	Kiểm định viên Trung tâm ĐCLGD, Hiệp hội CTĐHCĐVN	2014.1.053	Thành viên thường trực
4	PGS.TS. Phạm Văn Quyết	Giảng viên cao cấp Trường ĐH KHXH & NV - ĐHQGHN	2016.01.201	Thành viên
5	TS. Tô Thị Thu Hương	Nguyên Trưởng phòng KĐCLGD, Viện ĐBCLGD - ĐHQGHN	2015.01.106	Thành viên

*Danh sách gồm 05 người./.*

## 2/ Danh sách Cố vấn giám sát và Cán bộ hỗ trợ hành chính Đoàn đánh giá ngoài

TT	Họ và tên	Chức vụ / Nơi công tác	Số thẻ KĐV	Nhiệm vụ
1	PGS.TS. Nguyễn Phương Nga	GĐ Trung tâm KĐCLGD - Hiệp hội CTĐHCĐVN	2014.0.003	Giám sát Đoàn ĐGN
2	Bà Nguyễn Thị Tâm Trinh	Cán bộ TT KĐCLGD - Hiệp hội CTĐHCĐVN		Giám sát Đoàn ĐGN

*Danh sách gồm 02 người./.*

**Phụ lục 4**  
**LỊCH TRÌNH KHẢO SÁT CHÍNH THỨC**  
**CỦA ĐOÀN CHUYÊN GIA ĐÁNH GIÁ NGOÀI**  
**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**  
**NGÀNH GIÁO DỤC THỂ CHẤT TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC TẠI**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**

<b>Thời gian</b>	<b>Hoạt động</b>	<b>Thành phần Đoàn</b>	<b>Địa điểm làm việc</b>
<b>Thứ Bảy ngày 18/12/21</b>	<b>NGÀY LÀM VIỆC THỨ NHẤT</b>		
8 <sup>h</sup> 00 - 08 <sup>h</sup> 15	- Gặp gỡ Ban Giám hiệu	Đoàn ĐGN	Phòng họp tầng 2, Nhà điều hành
8 <sup>h</sup> 15 - 8 <sup>h</sup> 30	- Trưởng Đoàn ĐGN phổ biến các nguyên tắc ĐGN, đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm của từng thành viên. - Đoàn trao đổi về những vấn đề cần tập trung làm rõ khi nghiên cứu minh chứng và phỏng vấn với Hội đồng TĐG.	Đoàn ĐGN	Phòng làm việc của Đoàn - Hội trường tầng 8 Nhà điều hành
8 <sup>h</sup> 30 - 11 <sup>h</sup> 30	Đoàn ĐGN nghiên cứu hồ sơ minh chứng; LĐ các đơn vị phụ trách CTĐT; cán bộ phụ trách các phòng/trung tâm: HCTH, TCCB, ĐT SĐH, ĐT, CTCT-HSSV, KH&HTQT, QT&ĐT, KH-TC, TT-PC, CNTT, ĐBCL, DV, HTSV&QHĐN, BDNVSP, TH-TN, TT-TV, TT Nội trú, Trạm Y tế và cán bộ phụ trách các tiêu chuẩn của báo cáo TĐG sẵn sàng trả lời các câu hỏi của Đoàn ĐGN (khi Đoàn ĐGN liên hệ)	Đoàn ĐGN	Phòng làm việc của Đoàn - Hội trường tầng 8 Nhà điều hành
<b>11<sup>h</sup>30 - 14<sup>h</sup>00</b>	<b><i>Nghỉ trưa</i></b>		
14 <sup>h</sup> 00 - 17 <sup>h</sup> 00	Đoàn ĐGN nghiên cứu hồ sơ minh chứng; LĐ các đơn vị phụ trách CTĐT; cán bộ phụ trách các phòng/trung tâm: HCTH, TCCB, ĐT SĐH, ĐT, CTCT-HSSV, KH&HTQT, QT&ĐT, KH-TC, TT-PC, CNTT, ĐBCL, DV, HTSV&QHĐN, BDNVSP, TH-TN, TT-TV, TT Nội trú, Trạm Y tế và cán bộ phụ trách các tiêu chuẩn của báo cáo TĐG sẵn sàng trả lời các câu hỏi của Đoàn ĐGN (khi Đoàn ĐGN liên hệ)	Đoàn ĐGN	Phòng làm việc của Đoàn - Hội trường tầng 8 Nhà điều hành
17 <sup>h</sup> 00-18 <sup>h</sup> 00	<i>Cán bộ, giảng viên, nhân viên và sinh viên tự do gặp gỡ Đoàn ĐGN (nếu có nhu cầu).</i>	Trưởng Đoàn ĐGN	Phòng làm việc của Đoàn

**Báo cáo Đánh giá ngoài CTĐT ngành Giáo dục Thể chất – Trường ĐH Vinh**

<b>Thời gian</b>	<b>Hoạt động</b>	<b>Thành phần Đoàn</b>	<b>Địa điểm làm việc</b>
			- Hội trường tầng 8 Nhà điều hành
<b>Chủ Nhật ngày 19/12/21</b>	<b>NGÀY LÀM VIỆC THỨ HAI</b>		
8 <sup>h</sup> 00 - 9 <sup>h</sup> 45	Đoàn ĐGN nghiên cứu hồ sơ minh chứng; LD các đơn vị phụ trách CTĐT; cán bộ phụ trách các phòng/trung tâm: HCTH, TCCB, ĐT SDH, ĐT, CTCT-HSSV, KH&HTQT, QT&ĐT, KH-TC, TT-PC, CNTT, ĐBCL, DV, HTSV&QHDN, BDNVSP, TH-TN, TT-TV, TT Nội trú, Trạm Y tế và cán bộ phụ trách các tiêu chuẩn của báo cáo TĐG sẵn sàng trả lời các câu hỏi của Đoàn ĐGN (khi Đoàn ĐGN liên hệ)	Đoàn ĐGN	Phòng làm việc của Đoàn - Hội trường tầng 8 Nhà điều hành
9 <sup>h</sup> 45 - 11 <sup>h</sup> 30	Khai mạc ĐGN (Chương trình chi tiết kèm theo)	Đoàn ĐGN	Hội trường A Trường Đại học Vinh
<b>11<sup>h</sup>30 - 14<sup>h</sup>00</b>	<b><i>Nghỉ trưa</i></b>		
14 <sup>h</sup> 00 - 17 <sup>h</sup> 00	Đoàn ĐGN nghiên cứu hồ sơ minh chứng; LD các đơn vị phụ trách CTĐT; cán bộ phụ trách các phòng/trung tâm: HCTH, TCCB, ĐT SDH, ĐT, CTCT-HSSV, KH&HTQT, QT&ĐT, KH-TC, TT-PC, CNTT, ĐBCL, DV, HTSV&QHDN, BDNVSP, TH-TN, TT-TV, TT Nội trú, Trạm Y tế và cán bộ phụ trách các tiêu chuẩn của báo cáo TĐG sẵn sàng trả lời các câu hỏi của Đoàn ĐGN (khi Đoàn ĐGN liên hệ)	Đoàn ĐGN	Phòng làm việc của Đoàn - Hội trường tầng 8 Nhà điều hành
17 <sup>h</sup> 00 - 18 <sup>h</sup> 00	<i>Cán bộ, giảng viên, nhân viên và sinh viên tự do gặp gỡ Đoàn ĐGN (nếu có nhu cầu).</i>	Trưởng Đoàn ĐGN	Phòng làm việc của Đoàn - Hội trường tầng 8 Nhà điều hành



**Báo cáo Đánh giá ngoài CTĐT ngành Giáo dục Thể chất – Trường ĐH Vinh**

<b>Thời gian</b>	<b>Hoạt động</b>	<b>Thành phần Đoàn</b>	<b>Địa điểm làm việc</b>
<b>Thứ Hai ngày 20/12/21</b>	<b>NGÀY LÀM VIỆC THỨ BA</b>		
8 <sup>h</sup> 00 - 9 <sup>h</sup> 00	<i>Phỏng vấn nhóm Giảng viên CTĐT ngành GD Thể chất</i>	Nhóm 1	Link zoom tầng 7
	<i>Phỏng vấn Nhóm chuyên viên, kỹ thuật viên, nhân viên của Trường &amp; của đơn vị phụ trách CTĐT; Công đoàn &amp; Đoàn TNCSHCM của đơn vị phụ trách CTĐT</i>	Nhóm 2	Phòng họp tầng 2, Nhà điều hành
9 <sup>h</sup> 00 - 9 <sup>h</sup> 15	<i>Đoàn Đánh giá ngoài hội ý chuyên môn</i>	<i>Đoàn ĐGN</i>	
9 <sup>h</sup> 15 - 10 <sup>h</sup> 15	<i>Phỏng vấn nhóm Nhà tuyển dụng ngành GD Thể chất.</i>	Nhóm 1	Link zoom tầng 7
10 <sup>h</sup> 15 - 10 <sup>h</sup> 30	<i>Đoàn Đánh giá ngoài hội ý chuyên môn</i>	<i>Đoàn ĐGN</i>	
10 <sup>h</sup> 30 - 11 <sup>h</sup> 30	<i>Phỏng vấn Nhóm sinh viên ngành GD Thể chất</i>	Nhóm 1	Link zoom tầng 7
<b>11<sup>h</sup>30 - 14<sup>h</sup>00</b>	<b><i>Nghỉ trưa</i></b>		
14 <sup>h</sup> 00 - 15 <sup>h</sup> 00	<i>Phỏng vấn Nhóm cựu sinh viên ngành GD Thể chất</i>	Nhóm 1	Link zoom tầng 7
	<i>Thăm cơ sở thực hành và dự giờ một số lớp theo thời khóa biểu</i>	Nhóm 2	Khảo sát thực địa
	<i>Thăm sân bãi, ký túc xá; cơ sở y tế, thư viện, các cơ sở vật chất khác của Trường.</i>	Nhóm 3	Khảo sát thực địa
15 <sup>h</sup> 00 - 15 <sup>h</sup> 30	<i>Đoàn Đánh giá ngoài hội ý chuyên môn</i>	<i>Đoàn ĐGN</i>	Phòng làm việc của Đoàn - Hội trường tầng 8 Nhà điều hành
15 <sup>h</sup> 30 - 17 <sup>h</sup> 00	<i>Phỏng vấn Lãnh đạo Trường, đại diện lãnh đạo Hội đồng trường và Lãnh đạo Hội đồng tự đánh giá CTĐT</i>	<i>Đoàn ĐGN</i>	Phòng họp tầng 2, Nhà điều hành
17 <sup>h</sup> 00 - 18 <sup>h</sup> 00	<i>Cán bộ, giảng viên, nhân viên và sinh viên tự do gặp gỡ Đoàn ĐGN (nếu có nhu cầu).</i>	<i>Trưởng Đoàn ĐGN</i>	Phòng làm việc của Đoàn - Hội trường

**Báo cáo Đánh giá ngoài CTĐT ngành Giáo dục Thể chất – Trường ĐH Vinh**

<b>Thời gian</b>	<b>Hoạt động</b>	<b>Thành phần Đoàn</b>	<b>Địa điểm làm việc</b>
			tầng 8 Nhà điều hành
<b>Thứ Ba ngày 21/12/21</b>	<b>NGÀY LÀM VIỆC THỨ TƯ</b>		
8 <sup>h</sup> 00 - 11 <sup>h</sup> 30	Đoàn ĐGN nghiên cứu hồ sơ minh chứng; LĐ các đơn vị phụ trách CTĐT; cán bộ phụ trách các phòng/trung tâm: HCTH, TCCB, ĐT SĐH, ĐT, CTCT-HSSV, KH&HTQT, QT&ĐT, KH-TC, TT-PC, CNTT, ĐBCL, DV, HTSV&QHĐN, BDNVSP, TH-TN, TT-TV, TT Nội trú, Trạm Y tế và cán bộ phụ trách các tiêu chuẩn của báo cáo TĐG sẵn sàng trả lời các câu hỏi của Đoàn ĐGN (khi Đoàn ĐGN liên hệ)	Đoàn ĐGN	Phòng làm việc của Đoàn - Hội trường tầng 8 Nhà điều hành
<b>11<sup>h</sup>30 - 14<sup>h</sup>00</b>	<i>Nghỉ trưa</i>		
14 <sup>h</sup> 00 - 17 <sup>h</sup> 00	Đoàn ĐGN nghiên cứu hồ sơ minh chứng; LĐ các đơn vị phụ trách CTĐT; cán bộ phụ trách các phòng/trung tâm: HCTH, TCCB, ĐT SĐH, ĐT, CTCT-HSSV, KH&HTQT, QT&ĐT, KH-TC, TT-PC, CNTT, ĐBCL, DV, HTSV&QHĐN, BDNVSP, TH-TN, TT-TV, TT Nội trú, Trạm Y tế và cán bộ phụ trách các tiêu chuẩn của báo cáo TĐG sẵn sàng trả lời các câu hỏi của Đoàn ĐGN (khi Đoàn ĐGN liên hệ)	Đoàn ĐGN	Phòng làm việc của Đoàn - Hội trường tầng 8 Nhà điều hành
17 <sup>h</sup> 00 - 18 <sup>h</sup> 00	<i>Cán bộ, giảng viên, nhân viên và sinh viên tự do gặp gỡ Đoàn ĐGN (nếu có nhu cầu).</i>	Trưởng Đoàn ĐGN	Phòng làm việc của Đoàn - Hội trường tầng 8 Nhà điều hành
<b>Thứ Tư ngày 22/12/21</b>	<b>NGÀY LÀM VIỆC THỨ NĂM</b>		
8 <sup>h</sup> 00 - 11 <sup>h</sup> 30	Đoàn ĐGN nghiên cứu hồ sơ minh chứng; LĐ các đơn vị phụ trách CTĐT; cán bộ phụ trách các phòng/trung tâm: HCTH, TCCB, ĐT	Đoàn ĐGN	Phòng làm việc của Đoàn - Hội trường

**Báo cáo Đánh giá ngoài CTĐT ngành Giáo dục Thể chất – Trường ĐH Vinh**

<b>Thời gian</b>	<b>Hoạt động</b>	<b>Thành phần Đoàn</b>	<b>Địa điểm làm việc</b>
	SĐH, ĐT, CTCT-HSSV, KH&HTQT, QT&ĐT, KH-TC, TT-PC, CNTT, ĐBCL, DV, HTSV&QHĐN, BDNVSP, TH-TN, TT-TV, TT Nội trú, Trạm Y tế và cán bộ phụ trách các tiêu chuẩn của báo cáo TĐG sẵn sàng trả lời các câu hỏi của Đoàn ĐGN (khi Đoàn ĐGN liên hệ)		tầng 8 Nhà điều hành
<b>11<sup>h</sup>30 - 14<sup>h</sup>00</b>	<b><i>Nghỉ trưa</i></b>		
14 <sup>h</sup> 00 - 17 <sup>h</sup> 00	Đoàn ĐGN nghiên cứu hồ sơ minh chứng; LĐ các đơn vị phụ trách CTĐT; cán bộ phụ trách các phòng/trung tâm: HCTH, TCCB, ĐT SĐH, ĐT, CTCT-HSSV, KH&HTQT, QT&ĐT, KH-TC, TT-PC, CNTT, ĐBCL, DV, HTSV&QHĐN, BDNVSP, TH-TN, TT-TV, TT Nội trú, Trạm Y tế và cán bộ phụ trách các tiêu chuẩn của báo cáo TĐG sẵn sàng trả lời các câu hỏi của Đoàn ĐGN (khi Đoàn ĐGN liên hệ)	Đoàn ĐGN	Phòng làm việc của Đoàn - Hội trường tầng 8 Nhà điều hành
17 <sup>h</sup> 00 - 18 <sup>h</sup> 00	<i>Cán bộ, giảng viên, nhân viên và sinh viên tự do gặp gỡ Đoàn ĐGN (nếu có nhu cầu).</i>	Đoàn ĐGN	Phòng làm việc của Đoàn - Hội trường tầng 8 Nhà điều hành
<b>Thứ Năm ngày 23/12/21</b>	<b>NGÀY LÀM VIỆC THỨ SÁU</b>		
8 <sup>h</sup> 00 - 11 <sup>h</sup> 30	Đoàn ĐGN nghiên cứu hồ sơ minh chứng; LĐ các đơn vị phụ trách CTĐT; cán bộ phụ trách các phòng/trung tâm: HCTH, TCCB, ĐT SĐH, ĐT, CTCT-HSSV, KH&HTQT, QT&ĐT, KH-TC, TT-PC, CNTT, ĐBCL, DV, HTSV&QHĐN, BDNVSP, TH-TN, TT-TV, TT Nội trú, Trạm Y tế và cán bộ phụ trách các tiêu chuẩn của báo cáo TĐG sẵn sàng trả lời các câu hỏi của Đoàn ĐGN (khi Đoàn ĐGN liên hệ)	Đoàn ĐGN	Phòng làm việc của Đoàn - Hội trường tầng 8 Nhà điều hành
<b>11<sup>h</sup>30 - 14<sup>h</sup>00</b>	<b><i>Nghỉ trưa</i></b>		

**Báo cáo Đánh giá ngoài CTĐT ngành Giáo dục Thể chất – Trường ĐH Vinh**

<b>Thời gian</b>	<b>Hoạt động</b>	<b>Thành phần Đoàn</b>	<b>Địa điểm làm việc</b>
14 <sup>h</sup> 00 - 16 <sup>h</sup> 20	Bế mạc, ký kết biên bản hoàn thành đợt khảo sát chính thức phục vụ đánh giá ngoài trường Đại học Vinh, chụp ảnh lưu niệm (Chương trình chi tiết đính kèm).	Đoàn ĐGN; TTKĐCLGD; Tr. ĐH Vinh; & Khách mời	Hội trường A Trường Đại học Vinh
<b>Thứ Sáu ngày 24/12/21</b>	<b>NGÀY LÀM VIỆC THỨ BẢY</b>		
8h00 - 11h30	Đoàn ĐGN làm việc nội bộ	Đoàn ĐGN	Tại Hà Nội
<b>11<sup>h</sup>30 - 14<sup>h</sup>00</b>	<b><i>Nghỉ trưa</i></b>		
14h00 - 17h30	Đoàn ĐGN làm việc nội bộ	Đoàn ĐGN	Tại Hà Nội

**Phụ lục 5**  
**CÔNG VĂN PHẢN HỒI**  
**CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**  
**VỀ DỰ THẢO BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ NGOÀI**  
**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**  
**NGÀNH GIÁO DỤC THỂ CHẤT**

**Báo cáo Đánh giá ngoài CTĐT ngành Giáo dục Thể chất – Trường ĐH Vinh**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**

Số: *1538*/ĐHV-ĐBCL

V/v Phản hồi Dự thảo Báo cáo đánh giá ngoài CTĐT ngành GDTC trình độ đại học của Trường Đại học Vinh

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Nghệ An, ngày *19* tháng 12 năm 2021

Kính gửi:

- Đoàn Chuyên gia đánh giá ngoài;
- Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Hiệp hội Các trường đại học, cao đẳng Việt Nam.

Căn cứ công văn số: 279/CV-KDCLGD ngày 28 tháng 12 năm 2021 của Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục (KDCLGD) - Hiệp hội Các trường đại học, cao đẳng Việt Nam về việc lấy ý kiến Dự thảo Báo cáo đánh giá ngoài (ĐGN) chương trình đào tạo (CTĐT) ngành Giáo dục Thể chất trình độ đại học của Trường Đại học Vinh;

Căn cứ Dự thảo Báo cáo ĐGN CTĐT ngành Giáo dục Thể chất trình độ đại học của Đoàn đánh giá ngoài thuộc Trung tâm KDCLGD - Hiệp hội Các trường đại học, cao đẳng Việt Nam;

Hội đồng tự đánh giá CTĐT ngành Giáo dục Thể chất trình độ đại học của Trường Đại học Vinh sau khi nghiên cứu, thảo luận đã thống nhất ý kiến như sau:

1/ Nhất trí với kết quả đánh giá của Đoàn đánh giá ngoài CTĐT ngành Giáo dục Thể chất với mức trung bình là 3.93; số Tiêu chí đạt là 44/50 Tiêu chí; số Tiêu chí chưa đạt là 6/50 Tiêu chí.

2/ Hoàn toàn đồng ý với tất cả nội dung trong bản Dự thảo Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn đánh giá ngoài.

Kính đề nghị Đoàn đánh giá ngoài, Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Hiệp hội Các trường đại học, cao đẳng Việt Nam xem xét và tiến hành các bước tiếp theo.

Trân trọng./.

Nơi nhận: *p*

- Như trên;

- Lưu: HCTH, ĐBCL *✓*


  
**KT. HIỆU TRƯỞNG**  
**PHÓ HIỆU TRƯỞNG**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**

**TS. Nguyễn Thị Thu Cúc**

**Phụ lục 6****VĂN BẢN CỦA ĐOÀN ĐGN GỬI CƠ SỞ GIÁO DỤC  
CÓ CTĐT ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ VỀ VIỆC TIẾP THU  
HOẶC BẢO LƯU Ý KIẾN CỦA ĐOÀN ĐGN**

Nhà trường hoàn toàn đồng ý với kết quả và nội dung của Báo cáo Đánh giá ngoài nên Đoàn Đánh giá ngoài không có văn bản về việc tiếp thu hoặc bảo lưu ý kiến.

**PHÊ DUYỆT CỦA GIÁM ĐỐC  
TRUNG TÂM KĐCLGD**  
(*Chữ ký, đóng dấu*)

*Xác nhận chữ ký bên là của  
Trưởng đoàn đánh giá ngoài*

**TRƯỞNG ĐOÀN  
ĐÁNH GIÁ NGOÀI**  
(*Chữ ký, họ và tên*)

**PGS.TS. Nguyễn Phương Nga**

**GS.TSKH. Bành Tiên Long**